NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 193 • MAY 2005

# THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657- 8051
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

GIÁ TRỊ PHÁP LÝ VÀ TÍNH CHÍNH THỐNG CỦA HIẾN PHÁP VIỆT NAM HIỆN NAY — NGUYỄN XUÂN PHƯỚC

THIÊN NHIÊN — NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

MƯA NGOÀI SONG CỬA — HÀ ĐẠO HÀM

SAIGON CITY
MARKETPLACE

# SAIGON CITY MARKETPLACE

# 首都超級市場

**15471 Brookhurst St.,Westminster, CA 92683**

**Tel: 714.531.9800 ▪ Fax: 714.531.9700**

## LÚC NÀO CŨNG CÓ NHIỀU MẶT HÀNG SALE
## ĐỂ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

# NHIỀU QUÀ TẶNG

**MUA NHIỀU TẶNG NHIỀU**
**THỊT, CÁ, RAU TƯƠI NGON**
**ĐỦ LOẠI HÀNG KHÔ.**
**HÀNG TUYỂN, GIÁ RẺ.**
**PHỤC VỤ CHU ĐÁO**
**CHỖ ĐẬU XE RỘNG RÃI**

**MỞ CỬA TỪ 7 GIỜ SÁNG ĐẾN 11 GIỜ KHUYA MỖI NGÀY**

**BAN GIÁM ĐỐC**

## SAIGON CITY MARKETPLACE

## 首都超級市場

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

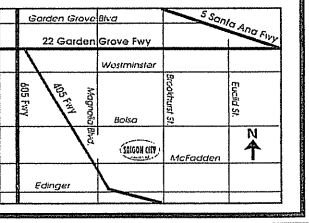

# *Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:*

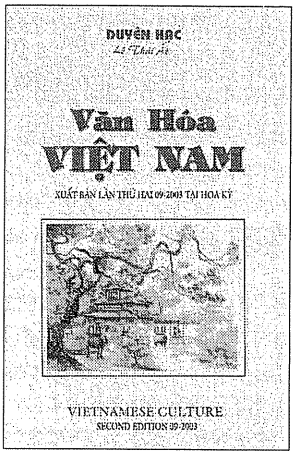


**VĂN HÓA VIỆT NAM**
Biên khảo của **DUYÊN HẠC**
**LÊ THÁI ẤT** - Tác giả viết cuốn sách này với niềm tin vững chắc rằng: Trong môi trường giao lưu quốc tế hiện nay, bảo tồn và phát huy những nét đặc thù truyền thống trong văn hóa dân tộc là biết ơn Tổ tiên, yêu thương nòi giống và tin tưởng ở những thế hệ tương lai người con dân Việt Nam. Giá 18 Mỹ kim.

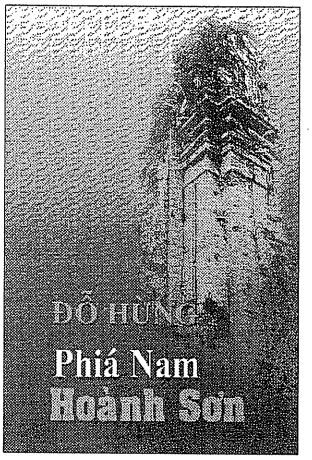


**PHÍA NAM HOÀNH SƠN**
Tiểu thuyết của **ĐỖ HÙNG** - Một tiểu thuyết lịch sử lấy thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh làm bối cảnh, nhưng chủ yếu viết về phía Đàng Trong với sự nghiệp của các chúa Nguyễn, cho đến khi Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà. Tác giả đã dựa vào nhiều tài liệu lịch sử chính thức để xây dựng truyện và từ đó thêm nhiều hư cấu để thành một cuốn tiểu thuyết lịch sử vừa lôi cuốn vừa không sai với chính sử. Giá 15 Mỹ kim.

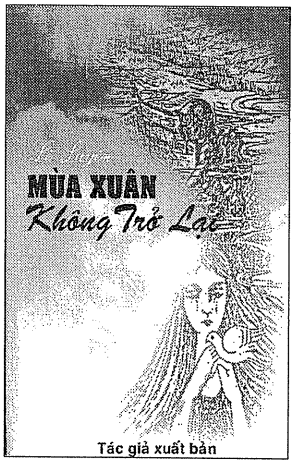


**MÙA XUÂN KHÔNG TRỞ LẠI**
Tập truyện của **LÊ LUYẾN**
Nội dung của tập truyện này gói ghém những kỷ niệm buồn vui, những chuyện tình lãng mạn của đời lính. Tác giả vốn là một sĩ quan Quân Lực VNCH, ở tù cải tạo gần chín năm, qua Mỹ năm 1992, nên có kinh nghiệm bao quát để dựng nên những truyện sống động, trong đó nhiều khi là những câu chuyện thật mà nhân vật là bạn thân, huynh trưởng, chiến hữu đã từng gặp gỡ trong đời lính, đời tù hay đời lưu vong. Giá 15 Mỹ kim.

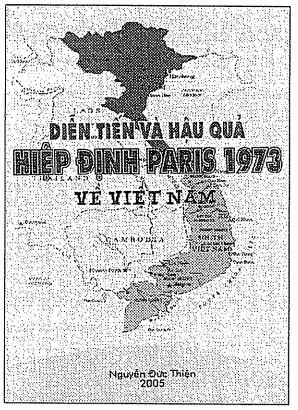


**DIỄN TIẾN VÀ HẬU QUẢ HIỆP ĐỊNH PARIS 1973 VỀ VIỆT NAM**
Biên khảo của **NGUYỄN ĐỨC THIỆN**
Đây là một cuốn sách lịch sử của Việt Nam đi từ cuộc chiến tranh 1945, nhưng đặc biệt nhấn mạnh đến giai đoạn sau cùng của VNCH, từ khi ký kết hiệp định Paris vào năm 1973. Tài liệu sử dụng trong cuốn lịch sử này rất phong phú, chứng tỏ tác giả là một nhà nghiên cứu nghiêm túc, cho người đọc nhiều chi tiết cần thiết cho kiến thức sử học, liên quan đến một giai đoạn mà nhiều người Việt Nam hiện thời đã trải qua. Giá 20 Mỹ kim.

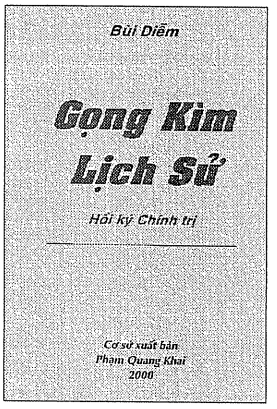


**GỌNG KÌM LỊCH SỬ**
Hồi ký chính trị của **BÙI DIỄM**
Tác giả, ông Bùi Diễm, là cựu đại sứ VNCH tại Hoa Kỳ. Cuốn sách này của ông là hồi ký chính trị của một người Việt chia sẻ với người Việt kinh nghiệm bi thương của dân tộc về quá khứ cận đại và niềm tin vào tương lai sáng sủa hơn của đất nước. Cuốn sách cũng nhằm trình bày với dư luận Mỹ quan điểm của người Việt chúng ta về cuộc chiến Việt nam. Với vai trò của ông thời bấy giờ, ông là người có thẩm quyền đặc biệt về những gì ông trình bày. Giá 25 Mỹ kim.

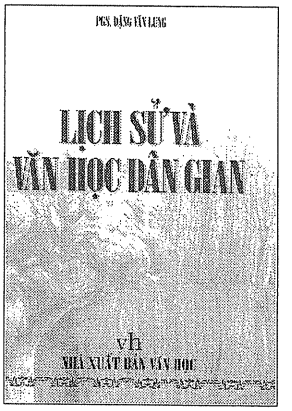


**LỊCH SỬ VÀ VĂN HỌC DÂN GIAN**
**PGS. ĐẶNG VĂN LUNG**
Trong dân gian vẫn có những dạng văn học bất thành văn kể lại những câu chuyện lịch sử. So sánh lịch sử và văn học dân gian trong các đề tài liên hệ là một việc làm công phu rất hữu ích và thú vị. Trong sách này sẽ có chuyện Kinh Dương Vương, Luy Lâu, Loa thành, Ỷ Lan, Liễu Hạnh..., sẽ đem lại nhiều kiến thức mới lạ về phương diện lịch sử cũng như về văn học dân gian. Giá 27 Mỹ kim.

***Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.***

**Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.**
**Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290**
**E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com**

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
**14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA**
**Tel: (714) 657-8051**
**Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com**

# PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

# SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

| | 1 năm / 1 year | 2 năm / 2 years | Ghi chú / Notes |
|---|---|---|---|
| Media Mail (Book) | **US $50.00** | **US $90.00** | |
| Hạng nhất / First Class | **US $64.00** | **US $120.00** | |
| Canada | **US $68.00** | **US $130.00** | |
| Châu Âu / Europe (Air Mail) | **US $88.00** | **US $170.00** | |
| Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail) | **US $98.00** | **US $185.00** | |

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

NHÀ XUẤT BẢN

# THU HƯƠNG

***sắp phát hành***
***Biên Tà Tà 1***
***và Biên Tà Tà 2***
***trong năm 2005.***

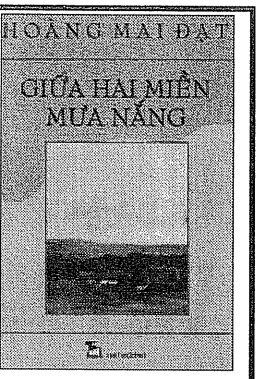

"Biên Tà Tà" gồm những bài tạp ghi vui, buồn, đáng ghét, và đáng yêu của Hoàng Mai Đạt được viết trong hơn 15 năm qua. Trong khi đó tập thơ Cõi Riêng là "những dòng nhật ký tuyệt diệu và gần gũi vô cùng" của Minh Thủy. Cuốn Giữa Hai Miền Mưa Nắng đã viết về một chuyến viếng thăm quê vợ ở Biên Hòa, nay đã được tái bản. Muốn mua tập truyện Cánh Đồng Cho Em và bốn cuốn kể trên, hãy liên lạc về

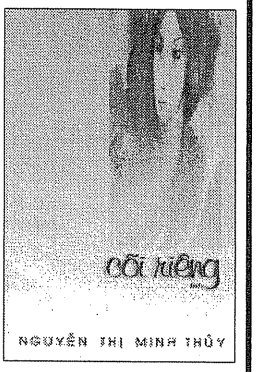


**HOÀNG MAI ĐẠT**
10254 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92843
**714-290-7747**
**hoangmaidat@yahoo.com**

# CHÚC MỪNG

## Ms: GINA NGỌC THỦY BÙI

Sẽ tốt nghiệp **Bác sĩ (M.D.)**
tại trường Đại Học **THOMAS JEFFERSON**
thuộc tiểu bang PENNSYLVANIA miền Đông Hoa Kỳ
**vào tháng 6-2005**
Là đệ nhị ÁI NỮ của Đinh Thị Thu
(gia đình hiện thường trú tại tiểu bang DELAWARE).
Chúc mừng cô **GINA NGỌC THỦY**
thành công trên đường sự nghiệp Y KHOA.

***Bằng hữu của THU***

Niềm hãnh diện của người Việt sau 30 năm ly hương:

# SYMPHONY VIỆT NAM 1975

## đã thành tựu

**Một số ý kiến về tác phẩm này:**

"... SYMPONY VIỆT NAM 1975 của Lê Văn Khoa đầy bi phẫn với khóe nhìn độc đáo, diễn tả vô cùng linh động cuộc chiến Việt Nam. Nó có giá trị không những trong mặt nghệ thuật, mà còn có giá trị sâu xa trong tâm lý."

***Mark Russel Smith**, Nhạc trưởng Springfield Syphony Orchestra, Massachusetts*

"SYMPHONY VIỆT NAM 1975 là một tác phẩm lớn. Nó có giá trị không những ở mặt nghệ thuật, mà còn giá trị ở cả mặt xã hội."

***Gary Smart**, Giáo sư sáng tác nhạc, University of Wyoming*

"... với những khai triển linh động vượt khỏi khuôn mẫu thông thường, hòa âm tươi mát, phối khí tài tình... nhạc của Lê Văn Khoa là mật ngọt cho tâm hồn của nhạc sĩ Ukraine."

***Alla Kulbaba**, nhạc trưởng của Kyiv Symphony Orchestra kiêm nhạc trưởng National Opera and Ballet Theatre, Kyiv, Ukraine*

"Nghe nhạc GIAO HƯỞNG VIỆT NAM 1975 của Lê Văn Khoa, tôi đã xúc động thực sự. Tôi đã khóc, khóc cho quê hương, cho dân tộc tôi."

***Lê Hữu Mục**, học giả, nhạc sĩ*

Hãy cùng nhau ghi dấu năm ly hương thứ 30 với SYMPHONY VIỆT NAM 1975 của Lê Văn Khoa.

Đã có bán tại các thư quán và trung tâm nhạc.

Muốn có chữ ký của tác giả xin gửi ngân phiếu hay money order (xin đề: Vietnamese American Philharmonic) **US$15.00** (gồm cả cước phí trong nước Mỹ) cho mỗi CD và gửi về:

**19041 East Ryals Lane, Orange CA 92869 – USA**

Ngoài USA và Canada, xin kèm thêm $5.00 cước phí.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

**14771 Moran Street**
**Westminster, CA 92683 USA**
**Tel: (714) 839-8746**
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

**Hội Đồng Quản Trị:**
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

**Chủ nhiệm:**
*Đỗ Ngọc Yến* (1989-91)
*Lê Đình Điểu* (1991-96)
*Phạm Phú Minh* (1997-2001)
*Hoàng Ngọc Tuệ* (2001-)

**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột* (1989-2001)
*Phạm Phú Minh* (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

**Trị sự:**
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

**Đại diện phát hành:**
**Bắc Cali:** *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
**Đông HK:** *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
**Pháp:** *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
*Ph. Thu Hương:* 01 39 84 00 84
**Hòa Lan:** *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
**Đức:** *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
**Canada:** *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895

**ISSN 1056-4640**

**BAN BIÊN TẬP**
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiêu Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: tranh của họa sĩ **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Trần Mộng Tú, Hồng Châu**, tư liệu

# MỤC LỤC

## Số 193 – Tháng Năm 2005

**THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ**
8. Tranh cãi về giá nhân dân tệ – **Ngô Nhân Dụng**
13. Triển vọng của kin tế VN trong ba năm 2005-2007 – **Nguyễn Quốc Khải**
18. Giá trị pháp lý và tính cách chính thống của Hiến pháp VN hiện nay – **Nguyễn Xuân Phước**
23. Chiến tranh Mỹ ở Iraq: hai năm sau – **Cổ Lũy**

**VĂN HÓA – LỊCH SỬ**
31. Hồ Xuân Hương và Đoạn Trường Tân Thanh – **Trần Ngọc Ninh**
38. Bài học canh tân của Vua Phật xứ Thái Monkut – **Lưu Văn Vịnh**
42. Lại một bóng ma của Marx! – **Lữ Phương**
69. Cây trái rau cỏ Việt Nam trên đất Mỹ – **Hà Tường Cát**
74. Ai giết phụ chánh Trần Tiễn Thành? – **Nguyễn Quốc Trị**
113. Đọc lại *Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four* – **Trần Hữu Thục**

**VĂN**
86. Thiên nhiên – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
92. Tình yêu và hoa uất kim hương đen – **Trần Mộng Tú**
94. Trầm luân – **Nguyễn Hiền**
197. Mưa ngoài song cửa – **Hà Đạo Hàm**

**THƠ**
65. Em có về – **Trần Yên Hòa**. 79. Tù cải tạo – **Kiệt Tấn**. 93. Những đồi trăng mộng mị – **Đạm Thạch**. 95. Tôi vẫn đợi – **Tuệ Sĩ**. 102. Những ngọn đồi thiền định – **Lý Thừa Nghiệp**. 114. Buồn ơi không biết nói gì với thơ – **Trần Vấn Lệ**

**MỤC THƯỜNG LỆ**
6. Bạn đọc viết
7. Thư trị sự
46. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
52. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
59. Chuyện phiếm – **Song Thao**
116. Đọc sách: *Khi đồng minh tháo chạy* – **Tạ Văn Tài**

## Chỗ hẹn hò

Tôi đọc "Ông Khai Trí" của Phạm Xuân Đài (số tháng Tư 2005), rất thích, nhất là đoạn tác giả nhắc lại chuyện bát phố trên đường Lê Lợi làm sống lại trong tôi cả một thời quá khứ và tuổi trẻ. Nhưng tác giả đã quên một chi tiết khá quan trọng: Nhà sách Khai Trí còn là một địa điểm hẹn hò lý tưởng của những cặp yêu nhau. Một chỗ mà ai cũng biết, một nơi mà có phải chờ đợi bao nhiêu lâu cũng không thấy sốt ruột và nhất là nghĩ rằng sẽ không bị ai để ý. Nếu trong số độc giả của *Thế Kỷ 21* có ai đã một thời dùng nhà sách này làm chỗ hẹn hò và đã đinh ninh đó là nơi không bị ai chú ý thì quý vị đó có thể lầm to. Trong những năm cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 tôi đã có rất nhiều dịp giao dịch với ông Khai Trí (Khai Trí in sách của Tự Lực Văn Đoàn và tôi là người được ủy quyền để giao dịch). Đã có lần ông Khai Trí tâm sự với tôi: Một trong những tiêu khiển rất thú vị và thâm trầm của ông là ông đã dùng rất nhiều thì giờ đứng quan sát gian hàng sách đông đảo của ông, không phải là để rình bắt những tay ăn trộm sách, mà là để phát hiện những cặp tình nhân kín đáo dùng nhà sách của ông làm chỗ hẹn hò.

***Nguyễn Tường Thiết***
*(Seattle, WA)*

## Hà Nội

Bài Quốc Gia Ba Đình và Hà Nội trên *Thế Kỷ 21* số 191 tháng Ba 2005 đã cho tôi nhiều súc động. Xa Hà Nội đến nay đã 50 năm, nhớ nơi chôn nhau cắt rốn ấy vô cùng, chưa có dịp trở lại. Nay đọc bài viết cái nhớ đã thêm cái thương vô hạn. Chiều rộng và chiều sâu, đã khác với những phóng sự về một thành phố thủ đô. Tôi cũng cảm nhận được lòng ưu ái của tác giả đối với những mất mát của thành phố đáng yêu ấy.

Ba Đình hồi tôi còn nhỏ, dân chúng đặt cho cái tên nôm na là "cột cờ," vì nơi đó thực dân đã xây một công trình để treo cờ Pháp.

Cái hồn của thành phố, xét như vậy thì từ trước đến nay vẫn được dân chúng tìm thấy lại ở quanh khu Hồ Gươm, ở những khu phố cổ kính mà cuộc sống vẫn tiếp diễn trong sự sống còn.

*Một độc giả: **Nguyễn***
*(Saint Pryve, France)*

## Ba mươi năm

Số báo tháng Tư vừa qua tôi để ý bài phỏng vấn nhạc sĩ Lê Văn Khoa về tác phẩm Giao hưởng Việt Nam 1975 của ông, thấy bản nhạc có nhiều tình tiết cũng ly kỳ. Một bài nhạc về thảm họa cộng sản của một nước Á châu lại được trình tấu thâu âm tại "thánh địa" của chủ nghĩa cộng sản là một nước thuộc Liên Bang Xô Viết cũ. Làm như là một sự "bắt đền" vậy! Sắp xếp của số phận nhiều khi thật buồn cười, 30 năm trước, thậm chí 20 năm trước, có ai dám nghĩ đến một chuyện như vậy có thể xảy ra? Sự sắp xếp định mệnh như thế thật là một cái duyên lạ kỳ, bởi vì "đoạn trường ai có qua cầu mới hay," phải là những người ở một nước cộng sản cũ thì mới đồng cảm với nỗi khổ của một nước cộng sản khác. Tôi muốn nghe sự đồng điệu này, nhưng xa xôi quá, làm sao mà thỉnh được một đĩa nhạc Việt Nam 1975 đây?

***Nguyễn Đình Hoan***
*(Australia)*

*Chúng tôi đã hỏi hộ ông cách mua đĩa nhạc: xin ông gửi US$20, check hay money order đề tên "Vietnamese American Philharmonic" gửi về địa chỉ 19041 E. Ryals Lane, Orange CA 92869, USA. Những vị trong nước Mỹ và Canada chỉ cần gửi US$15.*

## Vài ý kiến về việc "chấm dứt sự sống"

Thời gian qua dư luận có lúc sôi nổi về vụ rút ống trợ sinh để chấm dứt sự sống của bệnh nhân Terry Shiavo ở Florida đã thoi thóp mười mấy năm trời với một sự sống cỏ cây, tức là không có ý thức. "Chấm dứt sự sống" thì đồng nghĩa với "giết," ai nghe đến cũng cảm thấy một nỗi bức xúc trong lòng. Người ta đã đang tâm giết một đồng loại một cách công khai, có án tòa đàng hoàng, dù người ấy không phạm bất cứ tội gì, ngoài việc đã sống dai dẳng không chịu chết khi đầu óc đã mất hết ý thức.

Nên hiểu vấn đề như thế nào?

Tất cả bắt nguồn từ sự tiến bộ của con người. Nếu không có phương pháp trợ sinh của y khoa tân tiến thì bệnh nhân ấy đã chết từ lâu rồi, chết một cách tự nhiên như "ý Chúa đã định" đối với người theo đạo Chúa, hoặc theo "số Trời" như quan niệm truyền thống của người Việt Nam. Dĩ nhiên bệnh nặng thuốc men không cứu chữa được thì chết, chẳng ai lên án ai. Thế nhưng khi các bác sĩ đặt ống trợ sinh vào một con người sắp chết để kéo dài cuộc sống của người đó, thì đó là ý Trời hay ý người? Ví dụ, trước khi đặt ống trợ sinh, nhà thương hỏi gia đình bệnh nhân có đồng ý việc đó không, thì gia đình phải có chọn lựa: sự chọn lựa ấy hoàn toàn là ý người chứ không phải ý Trời, vì người ta phải dựa vào những yếu tố cụ thể của cuộc đời này, chẳng hạn tuổi tác của bệnh nhân, tình trạng ý thức, gia đình giàu hay nghèo v.v... Nếu nhà nghèo quá không đủ tiền để trả bệnh viện đặt ống trợ sinh dài dài năm này qua năm khác, thì có bị kết án là không theo ý trời không? Trong trường hợp này quyết định

tốt nhất là phải dựa vào lý trí, đừng để cảm xúc và những định kiến có sẵn lấn át, để xem xét các điều kiện cụ thể.

Nếu đã có quyền quyết định đặt ống trợ sinh hay không, thì ngược lại, cũng phải có quyền quyết định rút hay không rút ra chứ? Chẳng lẽ khi để vào là do ý người, khi rút ra phải theo ý trời? Thế nào là ý trời, trong trường hợp này? Tôi thấy con người có đủ trách nhiệm trong quyết định của mình, dựa vào định kiến hay một giáo điều có sẵn rất nhiều khi không ăn nhập gì với đời sống thực, và do đấy làm nảy sinh những phiền não không đáng có.

Hãy cùng nhau nhìn lại vấn đề từ nguồn gốc.

Với tiến bộ về y khoa, những quan niệm cũ về chuyện sinh, chuyện tử thay đổi rất nhiều. Người ta có khả năng và thấy là chuyện cần thiết phải kiểm soát sự sinh sản, khác hẳn với quan niệm dễ dãi cũ là trời cho bao nhiêu thì nhận lãnh bấy nhiêu, và trời sinh voi thì trời sinh cỏ, không thắc mắc gì lắm về việc nuôi dưỡng. Chuyện ngừa thai trở thành nhu cầu cấp thiết, ai lên án thì cứ tiếp tục lên án, còn đời sống vẫn phải theo con đường thực tế của nó, vì là vấn đề sống còn của con người. Nước Trung Hoa là một hình ảnh rõ rệt nhất.

Sự tiến bộ y khoa cũng làm thay đổi bộ mặt của cái chết. Tuổi thọ của con người khắp nơi được nâng cao. Tại rất nhiều quốc gia số năm trung bình của một đời người từ 40, 50 của thế kỷ trước đến nay đã nâng lên gần gấp đôi. Nhưng tiến bộ của y khoa có khi cũng sinh ra lắm chuyện rắc rối, chẳng hạn nó có thể tạo ra một sự sống giả tạo, như cuộc sống thực vật nơi một con người chẳng hạn. Vậy chấm dứt một sự sống như thế có phải là "phạm tội" như quan niệm cổ truyền của loài người chăng? Vấn đề này đã được tranh cãi nhiều nhân vụ rút ống nơi bệnh nhân ở Florida vừa rồi, và chúng tôi cũng vừa có ý kiến trên kia. Mà nói thực ra, tại vụ này các chính trị gia nhảy vô ăn có quá nhiều, rồi lại thêm cha mẹ bệnh nhân vừa giàu có vừa thương con nên nó mới ồn ào như vậy, chứ hằng ngày có lẽ có biết bao vụ rút ống hoặc không đặt ống trợ sinh để bệnh nhân được chết trên khắp các bệnh viện xứ này, mà có ai nói gì đâu?

Một hệ luận của sự tiến bộ của con người liên quan đến chuyện sống chết: việc bãi bỏ án tử hình. Từ xưa, hình như mọi nơi trên trái đất đều quan niệm rằng giết người thì phải đền mạng, như là một lẽ công bằng tự nhiên. Nhưng lòng nhân đạo tiến bộ thì không thấy điều đó là tự nhiên nữa: dù một người có làm tội ác tới đâu đi nữa thì cũng không nên giết người ấy, vì đấy không phải là giải pháp của con người và xã hội văn minh. Quả thật phải trải qua mấy ngàn năm con người mới thực hiện được một ý tưởng hiền triết của ngày xưa: lấy oán trả oán, oán oán chập chồng, lấy ân trả oán, oán oán tiêu tan. Mặc dù việc bỏ án tử hình chỉ mới được thực hiện ở một số nước trên thế giới, nhưng rõ ràng đánh dấu một tiến bộ lớn lao của tâm thức con người.

Chuyện sống và chết của con người vẫn được coi là một cái gì kỳ diệu, thiêng liêng, "không thuộc vào sự quyết định của con người." Nhưng có vẻ với sự tiến bộ cả về mặt tri thức lẫn tâm thức của mình, con người cũng phần nào đấy phải lãnh lấy trách nhiệm về mình thôi, không thể mọi chuyện cứ đổ cho Trời như ngày xưa được nữa.

*Nguyễn Mỹ Quốc (Chicago)*

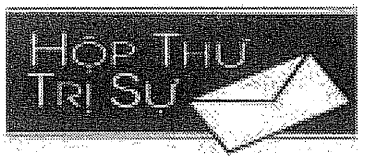


**Độc Giả Gia Hạn**

Đỗ Kim Bảng – CA; Nguyễn Văn Trung – Canada; Nguyễn Anh Tuấn – NJ; Dương Hồng Quân – CA; Salem Public Lib – OR; Glenroy Public Lib – Australia; Vũ Văn Thanh – Germany; Pham Hai – CA; Huỳnh Hữu Ủy – CA; Nguyễn Đình Nhạc – OR; Bonnyrigg High School – Australia; Dương Thiếu Hùng – MD; Trần Quốc Thái – CA; Nguyễn Xuân Hiếu – CA; Cao Tiêu – CA; Đỗ Văn Thu – IL; Đỗ Nguyên Thái – OK; Trần Thị Anh Đào – CA; Nguyễn Tha – CA; Nguyễn Văn San – CA; Nguyễn Cao Hoàng – CA; Huỳnh Hồng Mai – FL; Nguyễn Công Khai – CA; Phạm Tử Thiên – TX; Vũ Duy Lương – OK; Chu Xuân Viên – VA; Phạm Văn Thông – LA; Nguyễn Tường Việt – VA; Nguyễn Thị Vân – FL; Đặng Văn Phương – OH; Thanh Thai – FL; Nguyễn Văn Toàn – CA; Đoàn Hữu Phương – PA; Nguyễn Phạm An – VA; Nguyễn Kim Việt – CA; Thu Dinh – DE; Nguyễn Quý Bổng – Canada; Đặng Q Chiến – HI; Trần Thanh – ID; Nguyễn Thu Nga – CA; Trần Nhu – CA; Trần Vũ Huyền – CA, University of California-Berkeley – CA; Hoàng Giang – IL; Thomas Nguyễn - CA; Hoàng Tống – CA; Tan Van Hong – CA; Đỗ Xuân Tuấn – OR; Lại Quốc Trang – CA; Nguyễn Văn Huấn – Germany; Hà Văn Tải – MA; Tuong Nang Tien – CA; Trường An – CA; Nguyễn Can – FL; Nguyet Nguyen – FL; Vu An Thanh – VA; Xuong Xoi - FL

**Độc Giả Mới**

Đào Tấn Chương – FL; Nguyễn Thị Chinh - CA

**Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ**

Phạm Tiên – CA; Hà Văn Tải – MA; Trần Lai Biên - CA

# Tranh cãi về giá nhân dân tệ

NGÔ NHÂN DỤNG

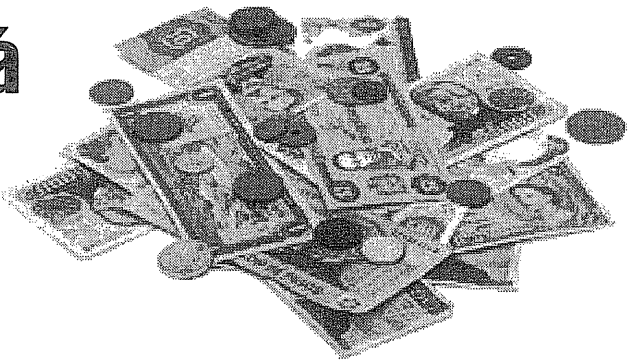

Công khai gây áp lực với chính phủ Trung Quốc thường không đạt hiệu quả mong muốn, vì người Á Đông rất quan tâm đến sĩ diện. Nhưng trong tuần rồi người Trung Hoa có vẻ đã quan tâm đến dư luận quốc tế nhiều hơn, khi quyền lợi của chính họ cũng đòi hỏi thực hiện những điều mà các nước khác yêu cầu.

Các viên chức chính phủ đại biểu quốc hội Mỹ, rồi tới các Bộ trưởng tài chánh bẩy cường quốc kinh tế G-7 đã lên tiếng kêu gọi Trung Quốc hãy tăng giá đồng nhân dân tệ, để cán cân mậu dịch Mỹ – Trung và thế giới được cân bằng hơn. Trong quốc hội Mỹ có nghị sĩ muốn ra điều kiện cho Bắc Kinh phải thay đổi hối suất, nếu không chính phủ Mỹ phải có biện pháp trừng phạt. Chính phủ Mỹ không ngại gì bằng ngại quốc hội chỉ trích. Các dân biểu nghị sĩ sang năm tranh cử, họ sẽ còn nói nhiều hơn nữa. Họ đang chen vào một vấn đề tế nhị, không những về kinh tế mà còn về ngoại giao.

Nhưng tới lượt ông Alan Greenspan phát biểu thì lời nói của ông có trọng lượng hơn. Ông Alan Greenspan nói Trung Quốc sẽ thay đổi hối suất "vì quyền lợi của chính họ" và "họ sẽ thay đổi sớm chứ không trễ." Ông chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang Mỹ không đóng vai thúc đẩy mà cố ý đưa ra những nhận xét khách quan. Nhưng sau khi ông nói, thị trường tiền tệ thế giới phản ứng ngay. Nhiều người ký các hợp đồng mua trước nhân dân tệ, ký bây giờ, một năm sau mới thực sự trao đổi tiền, và họ bằng lòng trả giá một mỹ kim lấy 7.818 thay vì giá chính thức hiện nay là 8.278 đồng Nguyên (người Việt nghe tiếng phổ thông là "doàn"). Phản ứng của thị trường cũng là do các tin tức kinh tế chính phủ Bắc Kinh công bố ngay hôm đó, cho thấy những áp lực thúc đẩy đồng Nguyên lên giá đang tăng lên. Về cán cân chi phó của Trung Quốc, tức là so sánh tiền đi vào với tiền đi ra trong các vụ xuất nhập cảng và trả tiền lời, số thặng dư trong cán cân này đã tăng 50 phần trăm trong năm 2004, lên tới 69 tỷ mỹ kim. Đồng thời số tiền vốn đổ vào so với vốn đi ra cũng thặng dư 111 tỷ, tăng hơn gấp đôi so với năm 2003. Một nước thu vào nhiều ngoại tệ quá như vậy thì giá đồng tiền tăng lên mới phải. Nhưng chính phủ Trung Quốc vẫn giữ giá đồng nguyên cố định ở mức rất thấp, để giá hàng xuất cảng vẫn thấp khi tính ra đô la Mỹ. Trong khi đó, mấy năm qua đồng đô la cũng xuống giá so với đồng euro của Âu châu và Yen của Nhật Bản, khiến cho hàng Trung Quốc càng dễ bán không những cho Mỹ mà còn cho các nước khác nữa, vì khi bán ra họ đều tính giá bằng đô la.

Hai bữa sau khi ông chủ tịch Ngân hàng Trung ương Mỹ nói, ông Chu Tiểu Xuyên, chủ tịch Ngân hàng Trung ương Trung Quốc tuyên bố rằng chính phủ Bắc Kinh sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc "cải tổ." Nhưng ông không nói đích xác có nâng giá đồng nhân dân tệ hay không. Nhưng ông Chu nói thẳng đến áp lực quốc tế: 'Khi có những áp lực từ bên ngoài mạnh hơn, chúng tôi sẽ phải thúc đẩy việc cải tổ nhanh hơn!" Chức vụ chính của ông Chu Tiểu Xuyên là "Hàng trưởng Nhân dân Ngân hàng," ông phát biểu trong một hội nghị Diễn Đàn Á châu, họp trên đảo Hải Nam. Ông không hứa hẹn một lịch trình cải tổ nào cả. Ông bảo "Chúng tôi có thời biểu của chúng tôi! Chúng tôi sẽ cải tổ ngành tài chánh, sẽ mở rộng vai trò của thị trường hối đoái."

Nhưng, liệu chính phủ Trung Quốc có tính nâng giá đồng nhân dân tệ hay không? Đây sẽ là một quyết định rất khó. Một viên chức hối đoái ở Bắc Kinh nói rằng nâng giá đồng nguyên lên 10 phần trăm "sẽ gây ảnh hưởng tai hại đối với Trung Quốc và thế giới." Mà thực sự những lời than phiền của các chính phủ Mỹ và khối G – 7 có thể được giải quyết mà không nhất thiết phải thả nổi hay nâng

giá đồng bạc Trung Quốc.

## Hối suất cố định có tội gì hay không?

Hối suất cố định không nhất thiết gây ra cán cân thương mại mất thăng bằng. Nguyên nhân chính là người Mỹ tiêu xài nhiều và tiết kiệm ít quá, trong lúc ở Trung Quốc thì ngược lại. Ở Trung Quốc kinh tế phát triển làm lợi trước hết cho giới trung lưu và nhà giầu ở đô thị, khiến cho người dân nghèo nhất là nông dân tiêu thụ rất ít. Trong khi đó thì ở Mỹ chính phủ tìm mọi cách kích thích tiêu thụ, đặc biệt là ngân sách của chính phủ George W. Bush khiếm hụt cũng là một hình thức tiêu thụ quá mức. Nhờ nước Mỹ thu hút đầu tư của người nước ngoài nên họ có thể duy trì chính sách này, càng làm cho tỷ lệ tiết kiệm của nước Mỹ thấp mãi.

Giáo sư Ronald McKinnon ở Đại học Stanford đã lấy trường hợp Nhật Bản làm thí dụ để chứng tỏ thay đổi từ hối suất cố định sang hối suất thả nổi không làm thay đổi cán cân mậu dịch giữa hai nước Mỹ và Nhật Bản.

Từ sau thế chiến thứ hai, Nhật giữ đồng Yen theo một hối suất cố định đối với đô la Mỹ. Tình trạng cũng giống như Trung Quốc bây giờ: Kinh tế Nhật tăng thêm chín phần trăm một năm, xuất cảng rất nhiều, và cán cân thương mại của Mỹ khiếm hụt. Chính phủ Mỹ chấp nhận cảnh khiếm hụt đó để giúp một nước đồng minh ở Á châu. Với hối suất cố định, các xí nghiệp Nhật Bản có thể hoạch định tương lai mà không lo mối rủi ro vì đồng tiền lên xuống bất ngờ.

Đến đầu thập niên 1970, dưới áp lực của chính phủ Mỹ, Nhật đã cho hối suất thay đổi theo thị trường. Năm 1970, một đô la Mỹ đổi được gần 400 đồng yên, bây giờ giá đô la chỉ còn trên 100 yên, và có lúc xuống đến 80 yên. Hàng Nhật bán sang Mỹ đắt hơn khi mua bằng đô la, hàng Mỹ bán sang Nhật rẻ hơn. Nhưng từ đó tới nay cán cân thương mại của Mỹ đối với Nhật Bản vẫn thâm thủng. Hối suất đồng yên cao hơn không khiến cho giới tiêu thụ ở Nhật mua thêm hàng Mỹ mà cũng không làm cho dân Mỹ bớt mua hàng Nhật, như người ta tưởng. Trong thời gian đó giá đô la ở Nhật lên xuống rất nhanh, có lúc thay đổi 20 phần trăm trong một năm. Các công ty và ngân hàng Nhật không muốn giữ đô la vì tình trạng may rủi lớn quá. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương Nhật đã khuyến khích họ giữ đô la, một cách là ấn định lãi suất ở Nhật rất thấp. Tiền gửi ở quỹ tiết kiệm Bưu điện Nhật Bản chỉ trả khoảng một phần trăm một năm. Ngân hàng Trung ương cắt lãi suất xuống gần số không, nghĩa là số âm nếu tính đến ảnh hưởng của lạm phát. Đến khi kinh tế Nhật trì trệ sau vụ bong bóng nổ đầu thập niên 1990, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản bị mất một khí cụ để điều tiết khối tiền tệ vì không thể đẩy lãi suất xuống thêm nữa!

Thí dụ về Nhật Bản có giá trị giới hạn, vì tình trạng kinh tế thế giới ngày nay và thị trường vốn quốc tế lưu hoạt hơn, không giống như 50 năm trước; và Trung Quốc cũng khác Nhật Bản. Nhưng nhiều người vẫn nghi ngờ, không tin rằng thay đổi hối suất nhân dân tệ sẽ giúp cán cân thương mại của Mỹ cân bằng hơn.

## Đồng Nguyên tăng giá Mỹ có bớt thâm thủng không?

Kinh tế gia của ngân hàng HSBC (tên cũ là Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, trụ sở chính ở Anh) tính rằng dù đồng nguyên có tăng giá 25 phần trăm thì kết quả cũng rất nhỏ. Khối lượng mậu dịch với Trung Quốc chỉ chiếm 10 phần trăm tổng số mua bán với cả thế giới. Tăng đồng nguyên thêm 25 phần trăm thì tính chung cũng chỉ làm giảm giá đồng đô la Mỹ 2.5 phần trăm trong việc mua bán với tất cả các nước mà thôi. Trong hai năm qua đô la Mỹ đã mất giá gấp mười lần con số đó, mà cán cân mậu dịch của Mỹ vẫn khiếm hụt thêm.

Nếu chúng ta nhìn vào số hàng hóa Trung Quốc bán sang Mỹ thì càng thấy ảnh hưởng của việc tăng hối suất còn ít ảnh hưởng hơn nữa. Trong các món Mỹ mua của Trung Quốc, có 70 đến 80 phần trăm là hàng lắp ráp từ những bộ phận mua từ nước ngoài, kể cả mua từ Mỹ hoặc các chi nhánh của Mỹ ở khắp nơi. Nếu tiền Trung Quốc lên giá, những bộ phận đó nhập cảng vào Trung Quốc sẽ rẻ hơn khi tính ra đồng nguyên. Đến lúc tính ra giá thành, đổi trở lại mỹ kim thì tăng lên nhưng cũng chỉ tăng lên bằng giá cũ trước khi đổi hối suất. Khi tính tất cả giá thành, chỉ có phần đóng góp của công nhân ở Trung Quốc là lên giá khi đổi sang mỹ kim còn đa số các bộ phận thì không, do đó số tăng lên thực ra rất ít.

Thí dụ một sản phẩm bây giờ giá thành là 83 nguyên khi làm ở Trung Quốc, bán sang Mỹ với giá là 10 đô la theo hối suất 8.3 nguyên ăn một mỹ kim. Trong đó thí dụ các bộ phận nhập cảng từ Mỹ hoặc Đài Loan đã trị giá đã 7 đô la rồi, tính theo hối suất hiện nay thành 58 nguyên. Phần

đóng góp của Trung Quốc chỉ có 25 nguyên, tức 3 đô la mà thôi.

Giả thử đồng nguyên lên giá 25 phần trăm. Số bộ phận nhập vào Trung Quốc được tính lại, giá 7 đô la xí nghiệp T chỉ phải trả 43.5 nguyên. Khi cộng với phần của Trung Quốc trong giá thành, vẫn là 25 nguyên, thì tổng cộng là (43.5 + 25 =) 68.5 nguyên. Đổi giá thành 68.5 nguyên này sang mỹ kim theo hối suất mới sẽ thành 11 đô la Mỹ, nghĩa là chỉ tăng giá một đô la, tức tăng 10 phần trăm mà thôi.

Tại sao tiền tăng 25% mà giá hàng chỉ tăng có 10 phần trăm? Vì các bộ phận, 70 phần trăm của giá trị sản phẩm không tăng giá, trước sau vẫn là 7 đô la. Chỉ có thành phần do Trung Quốc đóng góp, 30 phần trăm, là tăng giá khi đồng đô la xuống thấp hơn. Đồng nguyên tăng giá 25 phần trăm tức là đô la xuống giá một phần ba, 33 phần trăm so với đồng nguyên. Một phần ba của 30 phần trăm là 10 phần trăm.

Tính đi tính lại thì việc thay đổi hối suất đồng nguyên không phải là giải pháp để làm cân bằng cán cân thương mại của Mỹ đối với Trung Quốc và thế giới. Các nhà chính trị Mỹ nói gì cũng để cho người dân nghe vui lòng. Nhưng trong lúc chính phủ và quốc hội làm ồn ào, các xí nghiệp lớn ở Mỹ vẫn im lặng. Vì họ biết bài toán không giản dị. Những công ty đang đầu tư, đặt cơ sở sản xuất ở Trung Quốc, như DaimlerChrysler, Motorola còn đang tính tăng số hàng của họ từ Trung Quốc xuất cảng về Mỹ. Nếu hàng Trung Quốc lên giá thì các khách hàng của Wall Mart sẽ lo phải trả giá đắt hơn.

Ông Chu Tiểu Xuyên nói chính phủ Trung Quốc sẽ cải tổ nhanh hơn. Đó là điều cần thiết thật, và họ đã thử nhiều cách cải tổ. Họ đã tăng thuế xuất cảng nhiều món hàng. Họ đã tìm cách hạn chế tín dụng, nhưng không thành công mấy. Nhưng việc thay đổi hối suất thì chắc sẽ làm rất từ tốn.

## Không phải chỉ có Trung Quốc

Đối với chính phủ Mỹ thì vấn đề của họ là quốc hội chỉ trích khi cán cân thương mại của Mỹ đối với Trung Quốc bị thâm thủng nhiều quá. Các xí nghiệp sản xuất ở Mỹ than phiền là không cạnh tranh được với giá hàng Trung Quốc quá rẻ. Các nhà chính trị ở hai đảng đổ lỗi cho chính phủ Bắc Kinh, vì họ giữ giá nhân dân tệ quá thấp một cách giả tạo để đìm giá hàng xuất cảng. Do đó, họ yêu cầu Bắc Kinh phải thả lỏng hối suất hoặc nâng lên một hối suất thực tế hơn. Họ hy vọng rằng nếu Bắc Kinh làm theo lời yêu cầu đó thì giới sản xuất ở Mỹ sẽ hài lòng và cán cân thương mại của Mỹ sẽ bớt khiếm hụt.

Nhưng vấn đề thâm thủng của nước Mỹ không giản dị như vậy, và việc Trung Quốc thay đổi tỷ lệ đổi tiền không giải quyết được bao nhiêu. Tuy ông Alan Greenspan nói đúng, Bắc Kinh giữ giá đồng nguyên thấp quá sẽ có hại cho chính họ, nhưng mặt khác nếu Bắc Kinh tăng giá đồng nguyên lên thì cũng gây ra các vấn đề khác cho chính kinh tế Trung Quốc. Nhiều nhân viên chính phủ Trung Quốc đã than rằng chuyện thâm thủng của nước Mỹ là chuyện Mỹ phải lo, tại sao cứ đem đổ tội cho Trung Quốc?

Một điều các chính trị gia ở quốc hội Mỹ không nhắc tới khi họ chỉ trích Trung Quốc, là nước Mỹ tiêu xài quá trớn. Hiện nay ngân sách chính phủ Mỹ đang thiếu hụt nặng nề, số thu thấp hơn số chi, khiếm hụt bằng 4.4 phần trăm Tổng sản lượng Nội địa. Họ lấy tiền đâu bù vào số thiếu hụt? Ba phần tư số khiếm hụt đó được các Ngân hàng Trung ương nước khác tài trợ bằng cách cho chính phủ Mỹ vay khi họ mua các công trái của Mỹ. Phần còn lại là do các công ty tài chánh tư! Ngân hàng Trung ương Nhật Bản và Trung Quốc là những đơn vị mua nhiều công trái của Mỹ nhất. Một phần vì họ nhiều ngoại tệ dự trữ quá. Tiền thặng dư nhờ bán hàng sang Mỹ cuối cùng trở về nước qua ngả mua công trái của Mỹ. Còn cán cân thương mại của nước Mỹ, số khiếm hụt lớn bằng 5.8 phần trăm GDP, cũng được các Ngân hàng Trung ương ngoại quốc tài trợ 80 phần trăm. Dân Mỹ tiêu xài thong thả, chính phủ Mỹ chi tiêu về chiến tranh ở Afghanistan và Iraq mà không cắt giảm các mục chi tiêu dân sự khác trong khi đó lại cắt giảm thuế, cũng là nhờ tiền từ ngoài đổ vào cho vay hoặc đầu tư. Tấn công Trung Quốc cũng giống như chửi ông chủ nợ của mình vậy!

Nhưng các ông chủ nợ vẫn cười! John Maynard Keynes có nói rằng "Khi bạn nợ nhà băng 100 đồng thì bạn có chuyện phải lo. Nhưng nếu bạn nợ nó một triệu thì chính nó phải lo!" Đúng lẽ Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan lo nhiều hơn là Mỹ!

Vấn đề của nước Mỹ là không thể đi vay nợ như thế hoài hoài. Muốn giảm bớt nợ nần thì phải hàng chục năm, và giảm từ từ chứ không thể thay đổi nhanh, gây ra những hậu quả có hại cho kinh tế cả thế giới. Để giảm bớt tình trạng mất thăng bằng hiện nay, một mặt nước Mỹ (chính phủ và

dân) phải giảm bớt chi tiêu; mặt khác những nước như Nhật Bản và Trung Quốc phải khuyến khích dân chúng họ chi tiêu nhiều hơn. Thay đổi như vậy là đổi cả cách sống, đặc biệt là thay đổi chính sách chi, thu trong ngân sách chính phủ Mỹ.

Trung Quốc không phải là quốc gia duy nhất mà cán cân chi phó thặng dư. Trong năm 2004 nước Mỹ thâm thủng 666 tỷ, trong khi các nước đang phát triển trên thế giới thặng dư 336 tỷ. Riêng các nước đang lên ở Á châu thặng dư 193 tỷ, trong đó chỉ có gần một phần ba là ở Trung Quốc. Trung Quốc thặng dư đối với Mỹ nhưng có lúc khiếm hụt đối với các nước khác ở Á châu. Số thặng dư của Trung Quốc cũng chỉ bằng 18 phần trăm tổng số của tất cả các nước đang lên. Cũng trong thời gian đó, tổng cộng các nước đang lên khắp thế giới thu vào 519 tỷ mỹ kim nhờ cán cân chi phó thặng dư cộng với tiền đầu tư đem vào; trong số này có 344 tỷ ở các nước đang lên ở Á châu.

Như vậy thì muốn giảm bớt cảnh khiếm hụt trong cán cân thương mại và cán cân chi phó của Mỹ, phải giảm bớt số thặng dư của nhiều quốc gia với nền kinh tế đang lên khác, một Trung Quốc thay đổi không đủ. Nếu có cách nào làm cho hàng Trung Quốc bán sang Mỹ đắt hơn, thì các nước khác như Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Thái Lan sẽ nhẩy vào xin bán rẻ hơn! Con số thâm thủng của Mỹ cũng không thay đổi bao nhiêu nếu dân Mỹ và nhất là chính phủ Mỹ không thay đổi, tiết kiệm nhiều hơn.

Bình thường các nước đang mở mang có thể khiếm hụt trong cán cân chi phó. Nghĩa là họ phải mua vào nhiều hơn là bán hàng hóa ra. Đó là một chuyện bình thường nếu họ vẫn thu hút thêm tiền vốn vào để đầu tư và phát triển. Nếu số thiếu hụt trong cán cân chi phó một nước lớn bằng số tiền các công ty ngoại quốc đầu tư, thì cũng huề, và đó là điều vẫn xẩy ra. Nếu như trong năm 2004 các nước đang lên trên thế giới chịu khiếm hụt 186 tỷ thay vì thặng dư 336 tỷ, thì tổng cộng lại sẽ có 522 tỷ bù cho số khiếm hụt của nước Mỹ. Cho nên cảnh khiếm hụt trong cán cân thương mại của Mỹ muốn giải quyết cần có một thỏa thuận toàn cầu.

Đối với Trung Quốc thì kéo dài cảnh thặng dư hiện nay, với giá đồng nhân dân tệ quá thấp, họ cũng gây ra nhiều tai hại cho chính họ. Nó có thể gây ra lạm phát, kéo dài tình trạng các ngân hàng cho vay bừa bãi, cải tổ các xí nghiệp quốc doanh bị chậm chạp hơn.

Còn đối với nước Mỹ thì nếu Trung Quốc nâng giá đồng nguyên lên nhanh quá, họ sẽ không còn khả năng mua công trái của chính phủ Mỹ như hiện nay. Sau Nhật Bản, Trung Quốc là nước mua nhiều công trái Mỹ nhất. Khi mất những chủ nợ sẵn sàng cho vay như Ngân hàng Trung ương Trung Quốc, chính phủ Mỹ sẽ phải đi vay thêm tại thị trường trong nước một số tiền dăm chục tỷ mỹ kim một năm. Lãi suất ở Mỹ sẽ tăng lên. Lãi suất tăng sẽ làm cho kinh tế Mỹ giảm vì người tiêu thụ cũng như các xí nghiệp khó vay tiền. Không thấy các đại biểu quốc hội Mỹ tỏ ra lo lắng về viễn tượng này.

## Có cách khác không cần đổi hối suất

Trong khi đó, có nhiều cách làm cán cân mậu dịch của Mỹ bớt khiếm hụt với Trung Quốc, không cần nâng giá nhân dân tệ mà vẫn làm tăng giá các món hàng xuất cảng qua Mỹ. Thí dụ, chính phủ Mỹ đánh thêm thuế nhập cảng trên hàng Trung Quốc; hoặc chính phủ Trung Quốc tăng thuế hàng xuất cảng qua Mỹ. Cách thứ nhất không được, vì nếu Mỹ đơn phương tăng thuế hải quan như dự luật của một nghị sĩ New York đề nghị, sẽ vi phạm các quy luật của Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Mỹ sẽ bị kiện ra WTO lôi thôi, mà nếu Mỹ phạm luật thì sẽ làm cho WTO mất uy tín trong lúc Mỹ vẫn cần bảo vệ tổ chức quốc tế này. Một nghị sĩ khác tính lên án Bắc Kinh "lũng đoạn" hệ thống tiền tệ vì giữa hối suất đồng nguyên cố định và quá thấp, lấy đó làm lý lẽ để cãi nếu bị kiện ra WTO. Nhưng việc ấn định hối suất cố định là một hành động thông thường, một quyền tự do của các quốc gia, điều đó không thể coi là một cái tội theo luật lệ của WTO được. Cách thứ hai, chính phủ Bắc Kinh có thể tăng thuế trên các món hàng xuất cảng, tức là tăng giá các mòn hàng đó khi bán qua Mỹ, việc này thì WTO không cấm. Trong năm qua chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu đánh thuế hàng xuất cảng rồi. Nếu Bắc Kinh đánh thuế năm phần trăm trên các món hàng bán sang Mỹ, thì hiệu quả làm tăng giá hàng có thể cũng tương đương như tăng giá nhân dân tệ thêm 10 phần trăm đối với đô la Mỹ. Mà lại không gây ra những hậu quả rắc rối của việc đổi hối suất. Thuế xuất cảng này có thể được giảm bớt hoặc hủy bỏ khi nào cán cân thương mại của Trung Quốc trở lại thăng bằng. Đánh thuế xuất cảng và không đổi hối suất sẽ đánh bại giới đầu cơ tiền tệ, những Hoa kiều và cả người Trung Hoa ở lục địa đem đô la vào đổi lấy nhân dân tệ chờ ngày lên giá.

Nhưng chính phủ Mỹ vẫn phải lên tiếng khi bị quốc hội chỉ trích về cán cân thương mại thâm thủng nhiều quá. Cuộc tranh luận ở nước Mỹ là giữa các nhà chính trị to tiếng, vì nhu cầu bầu cử. Nhiều công nhân xí nghiệp sản xuất ở Mỹ than phiền là không cạnh tranh được với giá hàng Trung Quốc quá rẻ, cho nên các nhà chính trị cả hai đảng đổ lỗi cho chính phủ Bắc Kinh. Nhưng ta đã thấy vấn đề thâm thủng của nước Mỹ không giản dị như vậy, mà việc Trung Quốc thay đổi tỷ lệ đổi tiền không giải quyết được bao nhiêu. Tuy ông Alan Greenspan nói đúng, Bắc Kinh giữ giá đồng nguyên thấp quá sẽ có hại cho chính họ, nhưng mặt khác nếu Bắc Kinh tăng giá đồng nguyên lên thì cũng gây ra các vấn đề khác cho chính kinh tế Trung Quốc.

## Nỗi khó khăn của Trung Quốc

Hãy nói đến cái hại khi Trung Quốc không thay đổi. Trung Quốc hiện đang thu vào nhiều quá, vừa tiền xuất cảng dư so với nhập cảng, vừa tiền đầu tư của nước ngoài và tiền Hoa kiều hải ngoại chuyển vào, thì các công ty và tư nhân không được giữ hết, chính phủ Bắc Kinh mua các đồng đô la, theo chính sách kiểm soát ngoại tệ. Mua đô la nghĩa là phải in thêm đồng nguyên để mua, khiến cho khối lượng tiền tệ trong nước tăng lên. Người dân, các ngân hàng và xí nghiệp có tiền nhưng không có cơ hội đầu tư thích đáng, cho nên họ đổ đi mua nhà, đất làm giá tăng lên một cách giả tạo. Các ngân hàng đem cho vay để xây cất cao ốc rồi không có người thuê, các công ty cũng vay tiền để xây cất nhà máy mà không trù tính đến tình trạng dư không sử dụng, chỉ khiến giá thép và xi măng tăng lên.

Với kho dự trữ ngoại tệ lên cao chính phủ Trung Quốc chỉ có cách đầu tư an toàn là mua công trái nước ngoài, đặc biệt là nước Mỹ. Tất cả đều là những cuộc đầu tư không sinh lợi bao nhiêu.

Từ ba năm nay mọi người đều trông đợi đồng nguyên sẽ lên giá. Vì vậy trong mấy năm qua, số tiền mà người Hoa ở nước ngoài đem vào Trung Quốc mỗi năm chừng 50 tỷ mỹ kim, để chờ ngày đồng nguyên lên giá thì đổi ngược lại lấy lời. Trong lúc chờ đợi họ dùng số tiền đó làm gì? Phần lớn cũng đi đầu tư vào địa ốc, giúp cho giá nhà cửa ở các thành phố lớn tăng vọt. Riêng nạn giá nhà đất tăng lên có thể sẽ gây khủng hoảng khi giá xuống.

Nhưng nếu Trung Quốc thả nổi đồng tiền, hoặc nâng giá đồng nguyên lên cao hơn 10 phần trăm, thì chính họ bị thiệt. Với số dự trữ 640 tỷ mỹ kim, nếu chỉ đem ba phần tư, gần năm trăm tỷ đô la mua công trái của chính phủ Mỹ, số tiền đầu tư này đó sẽ xuống giá 10 phần trăm. Coi như Ngân hàng Nhân Dân cho chính phủ Mỹ vay rồi số vốn cho vay tự dưng mất giá 48 tỷ mỹ kim! Một mối nguy phải đối phó nếu đồng nguyên lên giá quá nhanh là hệ thống ngân hàng ở xứ này còn chưa theo kỷ luật tài chánh, sẽ không kham nổi những xáo trộn xẩy ra khi hối suất thay đổi nhiều quá. Một hậu quả khác của việc lên giá đồng nguyên là hàng nhập cảng sẽ tăng giá, nông dân Trung Hoa và những người tiêu thụ sẽ chịu thiệt thòi. Gần đây chính phủ Bắc Kinh đã tha thuế cho nông dân để mức chênh lệch lợi tức giữa nông thôn và đô thị giảm bớt và thúc đẩy số tiêu thụ nội địa. Nếu tăng giá đồng nguyên thì các chính sách đó bị làm cho vô hiệu.

Mặt khác nếu Trung Quốc thay đổi hối suất từ từ, thí dụ mỗi bước từng ba phần trăm một, thì giới đầu cơ sẽ được khuyến khích. Họ đã đem đô la vào, đổi lấy đồng nguyên đem mua nhà, đất để đó chờ, bây giờ đồng nguyên lên giá mà giá nhà cửa cũng lên, họ được lợi trước mắt. Biết rằng đồng nguyên còn lên giá nữa, họ sẽ đổ thêm tiền vào chờ lần lên giá sắp tới. Các Ngân hàng Trung ương phải ngăn cản các người đầu cơ tiền tệ chứ không thể khuyến khích họ đầu cơ thêm như vậy – trừ khi các quan chức lớn cũng đóng vai đầu cơ!

Cho nên việc đổi hối suất đồng nhân dân tệ không đơn giản như các chính trị gia Mỹ nói. Chính phủ Mỹ nên khuyến khích Trung Quốc thực hiện nhiều biện pháp một lúc, cũng ảnh hưởng tới cán cân mậu dịch và trên cả giá trị đồng tiền. Trung Quốc nên chấp thuận cho các xí nghiệp và ngân hàng ngoại quốc tham dự vào thị trường tài chính trong nước họ và khuyến khích tư nhân làm ăn cạnh tranh với các xí nghiệp quốc doanh. Họ có thể thu hút tiền vốn của người dân lục địa và trả lãi suất cao hơn, thay vì gửi cho các ngân hàng của nhà nước. Người dân có tiền sẽ tiêu thụ nhiều hơn. Mặt khác, các ngân hàng ngoại quốc sẽ cho tư nhân vay theo tiêu chuẩn thương mại, thúc đẩy các dự án có giá trị nhiều hơn. Chính phủ Bắc Kinh có thể tăng thuế xuất cảng để tăng giá hàng bán sang Mỹ, đó cũng là một cách khuyến khích các xí nghiệp cung ứng cho thị trường nội địa, gia tăng số cầu trong nước. Khi dân Trung Quốc tiêu thụ nhiều hơn, và nước Mỹ tiết kiệm nhiều hơn bằng cách cắt bớt thâm thủng ngân sách thì cán cân chi phó giữa hai nước sẽ thăng bằng hơn./.

# Triển Vọng của Kinh Tế Việt-Nam Trong Ba Năm 2005-2007

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Ngân Hàng Phát triển Á Châu (ADB — Asian Development Bank) mới đây có công bố một phúc trình về triển vọng kinh tế Việt Nam từ nay đến năm 2007. Phúc trình này đã đưa ra một dự báo khá sáng sủa cho kinh tế Việt Nam, với mức tăng trưởng 7.5% — 7.6% mỗi năm trong ba năm liên tiếp.

Vào cuối năm 2004, TS Lê Đăng Doanh cũng đã soạn một tài liệu nghiên cứu về tình hình kinh tế Việt-Nam theo sự yêu cầu của ông Trần Đình Hoan, Ủy Viên Bộ Chính Trị và Trưởng Ban Tổ Chức Trung Ương (BTCTU) để làm tài liệu nội bộ cho Đại Hội X của Đảng CSVN. TS Lê Đăng Doanh đã thuyết trình về tình hình kinh tế Việt-Nam với BTCTU vào tháng 11, 2004. Vào khoảng tháng Hai vừa qua, tài liệu mật của TS Lê Đăng Doanh xuất hiện ở hải ngoại.

Bài nghiên cứu này sẽ phân tách phúc trình của ADB và so sánh với nhận định của TS Lê Đăng Doanh.

## Phân tách dự báo của ADB

Dự báo của ADB về kinh tế Việt-Nam cho ba năm 2005-2007 là một phần của phúc trình mang tựa đề: "Asian Development Outlook." Đến tháng Năm 2005 bản phúc trình này mới được chính thức phát hành. Đây là một dự báo căn bản của ADB về Việt-Nam. Dự đoán này không thể hiện một sự lạc quan quá đáng (1). Nếu làm một sự so sánh, chúng ta sẽ thấy dự đoán này tương tự với nhận định của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới. Tăng trưởng hàng năm ở khoảng 7.5% trong ba năm tới là một mục tiêu có nhiều triển vọng đạt được nhất. Tuy nhiên dự đoán của chính phủ Việt-Nam luôn luôn lạc quan hơn và thường đưa ra các con số cao hơn các con số của các cơ quan tài trợ quốc tế khoảng 1%-2%. Trong ba năm 2002-2004 vừa qua mức tăng trưởng của Việt-Nam đã dần dần phục hồi và lần lượt đạt được 5.8%, 6.0% và 7.5% nhưng vẫn còn dưới mức 9.5% vào năm 1995 và 9.3% vào năm 1996 trước khi có cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu. Càng vào giai đoạn phát triển sau càng khó đạt được mức tăng trưởng cao. Đó là luật chung áp dụng cho mọi nước.

## Kinh tế Việt-Nam tăng trưởng dựa vào những yếu tố nào?

Kinh tế Việt-Nam tăng trưởng nhờ vào một số yếu tố chính sau đây.

Thứ nhất, xuất cảng tiếp tục phát triển mạnh và ở vào mức 11%, 9% và 8.5% lần lượt trong các năm 2005-2007. Những con số này tương đối thấp so với năm 2004 là 30% vì giá dầu thô sẽ giảm xuống và hàng dệt may của Việt-Nam bị Trung Quốc cạnh tranh và ảnh hưởng bất lợi của chế độ hạn ngạch. Việt-Nam là một nước xuất cảng dầu thô nên được lợi đáng kể nhờ giá dầu tăng lên cao chưa từng thấy. Từ US$28.8/bbl vào năm 2003, giá dầu thô trung bình tăng lến đến US$38.3/bbl vào năm 2004 và trên US$40/bbl theo dự đoán cho năm 2005 (2). Trong những tháng của đầu năm 2005 giá dầu thô trên thị trường quốc tế tiếp tục lên. Vào ngày 4/4 giá dầu thô có lúc lên đến US$58.28/bbl. Tuy nhiên những chuyên viên quốc tế về dầu hỏa tiên đoán rằng giá dầu sẽ hạ dần và trở lại dưới mức US$40/bbl trong hai năm 2006-2007.

Giá thực phẩm, nhất là gạo, và nguyên liệu hiện nay ổn định ở mức cao trên thị trường thế giới và sẽ tiếp tục như vậy trong hai năm tới. Điều này có lợi cho những nước xuất cảng những loại hàng hoá này như Việt-Nam. Kỹ nghệ đồ gỗ của Việt-Nam phát triển mạnh. Trị giá đồ gỗ xuất cảng của Việt-Nam lần đầu tiên vượt lên trên US$1 tỉ trong năm 2004 và sẽ tiếp tục tăng trong năm 2005 và trong hai năm kế tiếp sẽ đạt được US$2 tỉ.

Thứ hai, kinh tế phát triển một phần nhờ nhu cầu tiêu thụ và đầu tư của doanh gia, tư nhân và nhà nước gia tăng khá mạnh, ở khoảng 8% - 9% mỗi năm, trong ba năm tới. Đây là một động cơ thúc đẩy tổng sản phẩm nội địa (GDP) bành trướng. Chính sách tiền tệ và tài chánh đóng một vai trò hỗ trợ cho sự gia tăng nhu cầu nội địa. qua sự khuyến khích chuyển ngân từ hải ngoại vào trong nước và khuyến khích du lịch.

Thứ ba, môi trường đầu tư đã được cải thiện hơn trước. Do đó mức cam kết đầu tư nước ngoài tăng 30% lên đến US$4 tỉ trong năm 2004 so với năm 2003. Đầu tư dòng (net foreign direct investment) tăng từ US$1.2 tỉ lên đến US$1.7. Chiều hướng này sẽ tiếp diễn trong ba năm tới, nếu Việt-Nam tiếp tục cải thiện luật lệ đầu tư, giảm bớt thủ tục hành chánh và quan thuế rườm rà.

Thứ tư, khu vực tư nhân tiếp tục bành trướng và sẽ là một yếu tố quan trọng làm cho kinh tế phát triển. Kể từ ngày 1.1.2000 khi Luật Doanh Nghiệp bắt đầu có hiệu lực tới tháng 2, 2004, 88,000 cơ sở kinh doanh tư nhân đã đăng ký hoạt động. Khoảng 80% đến 85% của số cơ sở này vẫn còn hoạt động và sản xuất 26.5% tổng sản lượng công nghệ quốc gia, so với 20% vào năm 1999 (4). Tất cả những thay đổi đáng kể này mới xẩy ra trong vài năm gần đây, rất trễ còn hơn không, dưới áp lực của Hiệp Định Thương Ước Việt-Mỹ, và luật lệ của Khu Vực Mậu Dịch Tự Do của Các Nước Đông Nam Á (AFTA – Asian Free Trade Area), và Cơ Quan Thương Mại Thế Giới (WTO-World Trade Organization).

Thứ năm, kỹ nghệ du lịch bắt đầu phát triển tốt đẹp vào khoảng đầu thập niên 90 sau khi chương trình "cởi trói" 1986-2001 (Đổi Mới I) ra đời. Số người ngoại quốc đến Việt-Nam hàng năm gia tăng đáng kể. Mới đây Việt-Nam quyết định miễn hộ chiếu nhập cảnh cho du khách từ Nhật Bản, Đại Hàn, và các nước thuộc khối ASEAN. Điều này giúp cho số du khách tăng lên gấp bội. Khoảng 2.8 du khách đã đến Việt-Nam vào năm 2004 đã tạo một lợi tức đáng kể US$1.6 tỉ.

Sau thiên tai Tsunami ở Nam Á châu, du khách ồ ạt đổi qua Việt-Nam từ đầu năm 2005. Theo một dự đoán Việt-Nam sẽ tiếp đón 3.2 triệu du khách và sẽ thu về một số lợi tức khoảng US$2 tỉ trong năm nay. Một nghiên cứu của World Travel and Tourism Council cho thấy rằng kỹ nghệ du lịch Việt-Nam có tiềm năng phát triển ở mức 8.3% mỗi năm trong 10 năm sắp tới và được xếp hạng thứ tư sau Montenegro, Trung Quốc và Ấn Độ (5).

Thứ sáu, trong số du khách ngoại quốc đến Việt-Nam hàng năm có khoảng 300,000 người Việt cư ngụ tại hải ngoại về thăm quê nhà. Ngoài ra 2.7 triệu người Việt ở nước ngoài gửi về Việt-Nam chính thức hàng năm là khoảng US$3 tỉ nhờ những luật lệ chuyển tiền dễ dãi và miễn thuế của Việt-Nam. Ngân khoản này lớn gấp bội so với số vốn đầu tư ngoại quốc dòng dưới US$2 tỉ và tổng số tiền các nước giầu hứa tài trợ là US$2.8 cho năm 2004 và US$3.4 cho năm 2005 (6). Ngoài ra, chính sách xuất cảng lao động của Việt Nam đã gặt hái được kết quả tốt mặc dù còn một số khuyết điểm phải sửa chữa (ngôn ngữ, khả năng chuyên môn, kỷ luật). Hàng năm khoảng 400,000 công nhân làm việc ở nước ngoài, nhiều nhất tại Mã Lai, Đài Loan, Đại Hàn, và Nhật Bản, mang về cho Việt-Nam một số ngoại tệ khoảng US$1.5 tỉ.

Phần trên đây vừa trình bầy những lợi điểm của Việt-Nam. Trong phần dưới, bài phân tách này bàn về những thử thách mà Việt-Nam phải đối phó.

Ngành may dệt gặp khó khăn vì chế độ hạn ngạch được bãi bỏ đối với những nước hội viên của WTO, tuy nhiên vẫn áp dụng với những nước chưa phải là hội viên như Việt-Nam. Lệ phí hạn ngạch làm cho hàng Việt-Nam đắt hơn. May mắn là Canada và Liên Hiệp Âu Châu (EU — European Union) đơn phương bãi bỏ hạn ngạch đối với Việt-Nam kể từ đầu năm 2005. Do đó hàng dệt may của Việt-Nam chỉ bị thiệt hại ở thị trường Hoa-Kỳ, đặc biệt là phải cạnh tranh với hàng của Trung Quốc, một nước hội viên của WTO. Trước đây Việt-Nam hi vọng xuất cảng của kỹ nghệ dệt may sẽ vượt xuất cảng dầu thô. Nhưng nay thì ước mong này không thành sự thật. Trị giá dầu thô và hàng dệt may xuất cảng của Việt-Nam vào năm 2004 lần lượt là US$5.8 tỉ và US$4.4 tỉ. Trị giá hàng dệt may xuất cảng vào năm 2004 tăng 21.4% so với năm 2003, nhưng sẽ tăng rất ít hoặc giảm vào năm 2005 vì chế độ hạn ngạch. Việt-Nam đã không vào được WTO trước ngày 1.1.2005 như dự trù. Nay cũng có rất ít hi vọng được gia nhập WTO vào trước cuối năm 2005 cho nên Việt-Nam chịu rủi ro mất khách hàng.

Kỹ nghệ xuất cảng hải sản, với tôm, cá trê, và cá ngừ (tuna) là ba sản phẩm chính, tiếp tục bị trở ngại vì luật chống bán phá giá tại Hoa-Kỳ. Tuy nhiên Hoa-Kỳ chỉ là thị trường tiêu thụ hải sản lớn thứ hai của Việt-Nam với tỉ lệ trị giá hải sản nhập cảng của Việt-Nam là 24.1% so với Nhật

Bản là 31.4% và EU là 9.9%. Nhờ phát triển thị trường mới qua Đại Hàn, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi và Nam Mỹ, Việt-Nam tiếp tục gia tăng xuất cảng hải sản ở mức US$2.4 tỉ vào năm 2004, 9% gia tăng so với năm 2003, nhưng không đạt được chỉ tiêu của năm 2004 là US$2.6 tỉ. Hiện nay đã có 80 nước tiêu thụ hải sản của Việt-Nam. Triển vọng xuất cảng hải sản của Việt-Nam rất tốt trong ba năm tới.

Nạn tham nhũng tiếp tục là một trở ngại cho đầu tư và phát triển kinh tế. Mặc dù chính sách của nhà nước là chống tham nhũng, nhưng quốc nạn này đã không giảm mà còn gia tăng theo nhận xét gần đây của TS Vũ Minh Khương, kinh tế gia của Việt-Nam tốt nghiệp Harvard (7). Economist Intelligence Unit có một nhận định tương tự (8). Lương bổng thấp là một trong những nguyên nhân của tham nhũng. Mặt khác luật lệ thiếu minh bạch và cơ cấu chính quyền không có sự phân nhiệm và kiểm soát. Nhà nước vừa là cầu thủ vừa là trọng tài vừa là chủ nhân ông đối với mọi phương tiện truyền thông. Trong một chế độ như vậy, rất khó có thể bài trừ được nạn lạm quyền và hối lộ. Kinh nghiệm này rất quen thuộc ở Á châu dưới thời Sukarno (1950 -1965) và Suharto (1965 -1998) ở Nam Dương, Ferdinand E. Marcos (1965 -1986) ở Phi Luật Tân, chế độ quân phiệt ở Thái Lan (1932 -1988), chế độ độc tài ở Đại Hàn (1979 -1988), và Xã Hội Chủ Nghĩa hiện nay ở Trung Quốc.

Khu vực quốc doanh tiếp tục là một gánh nặng cho quốc gia. Việc cải tổ các doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại nhà nước tiến hành rất chậm chạp. Hiệu năng của những công ty nhà nước thấp, khó có thể cạnh tranh với tư nhân, đặc biệt là các công ty ngoại quốc khi Việt-Nam phải mở rộng cửa cho đầu tư nước ngoài dưới quy chế WTO và AFTA. Mặc dầu vậy những con số thống kê của chính phủ cho thấy tỉ lệ của khu vực công trên tổng sản phẩm nội địa không thay đổi và vẫn chiếm khoảng 38.5% vào năm 2000 và 38.3% vào năm 2003. Trong khi đó tỉ lệ này của riêng các xí nghiệp quốc doanh là 27.7% vào năm 2000 và 27.2% vào năm 2003. Đó là chưa kể phần hùn của nhà nước trong khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài (9). Sự kiện này cho thấy là

vai trò chủ yếu của khu vực công trong nền kinh tế quốc gia không thay đổi. Mặc dù khu vực tư doanh có hiệu năng cao hơn khu vực quốc doanh, nhưng khu vực tư doanh còn rất yếu kém so với những công ty ngoại quốc. Đây là một những sai lầm trầm trọng của những người quyết định chính sách kinh tế của Việt-Nam. Kể từ ngày Luật Doanh Nghiệp ra đời vào cuối năm 1999 và có hiệu quả vào đầu năm 2000 đến nay chỉ mới có năm năm.

Lạm phát là một trong những lo ngại chính của những kinh tế gia Việt-Nam. Mức lạm phát cao sẽ làm giảm mức độ phát triển kinh tế. Năm vừa qua, lạm phát tính theo giá tiêu thụ (CPI — consumer price index) nhẩy vọt lên 7.8% so với ba năm trước (2001-2003) lần lượt là -0.4%, 3.8%, và 3.1%. Mức lạm phát tiếp tục tăng lên đến 9.1% vào đầu năm 2005. Tiêu thụ gia tăng vào mùa Tết, giá thực phẩm và nhiên liệu lên cao, chính phủ tăng lương cho nhân viên, cúm gia cầm, và đặc biệt là mức cầu nội địa gia tăng là những nguyên nhân của lạm phát.

Ngân Hàng Nhà Nước Việt-Nam vào tháng Hai vừa qua đã tăng lãi suất căn bản từ 7.5% lên 7.8%. Từ tháng 5/2003 đây là lần đầu tiên ngân hàng trung ương tăng lãi suất để chống lạm phát. Vào tháng 6/2004 Ngân Hàng Nhà Nước Việt-Nam đã đòi hỏi các ngân hàng tăng mức độ dự trữ tiền Việt-Nam và ngoại tệ để giảm nhu cầu tín dụng. Tuy nhiên mức gia tăng tín dụng vẫn còn rất cao và ở vào khoảng 36% mỗi năm. Nếu ngân hàng trung ương tiếp tục thi hành những biện pháp tiền tệ cần thiết, mức lạm phát sẽ có cơ hội giảm lần lượt xuống 7.3%, 5.1% và 5.3% trong ba năm 2005-2007 (10).

## Phân tách nhận định của Tiến sĩ Lê Đăng Doanh

TS Lê Đăng Doanh từng là Viện Trưởng Viện Quản Lý Kinh Tế Trung Ương và Kinh Tế Gia Cố Vấn của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư trước khi về hưu. Ông từng là cố vấn kinh tế của cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Duy Trinh, và các cựu Tổng Bí Thư của Đảng CSVN Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười.

TS Lê Đăng Doanh công khai chủ trương cải tổ kinh tế mạnh mẽ từ cuối thập niên 90. Trong bài thuyết trình dành cho BTCTU, một cách mạnh mẽ và thẳng thắn hơn bao giờ hết, TS Lê Đăng Doanh kêu gọi nhà nước cải tổ đất nước về cả hai phương diện chính trị và kinh tế. Ông nhận định rằng: "Hệ thống chính trị của chúng ta có nhiều điểm không còn phù hợp, bất cập và kém hiệu quả, đang tự tạo ra nhiều khuyết tật, tự tạo ra nhiều vấn đề, kết hợp với mặt trái của kinh tế thị trường thì dẫn tới sự chệch hướng rất lớn. Nếu chúng ta kiểm điểm một cách nghiêm túc rằng chúng ta có tạo ra được công bằng xã hội không thì xin báo cáo với các anh là không."

Ông nhận định rằng tình trạng kinh tế tụt hậu hiện nay của Việt-Nam là lỗi lầm trầm trọng của chế độ hiện hữu. Ông phác họa một cảnh tượng khá u ám về thực trạng cũng như triển vọng kinh tế Việt Nam. Như vậy có sự khác biệt nào giữa cái nhìn của chuyên gia Việt Nam với các chuyên gia quốc tế hay không?

Về phương diện con số, chúng ta thấy không có sự khác biệt nào giữa bài thuyết trình của TS Lê Đăng Doanh và báo cáo của ADB. TS Doanh đồng ý với mức độ phát triển khoảng 7.5% dự đoán bởi ADB, nhưng TS Doanh cho biết rằng một số nước Trung Á có mức phát triển không thua hoặc còn cao hơn Việt-Nam như Tajikistan (7% - 2003), Kazakhatan (9.2% - 2003) và Turkmenistan (23.1% - 2003). Tuy nhiên những con số này cũng chỉ có ý nghĩa tương đối mà thôi. Thường những nước nghèo mức phát triển cao ở giai đoạn đầu. Kinh tế càng bành trướng, càng khó đạt được mức phát triển cao như trước. Thí dụ vào năm vừa qua Hoa-Kỳ có mức tăng trưởng là 4.4%, Nhật Bản 2.7%, các nước dùng đồng Euro 2.0%, Hàn Quốc 3.1%, và Tân Gia Ba 1.1%.

Nếu so sánh Việt-Nam vào những thời điểm khác nhau thì hiển nhiên chúng ta thấy có sự tiến bộ. Trong giai đoạn xã hội hoá miền Nam và củng cố xã hội chủ nghĩa miền Bắc, 1975-1985, đất nước đói khổ tột cùng, dân chúng thiếu ăn thiếu mặc. Chỉ cần so sánh giai đoạn cởi trói 1986-2001 (Đổi Mới I) với giai đoạn Đổi Mới II, từ 2002 đến nay, đời sống dân chúng có phần nào khá hơn. Từ mức thu nhập trung bình mỗi người khoảng trên dưới 100 Mỹ kim vào thời kỳ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, đến nay là khoảng 500 Mỹ kim. Như vậy là tăng năm lần trong 30 năm. Nhưng nếu so sánh Việt-Nam với những nước láng giềng, chúng ta thấy Việt-Nam tụt hậu rõ ràng. Chúng ta không thể nào đồng ý hơn với TS Doanh như thế. Thực vậy, mức thu nhập đầu người tính theo mãi lực quân bình của Việt-Nam là US$2,500 vào năm 2003, so với Nam Dương (US$3,200), Phi Luật Tân (US$4,600), Trung Quốc (US$5,000),

Thái Lan (US$7,400), Mã Lai (US$9,000), Đại Hàn (US$17,800), Brunei (US$18,600), Đài Loan (US$23,400), Singapore (US$23,700), và Nhật Bản (US$28,200). Việt-Nam sẽ tiếp tục thua xa các nước láng giềng Á châu và không có hi vọng bắt kịp, nếu không mau chóng thực hiện những cải tổ mạnh mẽ và toàn diện.

Từ một nước nghèo như Việt-Nam vào thập niên 60, sau 30 năm quyết tâm hiện đại hóa đất nước Hàn Quốc đã trở thành nước kỹ nghệ giầu có. Sản phẩm của Đại Hàn có thể cạnh tranh với hàng Nhật và Hoa-Kỳ ở trên thị trường thế giới. Trái lại chiến tranh đã chấm dứt 30 năm rồi, Việt-Nam vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất trong khối Hợp Tác Kinh Tế Á Châu - Thái Bình Dương (APEC - Asia - Pacific Economic Cooperation) và trên thế giới. Trong khi đó cách biệt giầu nghèo ngày càng gia tăng.

## Kết Luận

Thông thường các cơ quan tài chánh quốc tế muốn nhấn mạnh đến những điểm tích cực của Việt-Nam. Nếu phải bàn về những thiếu sót, các cơ quan này khôn khéo dùng những ngôn từ ngoại giao nhẹ nhàng. Còn phúc trình của TS Lê Đăng Doanh có tính cách nội bộ. Do đó ông đã nói thẳng và nói hết. Đó là một khác biệt. Vấn đề kinh tế có mặt phải và mặt trái. Mỗi bên nhấn mạnh về một mặt khác nhau. Đó là khác biệt thứ hai. Ngoài ra không có sự mâu thuẫn. TS Lê Đăng Doanh từng hợp tác chặt chẽ với ADB và các tổ chức kinh tế và tài chánh quốc tế. Ông là người có thẩm quyền về vấn đề kinh tế Việt-Nam dù ông đã về hưu.

Nói tóm lại kinh tế Việt-Nam phát triển đều đặn nhưng chậm và còn ở trạng thái phôi thai. TS Nguyễn Thanh Giang sau khi nghiên cứu tài liệu của TS Lê Đăng Doanh, đã mô tả hoạt động kinh tế của Việt-Nam một cách ngắn gọn như sau: "Bán tài nguyên đất nước, bán khoáng sản, bán dầu khí, bán thủy hải sản, bán sức lao động của công nhân và nông dân ra nước ngoài, rồi đi vay, đi xin và trông chờ vào khoản tiền hơn 3 tỷ của người Việt ở nước ngoài gửi về. Bán tống bán tháo tài nguyên khoáng sản dưới dạng thô là coi như đổ của đi, làm cạn kiệt tài sản quốc gia của con cháu sau này." (11). Đó là một sự thật không thể chối cãi. Nếu Việt-Nam không thực hiện một cuộc cách mạng kinh tế thực sự, triển vọng ba năm tới của Việt-Nam sẽ vẫn dập theo mô hình như vậy, khó có thể tăng cường khả năng cạnh tranh để đối phó với sự xâm nhập của các công ty ngoại quốc một khi Việt-Nam gia nhập WTO.

*15-04-2005*

**Chú thích:**


1. Asian Development Bank, "Asian Development Outlook 2005," April 2005.
2. Brent crude oil spot prices per barrel (bbl).
3. Malcolm Morrison, "Stocks up as price of crude oil decedes, investors look to earning reports," April 6, 2005 Canada Press Online.
4. Le Dang Doanh, "The Enterprise Law and the Development of the Domestic Private Business Sector in Vietnam," Hanoi, May 2004.
5. Xinhua, "International arrivals to Vietnam surge in first 8 months," August 26, 2004.
6. World Bank, "Donors Pledge Continued Support For Vietnam's Poverty Reduction And Growth Objective Towards The Next 5-Year Socio-Economic Period," Hanoi, December 2, 2004.
7. Vũ Minh Khương, "Năm mới nói chuyện đổi mới tư duy," VietnamNet, 05.03.2005.
8. EIU, "Vietnam Country Forecast Summary," March 15, 2005.
9. Le Dang Doanh, "The Enterprise Law and the Development of the Domestic Private Business Sector in Vietnam," Hanoi, May 2004.
10. EIU, "Vietnam Country Forecast Summary," March 15, 2005.
11. Phạm Việt Hùng, "Phỏng vấn TS Nguyễn Thanh Giang về Nhận Định về Tình Hình Kinh Tế Việt-Nam của TS Lê Đăng Doanh," RFA, March 5, 2005.

# GIÁ TRỊ PHÁP LÝ VÀ TÍNH CHÍNH THỐNG CỦA HIẾN PHÁP VIỆT NAM HIỆN NAY

## Từ Cơ Sở Pháp Lý Của Hiến Pháp 1946

Luật Sư NGUYỄN XUÂN PHƯỚC
nxpesq@gmail.com

### Lời Nói Đầu

*Bài viết nầy có mục đích tái khám phá những giá trị cơ bản của hiến pháp 1946 và tra xét lại giá trị của hiến pháp hiện nay của nước cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dựa vào cơ sở của hiến pháp 1946.*

*Nếu hiến pháp 1946 là một hiến pháp hợp pháp khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, thì nguyên tắc lập hiến đòi hỏi các hiến pháp kế thừa của hiến pháp 1946 phải tuân thủ các điều khoản căn bản của hiến pháp 1946. Khi tra xét lại thủ tục ban hành hiến pháp 1959 chúng ta thấy rằng thủ tục ban hành hiến pháp này và các hiến pháp sau đó đã không tuân thủ qui định của hiến pháp 1946 về việc thay đổi hiến pháp. Một khi hiến pháp kế thừa không tuân thủ các điều khoản lập hiến của hiến pháp mẹ thì hiến pháp kế thừa đó bất hợp hiến, bất hợp pháp và không có giá trị chính thống.*

### I. Những Ý Niệm Căn Bản Về Hiến Pháp

Hiến pháp là bộ luật tối cao của một quốc gia định nguyên tắc tổ chức guồng máy công quyền để thực hiện mục đích xây dựng một xã hội trong đó dân làm chủ đất nước nhằm bảo đảm dân quyền và nhân quyền của công dân, và đồng thời bảo đảm tính chất ổn định, chính thống và hợp pháp của nhà cầm quyền. Nhà cầm quyền nào không thực thi hiến pháp, phản bội các điều khoản của hiến pháp, nhà cầm quyền ấy tự mình chấm dứt giá trị pháp lý và tính chính thống về giá trị quyền lực lãnh đạo quốc dân. [1]

Để xác định quyền làm chủ đất nước của nhân dân, hiến pháp luôn luôn phải được toàn thể nhân dân chấp thuận và mọi sự thay đổi hiến pháp phải luôn luôn được toàn thể nhân dân quyết định bằng lá phiếu. Hiến pháp gọi đó là quyền phúc quyết. Quyền phúc quyết cộng với các quyền tự do ứng cử và bầu cử, quyền bình đẳng cơ hội về quyền lợi và nghĩa vụ kính tế chính trị văn hoá, và các quyền công dân khác xác định nhân dân là chủ nhân ông của đất nước. Khi nhân dân được phúc quyết hiến pháp hay được tự do ứng cử và bầu cử đó là lúc họ thực sự hành sử quyền làm chủ đất nước của mình.

### II. Sự Ra Đời Của Hiến Pháp 1946

Năm 1946, Quốc Hội dân cử đầu tiên đã được bầu lên bằng một cuộc phổ thông đầu phiếu đầu tiên của đất nước ta. Sau đó quốc hội được bổ xung thêm các dân biểu là những nhân sĩ và các nhà cách mạng chống Pháp không Cộng Sản. Quốc hội đầu tiên nầy tập hợp được nhiều thành phần xã hội và đảng phái chính trị có những xu hướng khác nhau. Ngoài các nhà cách mạng tả phái mà đại diện là các ông Hồ chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, có sự tham dự của các nhà cách mạng tiên khởi thời Phan Bội Châu như cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng với các nhà cách mạng hữu phái như các ông Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, Trần Trung Dung vv... [2] [3] [4].

Sau đó, Quốc Hội đã bầu ra một Ủy Ban Dự Thảo Hiến Pháp đã gồm 11 người, thuộc mọi thành phần, là đại biểu của các tổ chức, đảng phái chính trị và các tầng lớp nhân dân khác nhau do ông Hồ Chí Minh chủ trì.

Ngày 9 tháng 11 năm 1946, Quốc Hội Việt nam đã thông qua hiến pháp đầu tiên cho một nước Việt Nam độc lập.

Về phần nội dung, Hiến Pháp 1946 đã qui định những quyền căn bản của công dân trong đó có

quyền bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa (điều 6), quyền bình đẳng trước pháp luật (điều 7), quyền tự do ứng cử và bầu cử (điều 18), nhân dân có quyền phúc quyết về hiến pháp (điều 21). Hiến pháp 1946 còn đi xa hơn bằng cách cho phép những người ngoại quốc tranh đấu cho tự do dân chủ mà phải trốn tránh được cư ngụ trên đất Việt nam (điều 16).

Quan trọng nhất là không nó không hề có một điều khoản nào qui định là một đảng phái nào hay một ý thức hệ nào là độc tôn và độc quyền lãnh đạo đất nước như các bản hiến pháp sau này của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà hay Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. [5]

Đứng trên phương diện lịch sử, hiến pháp 1946 là cơ sở pháp lý khai sinh nước Việt Nam độc lập sau hơn 80 năm bị mất chủ quyền về tay thực dân Pháp. Vì cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ sau khi quốc hội thông qua hiến pháp nên hiến pháp 1946 không được chính thức công bố và cuộc tổng tuyển cử nghị viện nhân dân không được thi hành. Tuy nhiên, theo tài liệu của đảng Cộng Sản thì chính phủ và ban thường vụ quốc hội luôn luôn dựa vào tinh thần và nội dung hiến pháp 1946 để điều hành mọi hoạt động trong nước [5] . Và hiến pháp đó có giá trị cho đến năm 1960 khi hiến pháp 1959 được ban hành.

Tài liệu Đảng Cộng Sản cũng đánh giá như sau:

*Hiến pháp 1946 là một bản hiến pháp cô đúc, khúc chiết, mạch lạc và dễ hiểu với tất cả mọi người. Nó là bản hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện.* [6]

Mặc dù chính phủ kháng chiến ra đời không theo thủ tục của hiến pháp vì hoàn cảnh chiến tranh, và mặc dù những điều khoản của hiến pháp đã bị nhà nước vi phạm, chúng ta có thể xác định được rằng chính phủ đã công nhận hiến pháp 1946 là khế ước hợp pháp giữa quốc dân Việt và nhà cầm quyền đương thời. Hiến pháp 1946 xác định những giá trị căn bản về văn hoá, chính trị và kinh tế và biến những giá trị đó thành những lý tưởng và hoài vọng dân tộc mà thế hệ 1945 đã hy sinh xương máu để chiến đấu và bảo vệ. Đồng thời nó xác định nhân dân là chủ nhân ông tuyệt đối của đất nước.

Do đó, hiến pháp 1946 là một hiến pháp tốt, có giá trị pháp lý, và là nền tảng pháp lý ắt có và đủ để xây dựng nước Việt Nam mới, tự do dân chủ và độc lập. **Hiến pháp đó là nền tảng pháp lý cho mọi thay đổi pháp lý của các hiến pháp kế thừa.**

## III. Cái Chết Oan Khiên Của Hiến Pháp 1946 và Tính Chất Bất Hợp Pháp của Các Hiến Pháp Kế Thừa

Xác định tính cách hợp pháp và hợp lý của hiến pháp 1946 để nhấn mạnh một điểm là Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (cho đến năm 1980) và nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (từ năm 1980 cho đến nay) đều phải mang tính kế thừa và mang tính liên tục về mặt pháp lý, tinh thần và nội dung của hiến pháp 1946.

Sau năm 1946, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà có thêm tất cả là ba hiến pháp. Các hiến pháp tuần tự ra đời trong các năm sau đây: 1959 ban hành năm 1960, 1980 và 1992.

Tài liệu đảng Cộng Sản viết về thủ tục ra đời của hiến pháp 1959, là bản hiến pháp kế thừa trực tiếp bản hiến pháp 1946, như sau:

*"Hiến pháp 1946, hiến pháp dân chủ đầu tiên của nhà nước ta đã hoàn thành sứ mệnh của nó, nhưng so với tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới nó cần được bổ sung và thay đổi. Vì vậy, trong kỳ họp lần thứ sáu, Quốc Hội nước Việt nam Dân Chủ Cộng hoà khoá I đã quyết định sửa đổi hiến pháp 1946 và thành lập ban dự thảo hiến pháp sửa đổi."*

Tài liệu này viết tiếp:

*"Sau khi làm xong bản dự thảo đầu tiên, tháng 7 năm 1958 bản dự thảo đã được thảo luận trong các cán bộ trung cấp và cao cấp thuộc các cơ quan quân dân, chính, Đảng. Sau đợt thảo luận này, bản dự thảo đã được chỉnh lý lại vào ngày 1 tháng 4 năm 1959 đem công bố để toàn dân thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng. Cuộc thảo luận nầy làm trong bốn tháng liền tại khắp nơi trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học và các tổ chức khác của nhân dân, ở thành thị và nông thôn, việc nghiên cứu và thảo luận dự thảo hiến pháp tiến hành sôi nổi và đã trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi có đủ các tầng lớp nhân dân tham gia."*

Tài liệu trên kết luận về phần thủ tục thay đổi hiến pháp năm 1959 như sau:

*"Ngày 18-12-1959, tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc báo cáo về dự thảo hiến pháp sửa đổi. Ngày 31-12-1959, quốc hội đã nhất trí thông qua Hiến pháp sửa đổi và ngày 1-1-1960 Chủ tịch ký sắc lệnh công bố hiến pháp."* [7]

Khi bàn về hiến pháp 1959, tài liệu của ĐCSVN viết như sau:

*"Hiến pháp 1959 là sự kế thừa và phát triển*

chủ đất nước của nhân dân, do đó, khi nhân dân không còn quyền phúc quyết hiến pháp, thì quyền làm chủ đất nước đã bị đã bị tước đoạt. Chúng ta có thể kết luận rằng, cái chết của hiến pháp 1946 đánh dấu một giai đoạn lịch sử mà người dân Việt Nam đã bị cướp đoạt quyền làm chủ đất nước.

Vì sự thể điều 70 hiến pháp 1946 qui định thủ tục pháp lý của sự thay đổi hiến pháp,

Vì sự thể lý do sửa đổi hiến pháp có tính chất ngụy tạo,

Vì sự thể thủ tục sửa đổi hiến pháp để cho ra đời hiến pháp 1959 đã vi phạm nghiêm trọng điều 70 nầy,

Vì sự thể hiến pháp 1959 tước đoạt quyền sửa đổi hiến pháp của nhân dân Việt Nam

Chúng ta có thể khẳng định rằng, các hiến pháp từ 1959 trở đi đã phản bội lý tưởng và ước vọng của dân tộc ở đỉnh cao nhất của lòng yêu nước của thế hệ thanh niên và nhân dân ở thời đại 1945.

Đồng thời, hiến pháp 1959 cùng các hiến pháp xuất hiện sau đó hoàn toàn bất hợp hiến và bất hợp pháp vì không có tính kế thừa và tính liên tục về mặt pháp lý, tinh thần và nội dung của hiến pháp 1946. Do đó, các hiến pháp kế thừa không có năng lực pháp lý để xác định tính chất hợp pháp và chính thống của nhà cầm quyền.

## IV. Lối Ra và Lối Về

Vì quyền phúc quyết của nhân dân về mọi thay đổi hiến pháp xác định quyền làm chủ đất nước, sự thể đảng Cộng Sản Việt Nam ngang nhiên dùng hiến pháp 1959 để bãi bỏ quyền phúc quyết trong thủ tục lập hiến của người dân là hành vi tước đoạt quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam.

Nhận định về tính chất dân chủ của thủ tục lập hiến của nước ta hiện nay, luật sư Nguyễn Văn Thảo, cố vấn pháp luật của quốc hội và bộ chính trị ĐCSVN, trình bày trong bài viết "Soạn thảo, sửa đổi hiến pháp, và thực hiện bảo vệ hiến pháp" đăng trong Tạp Chí Cộng Sản số 12 tháng 6-2001, cho rằng thủ tục lập hiến của các hiến pháp xuất hiện sau hiến pháp 1946 không có tính cách dân chủ. Trong bài nầy Luật Sư Thảo đã có những nhận định về thủ tục soạn thảo hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 như sau:

*"Thực tiễn nước ta có hai công thức soạn thảo (hiến pháp):*

*"Ban soạn thảo hiến pháp + trưng cầu dân ý (hiến pháp 1946)*

*ạn thảo hiến pháp + hỏi ý kiến nhân*
*pháp 1959, 1980, 1992)*
*ai công thức trên, tổ chức trưng cầu*
*ột thành tựu về phát huy dân chủ trực*
*hất là để từng công dân tham gia trực*
*ệc thông qua hiến pháp.*
*ức thành lập Ủy Ban soạn thảo, tổ chức*
*nhân dân rồi trình lên Quốc Hội thông*
*ệc lấy ý kiến nhân dân khác hẳn với*
*ý dân. Tập hợp ý kiến của nhân dân để*
*ản dự thảo Hiến Pháp, công dân không*
*ái độ trực tiếp với dự thảo Hiến Pháp,*
*n gia việc thông qua Hiến Pháp."* [10]

ủ tục soạn thảo hiến pháp mà "công
; được tỏ thái độ trực tiếp với dự thảo
, không tham gia việc thông qua Hiến
định tính chất mất dân chủ của hiến
Đó là trường hợp ra đời của các hiến
, 1980 và 1992. Đồng thời đó là lời xác
phạm trầm trọng điều 70 của hiến pháp
guyên tắc trưng cầu dân ý những thay
háp.

uận hiến pháp, luật sư Thảo muốn thay
/N khéo léo nhấn nhủ với nhân dân
pháp hiện nay hoàn toàn không có tính
hủ, vì trên cơ sở điều 70 của hiến pháp
ng hiến pháp sau này không hợp hiến
àn không có giá trị pháp lý.

ế độ hợp pháp không thể được xây dựng
iến pháp bất hợp pháp. Đây là khủng
ı pháp lớn nhất trong mọi khủng hoảng
liên quan đến giá trị chính thống (le-
của chế độ.

ác, sự hiện diện của các đảng phái
ıg Sản trong việc hình thành hiến pháp
hấy rằng có một mối tương quan chặt
inh thần dân chủ đa nguyên và hiến
. Nếu hiến pháp 1946 thể hiện những
à ước vọng của thế hệ 1945 về một tổ
ập, về một thể chế dân chủ đa nguyên,
ng sự đoàn kết của toàn dân trong công
ranh chống Pháp, là đỉnh cao của các
cách mạng từ Phan Bội Châu, Phan
, Nguyễn Thái Học, Trương Tử Anh, và
Cộng Sản yêu nước thì cái chết của
hản bội toàn bộ lý tưởng của thế hệ
ìa nhân dân Việt Nam.

muốn tái lập tính chính thống lịch sử
ý của chế độ hiện nay, muốn giải trừ
ính, muốn xây dựng một chế độ dân
uyên, điều thiết yếu là quốc hội và nhà

nước Việt Nam phải trở về với những giá trị của hiến pháp 1946 và mọi thay đổi hiến pháp phải tuân thủ những quy định điều 70 của hiến pháp nầy.

## V. Kết Luận

Vì hiến pháp là luật pháp tối cao xác định giá trị pháp lý của nhà nước, do đó, với một hiến pháp không có cơ sở pháp lý như hiến pháp hiện nay, nhà nước không có năng lực pháp lý để tồn tại. Và nhà nước không thể tiếp tục tồn tại và lãnh đạo đất nước trong tình trạng không hợp pháp, không hợp hiến và không có tính chất chính thống.

Đối với nhân dân Việt Nam, vấn đề không phải là vấn đề thay đổi, chắp vá vài ba chương, hay hai ba điều khoản của hiến pháp hiện nay như ĐCSVN đề nghị, hoặc chỉ bỏ điều 4 hiến pháp như một số nhà đấu tranh dân chủ đề nghị. **Những thay đổi hiến pháp chỉ có giá trị khi quyền phúc quyết hiến pháp của nhân dân được tái lập cùng với sự hình thành một ủy ban bầu cử quốc gia độc lập và đa nguyên để bảo đảm cho tính chất trong sáng của các cuộc bầu cử hoặc trưng cầu dân ý theo như tinh thần của hiến pháp 1946.**

Khổng Tử viết: "thượng bất chính, hạ tắc loạn." Trong thời đại dân chủ, một nhà nước không có cơ sở hiến pháp dân chủ hợp pháp và chính thống để chứng minh sự tồn tại của nó là một trường hợp "thượng bất chính" nghiêm trọng nhất của mọi trường hợp "thượng bất chính" và nó sẽ dẫn tới một kịch bản "hạ tắc loạn."

Chúng ta có thể nhận định được ngay là nỗ lực giải quyết khủng hoảng hiến pháp là đầu mối để tháo gỡ chế độ thượng bất chính hiện nay. Nó sẽ là căn cứ địa hồi sinh dân tộc. Bất kỳ nhân dân một chọn lựa phương cách giải quyết khủng hoảng hiến pháp như thế nào, hoặc quay trở về với hiến pháp 1946 hoặc thực hiện một hiến pháp mới, tất cả đều phải tuân thủ nguyên tắc lập hiến của hiến pháp 1946. Nó sẽ là cơ sở pháp lý ắt có cho sự ra đời của một nước Đại Việt thời đại 2000. Chỉ có giá trị của hiến pháp 1946 mới có thể tiếp nối giá trị chính thống về lịch sử, phục hồi chỗ đứng lịch sử của các đảng phái cách mạng yêu nước, và bảo toàn giá trị chính thống của cuộc chiến tranh giành độc lập.

Với một hiến pháp xác định quyền làm chủ đất nước của người dân, nhân dân Việt mới có thể hành xử quyền làm chủ đất nước của mình. Từ đó, người dân có thể thực hiện quyền chọn lựa người lãnh đạo đất nước mà không phải qua những cơ quan đề cử của đảng, để đồng tiền của người dân bỏ ra thực hiện những cuộc bầu cử không bị lãng phí, để mọi người cùng nhau xây dựng một xã hội dân sự trên nền tảng chế độ dân chủ pháp trị.

Chỉ có một chính quyền có giá trị chính thống về lịch sử và pháp lý mới có đầy đủ cơ sở vật chất và tinh thần để thực hiện công cuộc phục hưng dân tộc, phục hoạt văn hoá, và bảo toàn lãnh thổ, để tiếp nối sứ mạng cứu quốc tồn chủng của tiền nhân. Cơ sở vật chất và tinh thần đó của dân tộc là sức mạnh để đưa đất nước ra khỏi cơ chế độc đoán trì trệ và ao tù của chuyên chính, để đưa dân tộc Việt vào giai đoạn cất cánh kinh tế toàn dân. Có như thế, nước Đại Việt của thời đại 2000 mới có thể hoà nhập được với cộng đồng các dân tộc văn minh tiến bộ của nhân loại ở thế kỷ 21, và để rửa mối nhục nghèo đói và lạc hậu của xã hội chủ nghĩa hiện nay.

*8/8/2002 được viết lại 3/24/2005*

Chú thích

[1] Jean Jacque Rousseau, *Social Contract*, lưu trữ ở http://books.mirror.org/gb.rousseau.html

[2] Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi Ký Nguyễn Xuân Chữ*. Nguyễn Xuân Phát và Chính Đạo hiệu đính, Văn Hoá, Houston ấn hành 1996. trang 301-310

[3] Chú thích của người viết: Các tài liệu lịch sử về cuộc bầu quốc hội và danh sách quốc hội rất là thiếu sót. Tôi rất mong được các nhà sử học trong nước và ngoài nước góp thêm ý kiến và sử liệu.

[4] Nguyễn Lý Tưởng, *Thuyền Ai Đợi Bến Vân Lâu*, trang 77, Tác giả Xuất Bản Hoa Kỳ 2001

[5] Hoàn Cảnh Ra Đời Và Nội Dung Cơ Bản Của Hiến Pháp 1946,

http://www.cpv.org.vn/vietnam/hp46.html

[6] Hoàn Cảnh Ra Đời Và Nội Dung Cơ Bản Của Hiến Pháp 1946,

http://www.cpv.org.vn/vietnam/hp46.html

[7] Hoàn Cảnh Ra Đời và Nội Dung Cơ Bản Của Hiến Pháp 1959

http://www.cpv.org.vn/vietnam/hp59.html

[8] Nguyễn Văn Thảo, "Soạn thảo, sửa đổi hiến pháp, và thực hiện bảo vệ hiến pháp," *Tạp Chí Cộng Sản* tháng 6-2001 http://www.cpv.org.vn/tccs/122001/10-nguyenvanthao.htm

[10] Nguyễn Văn Thảo, Soạn thảo, sửa đổi hiến pháp, và thực hiện bảo vệ hiến pháp, *Tạp Chí Cộng Sản* tháng 6-2001, http://www.cpv.org.vn/tccs/122001/10-nguyenvanthao.htm

## THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

# CHIẾN-TRANH MỸ Ở IRAQ: HAI NĂM SAU

CỔ LŨY

*Tháng Tư năm 2003, khi bắt đầu thu-thập tài-liệu sách-vở để viết về cuộc chiến của Mỹ ở Iraq (cho số THẾ-KỶ 21, số 171, tháng Bảy, 2003) sau khi quân-đội chiếm đóng Mỹ tiến chiếm thủ-đô Baghdad và lật đổ tượng Saddam Hussein ngày 9 tháng Tư, chúng tôi đã mở bài như sau:" Cuộc chiến của Mỹ ở Iraq kể như đã xong rất nhanh chóng về mặt quân-sự (giống như ở A-Phú-Hãn—Afghanistan) —mặc dầu qua lời các sĩ-quan chỉ-huy, sinh-mạng của lính Mỹ bị đe-dọa hơn bao giờ hết vì công-tác cảnh-binh hàng ngày cùng những chống-đối của dân-chúng Iraq, ở cả thành-phố lớn lẫn vùng hẻo-lánh xa-xôi. Mỗi tuần lại có báo-cáo vài lính Mỹ thiệt mạng vì súng đạn, tấn-công thù-nghịch, hoặc tai-nạn." Tuần lễ kỷ-niệm đúng một năm sau, từ bắc tới nam Iraq bùng nổ trong một cơn nước lửa với hơn năm-mươi lính Mỹ thiệt mạng và cả ngàn người dân Iraq thương-vong: Công-trường nơi có tượng Saddam Hussein cũ được bao quanh bằng xe thiết-giáp với loa phóng-thanh đe-dọa bắn tại chỗ nếu người Iraq xuất-hiện khuấy-phá. Lực-lượng hùng-hậu và thiện-chiến Mỹ không dám vào hai thành-phố Fallouja (thuộc giáo-phái Hồi Sunni ở phía bắc), Najaf (thuộc giáo-phái Hồi Shiite phía nam) và khu ổ chuột Sadr City (hơn hai triệu người Shiite và dân-quân Amadhi ở ngay thủ-đô Baghdad); tiểu-đoàn đầu tiên do Mỹ huấn-luyện thuộc "Quân-đội Iraq Mới" không tuân lệnh tấn-công người Iraq. Mối lo-âu binh-sĩ Mỹ sẽ phải đương-đầu với chiến-tranh du-kích trong-thành phố đắt giá (như ở thành-phố Mogadishu, Somalia thời 1993) đã tránh được năm trước nay đã thành sự thật và đòi-hỏi những biện-pháp quân-sự cũng như giải pháp chính-trị cấp-bách —cũng để đối-phó với dư-luận hơn một nửa dân-chúng Mỹ không bằng lòng cách chính-quyền hành-xử ở Iraq.*

*Ngày 9 tháng Tư năm 2005, đúng hai năm sau khi lật đổ tượng Saddam Hussein, giữa thủ-đô Baghdad hàng chục ngàn người Shiite từ khu ổ chuột Sadr City dồn về công-viên có tượng Hussein cũ biểu-tình bất bạo-động đòi quân-đội Mỹ rút khỏi Iraq. Đây là dấu hiệu không tốt cho quân-đội chiếm đóng vì chính người Shiite mang ơn Hoa-Kỳ lật đổ Hussein từng đàn-áp họ đã đứng lên phản-đối. Nhưng nhìn ở khía cạnh khác đây cũng là dấu-hiệu tốt: hàng chục ngàn người có thể tu-tập phản-đối mà không có đổ máu hoặc khủng-bố cho thấy an-ninh và "dân-chủ" đã hé mở như một báo hiệu mới.*

*Hai năm sau những khó-khăn về tái-thiết vẫn không thay đổi mà còn như trầm-trọng hơn. Nhưng về mặt chính-trị có nhiều biến-chuyển lớn-lao—không nhất thiết là thuận-lợi cho Hoa-Kỳ—với bầu-cử quốc-hội lập-hiến cuối tháng Giêng 2005.*

*Bài sau đây nhìn lại hai năm trước và tình-hình hiện-tại cũng như chiều-hướng sẽ tới ở Iraq—cũng là điển- hình cho những thử-thách đối với "Chủ-thuyết Bush" (Bush Doctrine) đơn-phương đánh phủ đầu quân-sự, không cần lý-do chính-*

*đáng và dư-luận quốc-tế, để bảo-vệ quyền-lợi Mỹ có thực hoặc giả-tạo.*

*CỔ-LŨY*

Hai năm trước những tính toán lạc quan về quân sự của Hoa-Kỳ trước khi tấn công Iraq đã thành sự thật. Rằng quân lực Iraq chỉ chống đối qua loa và lực lượng Mỹ sẽ nhanh chóng tiến chiếm thủ đô Baghdad và lật đổ ông Saddam Hussein. Rằng thêm nữa quân Iraq sẽ không chịu tuân lệnh sử dụng "vũ khí có tầm tác hại lớn" (WMD, Weapons of Mass Destruction)), hoặc sẽ bị lực lượng Mỹ ngăn cản sử dụng WMD.

Cũng hai năm trước, ở mặt khác những tính toán chính trị không xảy ra đúng như Hoa-Kỳ mong muốn. Rằng đa số dân chúng Iraq sẽ hân hoan đón mừng "giải phóng" khỏi ách Saddam (dân chúng hân hoan lẻ tẻ mấy ngày đầu, và ông Bush "thất vọng" vì không đủ người Iraq lật đổ tượng Saddam, phải nhờ đến xe cần trục nhà binh Mỹ buộc giây kéo đổ; nay thì dân phản đối Mỹ bằng biểu tình và bạo động). Rằng một chính quyền Iraq có Mỹ ủng hộ và ủng hộ Mỹ sẽ được đặt để nhanh chóng (cho đến nay vẫn chưa có chính phủ) Rằng những xung đột phe nhóm, chủng tộc và tôn giáo sẽ hạn chế và dễ khống chế (bất ngờ lớn: nhóm giáo phái Hồi Shiite có ủng hộ của đa số dân Iraq và Iran ngay cạnh như đang tích cực sửa soạn chính quyền Hồi giáo kiểu Iran). Rằng ngọn sóng bài Mỹ ở các nước Hồi giáo khác sẽ không đưa đến hậu quả ghê gớm (từ giữa tháng Năm năm 2003 cho đến nay bom và chất nổ "khủng bố Hồi giáo" đe dọa hoặc nổ khắp từ bắc Phi châu sang đông và tây Phi châu, "Trung Đông," Chechnya và đông cùng nam Á châu— và một năm trước đây khốc liệt ở Tây-Ban-Nha—nhằm vào những nước hòa hoãn hay ủng hộ Mỹ ở Iraq). Rằng lực lượng Mỹ sẽ rút ra khỏi Iraq sau giai đoạn chiếm đóng tương đối ngắn từ sáu tháng tới một năm (tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và tướng John Abizaid, chỉ huy trưởng Central Command—CentCom, bao gồm Iraq—và tổng thống Bush đều tuyên bố Mỹ cần phải ở lại Iraq nhiều năm nữa).

Những tính toán bi quan đã thành hình. Rằng người Iraq có thể sẽ chống đối "giải phóng" Mỹ bằng những phá hoại và khủng bố, những biểu tình bất bạo động lẫn bạo động. Rằng người thiểu số Kurd ở phía bắc, người Hồi giáo phái Sunni ở trung (tổng cộng khoảng 40 phần trăm dân số), và người Hồi giáo phái Shiite (khoảng 60 phần trăm) ở nam và trung Iraq có sự ủng hộ quyết liệt của anh em Shiite (ở Iran ngay cạnh và từng nắm chính quyền từ cuối thập niên 1970) sẽ tranh chấp dành quyền lợi và quyền lực đưa đến xung đột, kẹp cứng quân lực Mỹ vào giữa. Rằng quân đội Mỹ sẽ phải ở lại Iraq cả chục năm hoặc cả thế hệ để giữ trật tự. Rằng điều này sẽ đưa đến oán ghét và chống đối Mỹ trong khắp Iraq và thế giới Hồi giáo làm gia tăng khủng bố khắp nơi.

## I. NHÌN LẠI LÝ-DO CUỘC CHIẾN

Trong những tuyên bố công khai Tổng thống Bush cùng các nhân vật quan trọng trong chính quyền ông đã đưa ra ba lý do chính cho chiến tranh Mỹ ở Iraq và lật đổ ông Saddam Hussein: 1) Giải giới toàn bộ lò WMD của ông Saddam; 2) giảm thiểu mối đe dọa khủng bố quốc tế; và 3) triển dương dân chủ ở Iraq và những khu vực lân cận. Đây là những lý do hay mục tiêu vĩ đại cho cuộc chiến vội vã —nhưng có thật là như vậy chăng?

**A. Vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD)**

Trước khi tấn công Iraq, trong giai đoạn sửa soạn tâm lý và dư luận chính trị trong nước cũng như thế giới, lý do chính quyền Bush thường đưa ra là mối đe dọa nguy hiểm của WMD từ phía Iraq. Nếu Iraq tấn công Hoa-Kỳ bằng WMD, tai họa lớn lao sẽ xảy ra gấp bội những tai họa trong vụ tấn công 11 tháng Chín, 2001 —và tổng thống có quyền sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đánh phủ đầu (preemptive strike) nhằm ngăn chặn đe dọa WMD. Nhưng nếu WMD là mối bận tâm lớn lao của tổng thống Bush, ông đã bận tâm không đúng chỗ. Những tài nguyên dồi dào của Mỹ —quân lực, tiền bạc và thế lực, ảnh hưởng chính trị lớn lao trên toàn thế giới– có thể được sử dụng đúng chỗ hơn: Bắc-Hàn, Hồi-Quốc (Pakistan) vàmới đây là Ba-Tư (Iran). Bất cứ ai có chút ít hiểu biết về mối đe dọa WMD trên thế giới cùng các giả thiết quốc phòng của Mỹ hoặc theo rõi tin tức quốc tế đều thấy là mối đe dọa WMD lớn nhất trong giai đoạn hiện nay nằm ở Bắc-Hàn cộng sản và Hồi-Quốc. Hai nước này là đe dọa lớn nhất vì nhiều lý do sau đây. Cả hai có nhiều WMD gấp bội Iraq. Hồi-Quốc có đến vài tá đầu đạn nguyên tử cùng với phi đạn và máy bay đủ khả năng chuyên chở những đầu

đạn này hàng trăm dặm. Hồi-Quốc cũng bị nghi là đã phát triển vũ khí hóa học. Bắc-Hàn bị xem là có đủ chất plutonium để chế dăm sáu bom nguyên tử. Bắc-Hàn cũng tàng trữ nhiều vũ khí hóa học và phi đạn liên lục địa —hiện nay có tầm hoạt động đến các tiểu bang phía tây Hoa-Kỳ. Đầu năm 2005 Bắc-Hàn chính thức tuyên bố mình có vũ khí nguyên tử, và Ba-Tư cũng đang trên đường đi tới vũ trang nguyên tử. Ngược lại, Iraq không có vũ khí nguyên tử. Giới khoa học và tình báo quốc tế đều xác nhận phải vài năm nữa, nếu còn Saddam Hussein, và với điều kiện thuận tiện nhất, Iraq mới đủ khả năng. Iraq có thể có vài vũ khí hóa học và sinh học và khoảng một tá phi đạn loại Scud. Từng được sử dụng trong chiến tranh Ku-wait (1991) không chắc Iraq còn giữ được những phi đạn này, và cũng không chắc nếu còn những phi đạn này có sử dụng được không, hoặc tầm hiệu lực quân sự đi đến đâu. Sau khi chiếm đóng Iraq, với cả trăm ngàn lính, với đủ khí cụ tối tân cùng chuyên viên khoa học kỹ thuật và tình báo ở ngay trong Iraq Hoa-Kỳ vẫn chưa thấy một dấu vết nào về vũ khí hóa học, sinh học hay hạch nhân.

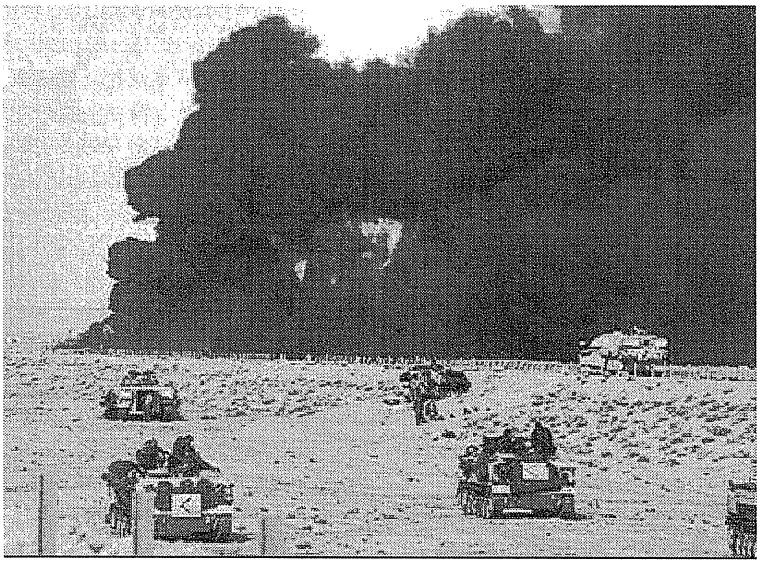

Một năm sau chiếm đóng, thất vọng vì chính quyền Bush không đưa nổi một bằng chứng về WMD thượng nghị sĩ thâm niên và lão thành Robert Byrd (Dân chủ, Virginia) tuyên bố trước thượng viện là chính quyền dùng WMD "đánh lừa" dân chúng Mỹ để xâm lăng Iraq, và nhiều người trong giới truyền thông nhại chữ WMD (Weapon of *Mass Distraction*) để nói về vũ khí ngoại giao ông Bush dùng để đánh lạc dư luận quần chúng về những trì trệ kinh tế trong nước. Từ tháng Sáu WMD bắt đầu thành vấn đề chính trị khó khăn cho chính quyền Bush và chính quyền thủ tướng Tony Blair ở Anh (xin xem bài *Chiến-Tranh Của Mỹ Ở Iraq: Một Năm Sau, Thế-Kỷ 21*, tháng Năm 2004, cùng người viết). Tổng thống Bush lại cả quyết là Iraq có "chương trình," hay kế hoạch sản xuất WMD, và Saddam Hussein là người "nguy hiểm" để tránh mũi dùi dư luận đối lập tố cáo chính quyền bóp méo sự thật để đánh lừa dân chúng về mối đe dọa của WMD. Phát triển đáng ngạc nhiên là việc truy lùng WMD ở Iraq, từ giữa tháng Sáu 2003, được trao trọn vào tay giám đốc CIA George Tenet (đã bị thay thế bởi nghị sĩ Porter Gross), người đứng sau những tuyên bố đao to búa lớn về WMD của những nhân vật nòng cốt chính quyền Bush. Những nhân vật này nay kêu gọi thế giới hãy kiên nhẫn chờ đợi bằng chứng về WMD —dù trước đây chính họ không kiên nhẫn để cho phái đoàn thanh tra LHQ làm công tác này. Ông Tenet cũng chọn ông David Kay, một chuyên viên trong phái đoàn thanh tra LHQ — mà trước đây chính quyền Bush không tin tưởng chút nào — để cầm đầu nhóm 1300 chuyên viên Mỹ truy lùng WMD ở Iraq sau khi tướng James Conway, chỉ huy Thủy quân Lục chiến Mỹ ở đây, cho những tin tức tài liệu của CIA về WMD là hoàn toàn sai lạc.

Sau khi hoàn tất tám-mươi-lăm phần trăm công tác truy lùng WMD ông David Kay quyết định từ chức vì không có dấu hiệu gì về WMD ở Iraq. Cuối tháng Giêng 2004 ra điều trần trước Quốc hội ông Kay tuyên bố, "Theo ước lượng của tôi chúng ta hoàn toàn sai lầm về WMD ở Iraq... Và đây là chuyện không thể tưởng tượng được." Ông phủ nhận tất cả những xác quyết của chính quyền về WMD trước đây: những toán truy tầm dưới quyền ông không tìm thấy một mảy may bằng chứng gì về vũ khí hóa học, sinh học và chương trình tái lập vũ khí hạch nhân. Ông cũng không

tìm thấy bằng chứng nào về việc Saddam Hussein chuyển vũ khí bất hợp pháp cho Al Qaeda hay bất cứ tổ chức khủng bố khác.

Sau khi ông Kay từ chức, việc tìm kiếm WMD được trao vào tay một nhân vật nhỏ bé hơn, Charles Duelfer, với một ngàn rưỡi chuyên viên tình báo, kỹ thuật. Tháng Mười năm qua ông Duelfer báo cáo Iraq không có WMD và đã ngừng sản xuất WMD từ năm 1991, sau chiến tranh ở Kuwait.(như Liên-Hiệp-Quốc điều tra và báo cáo trước khi Hoa-Kỳ đơn phương tấn công Iraq). Sau bầu cử tổng thống đầu tháng Mười-một năm qua, và trước khi tổng thống nhậm chức nhiệm kỳ hai một tuần lễ, tòa Nhà-Trắng nhận rằng sau hai năm truy lùng không có bằng chứng gì về WMD mà chính quyền Bush đã dùng làm cớ gây chiến tranh chiếm Iraq và triệt hạ Saddam Hussein.

**B. Chống khủng bố**

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm chiếm Iraq và lật độ Saddam Hussein là đỉnh cao và thành công lớn lao của cuộc chiến chống khủng bố. Không có bằng cớ về liên hệ giữa Saddam và Al Qaeda, Taliban hoặc bin Laden, chính quyền đưa ra lý luận mơ hồ rằng thái độ thù nghịch của Saddam đối với Mỹ nuôi sống và làm hứng khởi đe dọa khủng bố chống Mỹ. Dựa vào đây chính quyền kết luận rằng nếu triệt hạ được Saddam, khủng bố quốc tế sẽ thấm đòn nặng và khả năng khủng bố sẽ yếu hẳn đi. Những thăm dò dư luận cho thấy trước chiến tranh, dựa vào lời tổng thống, hai phần ba dân chúng Mỹ tin rằng Saddam Hussein giúp Osama bin Laden tấn công khủng bố Hoa-Kỳ trong vụ 11 tháng Chín.

Trong diễn văn Tình hình Liên bang tháng Giêng 2003 tổng thống Bush tuyên bố rõ rệt rằng Saddam Hussein trợ giúp và bảo vệ khủng bố, kể cả các thành viên Al Qaeda. Điều này có đúng phần nào: Iraq, cũng như đa số các nước Hồi giáo A-Rập, đều trợ giúp tiền bạc cho các nhóm Palestine chống Do-Thái. Sau chiến tranh, phóng viên của tờ *Los Angeles Times* có đi thăm một trại huấn luyện của nhóm Hồi giáo cực đoan Ansar al Islam ở phía bắc Iraq và tìm thấy bằng cớ là thành viên Al Qaeda có đến đây sau khi chạy trốn khỏi Afghanistan. Nhưng điểm đáng chú ý là trại huấn luyện này nằm trong khu vực tự trị của người thiểu số Kurd có không lực Mỹ và Anh yểm trợ và Saddam Hussein không có quyền hành gì trong vùng.

Sự thật là liên hệ giữa Saddam và khủng bố - nếu có liên hệ nào đó - là một liên hệ thù nghịch. Những tổ chức, phong trào Hồi giáo cực đoan, khủng bố đều có mục tiêu lật đổ bất cứ chính quyền trong thế giới Hồi nào không chịu theo Hồi giáo chính thống và thay vào đó bằng chính quyền Hồi giáo cực đoan (ví dụ như ở Ba-Tư và Algerie). Theo lý thuyết của Al Qaeda, những chính quyền nặng phần đời hơn phần đạo như chính quyền đảng Baath của Saddam, chính quyền ở Ai-Cập (Egypt) , Jordan và Saudi Arabia phải bị đạp đổ (Đây cũng là lý do tại sao hoàng tộc Saudi Arabia bỏ ra nhiều tiền bạc, có lẽ hơn ai hết, nhằm mua chuộc Al Qaeda và bin Laden để được yên thân. Điều này ai cũng rõ, trừ giới chính quyền Mỹ ngoảnh mặt làm ngơ, vì Saudi Arabia là nước sản xuất và cung cấp dầu cho Hoa-Kỳ nhiều nhất). Nếu Hoa-Kỳ lật đổ Saddam và thay vào đó bằng một chính quyền không bị chi phối bởi tôn giáo hơn cả chính quyền Saddam (như đúng ý Mỹ, tổng thống Bush và một số giới lãnh đạo Tin-lành Mỹ có ảnh hưởng lớn với tổng thống) và được hỗ trợ bởi sức mạnh quân sự Mỹ, ngọn lửa Hồi giáo cuồng tín cực đoan chẳng khác gì được đổ thêm dầu.

Điều dễ thấy hơn nữa là phản ứng dân chúng Hồi giáo đối với cuộc tranh chấp giữa Do-Thái và người anh em Hồi Palestine. Đa số người Ả-rập Hồi giáo, dù ưa hay ghét Saddam Hussein, đều xem Hoa-Kỳ là nước đạo đức giả (nếu không nói là tệ hơn nữa): một mặt chấp nhận và ngay cả ủng hộ chính sách khủng bố của nhà nước (state terrorism) Do-Thái đối với người Palestine bị Do-Thái chiếm đóng, một mặt lên án và tìm cách trừng phạt Saddam vì ông đối xử tàn bạo với dân chúng trong nước Iraq. Nhận xét này là căn bản tinh thần và hành động chống đối liên minh Do-Thái-Mỹ trong thế giới Hồi giáo. Việc Hoa-Kỳ xâm lăng Iraq, nước A-Rập Hồi-giáo độc nhất khả dĩ có thể đe dọa Do-Thái về mặt quân sự, không làm giảm mà thật sự gia tăng tinh thần và hành động nói trên. Như đã thấy trrong năm qua và hiện nay, một loạt những khủng bố bạo động mới nhắm vào những nước Hồi giáo hòa hoãn với Hoa-Kỳ và những nước ủng hộ Hoa-Kỳ trong chiến tranh ở Iraq —có vẻ như gián tiếp nhắm vào Hoa-Kỳ, đủ để cảnh cáo nhưng cũng không làm dân chúng Mỹ cáu kỉnh đến độ có lợi cho ông Bush (người đuợc "hưởng lợi nhiều nhất," theo tuần báo *Newsweek,* mượn danh nghĩa chống khủng bố).

Khi bom đạn, hỏa tiễn Mỹ rơi ào ạt trong đợt tấn công Iraq đầu tiên tổng thống Ai-Cập Hosni

Mubarak cảnh cáo: thay vì một, Hoa-Kỳ đang nuôi dưỡng một trăm Osama bin Laden trong thế giới Ả-Rập.

Gần một năm sau khi tiến chiếm Iraq với chiêu bài tiêu diệt liên hệ hỗ tương giữa Iraq và khủng bố tổng thống Bush phải xác nhận là "không có bằng chứng gì về Saddam Hussein liên hệ đến vụ 11 tháng Chín."

Một năm sau chiếm đóng cho đến nay, ngoài dự đoán của chính quyền, "khủng bố" nội địa (không có liên hệ với Taliban và Bin Laden) bùng nổ ngay thủ đô Iraq đầu tháng Tư 2004: sau khi tờ báo của ông bị cấm phát hành và một phụ tá bị bắt giữ, lãnh tụ Shiite trẻ tuổi cực đoan Muqtada Al Sadr ở Baghdad (sau đó rời ngay về thánh địa Shiite ở Najaf, nam Iraq, để nới rộng tầm hoạt động và bảo tồn an ninh) công khai nổi dậy chống đối quân đội chiếm đóng với hứa hẹn liên kết chặt chẽ với hai nhóm khủng bố cảm tử cực đoan Palestine là Hamas và Hezbollah —đúng như lời ông Mubarak đã cảnh cáo. Phía tây và cách thủ đô khoảng ba-mươi dặm trong cạnh nằm của "tam giác Sunni" dân chúng ở Fallouja (hay Al Fallujah) tấn công lực lượng an ninh tư của Mỹ, đốt cháy và bêu xác bốn nhân viên an ninh tư cho các công ty đấu thầu làm ăn lớn như KBR—có tiền thân là RMK ở Việt-Nam trước đây—thuộc đại công ty Halliburton có liên hệ chặt chẽ với phó tổng thống Cheney, và công ty Bechtel. Vụ bêu xác này làm rung chuyển chính quyền Bush vì hơn mười năm trước lính Mỹ được lệnh cấp tốc rời bỏ Somalia sau khi dân chúng nước này bắn hạ trực thăng Black Hawk và lôi một xác lính Mỹ bêu riếu trên phố phường Mogadishu.

Trong năm 2004 một lãnh tụ nổi dậy chống Mỹ Abu Musah Zarqawi, gốc người Jordan, trở thành lừng lẫy với những bắt cóc và xử tử công khai người ngoại quốc qua truyền hình và những nổ bom cảm tử theo kiểu các nhóm Palestine chống Do-Thái cực đoan như Hamas, Lữ-đoàn Tử-đạo Al Aqsa (nhánh cực đoan thuộc phong trào kháng chiến lâu đời Al Fatah của cố lãnh tụ Yasser Arafat) và Hezbollah (có bản doanh ở Lebanon và Syria). Giới tình báo tin rằng Zarqawi có liên hệ với Bin Laden. Nhưng có lẽ đây chỉ là liên hệ ý thức hệ và đường lối hoạt động tổng quát: chống Mỹ và triệt hạ quyền lợi Mỹ khắp nơi bằng bạo lực ngoạn mục, để gây tiếng vang lớn bằng các nhóm đột kích nhỏ, di động luôn luôn và độc lập, không cần điều hợp nặng nề và dễ lộ liễu. Và với những mục tiêu nhân sự, cơ sở và tài sản Mỹ có ngay ở Iraq những nhóm này không phải đi đến Hoa-Kỳ để khủng bố phá hoại —khó khăn hơn và dễ bị dư luận bất lợi. Những thành viên dưới quyền của Zarqawi phần đông là những người trẻ tình nguyện không thuộc gốc Iraq đến từ nhiều nơi trên thế giới, từ người A-Rập trong vùng cho đến người Hồi giáo từ khắp Âu châu đến. Zarqawi và những nhóm nổi dậy nội địa mà đến nay Hoa-Kỳ vẫn chưa xác nhận được tung tích gần đây nhắm hẳn vào người Iraq hợp tác với Hoa-Kỳ, làm việc hoặc xin việc với Mỹ bằng ám sát, bắt cóc hay nổ bom giết hại tập thể. Các nhóm nội địa cũng như nhắm hẳn vào mâu thuẫn giữa người Shiite và Sunni, nhất là sau khi nhóm Sunni tẩy chay bầu cử và Shiite thắng cử vẻ vang cuối tháng Giêng vừa qua, nhằm gây chia rẽ và thúc đẩy nội chiến.

Khủng bố nội địa cho thấy kết quả rõ rệt là người Iraq không dám làm việc với quân đội và cơ quan chiếm đóng. Gần đây mỗi ngày hầu như có vài chục người Iraq bị tử thương vì khủng bố ngăn chặn không cho họ tham gia lực lượng quân sự hay an ninh có Hoa-Kỳ bảo trợ. Công tác thầu tái thiết Iraq cũng không hoạt động mấy vì thiếu nhân viên cấp thừa hành bản xứ (sợ bị khủng bố giết hại), giao thông vận tải quá nguy hiểm, và ngân sách dành cho an ninh mỗi ngày một nặng (từ 25 phần trăm trở lên trên sở phí điều hành).

Báo cáo đầu năm 2005 của CIA ghi nhận chiến tranh Iraq hiện nay là môi trường huấn luyện cho thế hệ khủng bố Hồi-giáo "chuyên nghiệp" ("professionalized") sắp tới.

## II. XUẤT-CẢNG DÂN-CHỦ TỰ-DO

Lý do rất lớn —nhưng đến phút chót chính quyền Bush mới đưa ra cho thế giới và dư luận Mỹ biết— xâm lăng Iraq và lật đổ Saddam là để dọn đường cho dân chúng Iraq thành lập một chính phủ thật sự dân chủ. Đây sẽ như ngọn đuốc soi sáng và gây hứng khởi cho cả thế giới Hồi giáo hồ hởi tiến lên đường dân chủ hóa, với thêm hàm ý rằng chuyện này có thể giải quyết tranh chấp đẫm máu trên nửa thế kỷ giữa Do-Thái (có Mỹ hỗ trợ) và Palestine (với khối Ả-Rập Hồi giáo hỗ trợ). Có thể xuất cảng tự do dân chủ đến thế giới Hồi giáo là điều hay, và đáng khuyến khích, nhưng trở ngại chính ở Iraq là người Shiite đa số không những chống đối Mỹ chiếm đóng Iraq mà cả nỗ lực mang đến dân chủ kiểu Tây phương mà Hoa-Kỳ nghĩ là dân chúng sẽ hoan nghênh.

**A. Bầu cử đầu năm tại Iraq**

Một năm rồi hai năm sau, vì không còn nại được cớ WMD và liên hệ giữa Saddam Hussein với khủng bố, lý do xiển dương dân chủ ở Iraq và "Trung Đông" trở thành lập luận chính cho việc tấn công và chiếm đóng Iraq. Với chú tâm "đi vào lịch sử" bằng một "di sản chính trị," trong nhiệm kỳ hai tổng thống Bush càng đẩy mạnh lý do dân chủ tự do. Đây cũng trùng hợp với nhu cầu chính thức hóa sức mạnh, vai trò và quyền lợi đa số Shiite —sau bao nhiêu năm bị Saddam Hussein và giáo phái Sunni thiểu số đàn áp— và do đó giới lãnh đạo giáo phái Shiite đồng ý và thúc đẩy tổng tuyển cử quốc hội lập hiến cũng như chọn lựa chính quyền mới từ đây. Tháng Giêng 2004 giáo sĩ Abdelaziz Hakim, nhân vật thân cận nhất của Đại giáo sĩ Ali Sistani — lãnh tụ Shiite uy tín và thế lực nhất ở Iraq, nhưng không bao giờ chịu trực tiếp giao thiệp với Hoa-Kỳ— gặp tổng thống Bush tại Hoa-Thịnh-Đốn ấn định thể thức và lịch trình tổng tuyển cử. Sở dĩ chính quyền Bush phải làm theo ý phái Shiite vì, chỉ cần một giáo lệnh, Đại giáo sĩ Ali Sistani có khả năng đẩy cả trăm ngàn giáo dân Shiite xuống đường đả phá mọi quyết định hay hành động bất lợi cho đa số Shiite. Như ấn định, tổng tuyển cử đã diễn ra đúng theo ý phái Shiite cuối tháng Giêng vừa qua với các liên danh Shiite chiếm số phiếu tương xứng với đa số Shiite trong nước; nhóm thiểu số người Kurd cũng chiếm tỉ số tương xứng với dân số Kurd; chỉ có người Sunni tẩy chay bầu cử bị loại ra ngoài. Tổng thống Bush rất hài lòng vì bầu cử "dân chủ" nhưng các nhà quan sát chính trị không đồng ý với ông. Trước hết bầu cử dân chủ tự do không phải là kế hoạch tiên khởi của Hoa-Kỳ. Ngay từ đầu, kế hoạch chính là đặt để tay chính khách hoạt đầu Ahmad Chalabi, từng lưu vong và làm việc cho CIA cùng bộ Quốc phòng Mỹ bốn thập niên vừa qua, vào vị trí lãnh đạo Iraq như một thứ tay sai bù nhìn. Từ 2004 Chalabi đã bị thất sủng, nhưng lại nhẩy vào được một liên danh Shiite ra ứng cử.

Thứ hai cuộc tổng tuyển cử chỉ có hình thức dân chủ tự do mà thôi. Phần lớn các ứng viên trên các liên danh đều là vô danh vì họ không dám lộ diện ứng cử và vận động tranh cử. Nhiều ứng viên còn cố dấu tên tuổi mình đi vì sợ bị giết chết. Với rất ít kinh nghiệm chính trị người đi bầu không biết bầu cho ai trừ những người cùng giáo phái (Shiite) hoặc cùng chủng tộc (Kurd). Hơn nữa, tổng thống Bush không thể nói đây là bầu cử dân chủ tự do được vì chính ông đã tuyên bố trong tháng Ba vừa qua rằng không thể có bầu cử tự do dân chủ khi một nước bị quân lực ngoại bang chiếm đóng (ý nói về bầu cử mùa hè sắp tới ở Lebanon với khoảng mười-bốn ngàn lính Syria chiếm đóng giữ an ninh) khi tổng thống muốn Syria rút ra khỏi Lebanon. Hiện Iraq có khoảng 170 ngàn lính ngoại bang chiếm đóng, trong đó hơn 140 ngàn là lính Mỹ cũng với lý do giữ an ninh. Dư luận dân chúng Iraq cho thấy chín-mươi-hai phần trăm dân nghĩ rằng đây là quân đội chiếm đóng ngoại bang; chỉ có hai phần trăm nghĩ rằng đây là quân đội giải phóng.

**B. Những cái bất tiện của dân chủ tự do**

Trong bài viết một năm trước về Iraq, người viết có đưa ra một số giả thiết về dân chủ ở Iraq.

Trong một nước với tinh thần quốc gia cao và chống đối đế quốc mạnh mẽ, nếu Iraq có dân chủ tự do thật sự Hoa-Kỳ sẽ gặp nhiều khó khăn không nhỏ. Hoa-Kỳ sẽ tính sao nếu Iraq chọn một chính sách dầu hỏa độc lập khác với ý Mỹ, như một chính quyền trước đây đã làm? Hoặc giáo phái đa số Shiite nắm chính quyền qua bầu cử hợp hiến (đây là lý do chính phái Shiite đòi bầu cử trực tiếp, mỗi người dân một phiếu đúng nguyên tắc dân chủ mà Hoa-Kỳ phản đối hoàn toàn trước đây) và quyết định liên minh với anh em Shiite láng giềng cầm quyền ở Iran, hay các thế lực Hồi giáo bảo thủ khác chống lại Hoa-Kỳ? Hoặc Iraq, một trong những xã hội A-rập tương đối tiến bộ với khuynh hướng xã hội, không chịu đi theo kinh tế thị trường toàn cầu kiểu Mỹ? Hoặc một chính quyền Iraq hợp hiến quyết định tái vũ trang để chạy đua với Do-Thái đã có vũ khí hạch nhân?

Liệu Hoa-Kỳ có chấp nhận những giả thiết rất có thể thành sự thật nói trên theo đúng nguyên tắc dân chủ chăng? Hay như theo lời một phụ tá của tướng hồi hưu "phó vương" đầu tiên Iraq Jay Larner (đã bị thay thế bởi đặc sứ L. Paul Bremer III —cũng đã bị thay thế bởi nhà ngoại giao kỳ cựu John Negroponte, cũng đã từ chức để lên cầm đầu tình báo Mỹ), "Dân chủ rất là chộn rộn. Nhưng Hoa-Kỳ đã tính toán hết rồi." Như ở nhiều nơi khác trước đây, Hoa-Kỳ muốn chắc chắn quyền lợi kinh tế, chính trị, quân sự và chiến lược của mình được bảo đảm tối đa và dân chủ tự do cũng như kinh tế thị trường hầu như chỉ là cái đến sau —chẳng khác mấy cái cớ "khai phóng" làm nòng cốt trong chính sách và hành động thực dân đế quốc ở các thuộc địa của Anh ("white men's burden") hoặc Pháp ("mission civilisatrice") hai thế

kỷ trước.

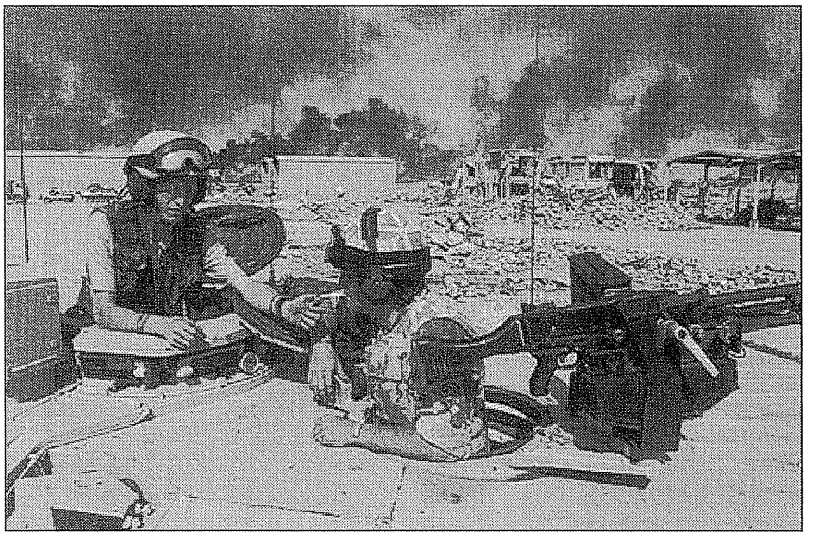

Như đã nói trên phái Shiite đa số muốn thực thi dân chủ mỗi người dân một lá phiếu (bầu cử trực tiếp để chọn đại diện dân chúng vào quốc hội): đây rõ ràng là dân chủ chính hiệu và có lợi cho phái Shiite, nhưng chắc chắn là bất lợi cho Hoa-Kỳ. Gần đây, theo giáo sư Juan Cole, một học giả uy tín về "Trung Đông" và Bắc Phi thuộc viện đại học Michigan, tổng thống Bush rất dấn thân vào dân chủ hóa nguyên vùng, nhưng ông cũng muốn những chính quyền trong vùng phải thân thiện với Hoa-Kỳ, tôn trọng người dân, không nặng về tôn giáo (Hồi giáo) quá, tư bản về mặt kinh tế, và sẵn sàng chống lại những nhóm chống Mỹ cực đoan. Nhưng nếu những bầu cử tự do không mang lại những chính quyền mong muốn thì sao? Nếu những chế độ mới thân thiện với các nước hoặc nhóm mà Hoa-Thịnh-Đốn xem như kẻ thù thì sao? Nếu dân chủ tự do đặt sức mạnh quyền uy vào tay những chế độ không chia xẻ những giá trị và mục tiêu của Hoa-Kỳ thì sao?

Sau bầu cử phái Shiite chiếm 175 ghế trong quốc hội; liên minh người Kurd gồm hai đảng chính chiếm 75 ghế; phái Sunni chiếm được có 25 ghế. Như thế phái Shiite chiếm đa số rõ ràng và gồm hai đảng chính: đảng Dawa với lãnh tụ Ibrahim Jafari (đã thành lập từ năm 1950 với mục tiêu xây dựng một cộng hòa Iraq Hồi giáo) và Hội-đồng Tối-cao Cách-mạng Hồi-giáo ở Iraq (Supreme Council for Islamic Revolution in Iraq, hay SCIRI), đảng mạnh nhất trong liên danh Shiite, và với cái tên cho thấy rõ đảng này muốn gì ở Iraq. Như đã nhắc ở trên, giáo sĩ Abdelaziz Hakim, một người thân cận nhất của Đại giáo sĩ Ali Sistani, là lãnh tụ SCIRI và ông cũng bị xem như có tham vọng biến Iraq thành một nước thần quyền như Iran—nơi ông từng lưu vong và sống gần nửa đời người. Ông được xem như người đứng đầu danh sách nhân vật nổi của Shiite để nắm chính quyền (hoặc tổng thống hay thủ tướng) và cũng là chỉ huy trưởng Lữ-đoàn Badr gồm khoảng hai-mươi ngàn lính vũ trang đầy đủ và từng thử lửa chống Saddam Hussein tám năm trời từ Ba-Tư dưới quyền Đại giáo sĩ phái Shiite Rulollah Khomeini —người từng gọi Hoa-Kỳ là "Quỉ Satan" và cũng là cha đẻ ý thức hệ của Bin Laden. Sau khi Hussein bị lật đổ năm 2003, ông cùng người anh (bị ám sát ngay tháng Tám cùng năm) trở về Iraq cùng Lữ-đoàn Badr và thành nhân vật thân cận của Đại giáo sĩ Sistani (cũng từng lưu vong lâu năm ở Ba-Tư).

Giáo sĩ Hakim sẽ tham gia quốc hội nhưng từ chối không nhận chức vụ nào trong chính quyền sắp tới, tuy nhiên chắc chắn ông sẽ có ảnh hưởng lớn lao trên bất cứ ai trong vai trò lãnh đạo Iraq. Người được chọn thay thế Hakim vào chức thủ tướng là bác sĩ Ibrahim Jafari tương đối được xem là ôn hòa thuộc đảng Dawa. Ông và đảng Dawa cũng lưu vong ở Ba-Tư và được nhận vào dưới trướng của ông Khomeini, kẻ thù không đội trời chung của Hoa-Kỳ. Tuy ôn hòa hơn ông Hakim cả hai đều nhận là muốn chuyển Iraq vào hướng thần quyền tôn trọng giá trị và luật lệ Hồi giáo (Sharia).

Phái Shiite đa số cũng đi những bước có thể làm chính quyền Bush không yên tâm. Họ cho thấy rõ là sẽ nhập quân đội riêng của Shiite vào quân lực mới của Iraq: hai-mươi ngàn lính trong Lữ đoàn Badr của SCIRI, từng được huấn luyện và trang bị bởi Vệ-binh Cách-mạng Ba-Tư, và Dawa cũng có cả chục ngàn dân quân (militia). Hai đảng đa số cũng tuyên bố sẽ sát nhập dân quân Al Madhi, với cả chục ngàn người từ hai triệu người trong khu ổ chuột Sadr City ngay thủ đô Bagdhad, dưới quyền giáo sĩ trẻ Muqtada Al Sadr từng đánh du kích chống Mỹ ở ngay Bagdhad và thánh địa Najaf ở Nam Iraq cùng nhiều nơi khác. Trước đây ông Jafari cũng tuyên bố ông

muốn mang Muqtada Al Sadr vào chính quyền và ông cũng chống lính Mỹ đánh chiếm Fallouja, trọng tâm của tam giác Sunni liên tục chống Mỹ bằng du kích và khủng bố ngay từ 2003. Qua nhiều phỏng vấn ông Jafari đã cảnh cáo nỗ lực của Hoa-Kỳ nhằm phá hoại liên hệ giữa Iraq và Ba-Tư , nơi ông vẫn thăm viếng để tham khảo ý kiến. Rõ ràng là chính phủ Iraq mới dưới quyền ông Jafari sẽ lập và thi hành những chính sách mà Hoa-Thịnh-Đốn không bằng lòng chút nào.

Hai tháng rưỡi sau bầu cử — dân chúng đã nản lòng và bất mãn vì những giằng co, mặc cả sau hậu trường giữa các liên danh đắc cử— một danh sách lãnh đạo cao cấp thành hình giữa tháng Tư với ông Ibrahim Jafari ( Shiite) làm thủ tướng (quan trọng nhất), ông Jalal Talabani (Kurd) làm tổng thống với hai phó tổng thống, một Shiite và một Sunni. Những giằng co, mặc cả sẽ tiếp tục và kéo dài hơn nữa giữa các phe phái tranh giành các chức bộ trưởng trong nội các mới. Sau đó sẽ còn nhiều mặc cả, giằng co khi soạn thảo hiến pháp —chắc chắn sẽ không ra đời trong tháng Tám như dự định cho kịp tổng tuyển cử cuối năm nay. Nguy hiểm lớn là với tình trạng không có chính phủ chính thức những hoạt động nổi dậy, chống đối, phá hoại gia tăng về mọi mặt— đến mức đe dọa chức vụ thủ tướng của ông Jafari (ông có thể bị thay thế nếu không có nội các đầu tháng Năm).
Dù thế nào, điểm thấy rõ ràng là phái Shiite sẽ nắm vững nhánh lập pháp và hành pháp, và chủ động soạn thảo hiến pháp hướng nặng về Hồi giáo; giới lãnh đạo và dân chúng Iraq đại đa số đều muốn quân đội Mỹ ra khỏi đất nước họ. Chính quyền Bush có thể chấp nhận như vậy chăng? Nếu không chính quyền sẽ phản ứng ra sao? Dĩ nhiên với "cuộc chiến chống khủng bố" và "xiển dương dân chủ" chính quyền sẽ không ngồi im chịu trận.

Theo giáo sư Cole, nếu Hoa-Thịnh-Đốn lại quen dùng thủ đoạn cũ —hoạt động khuynh đảo ngầm, lấy phiếu trong quốc hội bằng đe dọa hoặc hối lộ, hay sử dụng các tay sai kiểu người hùng độc tài như tướng Pervez Musharraf ở Hồi-Quốc— dân chúng Iraq sẽ bùng nổ vì bất mãn. Bởi vì cái tệ hại hơn cả sống dưới chế độ độc tài là được hứa hẹn dân chủ tự do rồi chẳng được chút tự do dân chủ nào.

Như lời sử gia và nhà ngoại giao lỗi lạc George F. Kennan —kiến trúc sư của chiến lược "ngăn chặn, be bờ" cộng sản (containment) suốt bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh (nhưng cũng chống Chiến-tranh Iraq, và cũng vừa mới mất giữa tháng Ba)— tuyên bố sáu tháng trước khi ông Bush tấn công Iraq, "Hôm nay nếu chúng ta tiến chiếm Iraq như tổng thống muốn, ta có thể biết điểm bắt đầu. Nhưng ta sẽ không bao giờ biết điểm chấm dứt của cuộc chiến."

Như lời kết trong bài về Iraq một năm trước, chuyện chiến tranh của Mỹ ở Iraq sẽ còn kéo dài.

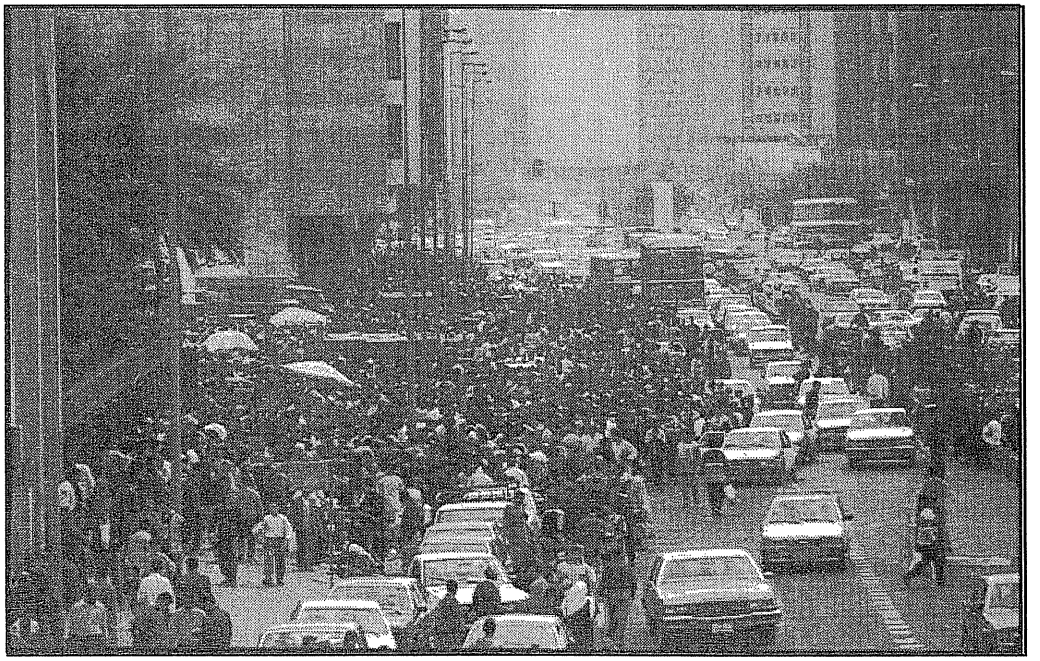

*Thành phố Baghdad những ngày thanh bình*

# HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

TRẦN NGỌC NINH

Sự liên hệ giữa Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du không phải chỉ là một giai-thoại nhỏ trong văn-học-sử, hay là một quãng thời trong tiểu-sử của hai nhà văn mà càng ngày dân Việt Nam càng quí mến. Tôn trọng dưới ánh sáng của nền phê-bình mới, giải thoát ra khỏi những mặc-cảm chính trị của một thời đen tối đã qua và những giáo điều đạo-đức của ý-hệ phong-kiến rất cổ-hủ. Văn-thơ trác-tuyệt của Tố Như Nguyễn Du và Tây Hồ nữ sĩ Hồ Xuân Hương để lột trần những thối-nát của xã hội dưới các lớp hào nhoáng của giới quyền thế và giới ăn chơi, và đề ra những tư-tưởng nhân-bản rất phóng khoáng, rất hiện thực của hai người đã được nhân dân Việt Nam đón nhận như chưa từng thấy cho một tác-giả nào ở bất cứ nơi đâu trên thế-giới. Bài này không nói gì đến tư-tưởng và văn-chương của hai bậc kì-tài này ở đầu thế-kỉ thứ Mười Chín. Nhưng một phần nào kể rõ được mối tình văn-chương giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương theo những tài-liệu đã được phát hiện mà chưa được nghiên cứu kĩ-càng. Mặc dầu vẫn còn một số chi tiết chưa được sáng tỏ và còn phải chờ sự khám-phá ra những tài-liệu mới mà sự đích xác và trung-thực được xác định bằng những phương-pháp khoa-học, tác giả những dòng này có thể nói rằng cái hình-bóng thanh-tú thấp-thoáng của Hồ nữ sĩ trong văn-thơ của Tố-Như, đến có thể nói hơn nữa rằng

*Hương thừa dường hãy ra vào đâu đây*

trong Đoạn Trường Tân Thanh, là một trong những chứng-tích lớn để định được thời-gian Nguyễn Du viết Truyện Kiều, và là một lí-lẽ quyết định để nói rằng Đoạn Trường Tân Thanh không phải là một truyện dịch từ Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, như Trung-quốc vẫn còn nhất định chủ trương, mà chủ yếu là một bài thơ trường-thiên mà thi-sĩ Tố Như đã viết ra về cuộc đời tình cảm và tư-tưởng của chính mình, trên cái sườn hay cái cốt mượn của một truyện bán-lịch-sử, dựng lên ở Trung-quốc vào cuối đời Minh.

Mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương là một chuyện mà gần như trong nước không ai biết cho đến khoảng 1963, ông Trần Thanh Mại tìm thấy lại một tập thơ, đề là *Lưu Hương Kí*, của Hồ Xuân Hương, trong có 52 bài: 24 bài chữ Hán và 28 bài chữ Nôm. Trong số các bài thơ nôm, có một bài rất quan trọng mà không ai dám ngờ đến, một bài đề rõ là

*Cẩm cựu kiêm trình*
*Cần-chính Học-sĩ Nguyễn-Hầu*
(Hầu, Nghi Xuân, Tiên-Điền-nhân)

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung*
*Mượn ai tới đấy gửi cho cùng*
*Chữ tình chốc đã ba năm vẹn*
*Giấc mộng rồi ra nửa khắc không*
*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập*
*Phấn son càng tủi phận long đong*
*Nếu còn mảy chút sương đeo mái*
(HXH = sương siu mấy)
*Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.*

Tập *Lưu Hương Kí* chắc-chắn là sưu tập các thơ mà Hồ Xuân Hương ưng thuận nhận là của chính mình, vì trong các thơ chữ Hán có năm bài về Vịnh Hạ Long mà GS. Hoàng Xuân Hãn cũng đã tìm thấy ở Thư-viện Quốc-gia Pháp, đề là của Hồ Xuân Hương.

Còn bài thơ nôm thì là bài thơ độc nhất mà ta biết chắc là của Hồ Xuân Hương gửi cho Nguyễn Du, vì đề rõ là gửi cho Cần-Chánh Học-sĩ Nguyễn Hầu, là người quê ở Nghi-Xuân, Tiên-Điền. Bà không kí tên, nhưng có ghi chỗ ở mà Nguyễn Du biết, là *Lầu Nguyệt*, tức *Cổ Nguyệt Đường*, chỗ bà mở một ngôi hàng bán giấy bút và sách ở Nghi Tàm, bên bờ Hồ Tây.

Trong bài thơ:

- Hai câu đầu nói về nỗi nhớ-nhung trong những năm xa cách,

- Rồi đến hai câu nhắc lại quá khứ. Ở trên, tôi nói đến mối tình giữa hai người, không phải là chuyện bày đặt. Chính là Hồ Xuân Hương nói đến "chữ tình," đã đi đến độ cùng xây Mộng, nhưng không xa hơn.

- Rồi đến hai câu nói đến hiện-tại. Nguyễn Du thì đã đạt được nguyện-vọng quan sang, còn Hồ Xuân Hương còn "tủi phận long đong," vì đã lấy chồng và đã bỏ chồng.

- Hai câu kết là một lời yêu cầu và hẹn hò. Có sự yêu cầu: Bà đang buồn tủi vì long đong, và cần sự nâng đỡ, nhưng không nói ra. Còn sự hẹn hò thì quá rõ, vì Lầu Nguyệt là nơi hai người đã ngồi ngắm trăng với nhau ngày xưa, và bà sẽ một mình đợi người xưa suốt đêm hôm ấy. Tuy-nhiên, Bà chưa biết tính ý của Ông bây giờ như thế nào, nên có một câu thử lòng và nói khích trước.

*Nếu còn mẩy chút sương đeo mái*

cũng là một câu nhún mình không thể nhún nhường hơn ở một người đàn bà, nhất là khi người ấy là Hồ Xuân Hương.

Ba chữ nôm sau cùng "*sương đeo mái*" được GS. Hoàng Xuân Hãn đọc là "*sương siu mấy*." Tôi không đồng ý vì nếu "*sương siu*" là danh-từ, thì chữ "mấy" là sai ngữ-pháp, hơn nữa lại nghịch với "mẩy chút" 'một chút síu nào.' Ba chữ này, tôi nghĩ như nhiều người khác, trong số có hai ông Chi Điền Hoàng Duy Từ và Hương Giang Thái Văn Kiểm, là "sương đeo ở mái nhà," với nghĩa là 'nhớ đến người con gái đã được thương yêu lúc trước' [có hai từ/*mái*/đồng âm: 1 /*mái*/ 'nóc nhà' và 2 /*mái*/ 'giống cái']. Tôi còn dám nghĩ là khi Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đi lại với nhau, Hồ Xuân Hương gọi Nguyễn Du là *Anh Sương*, có lẽ vì ông hay đội sương đến từ sớm hay rời nhà Cô khi sương xuống quanh Hồ đã dầy - Nguyễn Du cũng gọi Xuân Hương khi thì là *Mai*, khi là *Xuân*, khi là *Hương*, và trong thơ, gọi Cô là Minh Nguyệt hay rõ hơn nữa, là *Cổ* thì minh *Nguyệt*.

Bức thư trên được đưa tay đến cho Nguyễn Du khi năm 1813, ông từ Phú Xuân, trở lại Thăng Long để lên đường đi sứ sang triều cống Hoàng Đế Trung Hoa, lúc đó là vua Càn Long. Do đó mà trong bức thư của Hồ Xuân Hương có câu:

*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập*

Nguyễn Du lúc đó là Chánh-Sứ, và trong chức-vụ ấy, đã được quan tuyên-úy thành Thăng Long tiếp rước, đưa về nhà khách của Chính-phủ, và mời ăn bữa tiệc tối có cầm ca.

## Nguyễn Du quen biết với Hồ Phi Mai vào lúc nào?

Nguyễn Du sinh năm 1765 (Ất Dậu) ở Thăng Long con của Nguyễn Nghiễm (1708-1775) làm chức Tư-Đồ (Tể-Tướng) trong triều, chỉ dưới có Chúa Trịnh (Trịnh Sâm), và em của Nguyễn Khản (1734-1786) Thượng Thư Bộ Lại của Chúa Trịnh Tông. Bị bắt phải về quê ở Tiên Điền, Hà Tĩnh, để học một ông bác đậu tiến-sĩ nhưng không tham chính, Nguyễn Du phải lo học rồi đi thi. Có lẽ vì quá tài hoa nên thi chỉ đỗ Tam Trường (đại khái là Tú-tài) và bị cha gửi lên Thái Nguyên làm con nuôi một viên quan võ, và khi bố nuôi chết thì được kế chân với chức Chánh Thủ-hiệu.

Nghe tin Nguyễn Huệ đem quân Bắc-tiến lần thứ ba và đã đánh tan quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị và Sầm Nghi Đống chỉ huy ở Ngọc-Hồi và Thăng Long, Vua Lê Chiêu Thống cũng đã chạy theo quân Tàu, Nguyễn Du từ Thái Nguyên vội vàng về Thăng Long rồi chạy theo vua lên Lạng-sơn, chắc là với ý định bảo giá. Nhưng tới Ải Nam-quan thì bên phía Trung-hoa, cửa quan đã đóng và được canh phòng cẩn mật. Nguyễn Du đành trở về, đến với anh ruột là Nguyễn Nễ, đã theo vua Quang Trung cùng với một người bạn thân là Đoàn Nguyễn Tuấn.

Tình thế lúc này rất phức tạp và không có một tài-liệu nào nói về Nguyễn Du và gia đình. Ở Tiên Điền thì, vì một người anh là Nguyễn Quýnh tổ chức dân làng chống lại Tây Sơn nên cả làng bị tàn phá, còn nhà cửa, lâu đài của cha bị đốt trụi. Ở Thăng Long thì Dinh Kim-Âu của Nguyễn Khản, mà sách *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* khen là tuyệt trần, "có núi, có hồ, có cây, có đá" thì đã bị phá nát bởi bọn kiêu-binh nổi loạn. Không biết Nguyễn Du lấy vợ năm nào, tôi nghĩ là vào lúc Nguyễn Du thất bại trong dự-tính hộ-giá và đang ở trong một trạng thái tâm-lí hoang-mang, cùng-quẫn đến cực-điểm, Nguyễn Nễ và Đoàn Nguyễn Tuấn đã bàn tính với nhau rồi cho Nguyễn Du cưới vội cô em gái của Đoàn để có thế cấp tốc về ẩn thân ở nhà vợ tại Quỳnh Côi, Thái Bình.

Thời gian Nguyễn Du về trốn ở đây, mà trong thơ ông gọi là "*Thập tải phong-trần*" 'mười năm gió bụi' (loạn lạc) (1789-1798) và trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, được ghi lại rằng

*Phong trần mài một lưỡi gươm*
*Những phường giá áo túi cơm xá gì*

ông vẫn nuôi cái mộng "phục quốc," nhưng trong thực-tế thì sống lo-âu, sợ-hãi trong sự rình mò của bọn nông dân đi theo Tây Sơn trong làng:

*Nhà tối, giun bò ra*
*Bếp hoang, cóc ngồi chật*

Nguyễn Du tự ví với con mối hay thằn lằn nằm khoanh tròn trên cái vách nát, chờ bọn ếch nhái chồm lên đớp.

*Trăng soi vách thủy, khoanh lằn mối,*
*Nước cạn đầm hoang rộn ễnh ương* (hà mô)

Sau đó, được về ở quê nhà mình tại Tiên Điền, Hà-Tĩnh trong năm năm (1798-1802) chịu cảnh nghèo đói, lại bệnh tật mà không tiền thuốc men, ông vẫn tính chuyện khôi-phục lại được chế độ cũ và đã liều lĩnh trốn lên Nghệ An rồi lên đường vào Nam để giúp Nguyễn Ánh nhưng rồi bị bắt giam, may mắn mà khỏi chết chém. Lúc được thả ra thì như người cuồng, chuyển từ sự muốn tu tiên đến giấc mộng hành lạc

*Cuộc vui suốt tháng, trận cười thâu đêm.*

Suốt mười lăm năm ròng của tuổi trẻ, từ lúc 23 tuổi đến năm 38 tuổi (từ 1789-1802), Nguyễn Du không lúc nào thảnh thơi mà nghĩ đến những chuyện đào hoa, mà cũng không sao có được phương-tiện mà lên Thăng Long thường xuyên để đi lại với cô hàng sách trẻ đẹp ở Hồ Tây.

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn (Hồ Xuân Hương)*

Mọi việc khác đi hẳn sau khi Nguyễn Du được Vua Gia Long phong cho làm Tri-huyện Phù Dung ở Trấn Sơn Nam-Thượng, rồi làm Tri-phủ Phủ Thường Tín.

Hồ Xuân Hương tên thực là Hồ Phi Mai, con một nhà nho tên là Hồ Phi Diễn, gốc ở huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, Nghệ An, nhưng đến đời Hồ Phi Diễn thì di cư ra Bắc, ở ngoại-ô phía Tây Thăng Long, có lẽ là tại làng Bưởi.

Năm sinh của Hồ Phi Mai không được ghi trong gia-phả, ước chừng trong khoảng 1770 đến 1774, sau năm sinh của Nguyễn Du từ 6 đến 10 năm. Vì không có con trai, nên Hồ Phi Diễn dạy con gái học chữ mặc dầu con gái không có quyền thi cử; và có lẽ vì ông chết sớm, nên Phi Mai từ sớm đã được đọc nhiều sách gọi là "ngoại thư" mà không có ai ngăn cản, nên tính tình phóng khoáng, tư-tưởng tự do hơn người.

Sau khi cha chết, Hồ Phi Mai và mẹ dọn nhà ra ở một ngôi nhà có gác ở Nghi Tàm, trên bờ Hồ Tây, đề biển là Cổ Nguyệt Đường, nhà dưới làm một cửa hàng bán giấy bút và sách. Ông Phạm Trọng Chánh cho rằng quán sách của Hồ Phi Mai ở Nam Phố gần chùa Lý-Quốc-sư, nhưng không có lẽ nhà lại có bảng hiệu mà quán sách lại không; vả lại các khách tài-tử văn-nhân làm quen với Hồ Phi Mai rồi lui tới thơ phú với Cô là ở quán sách, rồi ngồi chơi ngay đó mà ngâm vịnh, chứ không có lí ghé mua sách ở hiệu mà lại được mời về nhà riêng chuyện trò.

Nguyễn Du quen với cô hàng sách của Cổ Nguyệt Đường, nhiều phần là trong thời-gian ông làm tri-phủ Thường Tín, hay trước nữa, khi làm tri-phủ Phù Dung. Hai nơi này không xa Thăng Long, mà Nguyễn Du lúc này không còn úy-kị gì nữa, nên sự đi lại tự do, không phải dè dặt, trốn tránh. Khi về Thăng Long thì ông phải ở trọ, không biết rõ ở đâu, có gần cửa Bắc để đi lên Hồ Tây cho dễ hay không. Gần như chắc chắn rằng giữa hai người qua văn thơ, qua phong cảnh đẹp và nên thơ của Hồ Tây, và nhất là qua sự quyến luyến bịn-rịn của người khách hàng đẹp trai,

*Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa,*

là Nguyễn Du, sự thân mật của cặp tài-tử và giai-nhân này đã tăng dần và tiến đến chỗ

*Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.*

Hai người đao dắt tay nhau đi dạo cảnh hồ như Nguyễn Du kể lại trong thơ của *Đoạn Trường Tân Thanh*

*Ngày xuân lắm lúc đi về với Xuân*

[Chữ Xuân sau chỉ vào chính Hồ Xuân Hương]

Và cũng đã nhiều chiều, về nhà với nhau, hai người đã dạo chơi trong vườn với đào, với mai, hay cùng nhau lên gác nguyệt ngắm trăng:

*Khi gió gác, khi trăng sân*
*Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nói thơ,*

hay ngồi uống trà với nhau, bên bàn cờ vây hoặc cùng nhau hòa đàn

*Khi hương sớm, khi trà trưa,*
*Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.*

Đá là những cái thú tao-nhã và thanh-lịch mà cặp tài-tử với giai-nhân thường vui thưởng trong ba năm liền, mà Hồ Xuân Hương gọi là "tình" và Nguyễn Du cũng không quên được khi ông nhận được bức hoa-tiên của nàng. Ông cho Kim Trọng nói ra hộ ông:

*Sầu đong càng lắc càng đầy*
*Ba thu rồn lại một ngày dài ghê*

(dị bản: dọn lại)

Vào một ngày Tết Đoan-Ngọ, Nguyễn Du đến Cổ Nguyệt Đường từ sáng tinh sương, vẻ trang trọng và hơi buồn rầu, Phi Mai hỏi thì Nguyễn Du nói thực rằng ngày lễ Kỉ-niệm thi-sĩ Khuất Nguyên nước Sở (đã ôm bọc đá sỏi trầm mình ở Sông Mịch-La để khỏi thấy cảnh nước mình bị nhà Tần thôn tính), ông buồn vì đã không được chết như thế khi Nhà Lê, mà ông thờ phụng, bị mất, vua phải lưu lạc sang Tầu. Hồ Xuân Hương - từ đây tôi sẽ dùng cái bút-hiệu cao-quí thanh tao này của Phi Mai-, liền vào trong bưng ra cho Nguyễn Du một đĩa bánh trôi mới nấu xong, với một bài thơ tứ-tuyệt, nét bút còn ướt. Thơ rằng:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*
*Bảy nổi ba chìm với nước non,*
*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*
*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

Nguyễn Du rất phục và tăng thêm lòng kính trọng người thục-nữ chí cao. Ít lâu sau thì có chiếu chỉ gọi Nguyễn Du vào kinh. Nguyễn Du vẫn thầm ước mong được vào chầu vua vì biết rằng với một chức quan nhỏ ở Bắc hà xa xôi thì không hi vọng gì tỏ lộ được tài của mình. Ông cũng có chút lo âu vì mình không được theo Vua từ đầu và có những tin đồn về sự đa-nghi, quyết đoán và dữ dằn của Vua. Ông đến với Hồ Xuân Hương để thăm dò ý-kiến và có lẽ tạm thời từ biệt; vì thực tâm ông muốn lai kinh để thử thời-vận. Hồ Xuân Hương can không được, làm một bài thơ kích-bác, lời lẽ tinh-quái, ỡm-ờ, để cố ngăn ông bỏ cái ý định qua Đèo Ba Dọi vào kinh kiếm chức quan. Bài thơ phải được đọc theo giọng Nghệ An Hà Tĩnh là quê của Nguyễn Du (và cũng là gốc của Hồ Xuân Hương), và phải được hiểu với những lời đàm-tiếu của sĩ-phu Bắc Hà còn nặng lòng với nhà Lê, truyền lại qua một bài thơ được truyền tụng trong thời ấy khi Vua Gia Long chiêu dụ các nhân-tài Miền Bắc:

*Lê triều nhị thập tứ tiến sĩ,*
*Bát chân, bát ngụy, bát chân ngụy.*
*Như kim thoát đắc triền đầu cân*
*Vị thức thùy phi hươu thùy thị.*

Bài thơ có được chép trong *Quốc Sử Di Biên*, và được cụ Hồng-Liên Lê Xuân Giáo dịch lại, năm 1979 là:

*Triều Lê hăm bốn vị tiến-sĩ*
*Tám chân, tám ngụy, tám chân ngụy.*
*Ngày nay thoát chết khỏi bay đầu*
*Chưa biết ai phi và ai thị.*

Bài thơ của Hồ Xuân Hương là một tuyệt-tác, mà không người Việt-nam có học nào không thuộc lòng:

*Một đèo, một đèo, lại một đèo,*
*Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.*
*Cửa son đỏ loét tùm lum nóc,*
*Hòn đá xanh rì lún phún rêu.*
*Lắt léo cành thông cơn gió lốc,*
*Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.*
*Hiền nhân quân tử ai là chẳng*
*Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo.*

Câu 1 gọi tên Đèo Ba Dọi ra; nói theo giọng Nghệ, rõ-ràng ba cái đẹo, đúng như câu 2 nói: "*cheo leo*" nguy nan, vắt vẻo vất vả, và là một

cảnh nổi.

Câu 3 nói về cái cửa của nhà quan, rực rỡ, giầu sang.

Câu 4 hạ ngay xuống sự nguy-hiểm rình rập, chơn và ướt, nếu trượt chân là mất mạng như chơi.

Câu 5 và 6 là để nói rằng ngoài những hiểm nghèo của chốn quan trường, lại còn những chuyện trai gái khó tránh. Xin ghi nhớ ba chữ "*giọt sương gieo*" là đặc biệt cho Nguyễn Du.

Hai câu 7 và 8 là hai câu nói móc: Chàng vẫn tự nhận là "Hiền nhân quân tử" nhưng là "thứ thiệt" theo cách nói rất thẳng của Miền Nam, hay chỉ là phường "chân ngụy" mà người ta chế riễu = 'giả đạo đức, trong bụng chứa đầy dục vọng và tham vọng.'

"*Hay hèn lẽ cũng nối điêu,*

nhưng trong lòng thi-sĩ lúc ấy đã quyết "một hai điều ngang ngang," nên Nguyễn Du

*Họa vần xin hãy chịu nàng hôm nay,*

và ông vượt đèo Tam Điệp vào Kinh để nhận lãnh chức Cai-bạ Quảng Bình.

Khi ở Thường Tín, Nguyễn Du không làm một bài thơ chữ Hán nào, có leo vì tâm hồn thanh thản, yên vui. Thơ xướng họa với Hồ Xuân Hương thì không có bài nào chắc chắn đã được ghi lại, có lẽ vì Nguyễn Du muốn dấu và vì Hồ Xuân Hương còn ở nhà với mẹ.

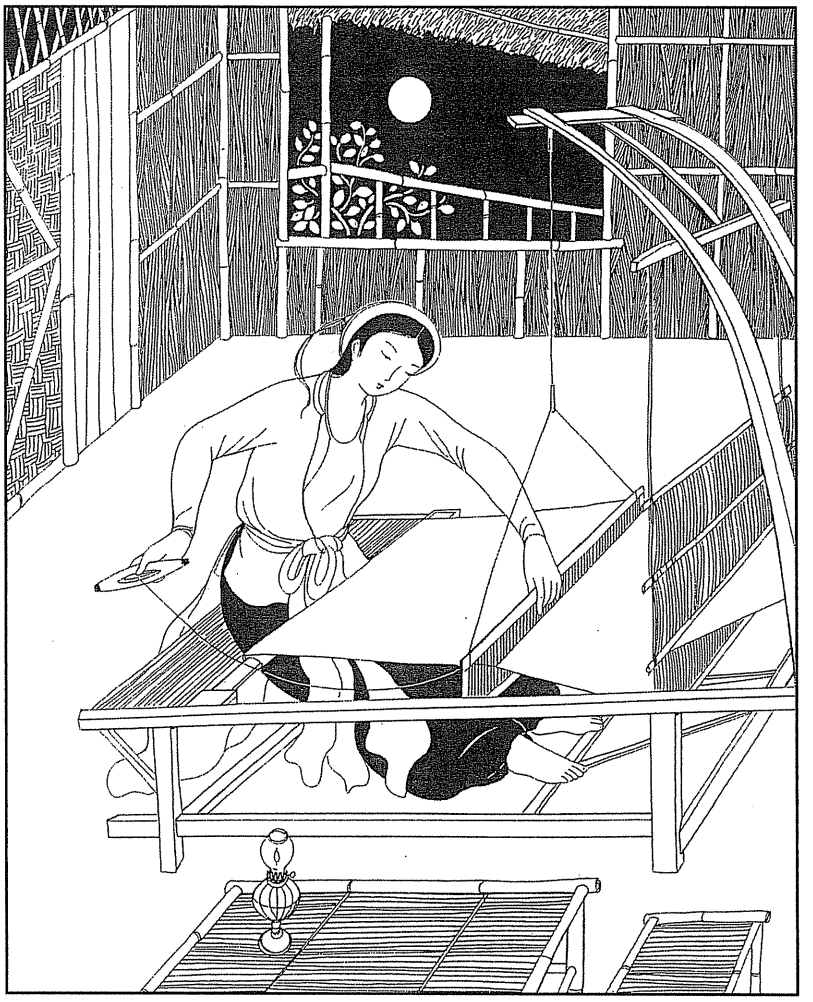

*Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau (Hồ Xuân Hương)*

Vào làm quan ở Quảng Bình, Nguyễn Du để lại ở đây 32-33 bài, trong số 40 bài của tập *Nam Trung Tạp Ngâm*. Một bài MỘNG ĐẮC THÁI LIÊN 'Chiêm bao được đi Hái Sen' mơ có hẹn đi hái sen với cô hàng xóm bên đông, hay cười nói, trong có hai đoạn:

*Hoa sen ai cũng ưa,*
*Cuống sen [có] ai thích?*
*Trong cuống có tơ mành,*
*Vấn vương không hề đứt.*

*Lá sen màu xanh xanh,*
*Hoa sen dáng xinh xinh;*
*Hái sen chớ đụng ngó,*
*Năm sau hoa chẳng sinh*

(Phạm Khắc Khoan và Lê Thước dịch) [đổi 1 chữ]

Hầu hết các học-giả đều nghĩ rằng bài này chỉ vào Hồ Xuân Hương. Nhưng Hồ Xuân Hương là "đông lân nữ" hay là bông sen "kiều doanh doanh"? Nghĩa-lí của giấc mơ hái sen là gì, chưa được giải.

Ghi nhận rằng bài thơ rất nhẹ nhàng thanh thoát này là một ước-vọng bắt nguồn từ sự nhớ-nhung, tôi nghĩ rằng Nguyễn Du mới rời Xuân Hương chưa lâu, nghĩa là chỉ từ ngày ông từ biệt cô ở Cổ Nguyệt Đường, sau bài thơ Đèo Ba Dọi.

Những bài thơ khác còn lại trong tập *Nam*

*Trung* tỏ ra rằng Nguyễn Du không những buồn, mà nhiều lúc như người cuồng, xỏa tóc hát ngông ở bờ sông, hay nghĩ mình như người lính thú, lấy sáo ra thổi bài "Mai hoa lạc" (Hoa Mai rụng), và có lúc nghĩ đến sự chết. Buồn vì nhớ quê, hay nhớ ai? vì tự thấy cuộc đời vô nghĩa, hay chỉ vì mình đã già rồi mà sự-nghiệp vẫn chẳng có chi và tình duyên còn trắc trở (Mai rụng = không còn Mai)?

Bốn năm như thế, rồi bỗng lại có Chiếu gọi về Kinh, và nhận mệnh Vua đi sứ sang Bắc Kinh.

Trở lại Thăng Long, và nhận được bức thư của Hồ Xuân Hương.

Nguyễn Du vô cùng cảm động và cũng vô cùng bối rối. Vì Hồ Xuân Hương mong được gặp lại Nguyễn Du, nàng đang trong một lúc "*long đong*" có lẽ khốn quẫn, nàng cầu được gặp lại ngay trong đêm và sẽ thức để chờ suốt đêm năm canh; nhưng ngay tối đó, quan tuyên-úy thành Thăng Long lại đặt tiệc đón quan Chánh-sứ để tiễn đưa sứ bộ lên đường. Mà người đưa thư đã chạy đi rồi, không biết làm sao mà trả lời thư được.

Tôi không kể những sự-kiện xẩy ra trong hai ngày Nguyễn Du ở lại kinh thành. Cùng với bức thư, những sự-kiện này đã là

*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

nghĩa là mối xúc-cảm cao-độ đã thúc đẩy Nguyễn Du viết bài thơ trường-thiên đề là *Đoạn Trường Tân Thanh*.

Nguyễn Du bị bắt buộc phải coi nhẹ lời cầu khẩn của Hồ Xuân Hương, một phần vì tình-thế không cho phép, một phần (có lẽ là phần chính) vì sợ bị báo cáo về Vua và bị trừng phạt bởi những hình-cụ kinh người của thời ấy. Ông thú nhận rằng

*Nghĩ mình phương diện quốc gia,*
*Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào,*

nhất cử nhất động của quan Chánh-sứ đều không thể ra ngoài sự dò xét của quan nha.

Ông buồn lắm và từ bữa tiệc về, ông lang thang trong thành:

*Thâu đêm chẳng ngủ, lòng thêm bộn*
*Địch thổi trăng trong, tiếng não nùng.*

*Thành mới trăng xưa, bóng tỏ mờ*
*Thăng Long nghìn trước, chốn kinh đô,*
*Dấu xưa khuất lấp đường xe ngựa*
*Điệu mới xô bồ nhịp trúc tơ...*
(Quách Tấn dịch)

Thơ chữ Hán mới nói rõ mối thương-cảm trong tâm của thi-sĩ. Thi-sĩ đi bên những đống đá vụn trên những con đường mới của đô thành trong tiếng sáo thổi những "*tân thanh*" (điệu mới của Miền Nam), và chỉ còn có "ánh trăng sáng" (*minh-nguyệt*), hơn nữa "ánh trăng sáng của thời xưa" (Cổ thì minh nguyệt) soi đường để còn có tâm-tình trong kí-ức:

*Quan tâm nhất dạ khổ vô thụy*
*Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.*

*CỔ thời minh NGUYỆT chiếu tân thành*
*Do thị Thăng Long cựu đế kinh.*
. . . . .

Rồi từ đó lên đường sang Trung-quốc, nhưng đêm đêm ông lại ra mạn thuyền hay đứng trên lan can, chờ trăng lên, nhớ đến nàng ở nhà vò võ một mÉnh:

*Người về chiếc bóng năm canh,*
*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.*
*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*
*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Nhưng rồi lòng nhớ cũng dần-dần nguôi ngoai trên con đường vạn dặm, nhất là sau khi vượt Trường-giang lên đến miền Bắc thì có những cảnh vô cùng thương tâm, hạn hán và nạn đói, rồi nạn lụt sông Hoàng Hà, rồi cuộc loạn của nôngdân hướng dẫn bởi đảng Bạch Liên, và những cảnh bên đường gợi lên những cảm-xúc ngất trời. Nguyễn Du biến đổi trên từng chặng đường, tâm từ thâm sâu hơn, hào-khí bốc lên ngùn-ngụt, lòng trung dũng cũ lại nổi lên nhưng với một nhân-sinh-quan dường như đã mở rộng hơn nhiều.

Đường về bình-thản hơn mặc dầu còn phải đổi hành-trình để tránh giặc. Nhưng tới gần Sông Dương-tử thì trong lòng lại sao xuyến, có lẽ vì hi-vọng được tới Tây Hồ không được thỏa mãn, sứ-đoàn phải đổi đường đi. Ngồi trong xe, ông tưởng tượng ra rằng ông có đến Tây Hồ viếng một nữ-sĩ bị chết bởi oan-tình, là Phùng Huyền Huyền, tự là Tiểu Thanh. Bài thơ *Độc Tiểu Thanh Kí* mà ông viết trên đường là một bài tư-tưởng thâm trầm, tình ý rào rạt, trong đó ông tự buộc mình vào sự bạc-mệnh của người xưa. Tôi chỉ hiểu được một phần những quan niệm của ông về văn-chương và sự sống, nhưng không thấy được rõ ý tứ thầm kín của ông. Có lẽ trong trực giác của nhà thơ, Nguyễn Du lo sợ cho số mệnh của Tây Hồ nữ-sĩ của ông, mà ông đã bỏ đi gần một năm trời trong lúc nàng đang trong cảnh "phấn son càng tủi phận long đong" của một người tài-hoa phải đi làm lẽ. Ông dùng cuộc đời của Tiểu Thanh để nói về Hồ Xuân Hương, và ông tự đặt mình vào trong cái hận, cái oan kim cổ của người phong-vận:

*Cổ kim hận sự thiên nan vấn,*
*Phong vận kì oan ngã tự cư*
[Mối hận cổ kim khó hỏi trời
Nỗi oan phong-vận có ta ở trong]

Sứ-đoàn về tới Giang Tây thì Nguyean Du yêu cầu đến lò sứ Cảnh-Đức, không biết có phải là vì Vua có sai mua cái gì hay không (như có người nêu lên như thế). Về phần ông thì ông đặt mua sáu cái đĩa Mai Hạc, mà ông đề với một liên thơ lục-bát chữ nôm. Người thợ tô đúng như ông viết, vì ông ta không đọc được chữ nôm. Sáu cái đĩa được nung lên, ghi thành ba dòng cọc-cạch, là

*Nghêu ngao vui thú yên hà,*
*Mai là*
*bạn cũ, hạc là người quen.*

Tôi nghĩ rằng, dầu là hai câu lục bát đầu tiên được viết ra, thơ của Nguyễn Du cũng không thể ngớ ngẩn như thế. Và, vẫn theo thiển ý, Nguyễn Du đã viết:

*Nghêu ngao vui thú yên hà*
*Mai là người cũ, hạc là bạn xưa,*

nhưng thấy rằng viết thế thì quá lộ liễu, thi-sĩ đã bôi sáu chữ cuối đi và viết sang hàng bên cạnh:

*bạn cũ, hạc là người quen.*

Tâm-hồn thanh cao của thi-sĩ được giữ lại ngàn đời sau trong câu thơ gẫy thước của ông.

Về đến Thăng Long, việc đầu tiên ông làm khi có thì giờ rảnh việc, là gói một cái đĩa sứ đi lên Nghi Tàm, đến Cổ Nguyệt Đường để tâm-sự với cố-nhân. Tới nơi, ông bàng hoàng, và ông tả cái cảnh ấy một cách hiện thực như ông thấy, chứ không phải như Kim Trọng từ Liên Đông về tìm Thúy Kiều:

*Nhìn xem phong-cảnh nay đà khác xưa:*
*Đầy vườn cỏ mọc lưa thưa*

[Đây là cái vườn mai nhỏ của Cổ Nguyệt Đường. Trong một năm qua không người trông nom, cỏ đã mọc với thưa thớt vài ngọn lau].

*Song trăng quạnh-quẽ, vách mưa rã rời*

[Song trăng là cái cửa sổ ngắm trăng, ngày xưa có hai người cùng ngồi, "*Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*," và có thể, một buổi nào đó,

*Vầng trăng vằng vặc giữa trời*
*Đinh ninh hai miệng một lời song song.*

Còn cái phên che mưa thì nay đã rã rời rách nát, tỏ ra rằng từ lúc hai người ngồi đàm đạo với nhau trong trời mưa đến nay, cũng đã phải mấy mùa nắng mưa]

*Trước sau nào thấy bóng người*
*Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

[Cây đào của nhà Thúy Kiều ở mé sau, trước phòng khuê của nàng; nàng ra đó chơi và bị vướng mất một "cành kim thoa." Cây đào nhà Hồ Xuân Hương ở ngoài cửa chính]

*Xập xè én liệng lầu không,*

[Đây là "lầu nguyệt" của nhà Hồ Xuân Hương. Nhà của Thúy Kiều không có lầu, nhưng có cái ngõ thông sau nhà]

*Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giầy;*
*Cuối tường, gai góc mọc đầy,*
*Đi về này những lối này năm xưa*

[Đây là con đường vào cửa hậu, hai người năm xưa thường dùng để về nhà sau khi đi chơi, như Nguyễn Du viết:

*Ngày xuân lắm lúc đi về với Xuân.*

Kiều chỉ lẻn sang phòng Kim Trọng có hai lần và phải đi rón rén, nên vết chân của nàng trên đường hẻm bỏ hoang ("nẻo thông mới rào") không thể rõ như Nguyễn Du viết]

*Chung quanh lặng ngắt như tờ*
*Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai.*

*Đoạn Trường Tân Thanh* là một bài thơ dài trong đó Truyện Kiều chỉ là một cái giàn bằng tre khô để cho hoa mọc lên. Cốt truyện hiến những cảnh-giới trong đó thi-sĩ móc vào những lời thơ tuyệt diệu của ông để nói lên tâm-tư của ông, những tình cảm của ông với quê hương, những rung động của ông trước những cảnh tế-nhị của thiên-nhiên, tư-tưởng bất khuất của ông trong nghịch cảnh, tình yêu quảng đại của ông cho những người "lạc loài" nghĩa là tha hóa trong một xã-hội phi-lí và phi-nhân. Và thêm vào đó, ông đã cố gửi được một bức thư cho người đẹp mà ông yêu trọng, kính mến, để trả lời từng câu, từng chữ một lá hoa tiên mà vì tình-thế, ông đã không đáp ứng được khi nhận thư.

Bài này chỉ nói đến sự việc chung quanh hai bức thư ấy. Trong sách *Tố Như và Đoạn Trường Tân Thanh*, tôi đã kể lại và phân tích hai bức thư. Đó là một chứng-tích minh-bạch cho hai điều:

1- *Đoạn Trường Tân Thanh* được viết sau khi Nguyễn Du đi sứ về;

2- *Đoạn Trường Tân Thanh* có mượn cốt truyện của *Kim Vân Kiều Truyện*; nhưng đã lược bỏ và thay đổi đi để nói được quan-niệm thẩm-mĩ và tư-tưởng nhân bản của thi-sĩ, và chỉ dùng truyện để thực hiện bài thơ lớn của thi-sĩ về cuộc đời.

Điểm cuối-cùng này là điều quan-trọng nhất về phương diện văn học sử.

*2005 (Năm Ất-Dậu, kỉ-niệm 240 năm, năm sinh-nhật của Tố Như)*

Sách dẫn:

Trần Ngọc Ninh – *Tố Như và Đoạn Trường Tân Thanh*, Westminster, Viện Việt Học và Khởi Hành xb, 2005.

# BÀI HỌC CANH TÂN CỦA VUA PHẬT XỨ THÁI MONGKUT

LƯU VĂN VỊNH

Thế kỷ XIII Việt Nam có vua Phật Trần Nhân Tôn (1279-1293) thì Thái Lan cũng có một vị vua, đáng gọi là vua Phật ở thế kỷ XIX, đồng thời với vua Tự Đức (1843-1883) bên ta: đấy là vua Mongkut (1851-1868) mà thế giới biết đến qua phim ảnh, *The King and I*, *Nhà Vua và Tôi*, thời 1960. Không phải ngẫu nhiên tài tử trọc đầu Yul Brynner được chọn thủ vai vua Mongkut và Deborah Kerr thủ vai cô giáo dậy tiếng Anh Mrs. Anna Leonowens: phim bản dựa phần nào trên sử liệu, nhà vua Mongkut trước khi lên ngôi đã xuống tóc xuất gia 27 năm, sống trong chùa và từng giữ chức Sư trưởng một tu viện, còn Anna là cô giáo dậy Anh ngữ từ Singapore sang, 1866-68, với hợp đồng ba năm, nhưng mới hai năm thì vua Mongkut mất, phim bản thêm chuyện cô giáo Anna khiêu vũ với nhà vua và đứng cạnh giường vua khi vua thăng hà. Cô giáo Anna thật ra không phải là người dậy vua tiếng Anh, vua Mongkut học Anh văn với các giáo sĩ Hoa Kỳ, từ khi còn ở chùa, học ba năm với Dr. Caswell và sau đó với Dr. Bradley và Dr.House. Khi lên ngôi, nhà vua nhờ Dr. Bradley tổ chức lớp dậy Anh ngữ cho chín phi tần trẻ tuổi trong cung. Dr. Bradley cử ba bà giáo thay phiên vào dậy, từ tháng 8 năm 1851, sau ba năm lớp học bị ngưng vì các bà giáo bắt đầu mang Thánh Kinh Cơ Đốc ra dậy và lại còn chỉ trích nhà vua đa thê! Vua Mongkut chỉ có 39 cung phi, không phải 600 như Sir J.Browning viết! Vua rất rộng lượng, cho phép các cung phi rời cung nếu không sinh hoàng tử và được tái giá. Nhà vua muốn các cung phi và công chúa, hoàng tử, được giáo dục theo kiểu Tây phương nên mới nhờ quan lãnh sự ở Tân Gia Ba tìm được bà giáo Anna sang Thái, với điều kiện dậy Anh ngữ chứ không dậy giáo lý!

## VUA MONGKUT và TRUYỀN THỐNG GIÁO DỤC NHÀ CHÙA

Cho đến thời vua Mongkut, Thái Lan không có chế độ giáo dục thi cử Tống Nho như Tầu, Việt. Thái vẫn như thời Lý bên ta, việc giáo dục dành cho nhà Chùa, giao cho các sư sãi. Từ nhỏ, hoàng tử Mongkut đã được gửi tới chùa để học đọc và viết chữ, đồng thời học cách cưỡi voi (*elephantry*), năm 13 tuổi xuống tóc (lễ cắt cuộn tóc dài quấn cao đỉnh đầu) và trở thành chú tiểu trong tám tháng theo truyền thống. Hết tám tháng tu tập mới được trở về cung và được vua cha trao cho chức vụ tượng trưng trong triều. Năm 21 tuổi, 1824, Mongkut chính thức trở thành sa môn và cũng vào năm này vua cha, Rama II, mất. Hoàng tử Tap, con một thứ phi, lên nối ngôi, Rama III. Tuy không phải là con Hoàng hậu như Mongkut, nhưng hoàng tử Tap đã được vua cha yêu quý, có kinh nghiệm ngoại giao (ký hiệp ước 1821 với Crawford) và cai trị nên được hoàng gia ủng hộ lên ngôi. Sư Mongkut, hoàng thế tử, không tranh dành với em, sư chọn ở trong chùa suốt 27 năm.

## CÔNG CUỘC HIỆN ĐẠI HÓA PHẬT GIÁO CỦA SƯ MONGKUT

Cư trú tại chùa Mahatat sư Mongkut nhận thấy giới tăng sĩ không giữ đúng giới luật và đi sai với kinh kệ mà đức Phật truyền dạy. Mongkut ra công học chữ Pali để khán kinh trực tiếp không qua bản dịch, trình độ Pali của Mongkut được xác định qua kỳ giám định "*thi đình*," cấp Thái học sinh, đệ cửu đẳng, cao cấp nhất của Phật học thời đó. Mongkut từng thề nguyện: nếu trong bảy ngày mà không gặp được chân sư thì sẽ vĩnh viễn hoàn tục rời chùa. Chư Phật đã đáp lại lời nguyện đó: Mongkut gặp được một vị sư người thiểu số Mon xứ Miến Điện hiện đang trú ngụ ở Thái. Sư mặc áo vàng, liễu kinh đúng như Mongkut đã đọc,

Mongkut khâm phục xin nhà sư người Mon làm lại lễ thọ giới cho mình. Mongkut bắt đầu thanh lọc đạo Phật xứ Thái: sư cho vứt bỏ một lúc 500 cuốn kinh sách, viết sai, dịch sai, và cho dịch kinh sách lại từ cổ ngữ Pali. Năm 1836 nhà Vua phong Mongkut làm viện chủ chùa Bovorniwet, đào tạo sư sãi, từ năm người lên cả trăm người mỗi khóa. Sư Mongkut không tin loại kinh chứa chất huyền thoại như kinh Bản sinh Jakata, cuốn kinh kể lại các kiếp xưa của đức Phật. Năm 1840 nhân có năm nhà sư Tích Lan sang thăm, vua Thái cho cả năm vị tới tu viện tham luận với sư Mongkut và sư nhận ra ngay là đạo Phật Tích Lan nguyên thủy, tinh ròng, chưa bị uốn cong thay đổi và Tam Tạng Kinh ở Tích Lan còn trọn vẹn. Năm 1842 Mongkut cử năm vị sư sang Tích Lan mượn 40 bộ về dịch, năm 1844 lại sang Tích Lan trả kinh và mượn nốt 30 bộ khác. Bốn mươi nhà sư Tích Lan nhân đó theo sang Thái, ở lại năm năm, và toàn bộ Tam Tạng được dịch sang Thái ngữ nhưng mãi tới năm 1893 mới được in ấn (đời vua Rama V, con Mongkut).

Trong thời gian làm Sư trưởng Viện, Mongkut giao thiệp với các giáo sĩ Thiên Chúa giáo, học Anh ngữ với các giáo sĩ Mỹ, lại học cả Pháp ngữ với Giám mục Pallegois, giám mục dậy Latin cho Mongkut và đổi lại ngài dậy Pali cho giám mục. Mongkut không ngần ngại học hỏi và áp dụng phương pháp hoằng đạo của Thiên chúa giáo cho Phật giáo và thiết lập pháp môn mới, *Dharmayukta*, cùng với pháp môn cũ, *Mahanikaya*, phát triển trên xứ Thái, ảnh hưởng sang cả Cao Miên, Lào, cho tới ngày nay.

Mongkut dùng chữ Pali viết kệ tụng, và tu chỉnh nghi lễ. Sau này, khi lên ngôi vua, 1851, Mongkut phạt nặng các tu sĩ phạm giới rượu chè, thuốc phiện, dâm dục, ăn quá ngọ: họ phải hoàn tục, hay đi cắt cỏ cho voi ăn.

## MỘT CHÍNH SÁCH CAI TRỊ PHÁ CHẤP

Vua Rama III mất năm 1851, hoàng tử lại nghiện thuốc phiện nên không được truyền ngôi. Hoàng gia họp lại và đi mời sư Mongkut, hoàng thế tử đích vị, anh của Rama III về làm vua, tức Rama IV. Năm ấy Mongkut đã 47 tuổi, đầy kinh nghiệm đời và đầy đức đạo. Ngay lễ đăng quang ngài đã phá chấp: mời người ngoại quốc dự lễ và họ không phải quỳ mọp như thần dân Thái, treo chuông cửa cung cho dân tới đánh chuông khiếu nại... cấm hoàng gia và quan chức bắt nô tỳ, cấm ép gái đẹp làng xóm về phủ đệ làm đoàn ca múa riêng...

Mongkut đặc biệt cởi mở với các giáo sĩ Cơ Đốc, ngài từng nói với một giáo sĩ Mỹ: *ông có thể cải đạo toàn dân Thái nhưng còn một người ông không cải được là tôi!* Có lần một tăng sĩ cải sang Cơ Đốc Giáo, vua Rama III đòi trừng phạt, ngài Mongkut đã ngăn lại và chủ trương mọi người được tự do lựa chọn tín ngưỡng. Năm 1850 Thái bị dịch tả hoành hành, nhà vua Rama III đòi các giáo sĩ cung cấp chim để làm lễ phóng sinh, các giáo sĩ Hoa Kỳ tuân lệnh nhưng tám giáo sĩ Pháp bất tuân liền bị trục xuất sang Tân Gia Ba, riêng giáo sĩ Pallegois, bạn của sư Mongkut, đã linh động, cố thuyết phục các giáo sĩ Pháp là trong Thánh Kinh không có câu nào cấm thả chim muông cả! Vua Mongkut còn cho phép các giáo sĩ cất nhà thờ, khuyến khích và bảo vệ họ khi đi truyền đạo, tặng tiền bạc và khi mất, như giám mục Pallegois, được tẩm liệm theo nghi lễ hoàng gia với thuyền bát nhã và súng chào.

Vua Mongkut chẳng những mài miệt học văn hóa, thần học, mà ngài còn say mê tân học, từ toán học tới thiên văn, vật lý hóa học, địa lý... ngài tính nhật thực ngày 18 tháng 8 năm 1868 chính xác hơn các nhà thiên văn học Pháp tới hai giây đồng hồ! Mỗi lần sứ thần Thái đi Âu châu ngài đều gửi mua dụng cụ máy móc và sách báo khoa học, ngài thường xuyên đọc báo Anh ngữ từ Singapore gửi qua. Ngay từ năm 1835 khi thấy các giáo sĩ Hoa Kỳ có máy in Thánh Kinh, ngài đã lập ngay một nhà in trong chùa Bovorniwet, khi lên ngôi nhà in được chuyển vào cung Grand Palace và bản tin *The Royal Gazette* được phát hành cho hoàng gia triều đình đọc.

## THÂN ANH QUỐC

Vua Mongkut đặc biệt thân thiện với Anh quốc; ngài dùng một Đại úy Anh luyện quân sĩ và các sĩ quan Anh chỉ huy thuyền chiến Thái, người Anh luyện cảnh sát còn người Pháp chỉ được dùng vào việc luyện lính gác! Ngài cho người Anh vào kỹ nghệ làm đường mía, khai mỏ... xưa nay vẫn trong tay người Tầu.

Năm 1853 vua cho nhập cảng máy in tiền giấy, lập đường dây điện tín với Miến Điện và Penang, đặt đường xe lửa. Ngài cử sứ thần sang Anh với cả thuyền chở phẩm vật dâng tặng nữ hoàng Victoria kể cả một thớt voi, ba tranh Phật, kéo vàng cắt tóc và quần lót lụa Thái! Ngài còn tự tay viết thư bằng Anh ngữ cho nữ hoàng, cuối thư ngự bút là *người anh em thân mến* của nữ

hoàng: *her affectionate brother,* về sau, trong thư đáp lễ, nữ hoàng Victoria cũng vui vẻ kết thư bằng câu "*your affectionate sister and friend*" – *chị em và bạn mến của huynh.* Giữa thế kỷ XIX, đệ nhất cường quốc là Anh, mà giao hảo thân thiện như thế quả là khôn ngoan và nhìn xa thấy rộng.

## VUA MONGKUT và VIỆT MIÊN LÀO

Năm 1864, thế tử Norodom chạy sang Thái cầu cứu vì bị em đoạt ngôi. Thái cho quân đưa Norodom về và cai trị Cao Miên. Sau, trước áp lực của giám mục Pháp Miche (dụ Cao Miên về với Pháp) và Đại úy Doudart de Lagrée mang quân Pháp sang, Thái phải rút quân vào năm 1864 nhường Cao Miên cho Pháp đô hộ. Trong bức thư sứ thần Thái dâng lên nữ hoàng Anh, vào năm 1857 có câu xác định đất đai vương quốc Thái. *King Mongkut the Supreme or Major King of Siamese Kingdom and its adjacent tributary countries: Laos, Cambodia, and several provinces of Malay Peninsula etc, etc...* Các thư ngoại giao của Mongkut thường rất dài và thêm chữ *vân vân và vân vân- etc, etc...* như phim *The King and I* đã mô tả. Qua các lá thư này có thể hình dung sự tranh chấp ngấm ngầm giữa thực dân Anh và Pháp ở Đông Á cùng ảnh hưởng của các nhà truyền giáo. Thái khéo léo kết bạn với nhiều nước Âu Mỹ, nghiêng về Anh vì Anh mạnh nhất, nghiêm chỉnh nhất, và không có dã tâm đánh bật gốc văn hóa tín ngưỡng địa phương. Anh chỉ chú trọng tới thương mại, dù ở Trung đông, Ấn, Miến Điện, Mã Lai hay Thái.

Trong hiệp ước ký kết với Anh qua sứ thần Parkes năm 1856 xác nhận quan hệ ngoại giao song phương, chính vua Mongkut đã dịch sang Thái ngữ và còn cho dịch sang Hán văn lẫn Việt văn (chữ Nôm ?) để Hoa kiều và Việt kiều ở Thái có thể hiểu được. Cuộc tiếp rước sứ thần Anh và tiếp nhận thư của nữ hoàng Anh được tổ chức hết sức trọng thể, hơn 2500 lính chào và một cỗ voi của chính nhà vua che lọng chở thư nữ hoàng Anh vào cung!

Trong 17 năm trị vì, vua Mongkut ban rất nhiều chiếu chỉ và châu phê ngự bút, châu bản số 144 đoạn liên quan tới Việt Nam như sau "*Năm nay có thể hạn hán 60 ngày, chưa biết hạn hạn nặng hay nhẹ, chưa cần ngăn cấm xuất cảng gạo, cứ tiếp tục cho dân giao thương. Chớ nghe lời bầy đặt của một số sư, tiểu, và những người thiếu hiểu biết, phao tin là người Anh thu mua gạo đổ xuống biển, đấy là tin thất thiệt vô lý, chớ phao tin đồn nhảm là người Anh lấy gạo Thái mang cho Việt Nam (yuan). Người Việt là cha của người Anh từ bao giờ mà dám nói như thế !*"

*

## BÀI HỌC CANH TÂN CỦA VUA PHẬT MONGKUT

Vua Mongkut mất năm 1868, sau khi lên vùng rừng núi, cùng với thống đốc Anh ở Singapore, Sir Harry Ord, để quan sát nhật thực, ngài bị mắc bệnh sốt rét rừng và hai tháng sau, thăng hà ở Bangkok. Tuy không được sang thăm Anh quốc, nhưng mối giao hảo giữa hai nước đã đặt đầu cầu cho công cuộc canh tân Thái: con vua Mongkut, Rama V đã sang thăm nữ hoàng Anh năm 1893 và tới năm 1926 thì Thái đã có trên 2000 sinh viên du học Anh quốc! Sứ thần Parkes gọi vua Mongkut là vị lãnh tụ tân tiến nhất của Á Đông, vượt xa thời đại, Bowring thì tán tụng Mongkut là ông vua vĩ đại nhất Đông phương và là một trong những học giả uyên thâm nhất về Phật giáo.

Công cuộc canh tân đất nước của vua Mongkut ***đi trước*** Minh Trị Thiên Hoàng Nhật Bản (1867-1912) cả một thế hệ, hạt giống thiện mà vua đã gieo trồng nẩy nở viên mãn trên xứ Thái: Thái cả 150 năm nay tránh được họa Thực dân, họa Cộng sản và họa mất gốc. Nếu kể từ sau cuộc chiến xâm lăng của Miến Điện vào Thái năm 1767, thì suốt 238 năm nay Thái được hưởng thái bình thịnh trị và triều đại Chakri tới nay đã truyền được chín đời vua, vua Rama IX hiện tại trị vì hơn 60 năm, một minh quân đã và đang được toàn dân và thế giới mến phục. Một số bài học canh tân có thể rút tỉa từ vua Mongkut :

1- Việc canh tân đất nước cần khởi đầu bằng việc xây dựng **căn bản tinh thần dân tộc**, tinh thần ấy sẵn có trong Phật giáo Thái, chỉ cần hiện đại hóa và tẩy rửa một viên ngọc quý, không cần vay mượn ý thức hệ hay đạo giáo nào khác. Giáo dục nhà Chùa trang bị cả văn lẫn võ cho hành giả, riêng số lượng kinh sách đã là đại bách khoa, dạy từ đạo đức đến võ trụ thiên văn, rốt ráo và rộng lớn hơn Tứ Thư Ngũ Kinh nhiều. Cho nên không lấy làm lạ, thời Lý Trần các hiền nhân như Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Hưng Đạo, Quang Khải, Ngũ Lão... không có bằng cấp khoa bảng, nhưng giống lớp *samurai* Nhật Bản, họ văn võ song toàn.

2- Phật giáo nguyên thủy (tiểu thừa) hữu hiệu trong việc cuộc chấn hưng đạo đức là vì: *tự giác*

*ưu tiên*, chưa tu thân mà đã vội hý luận kinh kệ, chưa tự giác giữ giới mà đã đi bố thí pháp như Bồ Tát thì dễ rơi vào vòng luẩn quẩn kiến chấp triết lý ngôn từ. Hình ảnh một tu sĩ chân đất khất thực là tấm gương nhẫn nhục khổ hạnh sống động, tự nó tỏa ra ánh sáng chinh phục *giác tha* quần chúng hang cùng ngõ hẻm, vì thế từ Tích Lan, Miến Điện tới Thái, Lào... Phật giáo nguyên thủy đã giữ được thế sâu rễ bền gốc trước các tôn giáo ý hệ Tây phương.

3- Vua Mongkut đã để lại cho Thái một truyền thống tăng sĩ tài đức, những bậc đại sư cao tăng lần lượt tiếp nối xuất hiện. Sau khi lựa chọn đúng đường thì phần cốt yếu là huấn luyện thanh lọc nhân sự: sư sãi giữ giới làm gương cho tín đồ, thực tập hỷ xả phá chấp tạo hòa khí với mọi người. Thái không giết người theo đạo Cơ Đốc như ở các nước Phật giáo bị bôi bác bởi Tống Nho như Việt, Tầu, Hàn, Nhật, tinh thần phá chấp cao thượng dung hóa khế cơ của nhà Phật đủ sức chinh phục các tôn giáo khác, đủ sức giữ vững nền tảng quần chúng, mà không cần tới chính quyền yểm trợ qua bạo lực. Cũng những giáo sĩ Cơ Đốc Pháp, Bồ Đào Nha khi tới Thái thì họ cảm phục, mà tới Tầu, Việt, Hàn, Nhật thì xẩy chuyện lấn áp xung khắc, đấy chính là vì ở Thái họ gặp chính pháp chân tu, mà ở nơi khác thì họ gặp mạt pháp hủ Nho phong kiến.

4- Việt Nam khó được như Thái: các nước nghiêng về văn hóa Ấn Độ và Anh dường như tránh được điên đảo tưởng loại *hiện sinh, Mác xít*, còn các nước theo văn hóa Tầu, Pháp dễ rơi vào nhị biên hý luận ngã mạn, từ đó tới độc tài phong kiến cực đoan. Là vì văn hóa Anh thực tiễn, trí thức *gentleman* Anh trọng danh dự và quân tử, họ gặp Gandhi thì trả lại độc lập, gặp Mongkut thì giao hảo thân tình, còn Pháp, Tầu thì ưa biện chứng hý luận đỉnh cao trí tuệ, vì thế nên mở kiến chấp Judeo Mác xít mới có môi trường phát triển, và Pol Pot cùng nhóm ngụy trí thức Tây học, mới mất quân bình tâm trí điên đảo sát sinh gây họa cho Đông dương!

5- Trí thức Việt Nam, từ thời Tự Đức, cũng cố gắng đi tìm lối thoát cho dân tộc: sang Nhật, sang Nga, sang Pháp, Tây du, Đông du, khuynh tả khuynh hữu, cần vương, xã hội... mà vẫn luẩn quẩn trong rọ điên đảo tưởng cho tới hiện tại. Thậm chí đến tinh thần phá chấp từ bi của nhà Phật cũng nhiều khi bị biến thể thành triết lý xuông với số học giả tầm chương trích cú kinh kệ nhiều hơn số tu tập thực chứng, bàn về Thiền thì nhiều mà thực sự tu Thiền thì ít, thuyết là *vô tâm đối cảnh, vượt biên kiến, lắng nghe nỗi khổ tha nhân*, mà thực tế có khi lại lộng ngôn bênh phe này, hạ phe kia, nghiêng về tả, khuynh về hữu, chân giả thiện ác, đạo đế tục đế, bất phân minh, chẳng khác gì phàm phu vô minh vậy.

6- Người Thái, gốc Âu Việt từ Nam Chiếu xuống, là anh em của Lạc Việt, là láng giềng thân thiết của ta. Bắt chước lối sống hòa hợp cởi mở khiêm nhường của láng giềng cũng là điều hay trước khi đi tìm ở đâu xa. Một thể chế quân chủ lập hiến là đường lối dân chủ thích hợp cho Đông phương, nhưng muốn có một vua Phật như Mongkut, như Lý Công Uẩn, như Trần Nhân Tôn không phải dễ, dân tộc phải tạo phước lành, trồng cây đức, đợi thời :

*Bảo sơn thiên tử xuất*
*Bất chiến tự nhiên thành*
may ra mới gặp thiện duyên chuyển hóa vậy.

*4-2005*

**Tham Khảo**


-*King Mongkut and The British* -by M.L. Manich Jumsai-Chalermnit-Bangkok. 1991

-*In His Own Words* by Vasana Chinvarakorn-*Bangkok Post* 12-18-2004- Excerpts from Collected Proclamations.

-Thai Air Magazine 12-04

-*Việt Nam Sử Lược* -Trần Trọng Kim


- Sử liệu Thái liên quan tới Việt Nam khá nhiều: thế kỷ XVII có nhóm người Cơ Đốc giáo VN chạy sang Thái tỵ nạn, vua Rama V con Mongkut đi thăm Java (Nam Dương) cũng là nơi mà phái đoàn VN với Cao Bá Quát từng thăm viếng buôn bán, vua Rama VI cũng đi thăm Nam Dương và mang về Thái một số thợ thêu lụa người Việt, chính nhóm thợ Việt này đã dậy cung nữ của Hoàng hậu Thái thêu thùa và chỉ cách thêu trên lụa láng (*flat silk embroidery*). Với số trống đồng khá nhiều ở Thái, nhất là bắc Thái, nền văn hóa Lan Na hẳn có nhiều liên hệ với Nam Trung Hoa, và theo các nhà khảo cứu Tầu, Âu Mỹ và Thái hiện tại thì người Nam Chiếu-*Nanchao*- khi bị nhà Nguyên đánh đã chạy sang Thái năm 1253 và từ vùng Chieng Mai đã bành trướng Nam tiến, lập thành nước Xiêm La ngày nay .

Thái đã phải nhượng đất đai cho thực dân Pháp như vùng Luangprabang, Vientian..., nhường mấy tỉnh phía Nam sát Mã Lai ngày nay cho Anh, để mưu cầu hòa bình. Đệ nhị thế chiến Thái mềm dẻo với quân chiếm đóng Nhật, sau 1975 Thái cũng đạt được yêu cầu 23,000 quân Mỹ trú đóng rút đi. So với VN thì chính sách ngoại giao Thái lấy dĩ hòa vi quý làm chuẩn, tránh đổ máu vô ích cho dân, nói theo nhà Phật thì họ ở quốc độ gần Cực lạc, còn ta vẫn giậm chân ở quốc độ sân hận nóng nảy sát phạt A tu la.

# Lại một bóng ma của Marx!

LỮ PHƯƠNG

LTS. *Lữ Phương, một trí thức của miền Nam hiện sống trong nước, viết bài này dưới dạng một bức thư gửi bạn, đã đưa ra những nhận xét về một cuốn sách mới ra của Hoàng Tùng vốn được coi là một cây bút lý luận của chế độ cộng sản Việt Nam. Cuốn sách của Hoàng Tùng là một đóng góp cho Đại hội đảng lần thứ 10 vào năm tới, với mục đích vớt vát vai trò lãnh đạo của một đảng đã từ lâu không còn một phẩm chất nào cho vai trò ấy, ngoài bạo lực là yếu tố duy nhất để tự tồn tại.*

*Bài này được lấy xuống từ trang mạng Talawas.*

*

Anh Phan thân,

Đã nhận được *Thời đại mới, tư tưởng mới* của Hoàng Tùng anh gửi cùng với thư đề ghị tôi cho biết ý kiến.

Chắc anh đã nhận thấy những sai lầm đầy dẫy trong bản thảo chưa sửa chữa của tài liệu nói trên, về đánh máy, câu cú, dẫn chứng, tên tác phẩm, tác giả, năm tháng v.v... và chắc cũng thấy rất khó có thể coi đó là một công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh. Điều mà chúng ta quan tâm ở đây có lẽ là những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội do tác giả gợi ra. Những vấn đề này lại liên quan đến việc Đảng cộng sản đang chuẩn bị Đại hội 10 sắp tới, trong việc chuẩn bị này, vấn đề "đổi mới" chủ nghĩa xã hội vẫn là rất quan trọng — nếu không tìm cách làm rõ thêm thì sẽ không thể nào tiếp tục biện minh cho được "sứ mệnh lịch sử" của Đảng trong hoàn cảnh mới của đất nước.

Tài liệu vì vậy cũng đáng để mọi người chú ý.

I

Tôi thấy tác giả đã đưa ra một số luận điểm quan trọng như sau:

1. Phải khắc phục những sai lầm thiếu sót trong việc thực hiện chủ nghĩa xã hội mácxít bằng cách từ bỏ chính cái mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực nhân danh Marx bắt đầu áp dụng từ 1917 với cuộc Cách mạng Nga.

Chủ nghĩa Stalin với tính chất toàn trị đặc biệt của nó được tác giả nêu đích danh để nói về cái xã hội khép kín, trì trệ, bị dân chúng oán ghét và những tội ác do chuyên quyền gây ra. Tác giả đã đưa ra sự so sánh mà ít có ai thuộc "phe ta" từ trước đến nay dám hé môi: "Gengis Khan, Napoléon, Hitler không thể sánh vai với Stalin; Tần Thuỷ Hoàng, Hán Cao Tổ, Đường Thái Tôn không thể sánh với Mao Trạch Đông..."!

2. Giải thích những sai lầm ấy, tác giả đã nêu ra những khiếm khuyết nằm ngay trong cái hệ thống lý luận tạo ra chúng: đó là những khiếm khuyết xuất phát từ học thuyết của Marx với những nội dung chủ đạo như chuyên chính vô sản, cách mạng bạo lực .

Giao tất cả quyền lực vào tay giai cấp vô sản là biệt phái, không tập hợp được lực lượng rộng rãi trong đấu tranh và xây dựng. Mặt khác khái niệm ấy quá nghiêng về sức mạnh của cơ bắp, xem thường vai trò của trí thức (mà theo tác giả mới là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển).

Quá đề cao bạo lực, chuyên chính cũng dẫn đến những hậu quả nguy hiểm. Nó là nguồn gốc của những hành động phiêu lưu, tàn ác, độc đoán với quy mô chưa từng có trong lịch sử.

3. Từ những nhận định trên đây, tác giả đã phân tích một số bài học và đề xuất phương hướng chấn chỉnh, như làm kinh tế thị trường, giảm nhẹ đấu tranh giai cấp, thừa nhận và hợp tác với nhiều thành phần xã hội khác, xây dựng một thể chế chính trị dân chủ nhân dân, cởi mở, ôn hoà, tự do tư tưởng, ngôn luận v.v& Đối với Đảng cộng sản, tác giả đã gợi ra một số chuẩn mực để cải tổ:

* từ bỏ bạo lực, nóng vội, quá khích để theo đường lối hoà bình, cải lương

* không dựa vào một tầng lớp riêng biệt nào mà phải tập hợp cho được trí tuệ, văn hoá của toàn dân tộc

* dân chủ, khoan dung, tự do, công khai, cởi mở chứ không phải độc tài, khắc nghiệt, dấm dúi, bí mật

* mở cửa với thế giới văn minh, hội nhập và hợp tác chứ không tự cô lập mình trong sự nghi ngờ, mặc cảm và sợ hãi

* theo đuổi đường lối tự chủ và độc lập, chấp nhận nhiều trung tâm, nhiều con đường khác nhau chứ không lệ thuộc vào một thứ "chủ nghĩa quốc tế" dưới bất cứ danh nghĩa nào...

4. Tất cả những luận điểm phê phán và canh tân trên đây đều dựa trên nhận định của tác giả về chủ nghĩa Marx: trên nền tảng, chủ nghĩa Marx vẫn là một "khoa học," so với nhiều học thuyết xuất hiện trong thế kỷ 20, vẫn "chưa có học thuyết nào hơn hẳn học thuyết Marx" trong việc tìm ra cho nhân loại con đường có thể thay thế chủ nghĩa tư bản để xây dựng tương lai.

Những sai lầm thiếu sót trong học thuyết Marx, xét cho cùng, vẫn chỉ là những khiếm khuyết của "một khoa học đích thực," có thể bổ sung, nâng cao và làm cho hoàn thiện, để trở thành một học thuyết Marx canh tân, đã được khắc phục những sai lầm, sửa chữa những thiếu sót (từ bỏ những nội dung tả khuynh, nôn nóng, bạo lực, từ chối đối thoại...) để đáp ứng với những biến đổi của hoàn cảnh.

## II

So với quan điểm chính thống của Đảng cộng sản Việt Nam về "chủ nghĩa Mác-Lênin" chúng ta dễ dàng nhận ra ở đây "một cái nhìn lại" khá triệt để, táo bạo. Tuy vậy khi đối chiếu giữa lý luận và thực tế, tôi thấy tài liệu có rất nhiều gượng ép và thiếu nhất quán.

1. Tác giả xác quyết rằng, trước hoàn cảnh mới của đất nước Đảng cộng sản cần phải thay đổi về cả một mô hình chứ không phải là vá víu lại cái cũ. Nhưng đối với một đảng cộng sản thoát thai từ chính cái mô hình cũ (chủ nghĩa Stalin, Mao Trạch Đông, Quốc tế Ba...), kế hoạch thay đổi phải như thế nào cho triệt để (nhất là về phương thức hoạt động...) thì không hề nghe tác giả nói đến.

Làm sao để một đảng mà bản chất là chuyên chế, khắc nghiệt, coi chân lý chỉ thuộc về mình có thể trở thành một đảng của khoan dung, đối thoại, dân chủ, nhân đạo, trong sáng, minh bạch? Làm sao một đảng như vậy có thể chuyển thành "người tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc và xã hội" khi những màn thường trực về "Đảng cử dân bầu" vẫn được trình diễn, việc bỏ tù, khuấy rối những trí thức lẻ loi đang vượt qua sợ hãi để bày tỏ trách nhiệm của mình trước vận mệnh chung của đất nước vẫn cứ tiếp tục?

Làm sao có thể thực hiện cái mà tác giả gọi là "dân chủ chính trị" định nghĩa là một "nền dân chủ nhân dân" trong khi Đảng chưa chịu xoá bỏ vai trò độc tôn của mình bằng Điều 4 của Hiến pháp và vẫn tiếp tục sử dụng điều 4 đó để bảo vệ sự độc tôn cho cái hệ tư tưởng gọi là "chủ nghĩa Mác-Lênin" mà tác giả đã phê bình?

2. Sự tin tưởng mà tác giả dành hầu như tuyệt đối cho Hồ Chí Minh, với khẳng định rằng "tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi chỉ đường cho các thế hệ chúng ta," cũng gây ra cho người đọc (ngay cả những người ủng hộ tác giả) cái cảm giác về một lập luận có khá nhiều gượng ép. Khẳng định đó là không nhất quán với sự phê phán triệt để của tác giả về cái mô hình Stalin, Mao Trạch Đông đầy sai lầm.

Làm sao có thể gạt Hồ Chí Minh ra ngoài cái mô hình ấy khi tác giả đã đi ngược lại những cứ liệu lịch sử tạo nên Hồ Chí Minh với tư cách là một nhân vật của cả một phong trào quốc tế trong suốt thế kỷ 20: một học trò trung thành của Lenin, một nhân vật trong Quốc tế Ba, một người đã đem chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao Trạch Đông về Việt Nam trong quá trình chống thực dân và giành quyền lực cho Đảng cộng sản?

Làm sao tác giả không biết rằng những sai lầm mà Đảng cộng sản Việt Nam đã mắc phải cũng chính là những sai lầm khi Hồ Chí Minh đang là lãnh tụ cao nhất của Đảng và đang phất cao ngọn cờ "tiến lên chủ nghĩa xã hội" của Đảng? Hàng loạt những chính sách nhân danh cuộc "tiến lên" ấy đem đến không biết bao đau thương cho nhân dân như cải cách ruộng đất, hợp tác hoá, cải tạo tư sản, đấu tố, chỉnh huấn, Nhân văn-Giai phẩm, Chống xét lại..., diễn ra trên đất nước ngay thời Hồ Chí Minh còn sống chẳng đã chứng minh cho điều đó hay sao?

## III

Theo tôi, những gượng ép, bất nhất trên đây đã bắt nguồn từ cái tổng kết về lý luận của tác giả.

1. Tác giả tỏ ra quá dễ dãi khi vẫn khẳng định học thuyết Marx là một "khoa học" sau khi đã phê phán những bất toàn trong học thuyết đó. Đối với những người nghiên cứu đứng ra được bên ngoài hệ tư tưởng Stalin, thì học thuyết Marx không hề tự chứng tỏ được là một khoa học về giải phóng xã hội mà chỉ là những suy lý triết học về sự giải phóng đó.

Nó được xây dựng từ những sự kiện có nguồn gốc trong thực tại (cuộc đấu tranh giữa chủ và thợ) nhưng đã vượt khỏi thực tại để trở thành

những khái niệm của một hệ thống tư biện về thực tại (sự xung đột sinh tử giữa tư bản và vô sản) từ đó phóng chiếu thành sự vận động chung cuộc cho lịch sử con người.

Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản trong học thuyết Marx về thực chất chỉ là những sản phẩm của cuộc vận động triết học ấy: sự sụp đổ của cái này tất yếu sẽ dẫn đến cái lôgích sinh thành cho cái kia, đó chỉ là sụp đổ và sinh thành của những khái niệm, không phải là "quy luật khách quan" của thế giới hiện thực. [Tôi đã chứng minh tính chất tư biện này một cách chi tiết trong *Chủ nghĩa Marx và Cách mạng vô sản Việt Nam*.]

2. Không nhìn học thuyết Marx như một hệ thống, trong khi đó lại từ bỏ những điều cốt yếu làm nên ý nghĩa đặc trưng cho hệ thống ấy (giai cấp vô sản, bạo lực cách mạng) tác giả đã biến nó thành một học thuyết cải cách tầm thường với những lời ta thán tầm thường: chủ nghĩa tư bản sẽ không thể tồn tại được vì nó "quá béo," "quá độc ác" hoặc "quá béo vì quá độc ác."

Có thêm vào đó cái lập luận cho rằng chủ nghĩa tư bản đó cũng sẽ phải chết là do "cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đang chuẩn bị một xã hội thay thế nó" thì sự việc cũng không vì thế mà trở nên nghiêm trang hơn. Chỉ là những khẳng định vu vơ, mờ mịt, kiểu "thành trụ hoại không," chẳng có gì đáng gọi là "khoa học" cả.

3. Thực sự thì khi đưa ra những phê phán và cải tổ chủ nghĩa Marx như trên, tác giả đã làm một công việc rất quan trọng: ông đã gỡ bỏ cái kíp nổ làm cho chủ nghĩa Marx được gọi là cách mạng. Cái ngòi nổ ấy, đối với Marx, ai cũng biết, đó là giai cấp vô sản.

Và khi làm như vậy, ông đã làm cho cuộc cách mạng vô sản của Marx trở thành cuộc cách mạng không có chủ thể và cái thế giới tương lai của Marx trở thành một khoảng trống mịt mùng. Một thế giới chỉ tồn tại trong huyễn hoặc và đã bị từ bỏ như một huyễn hoặc.

Ngoại trừ một số điều còn có thể giữ lại theo truyền thống tư duy của một xu hướng trí thức khuynh tả nào đó. Một tiếng "không" với mọi nguyên trạng còn đầy dẫy bất toàn và một hy vọng về một tương lai tốt hơn có thể đạt được bằng cải cách hoà bình.

## IV

Tôi cho rằng những biện luận của tác giả về tiền đồ chủ nghĩa Marx như vậy tất yếu sẽ dẫn đến một hình thức nào đó của chủ nghĩa Marx bị xét lại.

1. Hiện tượng này không mới đối với phong trào cộng sản hiện đại, nội dung chủ yếu của nó là gạt ra khỏi cương lĩnh cải tạo xã hội của mình cái phần cốt yếu tạo nên chủ nghĩa Marx: giai cấp vô sản dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản, thực hiện chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ. Lý luận này đã ra đời từ cuối thế kỷ 19 ở châu Âu, nhưng sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nó đang được những nhà lý luận cộng sản Trung Quốc đem ra sử dụng lại.

Đây là một điều mới thực sự. Những thứ lý luận này của Trung quốc đã được giới thiệu vào Việt Nam khá nhiều, gần đây, có cuốn *Chủ nghĩa xã hội, bước ngoặt sáng tạo* của Tiêu Phong (Thế giới đương đại xb, 2003) được dịch làm tài liệu tham khảo phổ biến trong giới nghiên cứu ở Việt Nam. Tôi thấy lập luận của Hoàng Tùng đã tiếp cận khá thân thiết với khuynh hướng cải cách chủ nghĩa Marx theo con đường của các tác giả Trung Quốc: về mặt lý luận có thể gọi đó là *chủ nghĩa xã hội dân tộc, cải lương,* để đối lập với thứ chủ nghĩa xã hội cũ *quốc tế và cách mạng*.

2. Nhưng theo tôi, thứ chủ nghĩa dân tộc cải lương này, tuy có nhiều điểm giống với Bernstein hoặc Kautsky, nhưng, xuất hiện trong điều kiện thế giới hiện nay, ý nghĩa của nó rất đặc biệt. Nó được đưa ra không phải để giành chính quyền mà là để củng cố việc nắm quyền của đảng cộng sản trong điều kiện chủ nghĩa xã hội sau hơn nửa thế kỷ thí nghiệm đã phá sản hoàn toàn.

Với tính toán ấy, khi nói đến tính chất "khoa học" của nghĩa Marx người ta chỉ cố giữ cho được hai vế kết luận gắn liền nhau: chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ sụp đổ cùng với sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng trước câu hỏi "chủ nghĩa tư bản sẽ chết như thế nào, chừng nào sẽ chết" để chủ nghĩa cộng sản ra đời thì câu trả lời lại rất vu vơ: có thể vài thế kỷ, cũng có thể hơn nữa hoặc chỉ biết nói "hồi sau sẽ rõ" là xong!

Trong khi chờ đợi một tương lai mờ mịt như vậy thì để sống còn, các đảng cộng sản đương quyền được phép làm tất cả: học tập chủ nghĩa tư bản, trở về với Quốc tế Hai, lấy các tầng lớp trung lưu tư sản làm chỗ dựa, lấy quyền lợi dân tộc làm chuẩn mực cao nhất trong quan hệ quốc tế. Và cứ như thế mà tồn tại trong cơ chế một đảng cầm quyền, không ai thay thế được, vĩnh viễn cùng với quá trình chờ đợi sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản để "tiến lên"!

3. Chắc anh cũng đồng ý với tôi rằng thứ lý

luận về canh tân trên đây, mới nghe qua thì thấy táo bạo, hấp dẫn, thực chất vẫn là một thứ chủ nghĩa Lênin "vận dụng" vào một hoàn cảnh mới: vì lợi ích của cách mạng vô sản, trong những tình thế nghiệt ngã, những người cộng sản phải biết lùi bước và phải biết thoả hiệp với tất cả những thế lực nào có thể thoả hiệp.

Mục đích không có gì khác là cố gắng duy trì cho được quyền lực độc tôn của đảng cộng sản đối với xã hội. Mọi thứ thao tác ý thức hệ (chủ nghĩa Marx khoa học, vay mượn lý luận của Quốc tế Hai, học tập chủ nghĩa tư bản...) đều nhằm mục đích đó: tạo ra một nhân danh mới, một tính chính đáng mới (dễ chịu hơn) cho một đảng cộng sản đã ra đời từ cái mô hình Quốc tế Ba, với một quá khứ đầy tai tiếng. Do vẫn chưa vượt ra khỏi những toan tính đó, những bất cập trong lập luận đi đôi với thái độ nửa vời của tác giả đã nói ở trên là không tránh khỏi.

Tôi thấy ở Việt Nam đã có những đề xuất minh bạch, nhất quán hơn tác giả rất nhiều: nếu thật sự muốn canh tân chủ nghĩa xã hội theo con đường dân chủ và ôn hoà thì cũng phải chuyển hoá đảng cộng sản thành đảng dân chủ xã hội, chấm dứt toàn trị, chấm dứt độc tôn, hoạt động dưới sự kiểm soát của một nhà nước pháp quyền, một chế độ chính trị đa nguyên, thực hiện những chính sách phúc lợi, ưu tiên bảo vệ những người lao động...

Không thể khác hơn, vì chỉ có trong điều kiện đó mới có thể nói đến chủ nghĩa xã hội có cái đuôi "thị trường" đi theo và tiếp tục viện dẫn Marx với cái học thuyết Marx đã được canh tân. Những đề nghị có nội dung như vậy đã xuất hiện ngày càng nhiều, nhưng rất tiếc, lại không được tác giả tham khảo, thừa kế.

## V

Để kết luận, tôi cho rằng *Thời đại mới, tư tưởng mới* của Hoàng Tùng có giá trị không cao về mặt lý luận: nó không đẩy sự phê phán khởi điểm đến những kết luận tương xứng, không tạo ra được một hệ thống lập luận nhất quán, chặt chẽ. Dù vậy, cùng với sự lên tiếng của nhiều trí thức khác gần đây, những ý kiến của tác giả trong tình hình hiện nay vẫn có tác dụng tích cực. Chúng tạo thành một sức ép tổng hợp buộc những người lãnh đạo Đảng phải quan tâm đúng mực đến những báo động tiềm tàng từ lâu nay đã bộc phát thành những tiếng nổ: mô hình xây dựng cũ đã hoàn toàn phá sản, phải thay bằng một mô hình mới trong đó nhu cầu dân chủ hoá đời sống văn hoá-chính trị gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội đang trở nên cấp bách chưa bao giờ như bây giờ.

*11-4-05*


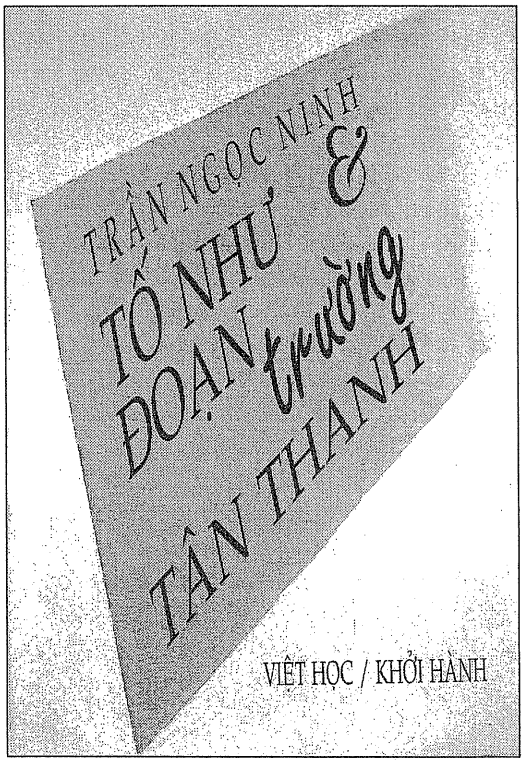


**TỐ NHƯ &**
***ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH***

trần ngọc ninh

*Một cuốn sách quý*
*cần phải có*
*trong mọi tủ sách*
*của người Việt Nam*

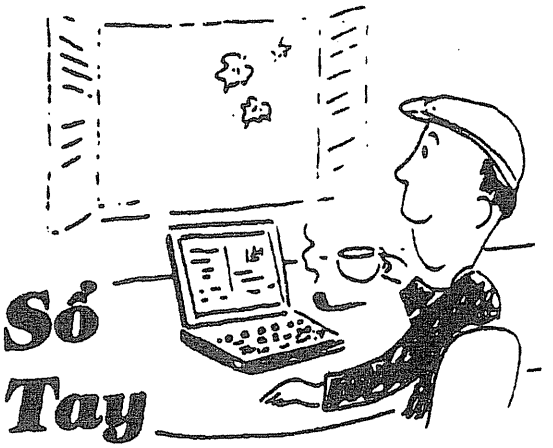


NGÔ NHÂN DỤNG

## DÂN VÔ TÍN BẤT LẬP THỊ TRƯỜNG

Ông Khổng Tử không học trường đại học kinh tế nào cả, vào thời ông tại thế cũng chưa có môn kinh tế học, môn này hơn 20 thế kỷ sau mới ra đời. Nhưng trong Luận Ngữ có một câu đáng đem treo lên cửa các thị trường chứng khoán, nhất là ở nước ta và nước Tầu. Tử viết: "Dân vô tín bất lập." (Xin giải nghĩa là: Thầy nói rằng, "Dân không tin thì chớ thành lập thị trường chứng khoán!")

Tiến sĩ Lê Đăng Doanh thì chắc không xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, nhưng ông Doanh nhắc lại đúng cái ý của Đức Thánh Khổng. Tháng Mười năm ngoái ông Doanh nói với các cán bộ cao cấp của đảng Cộng Sản Việt Nam rằng "... xây dựng thị trường chứng khoán trên cơ sở các thị trường khác thì nó phải hoạt động rất nghiêm chỉnh; thì lúc bấy giờ thị trường chứng khoán nó mới hoạt động được. Tức là kế toán, kiểm toán phải minh bạch, mọi chuyện nó phải có sự tin tưởng lẫn nhau."

Ông Lê Đăng Doanh lấy thí dụ 5 triệu người làm chủ cổ phần của hãng Microsoft khắp thế giới "nó có biết cái thằng Bill Gates là thằng quách nào đâu, nó chỉ tin tưởng thằng này có mọt loại chất xám kiếm ra tiền, thế thôi ..."

Thí dụ trên rất hay, nhưng chưa đủ rõ. Những người mua cổ phần của Microsoft không phải chỉ tin vào chất xám của ông Bill Gates. Họ tin ở nhiều thứ lắm mới mua. Thứ nhất là họ tin ở hệ thống pháp luật ở nước Mỹ, trong đó có những luật công ty, luật thương mại, luật riêng về mua bán chứng khoán, luật cấm dùng tin mật trong công ty để thủ lợi riêng, luật về các loại hợp đồng, vân vân. Thứ hai là họ tin ở nước Mỹ việc thi hành luật lệ rất tử tế khi công an cảnh sát, công tố viện, quan tòa cũng bị luật pháp ràng buộc, phải làm việc theo lối pháp bất vị thân chứ không theo ý riêng. Sau đó, họ tin tưởng vào hệ thống kế toán, kiểm toán, người dân có quyền tìm hiểu và được cung cấp các loại sổ sách đó. Muốn vậy, cũng phải tin vào nghề kế toán, nghề kiểm tra, đó là những nghề độc lập, người trong nghề tự rèn luyện, tự đặt ra kỷ luật trong các hiệp hội tư để bảo vệ giá trị nghề của mình, cũng như các hội luật sư, hội bác sĩ, vân vân, trong một xã hội công dân phát triển. Trên hết, người ta tin có thông tin tự do, mỗi khi có một anh một chị nào gian lận cả làng biết ngay, biết rõ ngọn nguồn, không ai bịt miệng ai được. Những tay ăn vụng lớn cỡ Enron, WorldCom cũng bị bắt và bị lôi ra tòa.

Tất cả các thứ luật lệ, định chế hành chánh, kinh tế, quyền tự do thông tin, báo chí, tạo nên niềm tin tưởng chung vào các hợp đồng.

Khi trong một nước mà mức độ tin tưởng của người dân cao, người ta gọi đó là cái vốn tín nhiệm chung của cả xã hội, *social capital*. Ông Lê Đăng Doanh đã nhìn thấy điều đó khi ông nói rằng ở Việt Nam mức độ tin cậy của hợp đồng rất thấp, độ tin cậy của luật pháp rất thấp. "Mình thì mấy chục người ngồi lại với nhau là thấy y như rằng lục đục đánh nhau." Và điều đó ngăn trở sự phát triển kinh tế, điều này ai cũng thấy ngay.

Thấy rõ rệt nhất là trong sinh hoạt thị trường chứng khoán. Khi mức độ tin cậy trong xã hội thấp thì thị trường chứng khoán không đứng vững được, dân vô tín bất lập. Các thị trường chứng khoán Thượng Hải và Thẩm Quyến được lập ra từ những năm 1990, 91, được mọi người Trung Hoa đặt tin tưởng, coi là những cái chìa khóa mở cửa cho kinh tế phồn thịnh. Nhưng từ năm 2000 đến nay, trong khi kinh tế Trung Quốc gia tăng thêm 53 phần trăm, giá trị các cổ phần trên hai thị trường đó đã giảm sút gần một nửa. Ai là những người mua cổ phần của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Trung Quốc? Đó là giới trung lưu, có người là đảng viên, làm việc cho nhà nước, có người làm trong lãnh vực tư. Họ là giường cột của xã hội, của sinh hoạt kinh tế, đó là những người chắc muốn lo bảo vệ chế độ. Thị trường xuống chứng tỏ họ mất niềm tin vào hệ thống. Đem chuyện thị trường chứng khoán ở Trung Quốc làm thí dụ, vì thị trường chứng khoán ở Việt Nam hiện nay giống như cái vườn trẻ hai ba chục em bé, không có gì đáng bàn cả.

**Quyền sở hữu cộng đồng**

Đến cuối năm 2004, trị giá tất cả các cổ phần ghi tên trong hai thị trường chứng khoán ở Trung Quốc là 1,200 tỷ nhân dân tệ (Nguyên, viết tắt là Y.) Cùng thời gian đó, giá trị các cổ phần của những công ty Trung Hoa ghi danh trên các thị trường chứng khoán nước ngoài là 2,200 Nguyên, gần gấp đôi. Phó chủ tịch Thị trường chứng khoán Thượng Hải, ông Phương Thanh Hải than rằng hiện tượng này làm thiệt hại cho nền kinh tế Trung Hoa vì các cổ phần bán ở thị trường nước ngoài thường bán rẻ từ 30 đến 50 phần trăm. Trong khi đó các cổ phần trên thị trường chứng khoán trong nước vẫn xuống giá. Tức là người ngoại quốc mua các chứng khoán Trung Quốc với giá rẻ mạt.

Ông Phương (Fang Xinghai) đề nghị chính quyền cộng sản nước ông phải cải tổ thị trường chứng khoán, điều đó đáng quan tâm hơn việc cải tổ ngân hàng. Ông viết trên nhật báo *Financial Times* rằng "Cải tổ thị trường chứng khoán thành công sẽ ảnh hưởng tốt trên nền kinh tế hơn là việc cải tổ một hai ngân hàng thương mại." (Ở Trung Hoa có bốn ngân hàng thương mại lớn, Bắc Kinh bỏ hàng tỷ mỹ kim để cải tổ hai cái.)

Ông Lê Đăng Doanh cũng nhìn thấy điều đó. Ông đề cao vai trò của thị trường chứng khoán, so sánh với vai trò của các ngân hàng thương mại. Một lý lẽ ông Doanh đưa ra là việc sử dụng ngân hàng trong việc gây vốn cho các hoạt động kinh doanh tạo ra những rủi ro thì các ngân hàng phải chịu cả; trong khi đó ở thị trường chứng khoán tất cả mọi người chia nhau hưởng lợi mà cũng chia nhau chịu những điều may rủi.

Ông Lê Đăng Doanh còn biện hộ cho thị trường chứng khoán bằng lý luận Mác xít, ông nói rằng khi Marx nói đến tương lai chế độ cộng sản, với quyền sở hữu cộng đồng, "thì đấy là thị trường chứng khoán đấy!" Đây là một nhận xét rất lý thú, vì do một người được rèn luyện trong kinh tế học mác xít nêu ra. Nếu câu này lọt vào tai ông Lê Duẩn chắc ông sẽ gọi thị trường chứng khoán là "quyền làm chủ tập thể!" Ông Karl Marx nói đến một thiên đường cộng sản không còn quyền tư hữu, tất cả các phương tiện sản xuất đều là sở hữu cộng đồng. Nhưng ông Marx không biết mô tả quyền sở hữu cộng đồng nó như thế nào.Bây giờ nếu mọi người cộng sản đồng ý rằng thị trường chứng khoán chính là hình thức tốt nhất của quyền sở hữu cộng đồng, thì các đảng viên và các lý thuyết gia có thể yên tâm là họ cứ mua cổ phần, họ vẫn là người mác xít, và nước Mỹ là quốc gia mác xít tiên tiến nhất! Ở Mỹ hơn một nửa dân số đều làm chủ các cổ phần trên thị trường chứng khoán, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua các quỹ đầu tư, hưu bổng.

Vậy cái gì làm vướng chân thị trường chứng khoán ở các nước cộng sản như Trung Quốc và Việt Nam? Đó chính là cái ông nhà nước! Vì vậy thị trường chứng khoán ở Trung Quốc mới không tiến được, trong khi các công ty Trung Quốc ghi tên trên các thị trường ngoại quốc vẫn thu được vốn đều đều. Còn ở Việt Nam thì khỏi cần bàn rồi, coi như vẫn "không có gì."

Tháng Giêng năm nay, một cổ đông mất quá nhiều tiền trong thị trường chứng khoán đã tới trước cửa cơ quan nhà nước điều khiển việc mua bán chứng khoán, tẩm xăng tự thiêu. Mươi ngày sau, ba chục nhà đầu tư khác đến cửa quan khiếu nại. Có bà than đã mất số tiền tương đương 600,000 mỹ kim về chứng khoán. "Nhiều người phản kháng quá! Ngày nào cũng có!" Đó là lời của một viên chức cơ quan chứng khoán nhà nước!

Nhưng vấn đề không phải là mấy chục hay mấy trăm người mất tiền. Vấn đề lớn hơn là tại sao người ta lại tẩm xăng tự thiêu và ngày nào cũng có người khiếu oan? Chính là vì không có tin tức minh bạch công khai. Lý do là vì nhà nước vẫn nắm đa số cổ phần trong các công ty được ghi tên trong thị trường chứng khoán, mà nhà nước thì chỉ bổ nhiệm những quan chức làm quản lý theo tinh thần phe đảng, bất tài hoặc tham nhũng, hoặc cả hai. Chính việc quản lý của các cán bộ đó làm các công ty suy sụp, giá cổ phiếu phải xuống.

Ở Việt Nam cũng không khác gì. Chính quyền cộng sản đã hô hào cổ phần hóa từ năm bẩy năm qua nhưng ngay ở trong các công ty đã cổ phần hóa rồi việc làm ăn vẫn thua lỗ chỉ vì các cổ đông chẳng có quyền gì trên các quan cả. Một thí dụ báo này đã đăng là tại công ty Nhà máy chè Trần Phú, sản xuất trà. Công ty cổ phần hóa năm 1999 nhưng nhà nước nắm 51 phần trăm cổ phần. Ông giám đốc do nhà nước bổ. Ông Hoàng Đức Trí vừa là bí thư đảng ủy, vừa là giám đốc, ông đã từ chức từ đầu năm 2005 để lo cho công ty tư của ông. Ông "hạ cánh an toàn," còn công ty nửa tư nửa quốc doanh thì thua lỗ. Bây giờ nhà máy không có giám đốc, không ai dám nhận làm, vì việc đề cử giám đốc phải do đảng ủy đề xuất!

## CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH KINH TẾ

Trong tháng Tư, Hội Kinh tế Hoa Kỳ (AEA)

mới phát giải thưởng cho "nhà kinh tế học" trẻ tuổi nhiều triển vọng nhất, gọi là giải John Bates Clark Medal, hai năm phát một lần. Nhiều nhà kinh tế được giải Nobel đã từng đoạt giải này khi còn trẻ, như Paul Samuelson, Milton Friedman, Joeseph Stiglitz. Năm nay, giải được trao cho Daron Acemoglu, giáo sư Đại học MIT, người gốc Thổ Nhĩ Kỳ, mới ngoài 30 tuổi.

Công trình nghiên cứu của Acemoglu rất lý thú, vì câu hỏi chính ông đặt ra là "Tại sao trên thế giới bây giờ lại có những nước nghèo và những nước giầu?" Ở những nước giầu thì có các thị trường hoạt động hiệu quả, dân chúng được giáo dục và có nhiều máy móc, kỹ thuật để phát triển. Còn ở các nước nghèo thì thiếu hẳn các thứ đó. Có một nguyên nhân sâu xa và phổ quát nào để giải thích sự khác biệt đó hay không?

Câu trả lời giản dị nhất là, tại số trời! Nói cách khác, tại khung cảnh địa dư, thủy thổ và khí hậu khác nhau nên có nước tiến bộ, có nước lạc hậu.

Giáo sư Acemoglu tìm hiểu một nguyên do khác, là tại con người chứ không phải tại trời đất. Và ông đã đem giả thuyết đó ra thử nghiệm theo phương pháp thống kê học, bằng các con số. Một cách cụ thể, Acemoglu thử coi có tương quan nào giữa mức phát triển kinh tế một xứ và các định chế xã hội tồn tại trong các xứ đó hay không. Công trình của ông từ gần chục năm qua đã làm các giới nghiên cứu kinh tế học và chính trị học chú ý.

Các định chế xã hội đáng quan tâm nhất là:

Trong xã hội quyền sở hữu có được bảo vệ cho nhiều tầng lớp đông đảo dân chúng hay không, để cho nhiều loại người được khích lệ đầu tư và tham dự vào sinh hoạt kinh tế.

Những người nắm quyền lực, giới thượng lưu quý tộc, tiếng Việt gọi là "các xếp lớn" có bị giới hạn để họ không chiếm đoạt lợi tức của người khác bằng cách tạo ra thứ "sân bóng nghiêng" hay không.

Xã hội có bình đẳng trong cơ hội hay không, để hầu hết mọi người có hy vọng tham gia vào hoạt động kinh tế, và đầu tư, nhất là đầu tư vào giáo dục, nâng cao khả năng, kỹ thuật của chính mình.

Giáo sư Acemoglu nhận thấy rằng các nước trên thế giới khác nhau về sự có mặt và sức bền chặt của ba định chế trên. Có những xứ không cần đến pháp luật, có những xứ pháp luật được áp dụng cho mỗi lớp người một khác, sân chơi bóng nghiêng lệch. Chẳng hạn, giới thượng lưu có nhiều quyền lực về chính trị và kinh tế hơn thường dân, chỉ một nhóm người trong xã hội được ưu tiên đi học, được đi vay ngân hàng, và được mọi dễ dàng trong việc kinh doanh.

Một cuộc nghiên cứu sâu rộng của Acemoglu là so sánh những thuộc địa đã bị thực dân từ Âu châu đi chiếm và khai thác từ thế kỷ 15. Đời sống kinh tế của các xứ đó bây giờ khác nhau có tương quan gì với cách cai trị các thuộc địa đó từ mấy thế kỷ trước hay không. Điều ông tìm ra là khi các nhóm thực dân có ý định cư lâu dài ở các thuộc địa, do đó họ thiết lập các định chế xã hội theo khuynh hướng ba điểm đã được nêu trên, thì các định chế đó đưa tới sự phát triển kinh tế sau này, khi các xứ thuộc địa giành lại độc lập. Giới thượng lưu chính trị và kinh tế bản xứ tiếp tục giữ các định chế đó, giúp cho nền kinh tế xứ họ tiến bộ. Ngược lại, ở những thuộc địa mà thực dân chỉ tính đến để khai thác bóc lột không thôi, không thiết lập các định chế tạo cơ hội công bằng thì giới thượng lưu bản xứ kế thừa cũng duy trì tình trạng bất công đó, và bóc lột đồng bào của họ dù trên lý thuyết họ tự xưng là thiên tả hay thiên hữu. Ở các xứ đó kinh tế chậm tiến.

Có những nhóm thực dân chỉ coi thuộc địa là một nơi để bóc lột, khai thác tài nguyên thiên nhiên và con người, lấy của rồi về xứ mình. Có những nhóm khác thì tính kế lâu dài ở thuộc địa, nhiều người định cư luôn tại thuộc địa, do đó họ thiết lập những guồng máy cai trị dựa trên luật lệ, ấn định ra chế độ bảo đảm quyền tư hữu và hạn chế những kẻ nắm quyền, áp dụng trong phạm vi giữa đám thực dân với nhau rồi lan ra những người bản xứ làm việc cho họ.

Trong nhóm chủ tâm chỉ "khai thác" có những thực dân từ nước Bỉ, ở Congo; người Hà Lan ở Indonesia, người Pháp, Ý ở nhiều xứ Phi Châu; có những người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ở châu Mỹ La tinh. Trong loại thực dân thứ hai có những người Anh, Pháp ở Bắc Mỹ, Úc châu và Tân Tây Lan, người Anh ở Hồng Kông và Singapore. Một yếu tố được Acemoglu dùng để phân biệt chủ tâm khai thác hay định cư, là so sánh tỷ số những người thực dân bị chết ở thuộc địa vì những lý do bệnh truyền nhiễm chẳng hạn. Ông cũng quan tâm đến các yếu tố khác, như chủng tộc của đám thực dân, chẳng hạn người Anh khác người Tây Ban Nha. Ông cũng chú ý đến yếu tố hệ thống pháp luật theo lối Anh (common law) khác với lối Pháp (code civil) mà người thực dân mang đến thuộc địa. Các cuộc phân tích

theo lối thống kê học cho thấy các yếu tố như chủng tộc của người thực dân, và hệ thống pháp luật họ mang tới, không ảnh hưởng đến trình độ phát triển kinh tế của các thuộc địa sau khi độc lập. Luật pháp theo truyền thống kiểu Anh thường bảo đảm quyền tư hữu hơn. Luật theo lối Pháp từ thời Napoleon thường hạn chế quyền các thẩm phán nhiều hơn so với quyền hành pháp. Acemoglu nhận thấy chủng tộc và nguồn gốc của người thực dân không ảnh hưởng đến trình độ kinh tế sau này, mà điều quan trọng là những người đó có thiết lập các định chế tốt hay không, do ý định của họ có tính định cư lâu dài hay không.

Trong các xứ cựu thuộc địa có những trường hợp đặc biệt như Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, Canada (trước đều thuộc Anh) và các nước Phi Châu (khí hậu nóng ẩm và nhiều bệnh dịch) có thể làm nghiêng kết quả cuộc thử nghiệm, trong thống kê học gọi là *ouliners* (ngoại lệ.) Acemoglu đã loại bỏ các nước này ra khỏi mẫu thử nghiệm, và thấy ảnh hưởng của các định chế trên trình độ phát triển kinh tế vẫn không thay đổi. Ngay ở Phi Châu, giữa các nước vẫn thấy nơi nào có định chế xã hội tốt thì kinh tế khá hơn.

Một biến số khác cũng được quan tâm là tỷ lệ người gốc Âu châu trong dân số, tỷ lệ đó rất cao ở những nước tiến bộ như Mỹ, Úc, Canada, nhưng rất thấp ở những xứ như Hồng Kông, Singapore. Acemoglu đã đo lường biến số này để thử, và thấy nó không gây ảnh hưởng đáng kể nào.

Điều quan trọng là sau khi các thuộc địa giành được độc lập, những người thuộc giới thượng lưu (elite) trên mặt kinh tế và chính trị ở các xứ đó thừa hưởng di sản của các định chế xã hội như thế nào. Ở châu Mỹ La tinh, sau khi được độc lập vào thế kỷ 19 giới lãnh đạo các nước này vẫn giữ nguyên hệ thống các luật lệ và những độc quyền kinh tế mà thực dân Tây Ban Nha đã lập nên. Chế độ nô lệ còn tiếp tục ở Brazil cho tới năm 1886. Ở Mexico, chế độ cưỡng bách lao công còn tồn tại cho đến năm 1910. Ở Guatemala chế độ đó còn giữ tới năm 1945.

Ở các nước đã có các định chế tốt từ thời thực dân, giới lãnh đạo mới giành được độc lập thường cũng giữ nguyên các định chế tốt đó. Tại sao giới lãnh đạo không thay đổi các định chế xã hội hưởng lợi? Vì thay đổi chế độ bảo đảm quyền sở hữu, hạn chế quyền của giới lãnh đạo là công việc tốn thời giờ và tiền của. Nếu đã có sẵn thì những người lãnh đạo mới cứ dùng, xóa bỏ đi cũng tốn kém. Nếu chưa có, thì họ càng không muốn thay đổi cho tốt hơn, vì họ sử dụng hệ thống khai thác, bóc lột có lợi hơn.

Một yếu tố khác là đám người thuộc giai cấp lãnh đạo được hưởng các đặc quyền có đông hay không. Nếu đó là một nhóm nhỏ, phần chia cho mỗi người được nhiều, thì họ thường bảo vệ chế độ xã hội có tính cách khai thác, bóc lột.

Khi đám người đóng vai lãnh đạo ở các xứ cựu thuộc địa đã tốn công xây dựng các định chế xã hội thì họ thường không muốn thay đổi, khiến các định chế cũ tồn tại lâu hơn. Nếu đó là các đảng cách mạng đã đổ xương máu giành độc lập, rồi thừa hưởng một hệ thống xã hội trong đó những người lãnh đạo được hưởng các đặc quyền, thì rất khó làm cho họ thay đổi chế độ độc tài của họ. Họ kế thừa các đặc quyền của những người thực dân cũ. Vì việc thay đổi khiến họ bị thiệt thòi quá. Ngược lại, nếu họ đòi được độc lập và có trong tay một chế độ xã hội bình đẳng hơn và họ đã sử dụng hệ thống tương đối tôn trọng quyền sở hữu và hạn chế quan lại, họ đã đầu tư sức lực và tiền bạc trong hệ thống đó, thì họ cũng muốn bảo vệ hệ thống đó hơn. Thay đổi, để tạo ra một chế độ bóc lột cũng tốn kém và rủi ro nhiều, không bõ công.

Giáo sư Acemoglu chú ý đặc biệt đến sự đảo ngược về kinh tế ở nhiều vùng, từ năm 1500 đến ngày nay. Có những vùng giầu mạnh nhất thế giới vào thế kỷ 15, 16 như các người Mughas ở Ấn Độ, người Aztecs ở Mỹ châu. Ngày nay đó là những vùng nghèo hơn các vùng như Bắc Mỹ, Á Đông hay Úc châu. Sự đảo ngược này có thể giải thích bằng các định chế xã hội khác nhau, được thành lập và tồn tại từ đó tới nay.

Cái gì khiến cho giới thượng lưu lãnh đạo muốn thiết lập hoặc bảo tồn các định chế? Thay đổi định chế khiến phần chia của họ trong nồi cơm chung thay đổi. Nếu thay đổi mà không bị thiệt thì họ sẽ đổi, nếu thay đổi dù có lợi nhưng tốn kém quá thì họ không đổi.

Những khám phá và ý kiến của giáo sư Daron Acemoglu có giúp chúng ta suy nghĩ thêm về tình trạng Việt Nam hay không?

## GIÁ NHƯ ĐỪNG TỰ RU NGỦ, SỚM HƠN

Trong một bài phỏng vấn xuất hiện trên mạng lưới báo Tuổi Trẻ, ông Võ Văn Kiệt nhớ lại biến cố ngày 30 tháng Tư để nói rằng, "Tôi mong chiến tranh thực sự phải thuộc về quá khứ. Một quá khứ mà chúng ta mong muốn khép lại." Ông còn nói khi nhắc lại cuộc chiến tranh thì "có hàng

triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là một vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm cho nó thêm rỉ máu." Ông Kiệt dám nói những sự thực mà 30 năm qua các lãnh tụ cộng sản không ai dám nói.

Khi nói tới "vết thương rỉ máu," ông Kiệt muốn nói đến vết thương trong lòng của chính ông. Khi được mời nhìn lại "những gì chúng ta làm trong 30 năm qua," ông Võ Văn Kiệt thú nhận, "Nhưng nhìn lại quá trình kể từ khi kết thúc chiến tranh thì tôi thấy tiếc! Giá như đổi mới sớm hơn thì ..." Ông nhắc tới "những năm phải trả giá đắt như giai đoạn 1975 – 1985."

Nhưng ông Võ Văn Kiệt chắc chỉ nghĩ tới cái giá mà đảng ông và các đảng viên phải trả. Như cảnh chết đói ở Thanh Nghệ Tĩnh, ở Hưng Yên, Thái Bình, vân vân, khiến hàng trăm ngàn người bỏ nhà, bỏ làng đi ăn mày. Hoặc hai cuộc chiến tranh ở biên giới Việt Trung và ở Cam bốt làm chết sáu bẩy chục ngàn người. Tất cả là do các chính sách sai lầm về kinh tế, xã hội và ngoại giao của đảng Cộng Sản Việt Nam. Hối tiếc thì đã muộn, nhưng dám nói vẫn hơn là lờ đi. Một thế hệ mất cơ hội xây dựng đất nước và xây dựng cuộc đời mình, ba mươi năm mất đi cũng khó lòng sửa được.

Nhưng phải nhắc lại với ông Võ Văn Kiệt những điều "đáng tiếc" khác: Chính sách tập thể hóa nông nghiệp làm cho người dân ở vựa lúa miền Nam cũng đói. Đánh tư sản làm cho hạ tầng cơ sở sản xuất miền Nam tan rã. Nhốt nửa triệu người miền Nam vào trại tù lao cải theo kiểu mẫu Mao Trạch Đông coi con người "kẻ thù" không bằng cầm thú. Và hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, mấy trăm ngàn người bỏ mình trên biển cả. Những người đã chết đều có thật. Và những cái chết thì cũng không thể sửa được.

Ông Võ Văn Kiệt đã thành thật thú nhận sự thất bại của chính sách kinh tế, điều mà ông Lê Đăng Doanh đã nói từ năm ngoái: Một nước 80 triệu dân mà Tổng sản lượng Nội địa chưa đầy 40 triệu mỹ kim, đó là một nỗi nhục. Ông Kiệt đồng ý rằng nếu kinh tế Việt Nam không gia tăng trên 10 phần trăm một năm trong các thập niên tới thì "khoảng cách của sự tụt hậu so với khu vực, so với thế giới là không thể nào thu hẹp được." Với đà tăng trưởng hiện nay ở mức 6, 7 phần trăm, Việt Nam sẽ còn được đảng lãnh đạo xuống xa hơn nữa trên con đường tụt hậu. Và đó mới chỉ nói đến tụt hậu về kinh tế không thôi. Nói về văn hóa, xã hội, còn thê thảm hơn nữa. Trình độ giáo sư, sinh viên, học sinh Việt Nam so với Hàn quốc, Thái Lan có bằng không? Có tác phẩm văn nghệ nào, có cuốn phim nào của Việt Nam được thế giới khen ngợi hay chưa? Nhà văn, nhà báo Việt Nam có được tự do làm việc hay chưa? Nhưng Việt Nam sẽ đứng đầu thế giới về tỷ số thanh niên ghiền ma túy. Việt Nam sẽ tiếp tục xuất cảng cô dâu, kể cả những cô sẽ bị ép buộc "sống làm vợ khắp người ta." Toàn là những điều đáng tiếc cả.

Nhưng cứ nói "đáng tiếc" mãi cho đến bao giờ?

Ông Võ Văn Kiệt nhắc nhở các đồng đảng: "Chúng ta phải nhanh chân chứ đừng tự ru ngủ mình."

Tất cả chiến dịch chiếu lại các cuốn phim "chiến thắng 30 tháng Tư" trong tháng qua chính là để ru ngủ. Tự ru ngủ. Giá như các người lãnh đạo đảng biết "đừng có tự ru ngủ" và biết sớm hơn! Nếu họ biết tỉnh thức từ những năm 1960, sau khi đã chứng kiến cảnh suy sụp kinh tế ở Trung Quốc vì Mao Trạch Đông ru ngủ dân Trung Hoa bằng giấc mộng "nhảy vọt," thì họ đã không gây chiến xâm chiếm miền Nam để cộng sản hóa cả nước. Giá như họ đừng tự ru ngủ suốt thời gian chiến tranh bằng giấc mộng cộng sản hóa hoàn cầu, thì họ đã ngưng chiến để lo xây dựng kinh tế miền Bắc chứ không bắt dân nhịn đói để "chi viện tiền gạo" cho nhân dân Nam Bộ. Giá như người cộng sản biết không nên tự ru ngủ và biết sớm hơn, thì nước ta bây giờ không đến nỗi tụt hậu, nhục nhã so với lân bang như bây giờ.

## Ru ngủ mãi không được đâu

Bài phỏng vấn ông Võ Văn Kiệt xuất hiện trên mạng lưới báo Tuổi Trẻ ở Việt Nam. Bài xuất hiện sáng sớm, đến buổi trưa thì biến mất không thấy nữa. Đến tối, lại xuất hiện, nhưng ngắn hơn trước. Có mấy đoạn đã bị cắt.

Một đoạn trong các lời phát biểu của ông Võ Văn Kiệt đã bị đục bỏ là khi ông nói về cách thức đảng Cộng Sản làm kỷ niệm các ngày lịch sử - ở đây ông đang nói về ngày 30 tháng Tư. Trong đoạn bị bỏ có câu này: "... Lịch sử cũng như cuộc sống. Cái đúng, cái sai nói một lần người ta hiểu; nói hai lần người ta im lặng; nhắc lại quá mức cần thiết thì có thể gây ra sự phản cảm." Đáng lẽ phải nói một cách bình dân, là, "Nhắc lại ra rả hàng ngày đến lần thứ 30 năm thì chỉ làm người nghe muốn chửi thề, muốn văng tục!"

Tình trạng vô duyên nhất trong những lời lẽ

ca tụng thắng lợi trong "cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước" là bây giờ họ cố tình không đề cao những trận đánh nhau với quân Mỹ nữa. Họ chỉ nhắc nhở những chiến thắng đối với người Việt Nam, khi quân đội miền Nam phải tan rã vì hết viện trợ súng đạn, còn quân miền Bắc vẫn dư súng đạn. Nhật báo *Người Việt* đã đăng tin về tiết lộ mới cho biết số vũ khí, đạn dược mà Nga và Trung Cộng cho Bắc Việt trong thời chiến. Thí dụ, trong giai đoạn từ 1973 đến 1975, tổng cộng có 724,512 tấn, trong đó có hơn 620 ngàn tấn là do Trung Cộng, 65 ngàn tấn là của Nga xô. Năm 1973 là sau khi ký kết hiệp định Paris, Việt Nam Cộng Hòa bị Mỹ cắt viện trợ dần dần đến chỗ chấm dứt. Trong cuốn sách mới của ông Nguyễn Tiến Hưng "Khi đồng minh tháo chạy," ông cựu cố vấn ở Dinh Độc Lập cho biết có lúc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã tính đem vàng dự trữ đi cầm cố lấy tiền mua vũ khí. Trong khi đó thì miền Bắc vẫn được chi viện đầy đủ hơn, với 10 ngàn đạn tên lửa, 23 hỏa tiễn SAM, vân vân.

Một đoạn dài khác đã bị cắt bỏ là đoạn gồm 114 chữ mà ông Võ Văn Kiệt cảnh cáo nếu không phá bỏ được những chướng ngại, nếu không đạt được mức tăng trưởng hai con số (tức từ 10 phần trăm trở lên) trong những năm tới, "thì khoảng cách của sự tụt hậu so với khu vực (Đông Á châu), so với thế giới, là không thể nào thu hẹp được." Sau lời cảnh cáo đó, ông khuyên không nên "tự mãn nguyện," và khuyên "đừng tự ru ngủ mình để rồi còn bị (các nước) bỏ xa hơn nữa."

Cả cái đoạn cảnh cáo"đừng tự ru ngủ mình" cũng bị bỏ. Chứng tỏ chính sách của đảng trước sau như một, là phải ru ngủ. Điều đáng lo nhất đối các lãnh tụ bây giờ là người dân Việt Nam tỉnh dậy. Tỉnh dậy họ thấy hơn 30 năm trước dân mình chết hai triệu người chẳng để làm cái gì cả, phí cả thời giờ trong 20 năm nữa. Giá cứ để yên như nước Đức, như Hàn quốc, như Trung Quốc với Đài Loan, trong thời gian đó không bên nào đánh bên nào, có lẽ lại hay! Đó là ý tưởng cấm kỵ, đảng không muốn dân nghĩ tới, dù chỉ nghĩ trong giấc mơ!

Điều thức tỉnh thứ hai là tình cảnh chậm lụt của nước mình so với lân bang. Hiện nay Trung Quốc đã đứng hàng thứ ba trên thế giới về trị giá hàng xuất cảng, chỉ sau Mỹ và Đức, mới qua mặt Nhật Bản. Mà một phần ba số hàng xuất cảng của họ là đồ điện tử, chứ không phải chỉ bán toàn hàng thô không chế biến như dầu lửa, cà phê, trà, cá, tôm, như của Việt Nam. Hàng điện tử cũng chiếm từ một tới hai phần ba trong số hàng xuất cảng của những nước Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Singapore, Đài Loan, trong vùng Á Đông. Hàng điện tử xuất cảng của Trung Quốc năm ngoái tăng thêm 45 phần trăm; còn hàng dệt may của họ, chỉ chiếm một phần sáu số hàng xuất cảng, và chỉ tăng 15 phần trăm. Họ biết hướng về phía những mặt hàng có giá trị gia tăng cao thì nước Việt Nam vẫn lẽo đẽo theo sau 15 năm, chỉ biết bán sức lao động rẻ tiền.

Bao giờ người Việt Nam biết cảnh chậm lụt theo sau là nhục nhã, không thể chấp nhận, lúc đó sẽ là một cơn thức tỉnh lớn, không kém gì cơn thức tỉnh năm Ất Dậu trước, 1945. Cho nên đảng không muốn những lời khuyên kiểu "đừng tự ru ngủ" nữa của ông Võ Văn Kiệt được phổ biến, dù chỉ phổ biến trên mạng, chủ yếu cho người Việt ở nước ngoài đọc. Dân Việt Nam cần được ngủ ngon trong giấc mơ chiến thắng, đừng đặt câu hỏi chiến thắng ai, chiến thắng để làm cái gì.

Nhưng, không chắc mọi người Việt Nam đều ngủ ngon. Nhiều người thao thức lắm. Đến nỗi ngay trong nội bộ đảng Cộng Sản cũng có nhiều người ngủ không được dù phòng có gắn máy lạnh chạy 24 trên 24. Mà dân ở ngoài đường thì càng khó ngủ. Những câu hỏi cứ chờn vờn trong óc, không dám nói ra nhưng nó vẫn thao thức mãi.

Một anh bạn trẻ của tôi mới đi Hà Nội về, kể chuyện anh gặp một người lao động, vô sản thứ thiệt. Anh này hồi năm 1975 mới trên 10 tuổi, giờ sống ở Mỹ lâu, phong cách cũng giống các thanh niên Mỹ. Anh về Việt Nam vì công việc làm ăn, chẳng quan tâm đến chuyện chính trị. Buổi sáng Chris dậy sớm đi ra bờ hồ Hoàn Kiếm uống một ly cà phê. Anh mua thêm một tách cà phê, đem mời ông phu đang quét hè phố. Trò chuyện bác bác cháu cháu với nhau. Hỏi thăm đời sống ra sao, ông bảo tốt lắm. Cái gì cũng tốt cả. Những người giầu thì họ vẫn giầu, còn tôi nghèo thì vẫn cứ nghèo, như mọi khi. Mọi việc cứ như cũ, thế là tốt lắm đấy. Nhưng, ông nói, "Tôi nói thật với cậu, tôi chúa ghét mấy thằng Mỹ!" Hỏi tại sao? Ông bảo: "Tụi nó lười quá!" Lười là thế nào? "Tại sao nó ném bom chỉ có 12 ngày là nó ngưng, rồi thôi luôn? Lười bỏ mẹ!"

Đấy là lời một người lao động lớn tuổi, sống ở giữa Hà Nội, kể lại chuyện ném bom từ năm 1972, không nghe tận tai thì không tin là thật. Cứ nghĩ người đàn ông đó đã ngậm trong miệng những câu nói đó hơn 30 năm rồi. Được dịp nói cho một anh Mỹ con nghe, cho nó hả. Nhưng chắc chắn những người như thế, đêm đêm họ vẫn thao thức khó ngủ. Ru ngủ họ mãi không được đâu. Nên để cho ông Võ Văn Kiệt nói hết lời. Đừng tự ru ngủ nữa.

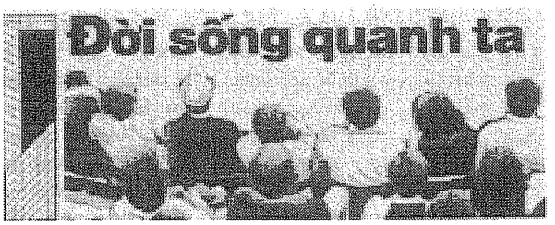


# CHÁNH BIỆN LÝ SPITZER THĂM HỎI "SPYWARE"

THANH THẢO

Mấy năm nay lãnh vực tài chính và chứng khoán đã quen tên vị Chánh Biện Lý New York, Eliot Spitzer. Từ những vụ điều tra dẫn đến những thỏa thuận bồi thường cho công chúng trị giá hàng trăm triệu Mỹ kim của những công ty tài chính nổi danh Hoa Kỳ như Citi Group, Merryl Lynch, Bank of America... cho đến những cuộc điều tra đưa đến những vụ từ chức hoặc bãi chức của các ông bà Tổng Giám Đốc một thời khuynh đảo thị trường. Gần đây nhất là vụ bãi chức của ông Vua không ngai Maurice "Hank" Greenberg, Tổng Giám Đốc công ty bảo hiểm tài chính AIG ngày 28 tháng Ba, 2005. Phải nói ông Spitzer thuộc loại tướng tài "biết người biết mình trăm trận trăm thắng!"

Thành công ngày càng nhiều của Chánh Biện Lý Spitzer khiến hàng triệu người "thấp cổ bé miệng" bị thiệt thòi trong lãnh vực đầu tư tài chính hân hoan vì được bồi thường dù ít còn hơn không.

Tuy vậy, việc làm của ông Spitzer cũng không khỏi gây bất bình cho những người làm việc trong lãnh vực này. Nhiều người nêu thắc mắc liệu ông Spitzer có thẩm quyền điều tra hết công ty này đến công ty khác hay không? Tuy đặt câu hỏi như vậy nhưng mỗi khi công ty nào nhận thư thăm của ông Spitzer là công ty đó lại phải lo sốt vó.

Ngày 12 tháng 4, 2005 vừa qua Chánh Biện Lý Spitzer lại thăm hỏi một công ty thuộc lãnh vực khác. Điều này khiến hàng triệu người thỏa chí!

Đó là ông vừa "gửi lời thăm" một công ty chuyên gài nhu liệu "spyware," hay "điệp viên hàng hóa" vào máy điện toán của bất cứ người sử dụng nào vô ý mở thư điện toán đính kèm đã gài sẵn "spyware."

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 25-4, 2005, công ty Intermix Media, bản doanh tại Los Angeles, California, chuyên quảng bá trò chơi và thiệp chúc mừng trên mạng điện toán có gài sẵn nhu liệu spyware, cho biết vừa nhận được thông báo điều tra từ phòng Biện Lý Spitzer.

Theo những cáo buộc của Biện Lý Cuộc, công ty Intermix Media đã cố tình gài loại nhu liệu khó xác định và loại ra khỏi máy điện toán mang tên spyware khiến người sử dụng bị "đánh lừa" vì không được báo trước đầy đủ và không được cho phép. Đại diện công ty Intermix Media cho hay công ty này đã giảm hoạt động một cách đáng kể trong lãnh vực này.

Tin Chánh Biện Lý Spitzer thăm hỏi công ty chế ra nhu liệu spyware khiến hàng triệu người vui mừng. Những người đã từng vô tình bị gài nhu liệu này vào máy khiến khi bật máy điện toán cá nhân lên là bị nhìn thấy hàng trăm mẫu quảng cáo liên tục khiến máy bị chậm đáng kể hoặc ngừng hoạt động hẳn. Có người phải xóa hết mọi thảo trình và nhu liệu trong máy để máy trống trở lại. Có người đành phải mua những loại nhu liệu chống spyware.

Theo ước tính do công ty AOL và National Cybersecurity Alliance đồng thực hiện, có đến 80% người sử dụng máy điện toán bị gài loại nhu liệu spyware mà không hay biết.

Cách đối phó duy nhất của người sử dụng máy điện toán tính cho đến nay chỉ là gài loại nhu liệu chống "spyware" chẳng hạn "Ad-aware" hay các loại anti spyware khác.

Thay vì chỉ gây những sự bực mình cho người sử dụng, vài tuần lễ gần đây những vụ các công ty tài chính nổi tiếng toàn quốc công bố bị mất số mật mã khiến hàng chục triệu hồ sơ cá nhân của các thân chủ công ty bị ăn cắp đã tạo quan ngại cho sự an toàn của các dữ kiện và gây công phẫn cho ngành tài chính cũng như cho giới tiêu thụ. Các chuyên gia cho biết những nhu liệu thuộc loại spyware có khả năng ăn cắp mật mã và tên người sử dụng máy điện toán. Đây có lẽ là lý do khiến Biện Lý Cuộc New York thăm hỏi công ty "ma đầu" Intermix Media này.

Theo phân tích gia về vụ điều tra mới nhất của ông Spitzer này, chi tiết về phạm vi của cuộc điều tra sẽ được thông báo chính thức vào khoảng cuối tháng Tư 2005. Không ai rõ tầm mức của cuộc điều tra và cũng chưa ai định nổi công ty Intermix Media sẽ phải điều đình bồi thường ra sao để tránh ra tòa một khi phòng biện lý quyết định kiện công ty này.

Với quá trình hoạt động bách chiến bách thắng của ông Spitzer các công ty chuyên hoạt động

bằng cách gài nhu liệu theo kiểu spyware nên chuẩn bị đối phó là vừa! Đối với người sử dụng máy điện toán đây là một cuộc điều tra ngoạn mục bỏ qua rất uổng!

## ĐỪNG ĐỂ THÀNH NẠN NHÂN CỦA CÁC NGÂN HÀNG

### THANH THẢO

Cuối tuần rồi cậu con trai than thở bị ngân hàng Wells Fargo Bank tính tiền phạt đến ba lần trong một tháng vì xài quá số tiền có trong băng. Loại tiền phạt này còn được gọi là "overdraft protection." Với một sinh viên trẻ, đi làm bán thời gian và có một số tiền khiêm nhượng trong trương mục ngân hàng thì ba lần phạt mỗi lần $30 Mỹ kim là một số tiền đáng kể. Nhưng đây cũng là một bài học kinh nghiệm.

Dĩ nhiên Thanh Thảo chỉ biết khuyên con nên cẩn thận đừng để điều này xảy ra thêm dù cậu con trai một mực nói rằng sẽ khiếu nại vì lúc dùng thẻ rút tiền ngân hàng (debit card) cậu ấy thấy trong băng có dư số tiền cần chi tiêu chứ nếu không cậu ấy đã trả bằng cách khác (ngân hàng Wells Fargo đã hủy một lần phạt tiền sau khi bị khiếu nại).

Vậy mà còn có trường hợp đáng kinh ngạc hơn nữa mới lạ chứ! Có một cậu sinh viên trẻ khác bị ngân hàng phạt đến $217 Mỹ kim trên tổng số tiền cậu chi tiêu có $230 Mỹ kim.

Không lẽ các ngân hàng lạm dụng quyền để cho vay còn hơn cắt cổ mà không sợ bị luật pháp trừng trị hay sao?

Với trào lưu hiện tại, hình như điều lo ngại trên là sự thật!

Trong tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 2 tháng Năm 2005, có bài tường thuật về việc cậu sinh viên tên Chris Keeley mua quà Giáng Sinh 2004 cho thân nhân vào giờ chót bằng thẻ rút tiền trực tiếp từ ngân hàng. Vì trả tiền mua hàng hóa tại bảy nơi khác nhau không bị từ khước, cậu Keely nghĩ rằng mình không phải lo đến việc trong trương mục không có đủ tiền. Trái lại, ngay sau Tết Dương Lịch cậu mới vỡ lẽ ngân hàng PNC đã chịu ứng tiền ra bảy lần để cậu Keely trả tiền mua quà Giáng Sinh với tiền phạt $31 Mỹ kim một lần.

Cậu Keely khiếu nại với ngân hàng PNC và nói nếu ngân hàng thông báo trước số tiền phạt $31 Mỹ kim mỗi lần cậu định trả tiền mua hàng bằng thẻ rút tiền, chắc chắn cậu sẽ bỏ hàng lại, hoặc mua bằng thẻ tín dụng với lãi suất 18% chăng nữa. Ngân hàng PNC cuối cùng đã bớt 1/2 tiền phạt cho cậu sinh viên này sau khi bị khiếu nại.

Nếu tính thành tỉ lệ thì việc ngân hàng cho mượn $100 Mỹ kim nhưng phạt trung bình $20 Mỹ kim, dùng tên gọi "overdraft protection," tạm dịch "bảo vệ khỏi rút quá tiền có trong trương mục" chỉ là một hình thức làm tiền với lãi suất còn hơn cắt cổ. Tính trung bình nếu người bị phạt tiền này trả lại $100 trong vòng hai tuần lễ bằng cách gửi thêm tiền vào trương mục thì lãi suất hàng năm người này phải trả trên số tiền phạt là 520%.

Kinh nghiệm đáng tiếc của các sinh viên trẻ trên là những điều đang xảy ra thông thường hơn trước đây vì các ngân hàng cần thu thêm lợi tức từ những dịch vụ khác nhau sau đợt tái tài trợ nợ nhà giảm rõ rệt một năm nay.

Trong năm vừa qua kỹ nghệ ngân hàng đã thu vào đến $32 tỉ Mỹ kim tiền dịch vụ so với mức $21 Mỹ kim của năm 1999. Tại vài ngân hàng lợi tức từ dịch vụ phí vượt hẳn lợi tức từ tổng số tiền cho vay trong ngành tài trợ nợ nhà, thẻ tín dụng và tất cả những dịch vụ cho vay khác. Tại ngân hàng TCF Financial Corp. thuộc tiểu bang Minnesota, lợi tức từ dịch vụ phí chiếm đến 76% tổng lợi tức năm 2004, tăng từ tỉ lệ 52% của năm 2000.

Cũng theo tạp chí *BusinessWeek*, ngân hàng Wells Fargo Bank tại California có bản liệt kê chi phí dịch vụ ngân hàng dài đến 55 trang!

Vài loại dịch vụ tốn tiền này bao gồm $2 Mỹ kim mỗi khi khách hàng gọi vào hỏi số tiền có trong trương mục, $20 Mỹ kim nếu đóng một trương mục dưới sáu tháng sau khi mở trương mục đó, $30 Mỹ kim một giờ nếu cần một nhân viên giúp trả lời những câu hỏi để cân bằng trương mục.

Ngân hàng Wachovia phạt $5 Mỹ kim nếu trương mục không hoạt động trong một năm.

Giới bảo vệ người tiêu thụ cho rằng các ngân hàng chỉ nhắm vào những người có lợi tức thấp và để ít tiền trong băng để thủ lợi vì những người bị phạt tiền và tính đủ thứ tiền chi phí là những người vốn không có đủ số tiền "tối thiểu" hàng tháng trong trương mục.

Các ngân hàng tìm khách hàng mới bằng quảng cáo trương mục miễn phí (free checking). Nhưng chỉ có khách hàng khá giả để nhiều tiền trong trương mục mới thật sự được hưởng những quyền lợi miễn phí mà thôi. Trong khi 20% người có lợi

tức thấp nhất của khoảng 1.35 triệu người gửi tiền vào ngân hàng lại là những người bị phạt đủ thứ tiền đến độ nhóm người này chiếm 80% nguồn lợi $12 tỉ Mỹ kim các ngân hàng thu được từ dịch vụ phạt rút quá số tiền trong băng.

Tuy bị chỉ trích lạm dụng người lợi tức thấp nhiều ngân hàng cho rằng họ giúp khách hàng bằng cách ứng tiền trước khi khách không có đủ tiền trong băng. Ngân hàng Bank of America công bố kết quả thăm dò ý kiến khách hàng rằng khách hàng thà bị phạt tiền còn hơn bị mất mặt lúc trả tiền mua hàng bị từ khước vì không đủ tiền trong băng.

Nhưng cũng có nhiều ngân hàng cho rằng việc phạt tiền khi ứng trước cho khách là hành động trái đạo đức. Chẳng hạn Commerce Bankcorp Inc. tại tiểu bang New Jersey cho biết việc ứng trước rồi phạt hoàn toàn không phải là cách giúp mang tiện lợi đến với khách hàng mà chỉ là hành động làm tiền trắng trợn. Ngân hàng này cho biết không tính chi phí ứng tiền trước. Khi khách hàng không có đủ tiền ngân hàng sẽ rút từ trương mục để dành của khách hoặc tính từ thẻ tín dụng của khách.

Giới hữu trách hiện cũng đang chú ý đến cách làm tiền trái đạo đức của các ngân hàng. Vài tiểu bang hiện đã cảnh cáo các ngân hàng phải giải thích rõ những quảng cáo về việc ứng tiền trước khi khách hàng thiếu tiền trong băng. Vài cảnh cáo khác liên quan đến số tiền phạt và dịch vụ phí tổng cộng cao quá lãi suất hàng năm 72% là phạm hình luật. Giới quan sát cho rằng nếu các ngân hàng không giảm bớt những phương cách làm tiền thiếu đạo đức đến mức bị chính quyền phạt cho hàng chục triệu Mỹ kim mỗi lần phạt thì lợi tức của các ngân hàng lúc đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đáng kể.

Còn riêng với người tiêu thụ quí vị chỉ còn cách đề phòng cẩn thận. Nếu nghi ngờ mình không có đủ tiền trong ngân hàng thì đừng dại mua sắm bằng thẻ rút tiền trực tiếp mà cứ trả bằng thẻ tín dụng cho được việc. Một khi trả dứt hóa đơn tín dụng hàng tháng quí vị đâu có phải trả tiền lời cho ngân hàng tín dụng. Nhớ đừng trở thành nạn nhân kế tiếp của các ngân hàng!

# NHỮNG ĐỨA BÉ LẠC LOÀI 30 NĂM VỀ TRƯỚC

TRẦN QUÁN NIỆM

Năm 1975, trong cơn hấp hối của Sài Gòn, thủ đô miền Nam, mấy chuyến bay được tổ chức vội vàng để chuyển các em cô nhi từ Việt nam sang Mỹ.

Trong khoảng thời gian chuyển biến đầy máu, nước mắt và lửa đạn, lo âu đó, người ta không để ý nhiều đến tin này. Nay đã 30 năm sau, những đứa bé mồ côi ngày nào đã trưởng thành, tản mác khắp nơi trong các gia đình người Mỹ đã nhận chúng làm con nuôi.

Tác giả bài này, căn cứ trên một số tài liệu đăng tải rải rác trên báo chí Hoa Kỳ và trong thư khố điện tử, gom lại thành bài viết sau đây nhân ngày quốc hận 30 tháng Tư, 2005.

Martin French chỉ nhớ được một chút hình ảnh mù mờ về chuyến bay, trong đó anh và hàng trăm trẻ khác, nằm trong những hộp carton, hối hả rời phi trường Tân Sơn Nhất. Máy bay cất cánh vội vàng và bốc cao rất nhanh vì sợ trúng đạn của VC bắn lên.

Cho đến khi tới tuổi vào đại học, Martin mới rõ hơn về thân phận mình và chuyến bay lịch sử đó. Lúc đó anh mới tám tuổi, một trong số 2,547 cô nhi còn sống sót, được mang từ Sài Gòn sang Mỹ trong ba tuần cuối cùng trước ngày miền Nam sụp đổ.

" Tôi không hiểu động cơ nào thúc đẩy những người Mỹ từ tâm, nhưng nhờ ơn Trời, họ đã làm và chúng tôi được cứu vớt."

Một đến sáu giờ chiều ngày 7 tháng Tư, 2005, một lễ kỷ niệm đã được tổ chức tại trụ sở hội Pearl S Buck kỷ niệm 30 năm ngày các trẻ mồ côi VN vào đất Mỹ. Được biết cơ sở Buck và Welcome House đã phối hợp, giúp 120 em mồ côi được các gia đình Mỹ nhận làm con nuôi trong vùng Media, tiểu bang Pennsylvania. Bà Grace Kight, năm nay đã 84 tuổi còn nhớ bà đã hộ tống

46 em trong chuyến bay chót rời Sài Gòn. Đến Mỹ bà nuôi tạm chúng tại căn nhà 17 phòng của bà trong hai tuần lễ. Trẻ em từ ba tháng đến bảy tuổi, lớp nằm trong nôi, lớp nằm trên nệm mượn tạm từ nhà thờ, la liệt trong các phòng. Cả trăm người tình nguyện đến tiếp tay.

Trước khi chiến tranh bùng nổ mãnh liệt tại miền Nam VN, hai cơ quan Pearl S Buck và Welcome House hoạt động song phương với chính phủ VN trong chương trình tìm con nuôi cho các gia đình Mỹ. Khi VC ào ạt tiến đến bao vây Sài Gòn, hai cơ quan này thấy các thủ tục lâu la đón nhận trẻ mồ côi VN sang Mỹ trở nên quá chậm. Họ khẩn khoản xin quân đội Mỹ tiếp tay đưa các trẻ em sang Mỹ rồi hoàn tất thủ tục nhận con nuôi sau. Tổng thống Gerald Ford ban hành nghị quyết chấp thuận chiến dịch Baby Lift ngày 3 tháng Tư 1975. Chuyến bay đầu tiên do vận tải cơ khổng lồ C5 cất cánh 4 tháng Tư nhưng bị rớt ngay sau khi rời khỏi phi đạo. 178 em bé trong số 319 em tử nạn. Số còn lại đi những chuyến sau.

Ông Jerry Quí năm nay 65, lúc đó là nhân viên của viện mồ côi, phụ giúp đưa các em bé lên phi cơ. Ông còn nhớ cái không khí hốt hoảng của những ngày cuối cùng tại Sài Gòn. Hàng ngàn người tụ họp trước cổng viện khi xe bus chở các em lăn bánh ra phi trường. Ông Quí cùng các nhân viên khác đặt các em vào các thùng carton rồi cột giây ràng đồ nịt các em vào vị trí trên sàn phi cơ (loại chở quân nhu, chiến cụ). Phi công e ngại bị VC bắn hạ nên bốc cao rất nhanh. Các thùng chứa trẻ em, dồn đống lại về phía đuôi phi cơ, la khóc om sòm.

Bob Zwier, 52 tuổi, y tá quân đội, bay theo vài chuyến chở trẻ mồ côi hồi tưởng là máy bay chở

nhiều trẻ em đến nỗi phi hành đoàn phải bỏ bớt các bị thực phẩm để có thêm chỗ và máy bay nhẹ để có thể lên nhanh. Không khí nóng ẩm và mùi phân, nước tiểu từ tã lót của trẻ em nồng nực khắp phi cơ.

Khi phi cơ cất cánh tại Tân Sơn Nhất, tại Mỹ trên nhật báo *NewYork Time*, một nhóm tôn giáo đăng nguyên trang quảng cáo lên án chiến dịch Baby Lift có tính cách chính trị, cốt giải tỏa mặc cảm phạm tội của Hoa Kỳ về việc bỏ rơi miền Nam và như vậy dù được rêu rao về mục đích nhân đạo nhưng thật ra Baby Lift là vô luân lý.

"Chúng tôi vô cùng quan ngại là các trẻ em đã được sử dụng vào mục đích chính trị. Tuy nhiên chúng tôi hy vọng tương lai tốt đẹp chờ đón các em."

Một số các em, nay đã trưởng thành vẫn cảm nhận là đời sống họ đã bị lôi kéo bởi các khuynh hướng chính trị. Anh Chris Brownlee (gốc Việt) đương kim chủ tịch Mạng Lưới Thông Tin Các Trẻ Em VN Được Nhận Làm Con Nuôi cho hay: "Chuyện đời chúng tôi được mỗi nhóm người kể lại một cách khác nhau, tùy theo lối suy nghĩ của họ. Ra khỏi VN có thể là một may mắn, có thể là một bất hạnh."

Nhiều trẻ em mồ côi 75, cố gắng tìm về nguồn, cảm thấy bị giằng co bởi hai môi trường Âu, Á, và ở môi trường nào họ cũng thấy thừa thãi, vụng về. Họ cho hay: "Chúng tôi muốn được nói lên câu chuyện thật về số phận và cảm nghĩ của chính chúng tôi."

Trở lại cuộc đời của Martin French, bây giờ đã 38 tuổi, là phi công phản lực thuộc quân chủng Hải Quân Hoa Kỳ, căn cứ tại Virginia Beach, VA, có một vài trục trặc nhỏ. Đến Mỹ có hai anh em, nhưng nhân viên của Welcome House không biết nên gửi anh và em gái mỗi người một nhà. French cho hay: "Tôi có biết gì đâu, kể cả không có dịp nói với em tôi một câu: "Hẹn ngày tái ngộ."

Khi khả năng Anh ngữ của Martin khá hơn, gia đình cha mẹ nuôi mới hay câu chuyện, nhưng lúc đó thủ tục nhận con nuôi đã hoàn tất nên đành chịu. Sau này French và em gái đã đoàn tụ.

Tuy thế, Martin thấy là anh em mình có phước. Anh nhớ lại những ngày lang thang kiếm sống, ăn bờ ngủ bụi trên đường phố Sài Gòn trước khi nhập viện mồ côi.

Khi 18 tuổi, bắt đầu kiếm được tiền, anh dành một phần gửi tặng cơ quan Pearl S Buck. "Tuy nhiên suốt đời tôi, có bao giờ tôi trả nổi cái ơn này đâu."

Tuy các em trưởng thành trong gia đình Mỹ, được nuôi nấng từ nhỏ, không biết nói tiếng Việt, nhưng trong tận cùng tâm khảm, các em vẫn thấy mình là người Á Đông, dính liền với truyền thống, máu huyết xa xôi, thăm thẳm kia.

Một thân hữu của tác giả là nhà thơ kiêm nhạc sĩ Võ Đình Tuyết, một hôm đi dự buổi hòa nhạc tại trường Trung Học của con ông. Trên sân khấu một dương cầm thủ trẻ tuổi được giới thiệu, dáng dấp rất nghệ sĩ. Anh chơi vài khúc nhạc cổ điển Tây Phương nổi tiếng, sau đó là những sáng tác của anh.

Tự nhiên nhà thơ họ Võ lắng tai chăm chú. Trong tiết tấu nhạc có những dáng vẻ Á Đông dịu dàng, đằm thắm không thể nào lầm lẫn được.

Ngạc nhiên, đến giờ giải lao, anh lân la hỏi chuyện thì mới hay đây là một em bé mồ côi năm 75. Em tâm sự. "Tuy sống trong gia đình Mỹ, đầy đủ vật chất và thương yêu, nhưng trong thâm tâm em vẫn thấy thiếu vắng một cái gì. Em tìm vào âm nhạc và bị quyến rũ ngay bởi nét nhạc huyền hoặc Á Đông, và tự nhiên dòng sáng tác tuôn chẩy."

Tương tự, tác giả bài này có đọc được chuyện hai nhà cách mạng lưu lạc sang Trung Hoa trong giai đoạn cách mạng chống sự đô hộ của thực dân Pháp những thập niên xa xưa. Hai người nói chuyện với nhau giữa buổi chợ đông người. Chợt cả hai chú ý đến một thiếu phụ trẻ tuổi người Trung Hoa đứng chăm chú nghe và sau đó ôm mặt khóc nức nở. Khi được hỏi, cô cho hay âm thanh nói chuyện của hai người rất quen thuộc, tuy cô không hiểu nhưng cô biết đó là âm thanh cô thường nghe hồi niên thiếu, tương tự những bài hát mẹ cô thường hát cho cô nghe. Cô không nhớ được trong dĩ vãng vì lý do gì lưu lạc sang Tầu, ở trong nhà cha mẹ nuôi. Vì là con nuôi cô bị hắt hủi, đối xử khắc nghiệt. Mỗi lúc tủi lòng cô lại khóc, nhớ về một nơi rất xa xôi không biết ở nơi đâu và trong mơ cô thường nghe được những âm thanh êm dịu, lạ tai nhưng thân thương. Nay nghe được âm thanh quen thuộc cuả hai người, cô không cầm được nước mắt.

Hai nhà cách mạng thương cảm lắm đoán chừng cô ở vùng biên giới Trung Việt và đã bị bắt cóc bán sang Tầu lúc còn nhỏ. Hai người chỉ biết an ủi, nói về sự phỏng đoán của họ cho cô nghe nhưng chẳng giúp được gì để tìm lại lai lịch cho cô.

Ngày nay các em mồ côi ở Mỹ chắc chắc sẽ may mắn hơn, bằng cách dò tìm, xin mở lại hồ sơ do cơ quan Pearl S Buck lưu giữ rồi đây họ sẽ tìm lại được lý lịch và cha mẹ, bà con, thân thuộc, mà trong hoàn cảnh chiến tranh tại một xứ nghèo, vì gia cảnh thiếu thốn, vì chết chóc, vì thất lạc, đành bỏ con thành trẻ mồ côi sống nhờ lòng thương xót từ tâm của người đời./

**Vài mốc điểm thời gian của chiến dịch Baby Lift**

- 2 tháng Tư 1975: Chuyến bay đầu tiên, chưa chính thức, rời Sài Gòn với 57 em.
- 3 tháng Tư: Tổng Thống Gerald Ford ký nghị quyết chính thức hoá Baby Lift và dành cho ngân khoản 2 triệu đô.
- 4 tháng Tư: Chuyến bay chính thức đầu tiên cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhất, nhưng bị rớt khi vừa rời khỏi phi đạo. 178 em trong số 319 em tử nạn,
- 26 tháng Tư: Chuyến bay chót rời Sài Gòn, ba ngày trước khi miền Nam sụp đổ.
- 2 tháng Tư, 2005: Xử lý thường vụ Thống Đốc tiểu bang New Jersey ký tuyên ngôn công nhận ngày 2 tháng Tư là ngày kỷ niệm 30 năm chiến dịch Baby Lift.
- Từ 1970 đến 1974: (trước Baby Lift) Trên 1,400 em được nhận làm con nuôi tại Mỹ.
- Trong số 2,547 em thuộc Baby Lift có 602 em đến các quốc gia khác, 1,945 em đến Mỹ. Trên 91% các em dưới tám tuổi. 20% em là Mỹ lai.

*Chuyện Nước Pháp*

TỪ NGUYÊN

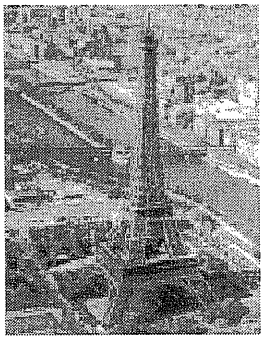

## VỤ CHÁY KHỦNG KHIẾP TẠI PARIS

**Vì ghen tuông?**

Một vụ cãi lộn vì ghen có thể là nguyên nhân của vụ hỏa hoạn tại khách sạn Paris-Opéra đường Provence, Quận IX Paris, nơi tạm trú (có người trên nhiều năm) của đa số những người... không có giấy tờ cư trú hợp lệ. Đúng là *họa vô đơn chí*, đã khốn khổ vì chuyện giấy tờ tùy thân còn bị thần lửa đốt sạch.

Vụ hỏa hoạn gây thiệt hại nhân mạng nặng nề: 24 người tử nạn, 53 người bị thương, xảy ra rạng ngày thứ sáu 15.4. Tới nay Cảnh sát mới có yếu tố để đoán biết được do đâu mà ra. Kẻ bị tình nghi

thủ phạm là Fatima, 31 tuổi, người tình của Nabil Dekali, nhân viên trực đêm tại khách sạn, đã bị xộ khám.

Theo lời khai tại bót Cảnh sát, đêm hôm đó Nabil, 37 tuổi, kêu Fatima tới khách sạn. Cô này lui tới đây đã nhiều lần với Nabil. Lần này, thấy chàng đang nhậu nhẹt say sưa với mấy người đàn ông khác, cô bỏ lên phòng, ở tầng một, chờ đợi.

Khi hai người gặp nhau thì câu chuyện biến thành vụ cãi lộn. Fatima, có lẽ vì chờ đợi quá lâu đã trách mắng Nabil chỉ lo nhậu nhẹt say sưa! Theo lời kể lại của người quen thân hai người này thì Nabil đã cho cô Fatima biết rằng anh ta không thể tiếp tục việc giao du như thế này và đã quyết định trở lại với người vợ cũ. Fatima lớn tiếng, Nabil bỏ ra khỏi phòng. Fatima giận dữ, có thể trong lúc này, liệng chồng quần áo, sách báo rồi đi ra không để ý cây đèn cầy ở giữa sàn.

Lửa đã bắt cháy từ lúc đó rồi lan ra, cháy bùng lên. Nabil biết có cháy, báo động và cố dập tắt ngọn lửa rồi chạy lên các tầng trên để cấp cứu. Lửa tràn lan nhanh chóng cả mấy tầng lầu. Cuối cùng ở vào thế kẹt, như những người khác, anh ta đã phải nhảy qua cửa từ tầng thứ sáu, cao chừng 15 thước. Thương tích trầm trọng, anh hôn mê đang được điều trị trong bệnh viện.

Lúc đó khách sạn đang có 76 người trong số đó có 68 người do tổ chức xã hội *Samu Social de Paris* hay Cơ quan giúp các gia đình di dân gởi tới tạm trú. Theo chủ nhân khách sạn thì con số chính thức chứa được là 61 người nên có tờ báo đưa giả thuyết rằng vì số người đông quá, sử dụng điện quá mức mà gây ra hỏa hoạn. Thế nhưng, hệ thống điện hay phòng hỏa không có chi đáng trách theo những lần kiểm soát của cơ quan vệ sinh trước đây.

Cô Fatima nói rằng không ngờ... lại có vụ hỏa hoạn. Ngày hôm sau, khi kêu điện thoại tới khách sạn, cô mới biết tin này. Cô nói, khi đi ra có nghe xe còi hụ nhưng không ngờ chính vụ cháy xảy ra cho khách sạn.

Cũng không phải cô tự mình tới bót Cảnh sát. Một kẻ ẩn danh đã điện thoại tố cáo, giúp cơ quan công lực ra khỏi khó khăn của cuộc điều tra. Dù sao thì Fatima đã thú nhận ngay khi bị Cảnh sát kêu đến. Cô ta có thể bị kết tội gây hỏa hoạn vì bất cẩn và vô ý gây thiệt mạng cho nhiều người.

*Samu Social* cho biết hiện nay tại Paris có chừng 150 khách sạn như Paris Opéra có khế ước với tổ chức này làm nơi tạm trú cho những người di dân. Mỗi ngày tổ chức này trả cho khách sạn 16 euro (21$) mỗi người. Trong số những người không có giấy tờ hợp lệ này có cả những người xin tỵ nạn chính trị trên đất Pháp.

**Số phận những người tị nạn**

Họ là những người Congo, Tchétchène hay Trung Hoa và nhiều nước khác. Một mình hay cả gia đình, xuất thân từ nhiều ngành nghề khác nhau, qua Pháp để tránh những vụ đàn áp, chiến tranh hay bạo lực. Họ tới đập cánh cửa còn mở trong khi biên giới khắp nơi đều đóng kín: họ xin tỵ nạn chính trị.

Năm 2004, có 65 000 người tới Pháp để xin tỵ nạn, theo phúc trình của cơ quan quản trị những người tỵ nạn và vô tổ quốc (OFPRA). Thường thì chỉ một số rất nhỏ những người này được chấp nhận và được cấp phát giấy tờ, hơn 80% còn lại bị bác bỏ. Số người bị từ chối, khoảng chừng 250 000, vẫn còn sống trên đất Pháp từ năm 1998.

Không được giấy tờ chính thức, họ sống trong vòng bí mật và làm việc lén lút. Một luật mới, có hiệu lực từ đầu năm 2004 nhằm đơn giản hoá thủ tục, giảm thời hạn cứu xét hồ sơ không giúp ích chi cho họ. Các cơ quan như OPFRA hay Ủy ban cứu xét hồ sơ tỵ nạn CRR được thêm phương tiện. Các trạm tiếp đón cũng được tăng cường. Thế nhưng vẫn không đủ để tiếp đón người tỵ nạn. Và vấn đề vẫn kéo dài năm này qua năm khác.

THỦ TƯỚNG RAFFARIN ĐI TÀU

Thủ tướng Jean-Pierre Raffarin đi Hoa Lục ba ngày cuối tuần này để khánh thành cuộc triển lãm về vua Louis XIV trong Cấm Thành, đánh dấu «năm nước Pháp tại Trung Hoa.» Tại Bắc kinh, thủ tướng có vẻ đã lấy lại phong độ: xa Paris được vài ngày ông thấy thoải mái, quên chuyện mới đây có người dám đòi ông từ chức. Người đó, không ai xa lạ, cũng trong chính phủ và nhóm thân cận với tổng thống. Xa luôn những cuộc thăm dò dư luận cho thấy điểm của mình xuống thấp.

Chuyến công du qua Tàu lần thứ hai diễn ra như đã dự liệu. Lần trước, ông tới đây lúc Hoa Lục đang có bệnh cúm gà, nhiều phái đoàn khác đã hủy bỏ chuyến đi, ông vẫn đi... chỉ có băng che miệng như những người khác thôi. Người Trung Hoa còn nhớ sự chiếu cố ân cần đó.

Ông đã ký kết với thủ tướng Hoa Lục thỏa ước đặt hàng 30 máy bay Airbus trị giá 2,5 tỉ euro. Đáp lại, ông nói với những người khách rằng nước Pháp vẫn tiếp tục yêu cầu Liên Hiệp Âu Châu bỏ lệnh cấm bán vũ khí cho Trung Hoa trước ngày 30.6. «Không có lý do nào khiến LHAC xét lại quyết định đó.» Không vì áp lực của người Mỹ hay là vì đạo luật chống ly khai nhắm tới Đài Loan mà quốc hội Trung Hoa vừa biểu quyết.

Không nói ra nhưng phái đoàn tháp tùng không

thể không bàn về cuộc trưng cầu dân ý. Phe ủng hộ bản văn hiến pháp, trả lời «oui,» lên bốn điểm và được 48% trong cuộc thăm dò dư luận của Công ty CSA khiến cho phái đoàn này vui mừng chốc lát. Cho tới khi biết được cuộc thăm dò dư luận của *BVA-L'Express* cho phe chống lại lên 58%.

Trước cộng đồng Pháp tại Bắc Kinh trong cuộc gặp gỡ, thủ tướng không hề tỏ vẻ bi quan. Ông báo động rằng kết quả cuộc bầu phiếu (trưng cầu dân ý về Hiến Pháp Âu châu) sẽ rất sít sao cho nên phiếu nào cũng là cần thiết cả.

## ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH CANNES

Đại hội Điện ảnh thế giới kỳ thứ 58 bắt đầu từ 11 đến 22.5 tại Cannes miền nam nước Pháp. Năm nay sẽ là nơi trình chiếu công trình của tài năng trên thế giới, không phải của... người Pháp hay Âu châu. Đó là sự thực. Ban tuyển chọn đã coi 90 phim của Pháp, theo lời của Thierry Frémeaux, và chỉ giữ lại có... ba phim!

Một trong ba phim đó - vui hay buồn thay - lại do đạo diễn người nước Áo, Michael Haneke, quay với Juliette Binoche và Daniel Auteuil với tên là *Caché*. Hai phim còn lại là *Peindre ou faire l'amour* (Vẽ hay làm tình) của Arnaud và Jean-Marie Larrieu và *Lemming* của Dominik Moll. Phim sau này sẽ trình chiếu trong ngày khai mạc đại hội, 11.5, và cùng ngày đó, được chiếu tại các rạp trên toàn quốc.

Những phim khác được trình chiếu trong đại hội là của Wim Wenders, Jim Jarmusch, Guy Van Sant, Hu Hsiao Hsien, Lars Von Trier, Amos Gitai, David Cronenberg và Luc Dardenne để dự thi. Những điều trên đây đã được Ban tổ chức đại hội giới thiệu với báo chí ngày 19.4.

Chuyện lạ là còn không đầy ba tuần, ban giám khảo vẫn chưa có đủ. Ngoài chủ tịch là Emir Kusturica, mới có thêm Abbas Kiarostami (Giải *Caméra d'Or*), Alexander Payne (*Un Certain Regard*) và Edward Yang (*Cinéfondation* và *Courts métrages*).

Danh sách các phim dự thi được công bố trước như sau :

*A History of Violence* của David Cronenberg, Canada

*L'Enfant* của Jean-Pierre và Luc Dardenne, Bỉ

*Where the Truth Lies* của Atom Egoyan, Canada

*Caché* của Michael Haneke, Pháp

*The Best of Our Times* của Hu Hsiao Hsien, Đài Loan

*Broken Flowers* của Jim Jarmusch, Hoa kỳ

*The Three Burials of Melquiades Estrada* của Tommy Lee Jones, Hoa kỳ

*Bashing* của Masahiro Koyabashi, Nhật

*Peindre ou faire l'amour* của Arnaud và Jean-Marie Larrieu, Pháp

*Sin City* của Frank Miller và Robert Rodriguez, Hoa kỳ

*Lemming* của Dominque Moll, Pháp

*Batalla en el Cielo* của Carlos Reygadas, Mễ tây cơ

*Kilomètre zéro* của Hiner Saleem, Irak

*Election* của Johnnie To, Hương Cảng

*Quando sei nato non puoi piu nasconderti* của Marco Tullio Giordana, Ý

*Last Days* của Guy Van Sant, Hoa kỳ

*Manderlay* của Lars Von Trier, Đan mạch

*Shanghai Dreams* của Wang Xiao Shuai, Trung Hoa

*Don't Come Knocking* của Wim Wenders, Hoa kỳ

Âu châu ngoài Ý và Pháp, các nước như Đức, Anh hay Tây ban nha không có phim dự thi. Đại hội dành một buổi để ca ngợi công trình của British Film Institute năm nay kỷ niệm 60 năm và tài tử James Dean, chết cách đây nửa thế kỷ.

## BẢO TÀNG VIỆN CHRISTIAN DIOR MỞ CỬA

Kỷ niệm 100 năm ngày sanh của Christian Dior, nhà vẽ kiểu và thực hiện áo quần thời trang trứ danh của nước Pháp, nhiều chương trình được tổ chức tại Granville, vùng biển Manche. Ngôi nhà ông ta sanh ra biến thành viện bảo tàng trưng bày, từ 15.5 đến 25.9, cuộc triển lãm với đề tài "*Christian Dior... homme du siècle.*"

Ngoài những bộ áo quần được trình bầy thường trực ở đây, còn những sáng tác của ông mượn lại từ Metropolitan Meuseum of Art ở New York, Kyoto Costume Institute của Nhật bản và Musée de la Mode de Paris cũng như nhà may Dior ở Paris.

Cũng tại nơi này, có vườn đẹp và nhìn ra biển, ông đã viết cuốn *Ma vie, mon style, doivent presque tout à sa situation.*

Người chỉ mơ ước trở thành chủ nhân của một nhà may nhỏ, đã dựng nên một đế quốc của thời trang và xa xỉ phẩm, đem lại nét trang nhã cho người sành điệu.

Musée Christian Dior, Villa les Rhumbs, Granville. Mỗi ngày từ 10 giờ đến 18 g 30. Giá vào cưả 5 euro. ĐT. 02 33 61 48 21 hay www.musee-dior-granville.com

# Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

## TƯỢNG

Tôi mê tượng. Đi đâu thấy có tượng là tôi sa đà nhấc chân đi không nổi. Nếu tượng không vừa với túi tiền thì ngắm chán chê tôi đi. Nếu vừa với túi tiền thì tôi thỉnh về. Một lần trở về Đà Lạt, xe du khách đổ tôi xuống Thung Lũng Tình Yêu, một nơi tôi có nhiều kỷ niệm cũ. Tình Yêu bây giờ khác với Tình Yêu xưa nhiều. Nó thu gọn trong một trái tim bằng sắt rỗng ruột, ghé hai cái mặt vào, bấm máy hình, thế là xong. Tình Yêu... dại khờ như vậy không có tôi. Tôi loanh quanh xuống khu bán đồ kỷ niệm. Cơ man nào là tượng. Tượng gỗ có, tượng đá có, tượng thạch cao có, tượng *plastic* cũng có luôn! Mẫu mã cứ na ná nhau. Toàn một thứ hàng thương mại! To tượng thì to tiền, nhỏ tượng thì nhỏ tiền. Tôi đảo mắt qua từng gian hàng. Để giết thời gian. Bỗng mắt tôi chăm chú vào một tượng Phật nhỏ nằm trong góc của một gian hàng. Cô gái bán hàng bắt được ánh mắt tôi liền. Cô mời. Tôi lặng yên chăm chú ngắm. Rồi tôi hỏi xem bức tượng. Bức tượng trông qua cũng giống như tượng ở các cửa hàng khác. Nhưng nhìn kỹ, tôi thấy cái thần của tượng trên khuôn mặt Phật. Tôi hỏi giá. Cô bán hàng cho một cái giá cao gấp đôi một bức tượng tương tự trong các gian hàng bên. Tôi hỏi tại sao, cô cho biết đây là tượng do người anh của cô tự khắc lấy. Quả có khác. Tôi trả giá. Trả qua trả lại tới khi bị dục lên xe, tôi bỏ đi. Cô bán hàng chẳng thèm gọi lại. Đi được một quãng khá xa, sắp sửa trèo dốc lên trên đường, tôi vội chạy lại, rút tiền ra trả. Tôi biết, nếu không mua được bức tượng này, tôi sẽ không ngủ yên!

Một lần khác, lần này ở Saigon, tôi tới nhà sách Hòa Bình cũ bên hông Nhà Thờ Đức Bà. Nhà sách đã trở thành một cửa hàng bán đồ đạo. Tượng tràn đầy phòng. Tới khu bán tượng gỗ, tôi đảo mắt sơ qua một vòng. Bức tượng Đức Mẹ giữ tôi lại. Tượng chỉ cao cỡ hai gang tay, bằng gỗ mộc, không véc-ni, không sơn siếc chi cả. Khuôn mặt thì cũng được thôi, nhưng chiếc áo choàng mới thu hồn tôi. Cả tượng là một khúc cây còn nguyên vỏ. Người tạc tượng đã dùng cái dáng của miếng vỏ cây như dáng một tà áo bay theo gió. Trên vỏ cây mộc lại có những đường chạy như những nét gấp của áo. Cuối vạt áo là những đường bẻ gẫy tự nhiên khiến mép áo có đường lồi ra lõm vào như một tà áo no gió. Cái khéo và thông minh của nghệ nhân là đã lợi dụng được nét đẹp của cây để biến thành nét tự nhiên của tượng. Tôi cầm tượng tới quầy tính tiền mà chẳng cần biết giá. Cái giá họ tính quá rẻ. Tôi thấy mình mang tội bất công nếu chỉ trả theo cái giá đó. Tôi hỏi lai lịch bức tượng và được biết do người ta gửi bán. Tôi ngỏ ý muốn gửi thêm tiền cho người khắc tượng, họ không nhận vì qua nhiều trung gian rất bất tiện. Tôi ôm tượng về mà nghĩ rằng mình... trúng số!

Thuở còn là sinh viên, tôi mê bức tượng *The Thinker* của Rodin. Mê lắm. Tôi chỉ được nhìn tượng trong một tờ báo nghệ thuật của Mỹ cũng đã mê rồi. Sang bên đây, tượng *The Thinker* giả thiếu giống chi. Nhưng tôi không mua mặc dù giá rẻ rề. Giả có khác thật. Khi có dịp tới Bảo Tàng Viện Louvre ở Paris, tôi đứng sắp hàng mua vé vào chỉ với mục đích một lần diện kiến Người Suy Tưởng thực thụ. Vậy mà vì hàng người quá dài và thời gian lưu lại Kinh Đô Ánh Sáng không nhiều, tôi đành phải bỏ *The Thinker* một mình đi lang thang qua nhiều nơi chốn đã nằm trong tim tôi từ những ngày thanh niên. Tôi tới vườn Luxembourg. Trời nắng nhạt. Vườn thưa người vào giấc trưa của một ngày trong tuần. Tôi ngồi trên một chiếc ghế gỗ ngắm những pho tượng trắng in hình trên những tàng cây xanh. Trưa đó tôi no tượng đến quên ăn!

Paris là thành phố của tượng. Nhà thơ Đỗ Khiêm cũng đồng ý như vậy trong cuốn *Ký Sự Đi Tây: "Paris lắm tượng, ai chẳng biết, từ những tượng hiền lành bờ vai trắng có lá vàng rơi vườn Lục Xâm đến tượng đàn bà tròn trịa nằm hớ hênh trên cỏ mướt vườn Tuileries nhưng không có tượng Robespierre."* Robespierre là ông nào, tôi chỉ biết lơ mơ mà cũng chẳng buồn tìm hiểu. Nhưng ông thần *Apollo* mặc có mỗi cái lá nho thì tôi biết. Không biết ông này còn khuya mới có bồ bịch!

Tượng *Apollo* là một bức tượng đẹp. Đẹp đến ông Bùi Giáng cũng phải tỉ tê.

*Ông là rất mực đàn ông*
*Nếp nền vi diệu chơn không vi huyền*
*Ông từ Hy Lạp uyên nguyên*
*Thần công thái thậm uy quyền thái sơ*
*Ông từ bờ cõi bơ vơ*
*Trút về gò đống tóc tơ địa cầu*
*Một con mái đậu bồ câu*
*Một con gái một hương màu một con*
*Đăm chiêu con mắt trông mòn*
*Nghìn xa vẳng gọi vuông tròn đầy tay.*

Tượng là đẹp. Chẳng thế mà các nhà văn, nhà thơ khi nói tới vẻ đẹp chỉ cần hạ bút "đẹp như tượng" là độc giả biết ngay là đẹp! Thí dụ như nhà văn Vũ Quỳnh Hương viết trong truyện Miền Vĩnh Phúc: *"Dáng nó nhỏ nhẹ buồn buồn, mái tóc vàng không cuốn chải thả hết về sau lưng, khuôn mặt nhìn nghiêng đẹp như một pho tượng trắng."* Đẹp nhưng tùy theo tâm trạng người ngắm, tượng buồn vui với người. Buồn cũng có thể đứng bất động như tượng được chứ!

Thân bị giam giữ trong cái gọi là trại Cải Tạo, sức nào mà không buồn.

*Ở đây có phố sương mù*
*Có người như tượng đứng thu bóng chiều*
*Ở đây có núi đìu hiu*
*Đá mòn mỏi thở nhịp theo hơi nguồn.*
(Trịnh Cung)

Người như tượng nhưng tượng cũng có thể như người. Chuyện bức tượng Tiếc Thương nơi Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa xuống đường tha thẩn như người là một câu chuyện khá thương tâm. Chuyện tượng của nhà văn Y Uyên tình tiết hơn. Nhà văn Y Uyên đã bỏ mình trong một trận phục kích, bên dòng suối, dưới chân núi Tà Lơn, Phan Thiết từ ngày còn rất trẻ, chỉ mới 26 tuổi. Vậy mà anh cũng đã để kịp cho đời được sáu tập truyện và một truyện dài. Sau khi anh mất, bạn bè đã hợp sức nhau lại làm cho anh một bức tượng bán thân bằng đồng cao lớn bằng người thật, nặng khoảng 50 kí. Tượng được điêu khắc gia Đỗ Toàn thực hiện ở Quy Nhơn. Nhà thơ Mang Viên Long mang bức tượng này về Tuy Hòa chờ ngày mang vào Saigon đặt nơi mộ nhà văn Y Uyên ở Nghĩa Trang Gò Vấp. *"Tôi đặt tượng Y Uyên trong phòng trọ của tôi mấy hôm. Đêm thứ hai, tôi ngủ mơ bỗng thấy Y Uyên về, cười nói, chuyện trò như ngày nào. Tuy vậy, trông nét mặt và dáng vẻ có đượm nét buồn. Đêm thứ ba, gặp lại Y Uyên. Tôi hơi lo. Và cũng hơi sợ, vì tôi sống riêng một mình trong căn phòng vắng vẻ nằm sâu trong một con hẻm. Tôi mua một thước vải vuông màu đỏ, phủ lên bức tượng."*

Năm 1984, gần 15 năm sau ngày Y Uyên mất, nhà thơ Mang Viên Long mới có dịp trở lại Xóm Mới thăm gia đình Y Uyên. Bức tượng đã được đặt sau vườn nhà. Chuyến đi của bức tượng từ mộ phần về với gia đình cũng là một chuyến đi... tâm linh. *"Chú Vượng đặt một bàn tay nơi lỗ tai bị cưa đứt của bức tượng, kể cho tôi nghe lại đầu đuôi của câu chuyện mà chú cho là "rất kỳ lạ." Sau 75, một đêm ông cụ nằm mơ thấy Uy (tên thật của Y Uyên) trở về bảo hãy mang anh về nhà, anh đang bị lạnh lẽo, buồn bã. Sáng ra ông cụ nói chuyện với cả nhà, vì lâu nay ông cụ ít khi thấy lại Uy. Đêm sau cũng lại thấy anh về. Chiều hôm ấy một người bạn quen với Uy lúc xưa đến báo cho gia đình biết, trong lúc dắt xe đi bán giò chéo quẩy, tạt qua trụ sở Công an phường thì thấy bức tượng đồng Y Uyên đang "nằm" ở đó. Anh cho biết trong buổi đi tuần tra công an đã bắt được một người vác bao tải khả nghi. Kiểm soát bắt gặp tượng đồng chưa rõ của ai. Kẻ trộm khai đã cưa mất một bên tai để xem thử có phải là đồng thật hay không. Và mờ sáng hôm ấy đã đục bệ để lấy đem đi bán đồng vụn. Được tin, gia đình đến trụ sở công an phường viết giấy báo cáo và xin nhận lại bức tượng mang về đặt bên cạnh bàn thờ của Y Uyên như hôm nay."* (Thư Quán Bản Thảo, tập 18, tháng 2 năm 2005).

Tượng linh thiêng dẫn tới tượng thờ phượng. Thường thì tượng thờ không đi đôi với tượng mỹ thuật mà lại còn có xu hướng thủ cựu. Nhưng tượng trong nhà thờ kính Crystal Cathedral ở Garden Grove thì lại khác. Mỗi bức tượng là một công trình nghệ thuật dễ cho tín đồ hòa nhập vào không khí thánh thiện hơn. Còn tượng ở phần lớn những nơi thờ phượng là tượng... thờ. Tượng để tín đồ cầu xin hơn là ngắm nghía. Mà nếu có ngắm thì cũng là ngắm bằng con mắt sùng mộ hơn là con mắt nghệ thuật. Lòng sùng mộ hình như tăng theo kích thước của tượng. Tượng càng lớn càng dễ làm người ta kính sợ hơn. Trước kích thước của tượng con người dễ bị dìm xuống cảm thấy mình nhỏ nhoi thấp hèn hơn. Tại Thiền Viện Vạn Hạnh ở Đà Lạt, một bức tượng Thích Ca cao 24 thước, đài sen có đường kính 20 thước vừa được khánh thành vào ngày 18 tháng 3 vừa qua. Tượng được đặt trên một ngọn đồi và là bức tượng Phật lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Bước chân vào một nơi thờ phượng, chúng ta

cứ hoa cả mắt. Tượng lớn tượng nhỏ được bày la liệt khắp nơi khắp chỗ. Có nhiều tượng thánh chúng ta không thể biết được hết. Chúa thì mỗi tượng một tư thế: Chúa chịu chết, Chúa phục sinh, Chúa lên trời, Chúa làm vua, Chúa hài đồng, Chúa Ba Ngôi... Đức Mẹ thì cũng Mẹ lên trời, Mẹ Hằng Cứu Giúp, Mẹ Chúa Hài Đồng, Mẹ La Vang, Mẹ Lộ Đức, Mẹ Fatima... Phật thì cũng phong phú vô cùng. Trong tài liệu *"Giải Thích Về Hệ Thống Tượng Phật Trong Chùa"* của tác giả Nguyễn Đức Can, ông đã chỉ rõ : *" Ở trong chánh điện thờ Phật, chỉ có cái ý thờ Phật mà thôi, nhưng Phật có tam thân là Pháp thân, Báo thân và Ứng thân. Cách bài trí các tượng Phật ở chánh điện theo đúng ý nghĩa ấy cho nên ở lớp trên cùng là thờ Pháp thân Phật, tức là thờ thường trụ Phật ở trong vũ trụ. Ở lớp thứ hai thờ Báo thân Phật, tức là thờ Thụ-Dụng trí-tuệ Phật ở cõi cực lạc. Ở lớp thứ ba là thờ Ứng thân Phật, tức là thờ Phật đã hóa hiện ra xác thân ở trần thế. Từ lớp thứ tư trở xuống bày những cảnh quan hệ đến đến lúc sơ sinh của Đức Thích Ca Mâu ni Phật và những tượng của các vị thần khác."*

Tín đồ cần nhìn thấy tượng để được nhắc nhở tới các đấng thần linh chứ các đấng thần linh đâu có cần náu mình vào gỗ đá hay thạch cao để ngự trong lòng chúng sinh. Nhưng nếu chúng sinh chỉ vụ vào tượng, đồng hóa tượng với Đấng Linh Thiêng thì còn chấp lắm. Nhà văn Lâm Chương, trong truyện ngắn *Uống Trà Đi* , đã cho nhân vật Bi , tu tại một cái am, buông bỏ mọi chấp để chỉ biết tới căn cốt của Đấng Từ Bi. *" Tôi đến lần trước, anh Bi đã tu trong cái am này hơn mười bảy năm. Anh nói, mười bảy năm không nghĩa lý gì so với một vòng chín mươi chín ngàn năm mặt trời xoay quanh dãy thiên hà. Con số thời gian dài chóng mặt, trí ngắn con người không đo nổi. Tôi hỏi, sao anh không vào chùa? Anh bảo, Phật ở trong tâm. Tôi tự hỏi, Phật ở trong tâm mà sao tâm địa người đời thể hiện ra toàn là những ác ôn dao búa? ...Trong am bài trí đơn sơ gọn gàng. Phía trước thờ Phật. Phía sau, ngăn cách bởi bức vách, kê một chiếc giường nhỏ làm chỗ ngủ. Anh Bi nấu nước pha trà. Tôi thắp nhang lễ Phật. Tượng gỗ thì ngồi đây, mà Phật thì xa muôn trùng. Lòng tôi không nghĩ thấu điều gì xa hơn một đời sống vụn vặt hàng ngày."*

Tượng là tượng. Đồng hóa tượng với Đấng mà con người tạc tượng để thờ nghe ra có điều không ổn. Gỗ đá có thể bị hủy diệt với năm tháng. Trong truyện *"Mọt Tượng"* của nhà văn Ngô Nguyên Dũng, sư cụ chùa Mai Sơn, vì chiến tranh đã phải rời chùa cũ về chùa mới. Mối bận tâm không dứt của sư cụ là chưa thỉnh được bức tượng Quan Thế Âm về với mình. Trước khi chạy loạn, sư cụ đã cẩn thận chôn bức tượng bên gốc sứ sau chùa, dưới một tảng đá lớn. Khi tình thế đã tạm yên, sư cụ tuổi già sức yếu không thể về chùa Mai Sơn để thỉnh tượng, đã sai một chú tiểu đi. Đó là một bức tượng nhỏ nhưng sư cụ rất quý. Tượng có một xuất xứ riêng. *"Vài năm trước ngày chia đôi đất nước, lúc tình thế còn hỗn mang, một hôm có anh thanh niên ghé ngang Mai Sơn Tự xin tá túc một khoảng thời gian. Anh ta là thợ mộc, biết đẽo khắc tượng gỗ. Sư cụ không nhờ, nhưng ngày nọ, anh vào rừng vác về một khúc gỗ huỳnh đàn. Thế là suốt buổi anh ta cày cục nâng niu đẽo thành tượng Phật. Trước đó anh ta còn kỹ lưỡng ngâm gỗ trong nước bông sứ. Hỏi để làm gì thì anh bảo, có vậy gỗ mới dẻo dai bền vững với thời gian và lúc nào cũng thoảng hương hoa. Sau vài tuần, anh hoàn tất bức tượng. Sư cụ bảo rằng, chưa thấy tượng Phật nào có thần sắc từ bi nhân ái như thế. Tượng nhỏ thôi, chừng ba gang tay, vậy mà chỉ cần nhìn qua diện mạo, đã thấy cái tâm vô biên vô lượng hiện ra rành rành."*

Chú tiểu Bửu vượt đường xa, trải qua bao gian nan vất vả mới về đến chùa Mai Sơn, đào tượng. *"Tiểu Bửu quì gối, tay cầm xẻng con, thận trọng xắn đất. Khí trời thoáng mát mà lưng áo tiểu Bửu rịn ướt mồ hôi. Tự dưng chú nghĩ tới thắc mắc ngây thơ của tiểu Hạnh: "Không biết sư cụ đòi đem bức tượng về làm gì?"Phải rồi, chi vậy? Không phải tất cả hình tượng đều là vọng tưởng sao? Tại sao không "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" như kinh Kim Cang đã dạy? Tiểu Bửu còn đang lan man tự hỏi, chợt giật thốn người khi có cảm giác lưỡi xẻng chạm phải vật cứng. Chú nới tay, xới từng lớp mỏng. Mồ hôi chú lăn thành dòng xuống cổ áo. Tiểu Bửu tận dụng thị lực, soi chăm chăm vào hố đất con. Đoán thấy đủ độ sâu, chú vất xẻng, dùng tay không cẩn thận bới quanh vật thể được bọc trong nhiều lớp vải, miệng lâm râm niệm Phật. Chú mọp người, khuân khối vải đặt bên miệng hố, chỗ sáng trăng. Tim chú đập liên hồi. Chú phủi sạch đất cát, run tay tháo vải. Nước mắt chú tuôn ràn rụa khi nhận ra pho tượng vẫn còn bóng ngời chất gỗ quí. Chú lẩy bẩy nâng pho tượng lên, toan áp má vào mặt tượng thì... trời ơi, chú thấy từ lòng tượng rỉ ra từng dòng trắng đục như sữa. Hai mắt tiểu Bửu trợn ngược, miệng lắp bắp không tròn câu:*

- Mô... mô... Phật, tượng ơ... mọt ăn!
Rồi chú buông tượng xuống đất, khóc nghẹn!"

*03/2005*

## NHỨC

Bỏ rẻ ra mỗi con người cũng có bốn năm chục ký vừa xương vừa thịt vừa những thứ lằng nhằng khác. Tha hồ mà nhức! Nhức chỉ cần chút đỉnh cũng vẫn nhức được như thường. Đâu có cần tính ký. Mà nhiều khi tính cũng chẳng được! Như bị em cài số de cho một đường thất tình, nhức nhối lắm chứ!

*Này con dế mày kêu sau hè*
*Thôi ngủ đi nghe tao buồn, buồn lắm*
*Kêu làm gì mà tao nghe rưng rưng*
*Tao nghe bâng khuâng nửa chừng đời tuột*
( Nguyễn Nam An )

Rưng rưng như vậy nó nằm ở chỗ nào? Ai chẳng biết! Ai mà cả đời chưa hề "nửa chừng đời tuột" thì cũng chẳng cần biết làm chi. Đời không bị ái tình nó đá cho một phát là đời... bỏ đi. Bởi vì đó là một cái thú, dù là cái thú mà nhà thơ Dương Kiền bảo là "thú đau thương"! Cũng như cái thú đi thi đạp được vỏ chuối mà nhà thơ Tú Xương phán rằng đó là "đệ nhất buồn." Nhưng dù tên là chi thì cái thú vẫn cứ là cái thú. Nó làm phong phú cuộc sống, nó là một thứ gia vị của cuộc sống. Cay thì có cay, nhức nhối thì có nhức nhối nhưng không được xuýt xoa, cuộc đời như cũng còn thiếu vị!

Nhà thơ Hoàng Lộc thì chắc đã xuýt xoa nhiều, chẳng thế mà kinh nghiệm đầy mình.

*sớm ở bờ sông, anh thấy em qua cầu*
*ngày xuân xuôi dòng*
*triều lên, không trở lại*
*bên trái ngực mình dã dượi cơn đau...*

Cái cục thịt phập phồng ở phía bên trái ngực là cái chỗ đau tâm hồn. Cái phần ngất ngưởng ở mãi trên phía cực Bắc của thân thể là nơi đau... trí tuệ. Nhức đầu, nó thường được gán cho suy nghĩ, sách vở, tri thức. Nó là một loại nhức... thượng lưu. Đúng chăng? Không hẳn! Nhức đầu, nó đỏng đảnh như cá tính con người vậy. Có khi do căng thẳng thần kinh, có khi do thúc ép của nghề nghiệp, có khi do bất ổn trong cuộc sống. Nhưng cũng có khi nhức đầu chỉ vì tư thế ngồi hay đứng không thích ứng, có khi cách nằm ngủ sai, có khi vì lạm dụng thuốc uống, có khi chỉ vì thiếu ngủ, có khi vì rối loạn thị giác và thậm chí có khi là các rối loạn về nội tiết tố, tiêu hóa hay tâm thần. Suy đoán nguyên do của cái đầu nhức cũng... nhức đầu lắm! Nơi các người đứng tuổi nhức đầu có thể là do thoái hóa về xương hay sụn ở cổ. Lại có nhiều khi nhức đầu là đo... thuốc nhức đầu! Loại nhức đầu này kèm thêm các triệu chứng khó thở, vã mồ hôi, nôn mửa, thậm chí co giật chỉ vì uống các loại thuốc trị đau nhức.

Cái đầu là một khối hình cầu, lớn nhỏ tùy người. Có những người to đầu mà dại, có những người đầu nhỏ mà ma lanh. Một khi đầu nó nhức thì nó chỉ nhức ở một vùng nào đó thôi. Nhức nửa đầu thường là bệnh... nhức đầu hay u não, nhức sau gáy thường là tổn thương cổ, nhức vùng trán hoặc hốc mắt là triệu chứng của đau hốc mắt hay tăng nhãn áp. Nhức đầu tăng nhiều vào ban đêm hay khi nằm thường gặp trong bệnh tăng áp lực trong sọ như ung bướu, xuất huyết. Nhức khi làm việc căng thẳng thường do căng cơ. Nhức có kèm theo nôn ói, sợ ánh sáng là dấu hiệu của hội chứng màng não.

Muốn cho khỏi hết nhức đầu thì đi bác sĩ. Nhưng nhiều người nhức đầu thường quá thì hay tỉnh bơ. Kệ nó rồi cũng hết. Qua cơn bỉ cực tới hồi... yên tĩnh! Nhưng nhiều khi cũng chẳng nên đùa với lửa vì có những thứ nhức đầu là hồi chuông báo động. Chuông rung mà cứ làm lơ đi, mệt lắm. Như anh nhức đầu bỗng tới đột ngột khi đang gắng sức làm một việc gì có thể là triệu chứng của xuất huyết não. Như nhức đầu mà còn phụ họa thêm yếu tay chân thì coi chừng tai biến mạch máu não hay u não. Như nhức mà càng lúc càng tăng dữ dội có thể là áp-xe não, xuất huyết màng não, u não. Như nhức đầu mà đính kèm theo anh co giật thì có thể bị u não. Như nhức đầu mà nhiệt độ cơ thể bất thường, mạch lung tung có thể là viêm màng não, máu tụ trong não cấp tính.

Nhức đầu, chuyện hàng ngày của cái đầu. Nó xảy ra hà rầm. Thường thì nó chỉ nhõng nhẽo chút đỉnh. Rất nhiều người coi bệnh nhức đầu như là bệnh... thân. Có gì đâu mà ầm ĩ.

Nhức lưng cũng vậy. Đó là bệnh vì ngồi. Ngồi lâu quá hay ngồi không đúng tư thế sinh ra nhức. Đây là bệnh của những người làm việc văn phòng. Ngồi gõ... phiếm (không phải gõ phím!) cũng nhức lưng kèm thêm món ăn chơi khác là nhức đầu! Muốn khỏi làm phiền tới cái lưng thì chịu khó cẩn thận một chút. Hãy chọn ghế ngồi đúng tiêu chuẩn, ngồi đúng tư thế, chẳng nên kẹp điện thoại trên vai vừa gõ vừa nói chuyện, để văn bản đúng tầm mắt khi đánh máy. Ngồi chẳng nên làm như các chính khách là ngồi lì! Thỉnh thoảng nên vươn người ra phía trước hoặc sau, đẩy tay lên

hoặc xuống. Chẳng nên ngồi say sưa quá, cứ chừng nửa tiếng nên đứng lên đi lại một chút, múa may quay cuồng ít cái. Nếu đánh rơi cái kẹo xuống đất chẳng hạn, đừng nên sợ cái kiến hay chú gián tới nhấm nháp mà vội vàng cúi xuống nhặt, chỉ nên trượt nhẹ cơ thể xuống, lưng vẫn thẳng với một chân gấp một chân duỗi thẳng, một tay chống trên bàn, tay kia với nhẹ xuống mặt sàn để nhặt lên.

Nhức không có một địa bàn hoạt động nhất định. Chỗ nào mà không nhức được. Mỗi phân vuông da thịt, mỗi đoạn mỗi khớp xương, muốn nhức là nhức. Chỗ thiếu xương còn nhức được nữa là. Ông bạn nhà thơ Luân Hoán của tôi, thời chinh chiến, bị mìn cắt mất một bên chân. Chỗ xương cụt chỏng chơ như nhớ khúc xương bỏ lại trên chiến trường. Cứ trời đổi thay là hắn lại ca bài nhức. Mùa đông chưa thấy tới, cái chân đã đông giá trước. Mưa còn ở tận phương xa, chưa dạt dào, cái chân đã mách trước. Tuyết chưa rơi, chân đã tuyết trước. Một năm, bao nhiêu bận, điện thoại nhà tôi reng lên, chân Luân Hoán đã mách bảo trước thời tiết sắp tới. *"Này, sao chân tôi nhức quá, chắc sắp mưa rồi đấy!"* Mưa thật! *"Này, nhức cái chân quá ông ơi, trời sắp tuyết chắc!"* Tuyết ngút ngàn rơi sau đó. *"Này, mai chắc lạnh dữ, chân tôi nhức khủng khiếp!"* Lạnh teo người thiệt! Tôi đã nhiều lần khuyên ông bạn thơ nên vác cái chân đi làm cho khí tượng, tiên đoán thời tiết chắc ăn như bắp! Nhức không phải là chuyện giỡn cho vui đâu. Cái chân hụt của người thơ nhức... có bằng cấp lắm. Cái nhức làm méo mặt. Nhức phát khùng phát điên. Ngâm chân vào nước nóng khói bốc lên nghi ngút, mở sưởi đỏ rực dí chân vào sát vòng thép đỏ, bạn tôi đã làm đủ cách. Nhức quá vơ cào vơ cấu thuốc giảm đau nhức, bỏ cả vô miệng, mặc không cần biết liều lượng, Luân Hoán đã từng ngự xe cấp cứu còi bóp inh ỏi đèn nhấp nháy xanh đỏ dạt người mà hối hả chạy vào bệnh viện. Nhức muốn chết phứt đi cho rồi! Luân Hoán đã từng... dỗi cuộc đời như vậy.

*muốn chết mà sợ chết*
*ngồi ngó bốn bức tường*
*sợ chết mà muốn chết*
*tâm ta hết bình thường*

Nhức như vậy thì phong thấp chỉ là trò con trẻ! Cái bệnh sưng nhức các khớp xương do uống nhiều rượu, ăn nhiều đồ biển, đồ bổ, lười tập thể dục thường được gọi là bệnh nhà giầu, được Tây y chia ra làm nhiều dạng khác nhau: viêm các bọc chất nhờn giữa cơ bắp và sụn *(bursitis)*, viêm sưng các gân cơ *(tendonitis)*, các khớp nối xương, viêm sưng các giây chằng nối xương với cơ bắp *(ligament)*, viêm các giây thần kinh *(nerve)*. Một chứng bệnh phổ thông trong giới tuổi hạc là bệnh thống phong *(gout)* nguyên nhân là do dư thừa chất *uric acid*.

Đau nhức khớp xương là nỗi ám ảnh không rời của những người đã thâm niên trong cuộc sống. Lý do là vì sụn ở các đầu xương bị tổn thương theo thời gian. Sụn là lớp đệm khiến các cử động của xương được êm ái. Khi lớp đệm này bị ăn mòn thì xương xẩu đụng vào nhau. Đau! Ai ăn lớp sụn này vậy? Các nhà khoa học Úc vừa chỉ tên được thủ phạm đã giấu mặt từ trước tới giờ: đó là một *enzyme* có tên là *ADAMTS5* có ở chuột cũng như ở người. Theo tiến sĩ Amanda Fosang thuộc Đại Học Melbourne thì việc phát hiện ra men gây tổn thương sụn là một bước tiến quan trọng. Quan trọng vì nhận ra được thủ phạm, người ta sẽ có thể, trong tương lai, chế ra được chất ức chế *enzyme* này. Chất này cũng đồng thời có khả năng hồi phục sụn tự nhiên giúp người già bị thấp khớp hoặc loãng xương không cần phải thay khớp vừa tốn kém vừa đau đớn. Trong khi chờ đợi, chúng ta vẫn cứ phải nuốt những viên thuốc giảm đau nhức vậy. Xưa thì *aspirine*, viên thuốc vạn năng trị từ nhức đầu tới nhức mình mẩy, tứ chi. Nhức đâu giảm đó. Nhưng cái anh vạn năng này bỗng bị qui tội là làm cho người xử dụng bị sưng hay lở bao tử. Bèn bị truất phế. Những *Vioxx, Celebrex, Bextra* lên ngôi. Đây là một loại thuốc ức chế gọi là *"COX-2 inhibitors."* Trong thập niên 1990, các khoa học gia khám phá COX xuất hiện trong cơ thể dưới hai dạng mà COX-2 chỉ có chức năng khóa tính gây sưng phồng của *enzyme* của chính nó nên sẽ để cho nguyên vẹn tính bảo vệ bao tử của COX-1. Nhưng loại thuốc này, mới đây bị phát hiện là gây ra các rắc rối về tim mạch và đột quỵ. Nguyên do là COX-2 tạo ra các phản ứng hóa học khiến cho *prostacyclin,* một *protein* làm cho các mạch máu trương nở khiến các cục huyết không thể bám vào nhau gây chứng sung huyết rất nguy hiểm. Các bác sĩ tin là một khi số lượng *prostacyclin* giảm thì các *platelets* bám vào nhau và mạch máu hẹp lại, gây ra các chứng tim mạch và đột quỵ thường thấy nơi các bệnh nhân hay dùng COX-2. Thuốc *Vioxx* đã bị cho nghỉ chơi. Các loại thuốc cùng loại cũng đang bị xa lánh. Các nhà bào chế đang cố công thí nghiệm những loại thuốc khác vì thị trường thuốc chống

giảm đau là một thị trường rất béo bở.

Một trong những chiều hướng mới này đang được một nhóm nghiên cứu thuộc Đại Học Genève, Thụy Sĩ thực hiện. Họ phát hiện ra là tương tác giữa tế bào *beta-arrestine 2* với *enzyme phosphodiesterase 4* (PDE 4) là nguyên do làm giảm đi hiệu quả của thuốc giảm đau. Như vậy chỉ cần phá bỏ tương tác này, chẳng hạn bằng cách loại ra PDE 4 thì có thể làm tăng thêm hiệu quả của thuốc giảm đau, tức cũng đồng nghĩa với việc giảm lượng thuốc. Phát hiện này giúp ngành dược phẩm nghiên cứu các loại thuốc ngăn chặn PDE 4 trong khi bệnh nhân phải dùng thuốc giảm đau. Đồng thời cũng mở đường cho việc phát triển các loại thuốc mới có khả năng chỉ tập trung vào các vùng kiểm soát cơn đau trên não và như vậy có nghĩa là không gây ảnh hưởng cho các bộ phận khác của cơ thể.

Đông y lại có một phương cách khác để giảm đau nhức. Cứ trong uống ngoài xoa là đau nhức phải cắp nón ra đi! Uống thì có rượu thuốc. Rượu để ngâm thuốc phải có độ mạnh, tối thiểu cũng phải sơ sơ 45 độ, thì mới có khả năng chiết xuất thuốc. Có thể thử độ mạnh của rượu bằng cách nhúng một cây que có nhúng bông vào rượu. Nếu đốt cháy được là rượu mạnh. Rượu vừa mua về hay mới nấu không nên dùng ngay vì hàm lượng chất *aldehid* còn cao, có thể gây ngộ độc. Rượu dùng để chữa nhức mỏi xương khớp thì ngâm vào: thiên niên kiện, xuyên khung, ngưu tất, bạch chỉ, độc hoạt, khúc khắc, khương hoạt, rắn... Đó là trong uống, ngoài thoa thì có thuốc rượu. Thuốc rượu thì phải dùng rượu mạnh hơn, từ 60 đến 70 độ. Thuốc để ngâm thường có các vị có nhiều tinh dầu, vị nóng ấm như hồi, quế, phụ tử, gừng, ô đầu, tinh dầu bạc hà, màng tang, long não... Cũng có khi dùng các vị thuốc hạ huyết phá ứ như hồng hoa, địa liền, xuyên khung, huyết giác, kê huyết đằng, nhũ hương, mộc dược... Nhức do các chấn thương sưng đau có thể dùng hoàng liên, hoàng bá, hoàng cầm, xuyên khung, bạch chỉ, nghệ, mật gấu. Nhức răng nhức lợi thì dùng đại hồi, tế tân, bạch chỉ, rễ tranh, hoàng liên...

Đông Phương còn có trò khác để trị liệu đau nhức. Đó là xoa bóp. Tây Y cũng đang mon men tới cái trò thú vị này. Theo một cuộc khảo sát của Hội Xoa Bóp Trị Liệu Hoa Kỳ thì có tới gần nửa dân Mỹ đã sử dụng liệu pháp xoa bóp như một cách để điều trị và giảm đau. Tại Trung Tâm Y Học Đông-Tây của trường Đại Học UCLA, một toán gồm bốn trị liệu gia đã dùng liệu pháp xoa bóp để trị liệu cho các bệnh nhân bị đau bắp thịt, nhức đầu và đau lưng. Bác sĩ Hui, Giám Đốc Trung Tâm này là một nhân vật có thẩm quyền về Y Học Trung Hoa và Đông Tây phối hợp. Theo ông thì khi xoa bóp có những thay đổi về hóa chất của dây thần kinh kết hợp với những điểm kích thích trong cơ thể. Dùng ngón tay hay cây kim, những điểm châm cứu được kích thích, cơ thể sẽ phản ứng và một cái gì đó phát sinh. Hiệu quả của xoa bóp đã được Bác Sĩ Tifany Field, Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Xúc Giác tại trường Y Khoa Đại Học Miami cho là rất tốt sau khi bà đã thực hiện trên 100 cuộc nghiên cứu về những lợi ích của xoa bóp trên phương diện y khoa trong suốt 30 năm qua. Bà cho biết: "Tôi nghĩ các bác sĩ cho rằng một điều có vẻ khá thích thú như vậy làm sao có thể chữa trị được! Nhưng mọi hiệu quả về mặt thống kê rất đáng kể và đó là những gì mà khoa học chấp nhận như kết quả nghiên cứu."

Con người đã tìm đủ mọi cách để làm giảm sự đau nhức hành hạ con người. Trong những cách đó có cả cách chạy tới nắm áo Thượng Đế. Cách này, bà cố tôi đã làm từ khuya rồi. Khi đã vượt qua tuổi cửu tuần, bà cố tôi thường bị ngứa và đau lưng. Bà đi xưng tội và trong tòa giải tội, bà đã xưng cả cái tội ngứa và nhức. Con cháu ai cũng cười bà cụ già cả lẫn cẫn. Cười mà chẳng biết khi xưng cái tội... cụ thể như vậy bà có thấy bớt nhức bớt ngứa không. Khoa học ngày nay cũng tò mò như vậy. Khi bị đau nhức Thượng Đế có can dự gì vào không? Trung Tâm Khoa Học Tâm Linh thuộc Đại Học Oxford, Anh Quốc, là một Trung Tâm mới được thành lập chuyên nghiên cứu về ảnh hưởng của tâm linh vào y khoa chữa trị. Trung Tâm nhận được tài trợ 60 triệu Mỹ kim một năm của John Templeton Foundation ở West Conshohocken, thuộc tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ để nghiên cứu về sự tương quan giữa thần học và khoa học. Theo phát ngôn viên Pamela Thompson của John Templeton Foundation thì mục đích cuộc nghiên cứu không phải là tìm xem sự hơn kém giữa các tôn giáo mà là nghiên cứu xem là con người có lòng tin có chống lại được sự đau nhức thân xác hữu hiệu hơn những người không có lòng tin hay không. Phát ngôn viên của Trung tâm Oxford thì cho biết là cuộc nghiên cứu này để tìm hiểu những gì đã thực sự diễn ra trong bộ óc con người. Harold Koenig, Đồng Giám Đốc của Trung Tâm Tâm Linh, Thần Học và Sức Khỏe của Đại Học Duke nói là ông

biết đã có 724 cuộc nghiên cứu thuộc loại này đã được hoàn tất trước khi chúng ta qua thiên niên kỷ mới và có 478 nghiên cứu đã tìm thấy có sự liên hệ có ý nghĩa giữa tôn giáo và sức khỏe con người.

Đau nhức có dính dáng gì đến đức tin của con người không, chúng ta phải chờ kết quả khảo sát của những nhà khoa học. Nhưng đau nhức đi đôi với thời tiết, với thiên nhiên là điều hầu như con người tin là đã có. Hỏi ông Luân Hoán, chắc ông ấy đồng ý cái rụp. Còn nhà văn Vũ Quỳnh Hương, trong truyện *Miền Vĩnh Phúc* lại cho chúng ta biết về một liên quan khác. Truyện xảy ra trong một *nursing home* ở Mỹ, nơi nhân vật tên Chi làm việc. *"...Cứ mỗi lần tuần trăng tới ở đây, nhìn những biến chứng kỳ lạ của bệnh nhân dưới ảnh hưởng trăng đầy Chi cũng thấy dường như châu thân mình lên cơn đau nhức, cũng y như những tế bào già nua được đánh thức dậy định kỳ để trăn trở giữa đêm trăng. Nàng nhớ đến căn bệnh, những câu thơ rờn rợn của họ Hàn: "Maria linh hồn tôi ớn lạnh. Run như run thần tử thấy long nhan. Run như run hơi thở chạm tơ vàng." Không ai muốn bị chia giờ trực vào những đêm trăng đầy cả. Thoạt đầu Chi tình nguyện nhận những đêm ấy, nàng tự giải thích và chế giễu mình, cứ tìm những lối đoạn trường mà đi. Nhưng sau đó thì Chi biết rằng những đêm trăng rợn những người bệnh già nua mất trí ở đây không giúp nàng chia xẻ được với họ nỗi đau khổ của những cơn đau đớn cuối đời, cũng không làm cho tâm hồn nàng phong phú hơn, mà chỉ làm mất mát đi của nàng những mộng ước êm đềm lãng mạn của một vầng trăng đương thì."*

Cái đau nhức của con người phải chăng đã với được lên chốn trời cao?

03/2005

TRẦN YÊN HÒA

## Em Có Về

***Khi anh đến đàn sáo rừng đứng ngó***
***Còn em thì mất hút tự ngàn xưa***
***Cũng có lẽ trăm năm không dừng lại***
***Nên ai chờ giữa buổi chợ đông trưa?***

***Em thì vẫn trong lòng anh thấm mãi***
***Như cơn mưa chiều nọ lúc em đi***
***Con đường cũ đã mười năm xa ngái***
***Mà anh ngờ như mới buổi hôm kia***

***Em thì vẫn dáng hiền như bông bụp***
***Ngõ nhà em đầy những cụm vàng hoa***
***Em hiển hiện rồi em tan biến mất***
***Anh một mình quặn thắt lúc chia xa***

***Em thì vẫn như vầng trăng cổ độ***
***Gió bốn mùa lay động nhánh sông đêm***
***Nhánh sông ấy tít mù trong ánh mắt***
***Em không về đành lạnh lẽo chiếu chăn!***

***Em thì vẫn ôm đàn ca giọng cũ***
***Bài ca buồn của chim sáo sang sông***
***Sáo bay mất và em cùng bay mất***
***Anh một mình lặng lẽ một mùa trăng***

***Giờ trở về nhịp cầu xưa nối lại***
***Lòng như mây tụ hội ở phương này***
***Kêu hoài hủy tên em, anh thức đợi***
***Em có về thì gọi cửa đêm nay.***

## XÂM

Sau ngày 30 tháng 4 năm mất nước, một số cựu binh sĩ của chúng ta vất vả vì xâm. Tôi gặp một người khốn khổ như vậy. Trên cánh tay anh có những vết sẹo lồi chạy dài khoảng trên mười phân trông rất mất thẩm mỹ. Thường thì anh che lại bằng tay áo sơ mi dài dù trời nóng như thiêu. Có lần anh vui miệng cho tôi biết là anh đã xóa vết xâm. Xóa vội vàng bất kể vết sẹo xấu đẹp. Hình xâm của anh? Làm gì có hình! Chỉ có hai

chữ "Sát Cộng!" Anh cho biết là trong đơn vị anh, một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến, rất nhiều người đã thể hiện tinh thần chống Cộng một cách rõ ràng như vậy. Nhưng cũng chính những vết sẹo xâm này đã thúc đẩy anh vượt biên. Nơi tôi gặp anh là bên này bến tự do.

Xâm như vậy là một sản phẩm của con người . Nhưng xâm có khi là sản phẩm của con tạo. Đó là những vết bớt hay những vết chàm trên cơ thể. Vết bớt son thường được coi là một điềm may nhưng nếu gặp lúc con tạo quá cẩn thận thể hiện sự may mắn này lên trên mặt cho mọi người đều thấy thì mệt lắm. Bớt son hay vết chàm trên mặt đều được sở hữu chủ coi như một tì vết không muốn có trên chỗ nhĩ mục quan chiêm của mình. Bớt hay vết chàm trên cơ thể thì OK. Nó không được trưng bầy ra trừ khi đi tắm biển hay thi hoa hậu! Đôi khi những thứ đánh dấu này lại là một niềm bí mật thân thiết của những cặp vợ chồng. Đôi khi, hơn nữa, nó lại là một dấu vết để kiếm tìm hữu hiệu.

Nhà báo Nguyễn Đạt, trong bài viết *"Cô Gái Sinh Năm Ất Dậu"* đã kể một câu chuyện gia đình. Tác giả Nguyễn Đạt cũng sanh năm Ất Dậu 1945, năm mà nạn đói đã cướp đi gần hai triệu con người ở miền Bắc. Lúc đó gia đình ông đang trú ngụ nơi quê ngoại, làng Hoàng Chuế, tỉnh Vĩnh Yên. *"Một buổi sáng sớm, thức dậy, mẹ tôi ra cổng, rồi ôm một đứa bé sơ sinh vào nhà. Đứa bé được quấn bằng miếng giẻ cũ rách, đặt nằm ở bụi tre trước cổng nhà tôi, tiếng khóc oe oe. Mẹ tôi quyết nuôi đứa bé sơ sinh, đứa bé từ lúc ấy là 'con gái' của mẹ, giữa bao lời cản ngăn của bà con họ hàng."* Cô bé gái bị bỏ rơi đã được đặt tên là Dậu để ghi nhớ cái năm Ất Dậu tang thương đó. Năm 1949, trong một lần tản cư chạy giặc, cô bé Dậu lúc đó bốn tuổi bị lạc. Bà mẹ nuôi thương nhớ con khóc sưng mắt, tưởng đã bị mù! Bà mẹ nuôi có lòng này đã mất sau đó, trước khi mất bà dặn dò con cái về cô con nuôi đã mất tích. " *'Ở dưới vai em, cánh tay trái, có cái bớt màu son nhạt, lớn bằng đồng năm cắc.' Mẹ tôi cho rằng, hẳn nhiên một ngày nào đó, chúng tôi sẽ nhìn thấy cái bớt dưới vai của một cô gái, giữa hằng hà sa số các cô trên đời này."* Tác giả Nguyễn Đạt đã ở Đà Lạt nhiều năm, có người bạn làm việc tại Nha Địa Dư Đà Lạt. Mỗi sáng, ông có thói quen tới cơ quan của bạn uống cà phê. Nhân tiện cũng để ngắm nhan sắc và vóc dáng của một cô nhân viên của bạn tên Hạnh Phương. Sau 1975, bạn ông đi cải tạo, tác giả hỏi thăm vợ bạn về cô Hạnh Phương thì được biết cô được lưu dung, tiếp tục làm việc tại sở cũ. Mới đây, đúng vào những ngày đầu xuân của năm Ất Dậu 60 năm sau, vừa tròn một hoa giáp, tác giả Nguyễn Đạt tới thăm bạn cũ ở số 46/2 đường Hai Bà Trưng, Đà Lạt, thì gặp Hạnh Phương, lúc này đã 60 tuổi, không lập gia đình, ngồi nói chuyện với vợ của bạn ông là bà Anh. Sau đó, khi chỉ có riêng bà Anh, ông hỏi: "Chị và Hạnh Phương, hai người thân nhau lắm hả?" Bà Anh trả lời: "Tôi còn biết dưới vai nó có cái bớt nữa kia!" *"Tự nhiên tôi nổi gai ốc. Một nỗi bàng hoàng. Tôi nói với bà Anh: 'Cái bớt màu son nhạt, lớn bằng đồng năm cắc thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ở dưới vai trái?' Bà Anh ngó tôi sửng sốt!"* Tác giả đã nhờ cái bớt nhận ra được cô em đã thất lạc sau 56 năm trong một đất nước chiến tranh và đổi dời!

Cái bớt của cô gái sinh năm Ất Dậu là một cái bớt được việc. Đó là vết xâm thiên nhiên. Những người yêu nhau không được trời đánh dấu lại dùng những vết xâm nhân tạo để ghi dấu tình yêu của họ. Như nữ tài tử Portia de Rossi chẳng hạn. Cô đã ghi dấu tình yêu với anh kép Francesca Gregorini bằng hình xâm chiếc nhẫn có hai chữ tắt F.G. Cũng được đi nếu tình yêu của họ không tan vỡ. Nhưng tình yêu Hollywood lấy chi mà bền vững. Vì vậy cô nàng Rossi đang khổ sở đi xóa chiếc nhẫn ân tình trên thịt da. Cô đã có một cuộc tình khác. Lần này với Ellen DeGeneres. Cô nàng Rossi học được bài học trước nên, chuyến yêu đương này cô tặng người tình một chiếc nhẫn bạch kim mua ở Tiffany. Và cô cũng mua một chiếc nhẫn tương tự cho cô. Nhẫn đeo vào gỡ ra mấy hồi và chắc chắn dễ hơn nhiều!

Bài học này chẳng phải dễ học! Cô gái con tỷ phú ưa quậy Paris Hilton cặp bồ với chàng Nick Carter. Chàng Nick xâm tên cô nàng trên cổ tay. Nàng Paris viết tên tình nhân trên da thịt ở một nơi không thể tiết lộ. Hai tuần sau, rã đám! Thiệt phiền phức! Lại phải đi xóa vết xâm! Nhà nhân chủng học Stephen Juan, cư ngụ ở California nhưng dạy học tại Đại Học Sydney, Úc, đã cho việc xâm tên người tình là một trào lưu phổ thông của quần chúng bắt đầu từ năm năm qua. *"Còn có một tờ giấy nào quý giá hơn da thịt mình để phản ánh sức mạnh của tình yêu?"* Nghệ sĩ xâm Lisa Fasulo ở Nữu Ước đồng ý cái rụp! Bà có một cửa tiệm xâm và từ hai năm nay mỏi tay xâm tên vợ tên chồng, tên người tình trên da thịt khách hàng nườm nượp kéo tới. Theo bà thì đó là một cách chân thành nhất để nói lên tình yêu

vĩnh viễn. Họ nói lên ở khắp mọi nơi trên thân thể. Tay, chân, lưng, ngực, cổ và cả vùng dưới *bikini!* Ngay chính người tình của bà cũng đã xâm tên bà trên cánh tay năm năm trước. *"Dĩ nhiên tôi rất thích. Tôi hoàn toàn cảm thấy như được thỏa mãn!"*

Xâm đang được mùa ở Mỹ. Theo *Alliance of Professional Tattooists* thì ba thập niên trước đây cứ 100 người Mỹ thì có một người theo đạo xâm. Con số đó ngày nay đã tăng gấp 10 lần. Chỉ cần đứng với 10 người Mỹ thì đã nắm được một anh xâm mình rồi! Ở Pháp thì xâm vẫn chưa được phổ biến. Thường chỉ có những người được coi là thành phần bình dân, bất hảo như bọn côn đồ lưu manh, bọn đầu trộm đuôi cướp, gái điếm mới chơi hình xâm. Thường họ xâm những hình trái tim có mũi tên xuyên qua hay những câu khẩu hiệu. Ngày nay, chính ra là từ thập niên 1970, xâm có phần dễ thở hơn. Và đã đi vào nghệ thuật. Phòng xâm của nghệ nhân Dimitri là một phòng xâm... trí thức! Doanh nghiệp của ông có bảy nhân viên tọa lạc tại vùng Saint Germain en Laye, thuộc Yvelines. Khách hàng của ông là thị dân có địa vị trong xã hội như bác sĩ, giáo sư, quan chức cao cấp... Tên tuổi ông đã ra khỏi biên giới nước Pháp và ông đã nhiều lần đi tham dự các "hội nghị" quy tụ các chuyên viên và những người đam mê bộ môn xâm. Chúng ta thử theo dõi một ca xâm nghệ thuật điển hình. Guillaume là một kỹ sư muốn có một hình xâm con rồng. Guillaume phác thảo trên giấy. Chủ và khách bàn luận với nhau. Khi cả hai đã đồng ý mới bắt đầu công việc. Hình con rồng do Guillaume chọn được thực hiện trong 20 tiếng, vẽ trong năm hoặc sáu lần. Lúc đầu Guillaume rất đau, nhưng sau đó cái đau giảm dần, hai giờ sau lại đau lại và phải ngừng xâm. Cứ như vậy, trong sáu lần, con rồng thành hình. Guillaume móc bóp chi ra 3000 *euro*. Anh rất hài lòng vì "tôi đã có một tác phẩm nghệ thuật mang trên mình suốt đời; tôi đã biến thân thể tôi thành ý nghĩa của cái đẹp và sự cải biến thân thể là niềm khoái cảm trong con người tôi."

Trong truyện ngắn Nhật Bổn *Shisei* (Xâm Mình) của Tanizaki Jun-Ichiro, viết năm 1910, do Nguyễn Nam Trân dịch, nghệ thuật xâm đã lên tới mức thượng thừa. Seikichi là một thợ xâm trẻ có hoa tay không thua gì những bậc sư trong nghề. *"Trong lòng người thợ xâm hình trẻ tuổi này, từ lâu chôn giấu một khoái cảm và một khát vọng thầm kín. Khi đường kim của y gây ra những vết phồng tấy trên da và làm ứa những giọt máu đỏ tươi, hầu hết khách hàng, cho dầu là đàn ông chăng nữa, đều rên rỉ vì không chịu nổi sự đau đớn. Hễ khách hàng càng rên siết bao nhiêu, độ khoái cảm khó tả của y lại tăng bấy nhiêu. Seikichi đặc biệt thích lối xâm chấm phá và xâm son vì đó là hai lối xâm gây đau đớn nhiều nhất. Khách, sau khi mỗi ngày đã chịu trung bình hàng năm, sáu trăm mũi kim, còn phải tắm nước nóng cho ăn màu, ra khỏi bồn đều ngã quị dở sống dở chết dưới chân Seikichi, hồi lâu vẫn không lê mình nổi nửa bước. Ngay trước cảnh tượng thảm thương như vậy, mắt y lúc nào cũng chỉ ném một tia nhìn lạnh lùng."* Một bữa, Seikichi gặp người con gái đưa tin của một ca kỹ ở xóm Tatsumi. Nhìn bàn chân cô gái nhỏ buông thõng sau chiếc mành mành của chiếc kiệu, Seikichi đã khao khát và lòng khao khát biến thành một tình yêu mãnh liệt. Năm năm sau, khi người con gái tới đưa tin của cô chủ, Seikichi dù chỉ nhìn bàn chân, đã nhận ra đó là người con gái có bàn chân như một thứ ngọc quý bằng da thịt. Anh dụ được cô gái để cho anh xâm một con nhện trên tấm lưng thon nuột nà. Cô gái ưng thuận. *"Thế rồi tay trái y kẹp giữa ngón trỏ, ngón giữa và ngón út nhúng mũi bút họa, tỳ lên lưng người con gái, tay phải cầm kim bắt đầu xâm. Linh hồn của người thợ xâm trẻ tuổi hòa trong mỗi giọt mực, ngấm vào da. Mỗi giọt son Lưu Cầu tan trong rượu mạnh đi vào thân thể cô gái là những giọt máu của tính mệnh y. Qua bức họa Seikichi thấy cả mầu sắc của tâm hồn mình... Mỗi lần châm một mũi, rút một mũi, người nghệ sĩ không nén được tiếng thở dài như cảm thấy đang chạm khắc lên chính trái tim mình. Dưới đường kim, dần dần hiện trên làn da hình một con nhện cái thật lớn, và khi trời bắt đầu rựng sáng thì con vật tám chân yêu ma này đã bắt đầu bò trên khắp chiếc lưng."*

Xâm nghệ thuật như vậy, cần chi nhỉ! Ở Việt Nam, các cô các cậu choai choai cứ xâm mình thoải mái. Xâm bất cứ hình gì. Con trai thì hình rồng hình hổ, hình rắn hình đầu lâu. Các nàng thì bướm, bông hồng, cá thỏ, trái tim... Cứ loạn cả lên. Cá sấu bò trên ngực như muốn chui vào trong núi cùng đồi. Bướm bay trên bụng như đang muốn rúc vào vườn hoa. Đó là xâm... chơi.

Thêu chân mày là xâm... đẹp! Gọi là xâm nhưng đây không phải là xâm tuy lông mày cũng đứng vững với thời gian. Bác sĩ thẩm mỹ chụp lên mắt khách hàng hai chiếc nắp có màu sáng bạc để giữ mắt cho yên rồi dùng một dụng cụ giống như cây bút mực, có gắn một cây kim đặc

biệt để vẽ từng sợi lông mày theo chiều xuôi về cuối đôi mắt. Các mũi kim không đâm sâu vào da mà chỉ ấn nhẹ khoảng từ hai đến ba ly nên khách không cảm thấy đau, không chảy máu và cũng không sưng. Bác sĩ Ngô Anh Kiệt, trưởng Khoa Thẩm Mỹ Bệnh Viện Trưng Vương ở Saigon cho biết là kỹ thuật "phun thêu" khác xâm ở chỗ có thể làm đậm nhạt để nổi lên từng sợi khiến nhìn tự nhiên và giống lông mày thật hơn. Nhưng thứ lông mày nhân tạo này chỉ bền được vào khoảng ba năm.

Làm tới nữa là phun hồng nhũ hoa. Vì đây là phần nhạy cảm nên phải tiêm thuốc tê trước khi hành sự. Thẩm mỹ viên dùng máy có gắn đầu kim đã chấm màu hồng di quanh quầng nhũ, từng chút, từng chút một, thỉnh thoảng lại chấm thêm màu, cho tới khi cả vùng nhũ được phủ kín đầu kim. Thường thì mất khoảng hai tiếng nhưng tùy thuộc vào hình dáng, kích thước và độ đậm nhạt của nhũ hoa mỗi người. Làm đẹp kiểu này nhất định phải đau nên khách thường được cho uống thuốc để tránh nhiễm trùng và giảm sưng. Cái giá phải trả sau đó hơi đắt. Quầng nhũ sẽ sưng và đau trong khoảng hai tháng. Rất khó mặc áo lót. Phải liên tục bôi thuốc mỡ, uống thuốc chống sưng, tránh nước, kiêng ăn tanh, ăn thật nhiều hoa quả, đi lại nhẹ nhàng. Đó là không kể nhiều khi gặp biến chứng gò bồng đảo phồng lên và rựa nước. Hậu quả lâu dài hơn là nếu sanh sẽ không thể cho con bú vì đầu nhũ hoa đã bị tổn thương. Cay đắng như vậy mà tuổi thọ của loại phun này chỉ được khoảng hai năm với điều kiện là không sinh nở bởi vì khi có thai nhũ hoa đương nhiên biến màu!

Mực xâm thấm vào người có hại chi không nhỉ? Tại hội nghị hàng năm của Hội Hóa Học Hoa Kỳ ngày 13 tháng ba vừa qua tại San Diego, một tường trình về kết quả nghiên cứu trên 17 thứ mực xâm đã cho biết là trong mực xâm có chứa nhiều kim loại nặng. Hội Nghị cũng đặt vấn đề về những công phạt của mực xâm như dị ứng, chỗ sưng cảm thấy như bị phỏng khi chụp hình MRI hay mực xâm nhập một vài vùng trong cơ thể như phổi chẳng hạn.

Xâm, OK. Nhưng cuộc sống của mỗi con người đâu có phải lặng lờ như một hồ nước thinh lặng. Yêu có khi hết yêu. Tên người tình cũ đã ngất ngưởng trên da thịt, để yên được chăng? Trẻ người non dạ ham vui xâm lung tung trên hình hài, tới khi muốn kiếm việc hay làm ăn đứng đắn, những vết xanh đỏ trên người cũng là một chướng ngại chứ!

Tuổi tác theo năm tháng quàng lên người, tới một lúc nào đó thấy vết xâm trên người trở nên dị hợm chứ! Có nhiều lý do để một ngày nào đó dân xâm mình phải nghĩ tới chuyện tẩy vết xâm đi. Cũng chua cay lắm! Thông thường trước đây, khi muốn xóa hình xâm, người ta có thể xâm phủ chồng lên hình xâm cũ để lấp đi hoặc tạo hình xâm mới; cắt bỏ lớp da xâm và may lại; mài sâu vào da hoặc dùng acid, dùng nhiệt hay muối để phá lớp da có mực xâm bên dưới. Những trò này ít nhiều đều để lại vết sẹo rất mất thẩm mỹ. Ngày nay người ta dùng tia *laser* để xóa xâm. Xóa xâm kiểu... hiện đại này không để lại vết sẹo trên da. Các bác sĩ thẩm mỹ hầu hết đều sử dụng các loại *laser* xung *Q-Switched* như *Alexandrite, Ruby, Nd:YAG*... Các tia *laser* loại này, khi xuyên qua da chỉ tác động phân hủy từng nhóm màu mực xâm phù hợp với bước sóng của chúng. Bước sóng 1064nm phân hủy màu đen, 532nm phân hủy màu đỏ, 585nm tác dụng với màu xanh da trời, 650nm tác dụng với màu xanh lá cây... Các mực xâm màu đen, xanh đen, đỏ dễ tẩy hơn mực màu vàng, xanh da trời, xanh lá cây. Sau khi xóa xâm bằng tia *laser* cần phải thoa kem chống nắng và tránh tối đa việc tiếp xúc với ánh nắng để tránh bị nám da. Muốn xí xọn đi phơi thân hình ngoài bãi biển, nên quên đi!

Một thời để xâm. Một thời để xóa. Cái thời xóa coi bộ khá nặng nhọc. Vì vậy, trước khi vạch lưng, giơ bụng, ưỡn ngực, vén đùi cho mũi kim xâm chích vào, cần phải nghĩ ngợi thật kỹ.

Tôi nghĩ tới anh bạn Thủy Quân Lục Chiến của tôi. Khi xâm lên tay hai chữ "Sát Cộng" anh cần chi phải nghĩ. Đó là cái hào hùng của tuổi trẻ có lý tưởng. Anh không có lỗi. Lỗi là ở cái tình thế tồi tệ của cuộc chiến. Cái lỗi chung chung như vậy, có ai lại giơ lưng ra chịu nhận. Trừ ông Cai Lê Văn Phúc, người đã hiên ngang giấy trắng mực đen tự nhận *"Tôi Làm Tôi Mất Nước"!* Chỉ tiếc có một điều là tại sao nước không mất chậm một tý để anh bạn tôi được hưởng ơn mưa móc của tia *laser!* Nhưng nếu như vậy thì làm sao tôi có thể nhìn thấy, như khi lần đầu tiên được nhìn vào vết sẹo trên tay anh bạn. Lần đó, tôi đã nhìn thấy lung linh qua làn nước mắt, cái dáng co ro hình chữ S của non sông đất nước được tô bồi bằng lớp da gồ lên bóng loáng!

*04/2005*

Website: *www.songthao.com*

# Cây trái rau cỏ Việt Nam trên đất Mỹ

HÀ TƯỜNG CÁT

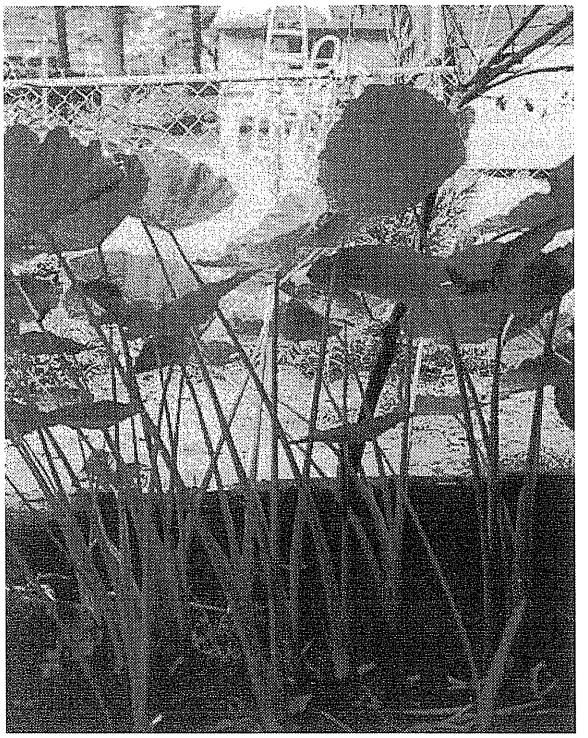

Cùng với người dân Việt tị nạn, các loại cây cối rau cỏ gốc Việt Nam cũng dần dần vào Mỹ từ 30 năm qua rồi... "định cư" ở đây.

Người ta thường nói rằng tại Hoa Kỳ chỉ cần trông có đống giầy dép để ngoài cửa cũng đủ biết nhà này là dân Việt. Nhưng còn một loại tín hiệu dễ nhận khác nữa, đó là khi đi ngang một ngôi nhà mà nhìn thấy khóm trúc trước sân, hay ít ngọn cây mía vượt cao phía sau rào — thì có thể chín chục phần trăm hy vọng rằng chủ nhân là một đồng hương Việt Nam của mình.

Trải qua thời gian ba chục năm, người Việt đã lặng lẽ đưa vào Mỹ nhiều loại rau cỏ cây trái chưa từng có trước kia, góp thêm phần phong phú đa dạng cho đất nước này. Trên mặt luật pháp, việc ấy trái với quy định của bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ, nhưng thực tế thì mỗi nhóm di dân trong lịch sử đều đã từng làm như vậy. Họ muốn đem theo những cây cối, hoa cỏ, rau trái quen thuộc, không chỉ vì nhu cầu ăn uống mà còn là tình hoài hương, kiểu tâm trạng "Chúng Ta Đi Mang Theo Quê Hương," như tên của một chương trình phát thanh do cố nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu chủ trương trước đây trên đài phát thanh VNCR.

Người ta thường quan tâm tới sự lớn mạnh nhanh chóng của cộng đồng dân Việt tại Mỹ, sự phát triển những sinh hoạt đa dạng, thành tích của giới trẻ Việt Nam hải ngoại trên đường học vấn, cơ sở thương mại, món ăn và cửa hàng ăn Việt Nam. Nhưng ít ai chú ý đến sự du nhập âm thầm và mau lẹ của các loại thảo mộc Việt Nam trong vòng 30 năm, với một số chủng loại cây cỏ được đem vào nhiều hơn những sắc dân khác đã di cư đến đất nước Hiệp Chúng Quốc trước kia.

Vào vườn của mỗi ngôi nhà người Việt, ít lắm cũng tìm thấy vài bụi rau thơm. Đất vườn càng rộng thì các loại cây càng nhiều, từ rau thơm, rau húng, rau dăm, dấp cá, tía tô, ớt, mồng tơi, rau muống... cho đến cây nhãn, cây soài, cây hoa ngọc lan... Nhưng nói chung thì tất cả các loại cây trái hoa cỏ đều mới chỉ được trồng ở phạm vi nhỏ, trong gia đình, riêng có rau muống là loại đã có tầm mức phát triển rộng rãi nhanh chóng nhất và cũng gây ra nhiều vấn đề đáng kể.

## Rau muống trên đường tái định cư ở Hoa Kỳ

Trên đất Hoa Kỳ đã có rau muống từ trước khi có người Việt tị nạn và bị xếp vào loại cỏ dại cần diệt trừ. Chính vì sự hiện diện của cộng đồng người Mỹ gốc Việt mà loại rau này đã và sẽ trở thành phổ thông trên nước Mỹ. Người Việt ở Hoa Kỳ, Canada, ở Âu Châu hay Australia ngày nay đều ưa chuộng món rau muống, không như nửa thế kỷ trước ở Việt Nam nói tới rau muống là nói tới dân "Bắc Kỳ." Vì vậy rau muống ở Mỹ là một trong những loại rau tiêu biểu nhất của người Việt

và hiện nay luôn luôn được cung cấp dồi dào từ một số nhà chuyên canh chứ không phải chỉ là việc trồng trọt lẻ tẻ.

Người Pháp biết rau muống khi chiếm thuộc địa Việt Nam và đặt tên cho nó là "liseron d'eau," do thấy có hoa giống như hoa bìm bìm (liseron). Còn người Mỹ ngoại trừ giới khoa học, chỉ mới biết nhiều về nó trong vòng mấy chục năm gần đây qua sự có mặt của dân Việt Nam. Trong tiếng Anh rau muống có nhiều tên gọi, tất cả đều là tùy người nào đặt ra đã căn cứ vào một vài đặc điểm theo quan sát riêng. Hiện nay thì tên phổ thông nhất là "water spinach" ngoài những tên khác như "tropical spinach," "swamp cabbage," "swamp morning glory," "water convolvulus".... Spinach là loại rau xanh được dân chúng Âu Châu dùng quen thuộc trong bữa cơm hàng ngày từ thế kỷ 12, và giống như rau muống có thể ăn sống hay nấu chín. Ngược lại thì Việt Nam không có giống rau này nên có người dịch "spinach" là rau rền Mỹ.

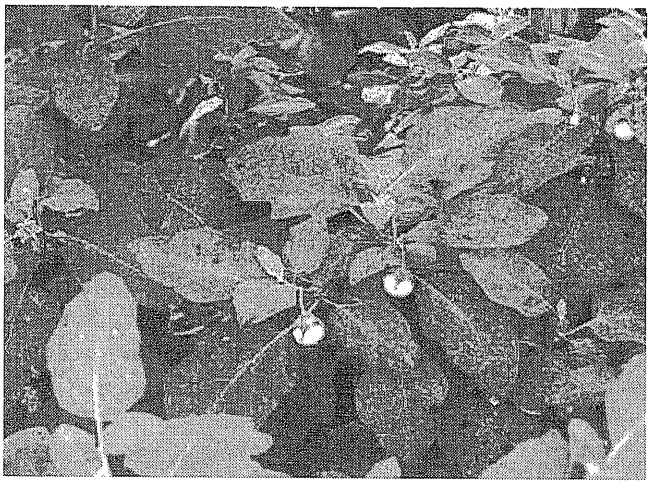

*Cà dĩa*

Theo tài liệu của đại học Florida, rau muống mang tên khoa học "ipomoea aquatica" đã được dân chúng Trung Hoa trồng để ăn từ khoảng thế kỷ thứ ba, dưới đời nhà Hán. Tuy nhiên những ai đã đọc truyện Tầu có thể biết sự tích vua Trụ nghe lời xúi dục của ái phi Đắc Kỷ xin tể tướng Tỷ Can trái tim. Tỷ Can được thần nhân căn dặn dù mất tim vẫn có thể sống và đi về đến nhà nếu đừng mở miệng nói lời nào. Tiếc rằng ông đã quên lời, gặp yêu tinh giả làm người bán hàng rao bán "rau vô tâm," ông thắc mắc không biết là thứ gì nên cất tiếng hỏi và sau khi được nghe giải thích là "rau rỗng ruột" — thân rau muống rỗng — thì ông ngã ra chết. Trụ Vương là vua cuối đời nhà Thương, khoảng thế kỷ 11 trước công nguyên, như vậy rau muống có lẽ đã được biết từ trên 3,000 năm.

Cũng theo nghiên cứu của đại học Florida thì rau muống xuất xứ từ Ấn Độ và Trung Quốc nhưng được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Á, các đảo Thái Bình Dương, Phi Châu và Nam Mỹ. Ngoài tính cách là loại thực phẩm thông dụng, rau muống chứa nhiều chất sắt nên còn có giá trị của một dược thảo và vì vậy những di dân từ Đông Nam Á tìm cách đem theo giống đến nơi đất mới. Không biết rau muống được đưa vào Hoa Kỳ bao giờ, nhưng khoảng năm 1973 người ta đã nhiều lần thấy rau muống xuất hiện trên các kinh rạch đầm lầy ở Florida, mặc dầu bộ nông nghiệp liên bang và tiểu bang xếp nó vào hàng cỏ dại độc hại cần tiêu diệt (noxious weed), một loại thảo mộc cấm trồng trọt. Áp dụng đạo luật liên bang về các loại cỏ dại độc hại, cơ quan kiểm soát cây cỏ thuộc Bộ Canh Nông Hoa Kỳ (USDA) cấm việc đưa rau muống từ tiểu bang này qua tiểu bang khác.

Sau năm 1975, những dân Việt đến định cư ở Florida và Louisiana tìm thấy cơ hội thuận tiện để thả rau muống trên các đầm lầy, hồ nước và kinh rạch hoang vu tại hai tiểu bang miền Nam đó. Buổi đầu có lẽ họ đã lấy giống ngay từ loại rau muống sẵn mọc hoang, nhưng về sau các loại hạt giống khác cũng được mang từ Việt Nam đến dù là không được phép. Tới một lúc rau muống tràn lan khắp nơi và chính quyền địa phương phải can thiệp vì thấy loại cây ấy mọc chằng chịt làm tắc nghẽn các hệ thống thoát nước và tạo nên các khoảng nước tù hãm thuận tiện cho muỗi sinh sản. Theo cơ quan bảo vệ môi trường Florida, giây rau muống có thể dài tới 70 feet, mọc rất nhanh khoảng 4 inches mỗi ngày và quấn quít với nhau thành bè mảng, một mặt cản trở đường nước chảy, mặt khác lấn át các loại thảo mộc bản địa làm biến đổi hệ sinh thái thiên nhiên. Thế là từ khoảng năm 1980 những nơi trồng rau muống nước bị phá hủy dọn dẹp bằng mọi cách, có nơi còn sử dụng tới cả thuốc diệt cỏ. Các tiểu bang Florida, North Carolina... cấm trồng trọt và buôn bán rau muống.

Tuy vậy ở mọi cộng đồng người Việt vẫn có rau muống, loại rau muống cạn sau này được chuộng hơn là rau muống nước và không gặp khó

khăn vì có thể trồng ngay vườn sau nhà. Một vài nơi khí hậu ấm áp quanh năm như Hawaii rất thuận tiện cho những nhà trồng rau muống. Tại California có một số trại trồng rau muống dùng mái che để có thể tiếp tục sản xuất trong mùa đông.

Trong một bài báo trên tờ *Atlanta Journal Constitution* năm 1996 viết về nhóm người Việt ở làng "Vực Sâu" (Versailles, New Orleans), ký giả John Blake nhận định rằng khu vườn nhỏ trong nhà hết sức quan trọng đối với những người lớn tuổi về mặt tâm lý và là một góp phần của họ vào kinh tế gia đình. Nhiều loại sản phẩm cây nhà lá vườn, đặc biệt là rau muống, được đem bán tại ngôi chợ nhỏ và trở thành một nguồn cung cấp thiết yếu cho cộng đồng cùng các nhà hàng tiệm ăn khác của người Việt Nam ở thành phố New Orleans.

Trải qua các giai đoạn phát triển quá mức rồi tạo nên khó khăn, cuối cùng thì với hàng trăm ngàn dân tị nạn Việt Nam lần lượt đến Hoa Kỳ, dần dần rau muống đã chính thức được trở lại "định cư và hội nhập" vào hàng rau quả ở Mỹ. Một nhóm chuyên viên thực vật của viện đại học Massachusetts có công đầu tiên trong việc này, bằng cách hợp tác với các giới hữu trách liên bang để đưa ra những quy định cho phép trồng trọt và bán rau muống trên thị trường.

Có hai lý do chính khiến Massachusetts ở trong số những tiểu bang đầu tiên đã công nhận rau muống. Trước hết tiểu bang này đứng hàng thứ sáu trên toàn quốc về số dân Việt, 36,685 người (US Census 2000). Sau đó, trong điều kiện thiên nhiên của Massachussetts, rau muống không là loại cây cỏ tác hại. Điều kiện thời tiết thích hợp nhất với rau muống là nhiệt độ từ 75 đến 85 độ F, đến mùa đông khi nhiệt độ xuống dưới 50 độ F và gặp giá lạnh rau muống chết ngay. Vì vậy ở Massachusetts, rau muống không thể phát triển quanh năm đến mức làm nghẹt các đường thoát nước như trường hợp của Florida và Louisiana.

Hiện nay một số trở lực hãy còn tồn tại trong việc trồng rau muống ở Mỹ, chẳng hạn chưa phải tất cả các tiểu bang đều đã chấp nhận giống cây này nên không có loại thuốc trừ sâu chuyên dụng nào cho rau muống. Nhu cầu tạm sử dụng thuốc trừ sâu của những loại rau khác cũng là một lý do khiến cho ở một số địa phương rau muống có thể không được phép bán chính thức trên thị trường. Tuy vậy có thể tin chắc là trong tương lai rau muống sẽ thành một loại rau thông dụng tại Hoa Kỳ và không chỉ đặc trưng của bữa ăn Việt Nam mà còn có thể cho mọi dân tộc trên đất nước đa chủng tộc đa văn hóa này.

## Những loại cây mang tính quê hương khác

Christopher Airriess và David Clawson trong một bản nghiên cứu về cộng đồng Việt Nam năm 1994 nói rằng người Việt Nam hơn bất cứ một dân tộc nào khác đã tìm cách tái tạo tại nơi định cư mới một khung cảnh quê hương của mình, trong đó cây cỏ đóng vai trò quan trọng. Họ mang theo những giống cây từ Việt Nam hoặc cố gắng tìm kiếm tại Tây Bán Cầu những cây cùng loại mà họ đã quen thuộc ở Đông Nam Á.

Rau muống là một trong những loại rau thông dụng nhất của dân Việt nên dù khó khăn đến đâu thì cuối cùng vẫn phải có được trên đất Mỹ. Nhưng không thiếu những loại chẳng thông dụng bao nhiêu mà người Việt Nam vẫn cố gắng bằng cách nào đó đem qua để cho giữa quê hương mới và quê hương cũ không còn bao nhiêu xa cách. Chẳng hạn như mồng tơi, rau đay, rau lang, bầu, bí, mướp, khổ qua.... Bạc hà và đậu bắp là hai trong số những phụ phẩm không thể thiếu cho nồi canh cá nấu chua kiểu miền Nam, và chỉ cần một khoảng đất ẩm ướt góc tường hay trồng ngay trong chậu cũng đã đủ dùng. Có thể tin rằng trong số 10 độc giả đọc bài này, ít lắm cũng vài ba quý vị có trồng những cây ấy trong vườn nhà.

Khoảng bảy năm trước, một lần tình cờ tôi bước vào một cửa hàng phở nhỏ bé ở ngay trung tâm St. Petersburg, Florida. Cô hầu bàn dân Cuba bưng ra một tô phở chỉ có vài mảnh hành lá. Đang muốn hỏi rau quế hay ngò gai mà chưa biết nói thế nào vì ông chủ đứng ở quầy cũng là người Mỹ da trắng, thì bà chủ quán từ trong bếp bước ra với một đĩa nhỏ trên có mấy cọng rau húng, vui vẻ gợi chuyện: "Thấy ông có vẻ người Việt Nam nên tôi đem rau thơm ra, trồng tại nhà đấy, ở đây ít khi mua được lắm. Vả lại khách của chúng tôi hầu hết là Mỹ không biết ăn rau thơm như người mình."

Gần đây đi ngang Moreno Valley, thành phố nhỏ thuộc Riverside County không chắc có tới vài chục dân Việt, bỗng nhiên tôi thấy lạc lõng có tấm bảng vỏn vẹn một chữ "Phở" giữa khu thương mại, và không khỏi bị tò mò thúc đẩy muốn vào coi thử. Bàn bên cạnh có mấy người lính mang quân phục Vệ binh Quốc gia California, tất cả đều đang vặt rau thơm bỏ vào tô một cách thành thạo. Như vậy nghĩa là những dân tộc khác đã

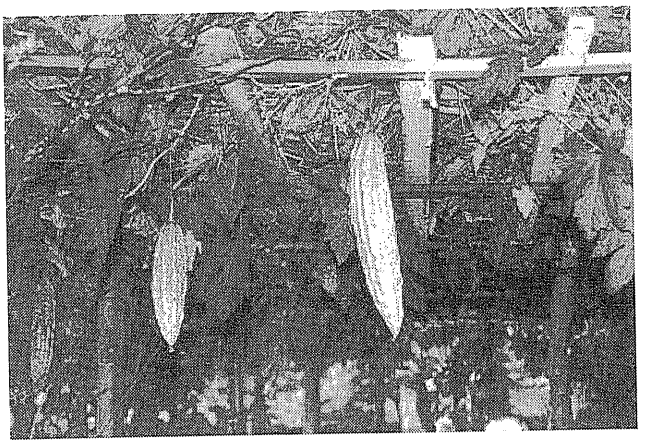

*Giàn khổ qua*

thưởng thức quen mùi vị rau thơm Việt Nam rồi. Một số hàng ăn Việt Nam cũng từng cho biết món gỏi cuốn rất được nhiều người Mỹ ưa thích.

Hiện nay các loại rau thơm là nhu cầu thường xuyên trong cộng đồng người Việt và đã được cung ứng bởi một số nhà canh tác chuyên môn vượt trên phạm vi các mảnh vườn gia đình. Đối với các hàng ăn, rau muống có thể có hay không có, còn nhu cầu rau thơm là hàng ngày. Con đường "nhập cư" của rau thơm dễ dàng hơn rau muống, phát triển theo chiến thuật chiến tranh nhân dân hay vết dầu loang nên trong 100 nhà người Việt ít lắm cũng tới 90 nhà trồng một vài loại rau thơm.

Sự xâm nhập nhanh chóng của nhiều loại rau thơm Việt Nam thể hiện rõ ở chỗ hầu hết chưa có tên tiếng Anh, hay nếu có người đã đặt tên thì cũng chưa mấy ai biết. Sả có tên "lemongrass" vì từ lâu Tây phương đã dùng nó trong ngành hóa học dược phẩm hay mỹ phẩm. Loại cây này không phải do người Việt đưa vào Hoa Kỳ, có thể là di dân Ấn Độ hay một dân tộc Á Châu nào đấy đã đem đến, trước khi ở Mỹ có những tiệm bún bò Huế.

Còn nhiều loại rau thơm khác chưa có tên Mỹ và nếu nói tới chỉ có thể gọi chung là một loại lá dùng làm gia vị. Rau húng có tên "basil," bạc hà là "mint," và chỉ những nhà thực vật học mới biết rõ từng thể loại với những tên khoa học như "Ocimum basilicum," "Pycnanthemum." Nhưng húng quế, húng lủi, húng chó, hẹ, sương sông, lá lốt... thì chưa thể nào nói cho người Mỹ hiểu được. Có người đã gọi dấp cá là "fish leaf," rau răm là "Vietnamese coriander," tuy nhiên đó mới là những sáng chế chưa được mấy ai nhìn nhận.

Nếu kể thêm, không ít người sẽ ngạc nhiên về số loại rau cỏ mà dân Việt Nam đã đưa đến, gần hết những gì có ở Việt Nam nay đều tìm được ở Mỹ. Đó là ngò gai, rau ngổ, càng cua, tía tô, bạc hà, kinh giới, thìa là, rau má... Một loại lá mà chỉ người ăn gỏi cá sống mới chú ý đến là đinh lăng bây giờ cũng có thể tìm được ở Mỹ. Còn lá mơ lông, người miền Nam gọi bằng một tên không thanh lịch lắm, thì dễ dàng mọc rất tươi tốt trong vườn của nhiều nhà người Việt khiến cho những dân nhậu thịt chó phải than thở rằng nó vô dụng ở đây.

## Mỹ hóa và Việt hóa

Gần mười năm trước khi rau quả Việt Nam tại địa phương hay nhập cảng còn hiếm, người Việt vùng tiểu bang Washington thường lái xe từ Seattle qua Canada đến phố Tầu ở Vancouver là nơi có đủ mọi sản phẩm gốc Á Châu. Trở về Mỹ, các cảnh sát biên phòng chỉ hỏi một câu theo thủ tục là có mang gì vào Mỹ không. Nhưng một vài lần họ nghi ngờ câu trả lời "No!", đòi hỏi mở thùng xe thì thấy lủng củng nào là nhãn, vải, chôm chôm, cóc, củ ấu cho đến đủ thứ loại đồ ăn khác, và từ đó sự kiểm soát trở nên gắt gao hơn. Bây giờ Vancouver vẫn còn là nơi đầy đủ loại nông phẩm Á Châu hơn đâu hết, nhưng người Việt có qua chơi thì cũng chỉ tiêu thụ tại chỗ chứ chẳng cần mang về nữa vì ở Hoa Kỳ cũng đã khá đầy đủ.

Vả lại bên cạnh nhu cầu tiêu dùng, người Việt luôn luôn có một sở thích cao hơn, đó là tự trồng trọt, và việc có trong vườn một loại cây gốc từ quê hương là niềm kiêu hãnh. Tuy vậy do sự du nhập có những khó khăn hoặc vì một số thực vật tương tự tại Hoa kỳ có thể còn phong phú hơn đồng loại ở Việt Nam, cho nên người ta đã xoay sở bằng cách lai tạo biến đổi giống sao cho chúng trở thành gần gũi hay mang vẻ Việt Nam nhiều hơn. Như vậy có hai chiều hướng: Mỹ hóa các cây cỏ từ Việt Nam tới và Việt hóa những cây cỏ đã có ở Hoa Kỳ.

Hoa đào có thể là một trong những trường hợp ấy. Tại Hoa Kỳ có đủ loại đào nhưng người Việt thích một cành đào ngày Tết kiểu quê hương hơn. Từ hàng trăm năm ở Việt Nam, làng Nhật Tân phía tây bắc thành phố Hà Nội nổi tiếng với những cành đào, gọi là đào bích, để bán trong dịp Tết. Mỗi năm sau khi cắt cây đem bán, chỉ còn để lại một đoạn ngắn gần gốc rồi lấy bùn đắp lên, đến cuối mùa xuân những người trồng hoa đi tìm mua các cây đào nhỏ loại đào ăn trái có màu hoa nhạt

hơn đem về tháp vào gốc cũ, và năm tới sẽ có cành đào mới với sắc hoa vừa đủ đẹp. Theo cách tương tự, nhiều vườn ươm cây người Việt ở Mỹ gần đây đã ghép giống để có những cây hoa đào hợp với sở thích của khách hơn là các loại đào nguyên gốc bản địa.

Những nhà thực vật học không đồng ý với nhau về xuất xứ của ổi là từ Mỹ Châu hay Á Châu, chỉ biết rằng ổi là loại trái cây nhiệt đới rất phổ biến ở Nam Mỹ. Đem hạt giống ổi từ Việt Nam đến là việc quá dễ, tuy nhiên dùng ngay giống ổi sẵn có tại chỗ vẫn thuận tiện hơn. Nếu đến một vườn ươm cây ở vùng Vista gần Camp Pendleton, California, trong cả chục ngàn cây con với hàng trăm giống tại đây muốn có ổi hồng hay ổi gần giống như ổi xá lị không có gì khó. Vì vậy chẳng thể nào kiểm chứng một cây "ổi xá lị trái lớn thịt ròn" mà những nhà ươm cây người Việt vẫn quảng cáo xem thật sự xuất phát từ đâu, duy có điều chắc chắn là nếu từ châu Mỹ thì nó cũng đã được "Việt Nam hóa" và mọi người bằng lòng với thực tế ấy. Thanh long thuộc họ xương rồng vùng khí hậu sa mạc đang được phát triển trong cộng đồng người Việt có lẽ cũng lấy giống từ bản địa rồi Việt hóa.

Ngoài ra cũng không thể phân định rõ một số loại cây trái là hoàn toàn Việt Nam hay Đông Nam Á và Á Châu nói chung. Tuy vậy dân Việt có khuynh hướng coi những gì là Á Châu gần gũi với mình hơn những gì gốc Âu Mỹ. Mận và mơ ở Mỹ lớn, ngon, nhưng người ta rất thích thú khi trồng được cây mận trái nhỏ như mận Đà Lạt dù cho chẳng ngọt ngào. Hiện nay nhiều nhà Việt Nam trồng nhãn, vải có thể là giống từ Trung Quốc hoặc táo Thái Lan. Soài, chôm chôm, măng cụt, na, mãng cầu, không rõ gốc từ Việt Nam hay một nước Đông Nam Á khác nhưng chắc chắn do người Việt mà nay đã thấy ở nhiều nơi trên đất Mỹ. Riêng về hoa, nhiều loại hoa ở Việt Nam không phong phú bằng các xứ miền ôn đới nên người Việt phải tìm những giống tương đồng như mai, cúc và họ phong lan từ Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.

Một số loại cây khác thì không thể nghi ngờ về gốc Việt Nam đích thực của nó. Bưởi Biên Hòa, mít tố nữ, mận Mỹ Tho, tầm duộc, vú sữa, hồng bì miền Bắc và dâu da miền Nam, hay là trái gấc chỉ có một công dụng độc đáo để nấu xôi cho đám cưới hoặc ngày Tết, thuộc trong những cố gắng đem giống từ Việt Nam qua trồng để có được đầy đủ hương vị quê hương ở nơi định cư mới. Cây cà, dù là cà pháo hay cà chén, mang cái tên Mỹ tùy tiện không rõ ai đặt: "eggplant," chỉ có mặt trên đất Hoa Kỳ từ khi người Việt Nam đến đây.

Như vậy đến nay gần như tất cả mọi loại cây cỏ ở Việt Nam đã được cộng đồng người Việt trồng tại Hoa Kỳ. Có thể còn một vài loại chưa có hoặc sẽ không bao giờ có như dừa, sầu riêng, cóc, lý do vì khó mang giống đi hoặc vì tạo ra những phiền toái phức tạp nếu trồng những loại cây này.

Từ lâu, Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ đã rất chú ý đến những chủng loại thực vật mà người Việt Nam đem đến. Một dự án nghiên cứu do trường đại học Georgia thực hiện cho bộ Nông Nghiệp, khởi sự năm 2001 và còn đang tiếp tục, nói rằng Quốc Hội Liên Bang khóa 101 đã cho phép sử dụng tài nguyên vào việc tìm hiểu, bảo toàn và trợ giúp sự phát triển phong phú của hệ thực vật Hoa Kỳ, đặc biệt hướng đến một trong những cộng đồng di dân mới là người Việt Nam. Một trong những mục tiêu được giải thích trong dự án là làm cách nào cung cấp cho các thế hệ thứ hai và thứ ba khả năng kiến thức để gìn giữ vẻ tươi đẹp của những loại thảo mộc mà cha anh họ đã đem đến.

Còn đối với người Việt Nam ở hải ngoại, trong ý chí duy trì truyền thống văn hóa dân tộc bằng nhiều hình thức, cây trái rau cỏ đã có một phần đóng góp đáng kể vào sự thể hiện ấy.

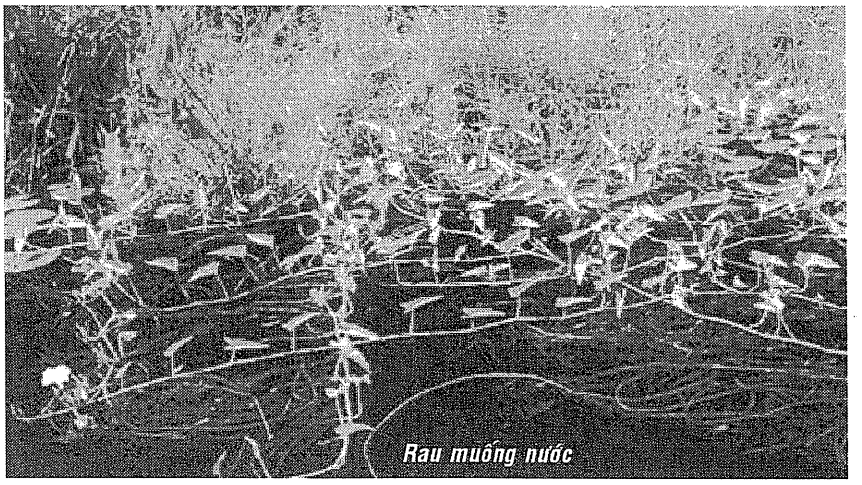

Rau muống nước

# Ai giết Phụ chánh Trần Tiễn Thành?

NGUYỄN QUỐC TRỊ

*Tác giả giữ BẢN QUYỀN. Bài này là một thành phần của cuốn sách tác giả đang soạn về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường. Mọi sử dụng, bất kỳ dưới hình thức nào, cần sự đồng ý của ông Nguyễn Quốc Trị.*

Về cái chết của Phụ Chánh Trần Tiễn Thành, mặc dầu sử sách Pháp Việt đều nói trái ngược nhau rất nhiều, dựa vào tin đồn xuyên tạc nhiều hơn là sự thật, cái tin hai ông Phụ Chánh kia là Nguyễn VănTường và Tôn Thất Thuyết giết ông Thành đã trở thành như là chân lý của lịch sử, không cần bàn cãi nữa. Thật vậy, theo Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu thì "*Ngày Đinh Sửu, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết thí Ngài Hiệp Hòa và giết đại thần là Trần Tiễn Thành. Rước ông Hoàng tử thứ ba vào ở đền Hoàng Phước.*" (*Quốc sử quán Triều Nguyễn, Chủ biên: Cao Xuân Dục, 1908.* Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1972, 212). Tiếp đó, sử gia Trần Trọng Kim viết không chút thắc mắc, rằng "Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đã giết vua Hiệp Hòa rồi, lại thấy quan Phụ Chính Trần Tiễn Thành không theo ý mình, cũng sai người giết nốt." (*Việt-Nam Sử-lược*. Bộ Giáo-dục, Trung-Tâm Học-liệu xuất bản, 1971, 221). Sử gia Phạm Văn Sơn cũng nói theo một cách dễ dàng là "*Theo số phận vua Hiệp Hòa ... là Trần Tiễn Thành ... vì ông không tán thành chính kiến của Tường và Thuyết.*" (*Việt Sử Toàn Thư.* Sài gòn, Khai Trí, 1960, 460).

Bài này sẽ chứng minh ngược lại, rằng hai ông Tường và Thuyết không có giết ông Thành, và ông Thành không có phản quốc theo Pháp.

## 1. Mâu thuẫn của chính sử

Câu chuyện khá phức tạp, vì ngay trong chính sử nhà Nguyễn, có thể vì áp lực chính trị, tin tức cũng rất mập mờ và mâu thuẫn lẫn nhau. Thật vậy, ở một chỗ, chính sử viết rằng: "*Ngày đinh sửu, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế vua và giết đi, và giết cả đại thần Trần Tiễn Thành. Lập hoàng tử thứ ba lên làm vua.*" (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên [ĐNTL].* Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội Hà Nội, 1962-1978, XXXV, 255). Rồi sau đó, trái với lối viết "biên niên" bao gồm từng sự kiện rời rạc hằng ngày của mình, các sử quan đã tóm lược và tổng hợp câu chuyện về ông Trần Tiễn Thành như sau:

"*Trần Tiễn Thành cùng hai người ấy [chính sử thường gọi tắt Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết là 'hai người' hay 'hai ông,' NQT ct.] vẫn không bằng lòng nhau. Trước đây vì việc tuyên chiếu, đã bị hai người ấy tham hặc diếc móc, giận không quên được. Bọn Hồng Phi mật tâu xin bỏ cường thần, Tiễn Thành cũng có đi lại mật với nhau. [Tiễn Thành đêm thường ngầm đến dinh thự Hồng Phi bàn kín với nhau].* ***Hai người đã biết.*** *Cho nên việc Tiễn Thành cáo ốm xin về nhà riêng, đều do hai người bắt buộc. Đêm hôm trước họp nhau ở sở Tịch Điền, hai người cũng có đem bản thảo tờ tâu đến tường với Tiễn Thành, yêu cầu phải theo làm việc ấy.* ***Tiễn Thành lại khước từ, nói rằng: bỏ vua nọ lập vua kia, sao có thể làm mãi? Tôi đã bãi chức về nhà, không dám dự việc ấy.*** *Hai người lại càng ngờ mà ghét.* ***Nhân thể đêm ấy cũng sai người đến giết Tiễn Thành ở nhà riêng.*** *[Nhà ở ấp Doanh-thị Trung]. [ ] Ngày hôm sau [tức là mồng 1 tháng 11] hai người tâu xin chôn vua bằng lễ nghi quốc công ... Còn Tiễn Thành thì do phủ Thừa Thiên khám biên cho là bị kẻ cướp giết chết.* ***Đến lúc việc phát ra, ai cũng biết là do hai người ấy sai người giết, mà chả ai dám nói ra.***" (*ĐNTL, XXXV,* 259-260, NQT nhấn mạnh).

Tóm lại, Thực Lục nói rằng Phụ chính Thành và hai ông Phụ chính Tường, Thuyết đã chống nhau và thù nhau vì nhiều chuyện: ông Thành không tán thành việc truất phế ông Dục Đức và

ông Hiệp Hòa của hai ông kia; ông Thành thường liên lạc mật thiết với các ông hoàng thân theo Pháp, và những ông hoàng này đã âm mưu ám hại hai ông Tường và Thuyết, nên ông Thành bị hai ông này sai người đến giết, rồi đổ cho giặc cướp. Những sự kiện chính sử viện dẫn ra để từ đó suy diễn ra sự "không bằng lòng nhau" giữa vị Đệ nhứt Phụ chánh Thành với hai vị đồng sự kia phần nhiều đều có thật, nhưng sự suy diễn của sử gia, dựa trên sự phỏng đoán, không mấy thuyết phục. Thật vậy, việc bàn cãi qua lại giữa ông Thành và ông Thuyết trong việc đọc di chiếu, không có gì quan trọng lắm, vì cả ba vị đều biết trước câu chuyện sẽ xảy ra, và hai ông Tường, Thuyết, nhân vụ ông Thành đọc thiếu một phần trong đó, mà vạch lỗi sửa di chiếu của ông Dục Đức, chứ không có ý muốn hại ông Thành. Thật vậy, trước đó ông Dục Đức đã có tuyên triệu cả ba ông Phụ chánh lên châu, và bất chấp sự bất đồng ý của ba vị, ông Dục Đức đã dùng quyền tự quân của mình cho sao lại bản di chúc của vua Tự Đức, tự tay gạch bỏ những điều vua quá cố nói không tốt về mình, rồi giao bản sao có chỗ gạch bỏ đó cho Phụ chánh Thành và bảo ông này theo đó mà đọc. (Xin xem bài tấu trình Vua Hiệp Hòa của Phụ chánh Thành trong bài khảo luận của học giả Đào Duy Anh, "Les grandes familles de l'Annam: S.E. Tran-Tiên-Thanh." *Bulletin des Amis du Vieux Huế [BAVH], số 2, 1944, 145).* Phụ chánh Thành là người trung nghĩa, mực thước và khuôn mẫu, như sẽ nói sau, nên can ông Thuyết không nên phế lập, vì sợ trái di mệnh của Vua Tự Đức, nhưng liền sau đó, sau khi thấy tình thế đã ngã ngũ về phía hai ông kia, ông Thành đã đồng ý ký vào tờ sớ xin truất phế gởi Đức Từ Dụ, rồi sau đó dâng sớ lên vua Hiệp Hòa nhận lỗi đã bỏ không đọc đoạn di chúc, mà vua Dục Đức đã tự tay xóa bỏ, và sẵn sàng chờ đợi mọi hình phạt tương xứng. (Đào Duy Anh, ibid.; *ĐNTL, XXXV, 208).*

Còn "việc Tiễn Thành cáo ốm xin về nhà riêng, đều do hai người bó buộc" cũng dựa một phần vào sự kiện, một phần vào suy diễn có thể là gượng ép của sử quan dưới áp lực chính trị. Việc ông Thành cáo ốm xin về có thật, nhưng việc bị hai ông kia bó buộc chỉ là một sự suy diễn gượng ép, vì ông Thành đã tự ý muốn xin nghỉ về hưu dưỡng bệnh từ mấy năm về trước rồi, và phải nán ở lại là vì bổn phận với vua, với nước. Ông đã đau ốm nhiều và được Vua Tự Đức cho giảm bớt việc từ 1881, lúc ông 69 tuổi; và sau khi bị giáng phạt vì việc đọc di chiếu, ông đã tự ý xin Vua Hiệp Hòa cho nghỉ để về làng dưỡng bệnh. (ĐNTL, XXXV, 6; Đào Duy Anh, loc. *cit..,* 146).

Việc ông Thành từ chối ký vào bản sớ xin truất phế Vua Hiệp Hòa, và trả lời "*... tôi đã bãi chức về nhà không dám làm việc ấy*" là một sự kiện có thật. Nó có thể chứng tỏ sự bất đồng quan điểm giữa ông Thành với hai ông kia, vì quan niệm trung quân ái quốc của các ông có phần khác nhau, như sẽ bàn rộng sau. Nhưng từ đó mà nói rằng hai ông phụ chánh kia đã căm thù ông Thành đến nỗi phải ngầm thủ tiêu ông này, thì chỉ là một suy diễn có phần miễn cưỡng, gượng ép, sẽ được bàn sau.

Còn việc sử nói ông Thành đi lại với nhóm các ông hoàng Hồng Phì, Hồng Sâm, và hai ông Tường, Thuyết biết chuyện đó, là những sự kiện có thể xảy ra thật. Nhưng sử không hề nói rằng ông Thành đã cùng các ông hoàng kia theo Pháp để âm mưu giết ông Tường hoặc ông Thuyết. Chính sử chỉ nói rằng các ông hoàng kia làm việc đó, còn ông Thành chỉ có đi lại với họ thôi, chớ không nói đi lại để âm mưu hại hai ông Phụ chánh kia. Từ đoạn sử đó mà suy diễn ra rằng ông Thành đi với các ông hoàng thân để theo Pháp và mưu toan giết hai ông phụ chánh kia, và hai ông kia biết như vậy, nên đã cho người "thí" ông Thành là đã đi hơi quá xa. Như sẽ nói sau, ông Thuyết, và nhất là ông Tường, rất hiểu con người của ông Thành, và biết rằng ông Đệ nhất Phụ chánh ở trong một thế khó xử, một mặt phải thực hiện di mệnh chống Pháp của tiên đế, một mặt phải giữ lòng trung thành với vua Hiệp Hòa là một ông vua mà ông cho là chính thống, nhưng lại muốn ngả về phía Pháp. Trước tình thế nan giải đó, ông bị bối rối và tê liệt, và đã phải miễn cưỡng tuân theo lệnh vua Hiệp Hòa để đi lại với các ông hoàng theo Pháp. Nhưng không có dấu hiệu gì cho thấy rằng ông đã làm một việc tích cực cho phe đó để chống lại phe bài Pháp của hai ông Phụ chánh kia. Ông đã thẳng thắn từ chối việc cùng với hai ông kia ký vào tờ sớ xin phế lập Vua Hiệp Hòa, cũng như ông đã từ chối ký vào Hiệp ước Harmand 1883 (sẽ bàn sau), thì ông cũng có thể đã từ chối việc đi với Pháp để giết hai ông "quyền thần" chống Pháp này, nhứt là trong lúc đau yếu, tự ông ông chỉ muốn giữ những chức vụ phi chính trị, không có thực quyền.

Như đã nói, cách tóm lược, tổng hợp dẫn trên của chính sử rất ít thấy, vì thông thường chính sử chỉ tường thuật từng sự kiện riêng rẻ. Vậy có thể

có áp lực chính trị buộc sử quan phải tìm cách "tỏ rõ cái tội của kẻ quyền thần [tức là bọn Tôn Thất Thuyết]." (ĐNTL, XXVII, 20) Tuy nhiên, đọc kỹ đoạn tóm lược khá khéo léo và tế nhị nói trên của chính sử, người đọc có thể nhận thấy đâu là sự kiện, đâu là phỏng đoán suy diễn, hay tin đồn, hầu tự mình khám phá ra sự thật. Qua câu tổng kết của chuyện ông Thành chết, "ai cũng biết là do hai người ấy sai người giết mà chả ai dám nói ra," sử quan của Quốc sử quán đã mặc thị cho hậu thế biết rằng đó chỉ là dựa vào tin đồn mà thôi. Quả nhiên, nếu không có những câu chuyện cưỡng ép, gượng gạo như vậy xen vào, thì bộ chính sử sẽ cho thấy quá rõ ràng là ông Tường và ông Thuyết là hai vị "anh hùng dân tộc" chớ không có vẻ gì là "nghịch thần" cả. Vì sự thêm thắt bó buộc "để tỏ rõ cái tội của quyền thần" này, chính sử đã nói mâu thuẫn nhau ở nhiều chỗ, và sử quan soạn thảo không có vẻ gì muốn giấu giếm, che đậy các sự tiền hậu bất nhất đó của mình. Phải chăng đó là một cách cố ý nhằm mục đích giúp cho hậu thế tìm ra đâu là sự thật? Quả nhiên, ở một đoạn khác, Thực Lục lại nói là Đệ nhứt Phụ chính Thành bị cướp giết thiệt, chớ không phải do lệnh của hai ông phụ chính:

*"Kỳ Ngoại hầu Hồng Chuyên có tội xử chém, Chuyên [anh Hồng Thành, con thứ sáu Miên Niết là Chấn Định quận công] ngầm xui bọn đồ đảng giả làm quan quân sấn vào nhà cố thượng thư Trần Tiễn Thành, cướp của cải. Việc phát giác, xích giao cho bộ Hình xem xét; án xong, Chuyên đổi theo họ mẹ [họ Phan] kết án trảm quyết, còn dư đảng kết tội có sai bậc.* ***Chuyên sau được nhờ ơn hoãn quyết, do nha Vệ thành nghiêm giam đợi biện."*** (ĐNTL, XXXVI, 101, NQT nhấn mạnh).

Bản án xử tử Hầu Chuyên này là thật, chớ không phải giả hiệu, vì sau đó sử nói vị công tử này bị chém ngay, nhân việc ông bị bắt lại sau khi vượt ngục:

*"Tên phạm trốn là Phan Chuyên [nguyên là Kỳ Ngoại hầu, nguyên can về tội họp đảng cướp của, kết án chém, nhưng chuẩn cho hoãn lại, nghiêm giam để đợi lệnh] . . . giam ở nha vệ thành, ban đêm thông đồng bẻ cùm, vượt ngục, qua thành thoát đi, bắt được, đều xử chém ngay. Nha vệ thành vì tội sơ phòng, giáng cho tội đồ để phân biệt." (ĐNTL, XXXVI, 171,* NQT nhấn mạnh).

Tuy nói "xử chém ngay" như vậy, nhưng ông vẫn sống vì, trong lúc bản án còn đợi lệnh vua chưa thi hành, thì thời cuộc thay đổi, rồi về sau ông được khai phục chức tước vào năm 1889. (Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc, Nguyễn Phúc TộcThế Phả [Thế Phả]. Nhà xuất bản Thuận hóa, Huế, 1995, 311). Vụ Hầu Chuyên bị chém này sẽ trở nên vô cùng rối rắm và khó hiểu, nếu nhà khảo cứu không gạn lọc bớt những tin đồn xuyên tạc của các phe nhóm đưa ra. Theo Linh mục Delvaux, chẳng hạn, thì Hầu Chuyên, thủ lãnh nhóm "Đoạn Kiết" [?, Đoàn Kiệt, NQT ct.], đã được lệnh ông Thuyết, trái với lệnh của ông Tường, đi đốt phá, giết hại các làng đạo phía nam Thừa Thiên, và, theo lời đòi hỏi của De Champeaux, hai Phụ chánh đã xử tử Hầu Chuyên để chạy tội đồng lõa. ("Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam," BAVH, số 3, 1941, 246-7). Rồi tiếp đó, nhà viết sử Phan Trần Chúc lại thêm thắt là chính Hầu "Chuyên tình nguyện như thế để cứu cho thế nước." (*Vua Hàm Nghi*. Nhà Xuất bản Thuận hóa, 1995, 47). Sự thực, theo chính sử, thì hai anh em Hồng Chuyên và Hồng Thành mỗi người bị xử một tội khác nhau: ông Chuyên bị xử tử vì tội giết Phụ chánh Thành, như đã nói trên, và ông em là Hồng Thành bị xử tử vì tội giết hại giáo dân, nhân vụ đảo chánh Vua Hiệp Hòa, như sẽ bàn sau. Một dụ của Vua Kiến Phúc, ban hành ngay sau khi tuyên án xử tử ông Hồng Thành, đã nhấn mạnh cho dân chúng ở những nơi có nhiều người theo đạo biết rằng:

*"Trời ban ân huệ cho dân, Vua phụng theo mệnh trời, những kẻ có tội hay vô tội, nào ta dám trái. . . cái án đốt nhà, giết người ở xã Dương Hòa, phủ Thừa Thiên, qua phân giải, thì bọn đầu sỏ và tòng phạm đều đã chịu tội chém và tội lưu.* ***Triều đình sao mà dung tâm được..."*** *(ĐNTL, XXXVI, 58-9)*

Bản án xử Công tử Hồng Thành đã được Triều đình tạm hoãn thi hành cũng như các bản án xử tử các hoàng thân đi với Pháp, với những lý do truyền thống, như không giết người trong thời gian để tang Vua [Tự Đức], hay lễ Tết Nguyên Đán, hay lễ Tế Nam giao, v. v.. Tuy nhiên, trước áp lực và sự đòi hỏi kiên trì của Khâm sứ De Champeaux, rồi của quyền Khâm sứ Parreau, tiếp theo lời khiếu nại khẩn khoản, mạnh mẽ, và bền bỉ của Giám mục Caspar, vị Công tử đã bị xử trảm thật sự sau ngày lễ Nam giao. Sự can thiệp của các đại diện chính quyền Pháp bao gồm cả sự hăm dọa rằng, nếu Triều đình không chịu thi hành bản án trong hạn định đã hứa, thì họ sẽ phải yêu cầu lập ủy ban hỗn hợp để điều tra xem Triều

đình có ngầm đi đôi với phe "bình tây sát tả" hay không, hoặc cho một đội lính Pháp tham dự vào cuộc xử tử, và kiểm soát lý lịch của tội nhân trước khi hành hình. (Phúc trình của GM Caspar gởi Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris về các biến loạn phá hoại địa phận của ngài trong tháng 12, 1883, MEP, Cochinchine septentrionale 02 1869-1885, 0760, 279, 279-22, 279-23; Thơ của GM Caspar ngày 12-2-1884, loc. *cit.*, 281, 281-1, 281-2, 281-3; Thơ của GM Caspar ngày 9-4-1885, loc. *cit.*, 290 và tiếp theo).

## 2. Nhóm chống Pháp quá khích của hoàng tộc giết Phụ Chánh Trần Tiễn Thành

Như vậy, sự việc đã xảy ra là: Hầu Chuyên, vì cho Phụ chánh Thành là người theo Pháp (sẽ bàn sau), đã luồn gió bẻ măng, nhân dịp đảo chánh vua Hiệp Hòa, tự ý mình đem người đến thanh toán ông này. Tại sao Hầu Chuyên làm vậy? Vị Kỳ nội hầu này là anh ruột của Công tử Hồng Thành, đều thuộc một nhóm Văn thân cuồng nhiệt trong hoàng tộc, chủ trương "bình tây sát tả." Ngay lúc xảy ra vụ đảo chánh,

"... *công tử Hồng Thành [là con của Chấn Định quận công Miên Trí [hay Miên Miêu, theo Thế Phả, 310, NQT ct.] cư tập đảng phái, thiêu đốt nhà cửa, giết hại giáo dân thuộc huyện Hương Trà xã Dương Hòa, thiêu 89 hộ, giết hơn 20 người. Sự việc bị phát giác, án chưa thi hành, Thành bèn đổi họ ra họ mẹ, đợi đến tế Giao đầu năm mới trảm quyết. Đảng ấy gồm bọn Trương Văn Đức, Trương Văn Định, đều đợi xét đem chém. Còn ngoài ra, đều phải tội đồ, tội lưu..." (ĐNTL, XXXVI, 58)*

Tiền thân của nhóm Văn thân chống Pháp cuồng nhiệt này có thể là phe của Công tử Hồng Tập, con của Phú Bình Công Miên Áo, và phe của Đoàn Trưng, thủ lãnh của nhóm "Giặc Chày Vôi." Sau khi hiệp ước 1862 được ký với Pháp thì

"... *Tập bèn cùng với phò mã là Trương Văn Chất [con Trương Văn Uyển] ...* ***mưu giết bọn đại thần là Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành, và chia đi càn quét dân giáo ở các xã thôn gần liền...*** *" (ĐNTL, XXX, 154,* NQT nhấn mạnh)

Việc không thành và vỡ lỡ, Hồng Tập bị xử tử chém ngay, và đồng bọn đều bị án nặng nhẹ tùy theo cấp bực.(*ĐNTL, op. cit.,*154-6) Hai năm sau, xảy ra vụ "Giặc Chày Vôi" do Đoàn Trưng, con rể của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, lãnh đạo. Chính sử nhà Nguyễn cũng như sử sách Pháp tường thuật vụ này như là một cuộc đảo chánh cung đình, nhằm lật đổ vua Tự Đức và đưa cháu là Đinh Đạo, con của anh vua là Hồng Bảo, lên ngôi. Nhưng tài liệu mới phổ biến về sau, đặc biệt là bài "Trung nghĩa ca" của Đoàn Trưng làm trong ngục [thể lục bát, 498 câu], có vẻ cho thấy rằng mục tiêu tối hậu của phe này, không khác gì phe Hồng Tập, là đối nội, sẽ diệt hết dân giáo, và đối ngoại, sẽ đánh giặc Tây một trận quyết liệt. Phe này rất bất mãn với chính sách nhượng đất và rước đạo của Vua và các quan "chủ hòa" nên âm mưu lập Đinh Đạo lên làm vua, và đặt vua Tự Đức làm vì với vai trò Thái Thượng Hoàng, hầu chấm dứt chính sách nhân nhượng với Pháp (McCleod, Mark W., *The Vietnamese Response to French Intervention, 1862-1874.* New York, Praeger, 1991, 83-5; Xem thêm Đinh Xuân Lâm và Triệu Dương, "Cuộc khởi nghĩa năm 1886 ở kinh thành Huế, dưới ánh sáng của một sự liệu mới: Bài Trung nghĩa ca do chính thủ lĩnh Đoàn Hữu Trưng viết." *Nghiên cứu lịch sử, số 9, 1959, 58, dẫn do McCleod, op. cit.,* 150, ct. 15, 17, 18, 19, 20) Dĩ nhiên là trong đám các quan chủ hòa, mà phe Văn thân cực đoan trong hoàng tộc dự định thanh toán, gồm có các ông Phan Thanh Giản, và Trần Tiễn Thành, ông Giản, đặc biệt là vì vai trò điều đình nhượng đất rồi chuộc đất do vua ủy thác, ông Thành còn vì nhiều hành động khác mà họ rất nghi ngờ như sẽ bàn sau đây. (Xem Thái Vũ, *Biến động*, Tiểu thuyết lịch sử. Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1984 để có một ý niệm về việc hai vị quan này đã bị nhóm chống Pháp cuồng nhiệt trong hoàng tộc [do Hồng Tập và Đoàn Trưng lãnh đạo] hiểu lầm và thù hận đến mức nào [xin nhớ đây chỉ là tiểu thuyết dựa phần nào vào lịch sử mà thôi]).

## 3. Ông Trần Tiễn Thành đã từng bị hiểu lầm vì liên lạc với ông Nguyễn Trường Tộ

Phụ chánh Thành đã từng bị miệng tiếng là "chủ hòa," một từ ngữ bao hàm ý nghĩa thân Pháp, đầu hàng. Thật tình thì ông, cùng với một số khá hiếm quan lại hồi đó, như các ông Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, có thể được xếp vào nhóm "duy tân," nhằm mục đích canh tân xứ sở, để bảo tồn nền tự chủ của triều đại và đất nước, chớ không có ý nghĩ gì về việc đầu hàng bán nước cả. Vào năm 1862, ông Thành làm Thượng Thư bộ Binh, lớn nhứt ở Kinh đô Huế, vì các quan đại thần tột đỉnh, như ông Trương Đăng Quế đã về hưu, ông Phan Thanh Giản vào Nam làm Tổng Trấn miền Tây, và ông Nguyễn Tri Phương ra Bắc dẹp giặc.

Với tư cách là quan đầu triều, ông đã nhận được các tài liệu trình bày kế hoạch canh tân xứ sở của ông Nguyễn Trường Tộ. Các tài liệu này được ca tụng và bàn cãi rất nhiều ngày nay, và gồm có "Trần tình Từ," "Thiên hạ đại thế luận," "Tế cấp luận," và "Giáo môn luận." Đến 1864, ông Tộ gởi tiếp thơ cho ông Thành xin tình nguyện được đi Anh để nới rộng việc bang giao, nhân dịp ông Tộ được một cơ quan khảo cứu khoa học ở nước Anh mời sang họp. Lúc đó, ông Thành mới trình tất cả thư từ của ông Tộ lên Vua Tự Đức. Vua ra lệnh cho ông Thành điều tra hành tung của ông Tộ, và mời ông Tộ vào triều yết. Nhưng rồi vì Triều đình không cho ông Tộ xuất ngoại, ông Tộ tiếp tục gởi tiếp ba bức thơ cho ông Thành, và hai bức cho ông Phạm Phú Thứ, bàn về việc mua khí giới, gởi du học sinh, phát triển kinh tế, và bang giao với các đại cường quốc. Sau khi ông Thành trình lên tất cả các thơ từ của ông Tộ gởi, gồm cả thư gởi cho các ông Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, vua Tự Đức sai ông Thành cứu xét, xem có thể nhờ bên đạo giúp đỡ, mà không nguy hại cho chế độ không, và tại sao đã mời mà ông Tộ không đến. Được ông Thành thỉnh lần thứ nhì, ông Tộ vào Huế, và được tiếp đãi hết sức nồng hậu, mời đến nhà riêng nhiều lần, và cho ở lại trong khuôn viên bộ Binh. Đồng thời, ông Thành cũng nhờ Linh mục Croc, một cọng tác viên của Giám mục Gauthier, và Linh Mục Việt Nam Nguyễn Hoằng cùng với ông Tộ, lo giùm việc tạo mãi một chiếc sá lúp chạy hơi. (Đào Duy Anh, "*Les grandes familles...*". *BAVH, loc. cit.,* 134-137)

Ở Huế được vài tuần, ông Tộ đột ngột rời Kinh thành cùng hai linh mục Croc và Hoằng; và ông Thành chỉ được cho biết sau khi họ đã đi rồi. Sở dĩ các ông ấy phải đi hấp tấp như vậy là vì họ được lệnh Đức Cha Gauthier gọi về, để theo ngài về Giáo xứ Xã Đoài, Nghệ An; ngài về Xã Đoài sau khi ẩn tránh ở làng Đan Sa đã hơn ba năm; và ngày mai lại thì ngài lên đường. Vua Tự Đức đã có ý định giữ GM Gauthier lại ở Quảng Bình, mặc dầu Hiệp ước 1862, (vì sợ sự hiện diện của vị Giám mục ở Nghệ An, nơi dân rất chống đạo, có thể gây nhiều xung đột lương đạo) nên rất bất bình khi nghe tin này, và quở trách ông Thành, qui trách nhiệm cho ông, và có phần nghi ngờ ông thông đồng với họ. Dư luận chung của đình thần và giới Văn thân cũng rất chống đối ông Thành, vì thấy ông đi lại thân mật với ông Tộ, chia xẻ ý kiến của ông này, nên cho ông là đồng lõa với người Pháp và đạo. Chính lúc này là lúc loạn Hồng Tập xảy ra. Vụ nội loạn này, do giới Văn thân cực đoan lãnh đạo, gồm những nhân vật "chủ chiến" trong hoàng tộc, quan lại, và sĩ dân, chủ trương "bình tây sát tả" và chống Hiệp ước Sài gòn 1862. Họ đã âm mưu ám hại ông Thành và ông Phan Thanh Giản, vì hiểu lầm các vị này, như đã kể trên. Ông Thành đã trần tình với Vua, kể lể đầu đuôi câu chuyện để biện bạch cho lòng ngay thật, trong trắng của mình, nhưng cũng xin chịu tội về sự thiển cận của mình. Vua Tự Đức đã từng tán thưởng lòng trung nghĩa tuyệt đối của ông, và từ 1853 đã đổi tên ông từ Trần Thời Mẫn sang Trần Tiễn Thành, với ngụ ý là người luôn luôn tiến lên trong sự trung thành, nên đã mau chóng thông cảm nỗi lòng của kẻ bề tôi ngay tình.

Nhưng rồi ông Tộ từ Quảng Bình lại viết thơ tin cho ông Thành biết rằng GM Gauthier xin tình nguyện đi Pháp để tuyển giáo sư và chuyên viên cho Việt Nam. Vua lại quở trách ông Thành một lần nữa, vì theo Vua, như vậy là ông Tộ đã nghi ngờ thiện chí của Triều đình, và ông Thành, thay vì tìm cách đánh tan mối ngờ vực đó, lại làm cho nó càng trầm trọng thêm. Dù sao, Vua vẫn hiểu lòng ông Thành, và cho ông biết Vua vẫn hoàn toàn tin cậy nơi ông. Vua cũng đã có ý tán thành ý kiến của ông Tộ từ trước, và đã có bảo ông Thành nhờ GM Gauthier giúp Triều đình canh tân. Vào khoảng giữa năm 1866 sau đó, ông Thành và ông Phạm Phú Thứ cùng tâu Vua cho thi hành một số ý kiến của ông Tộ trong đó có việc dùng kỹ thuật Âu Tây để khai thác mỏ sắt ở Nghệ An, và để thăm dò, tìm kiếm các mỏ than. Theo lời thỉnh cầu của ông Tộ, ông Thành cũng đã xin Vua ra lệnh chấm dứt các vụ diệt đạo ở vùng Xã Đoài. Một hai tháng sau, ông Tộ và GM Gauthier, cùng hai vị quan, được cử sang Pháp để tuyển giáo sư và chuyên viên cho một trường trung học kỹ thuật theo kiểu mẫu Tây phương. Trong thời gian ông Tộ ở Pháp, ông Nguyễn Tri Phương từ Bắc về thay ông Thành làm Thượng Thư bộ Binh, với vị thứ cao hơn ông Thành trong Hội đồng Cơ Mật. Trong lúc ông Tộ từ Pháp gởi về bản "Tế-cấp bát điều" [8 điều cần làm gấp], thì quân đội Pháp từ miền đông tràn sang xâm chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Nhận thấy dã tâm của Pháp, Triều đình triệu hồi phái bộ ông Tộ, nhưng phái bộ đã tuyển được một số khá đông người cho trường học kỹ thuật dự trù. Khi họ về, với chuyên viên và dụng cụ, sách vở, tài liệu, thì Triều đình, vì chú tâm hoàn toàn đến việc mất miền Tây Nam

Việt, không còn nghĩ gì đến chuyện trường học nữa. Mới từ Pháp về, ông Tộ lại được cử sung vào phái đoàn sang Pháp chuộc lại Nam Kỳ vào cuối xuân 1868. Nhưng ông Tộ xin vua đình hoãn việc này vì cho là vô ích trong tình trạng lúc đó. Nguyễn Văn Tường, lúc ấy làm Bang biện Thành Hóa, được cử tham gia sứ đoàn, cũng dâng sớ tấu cùng một ý kiến với ông Tộ, nên Vua y theo. Ông Tộ về sống ẩn dật, không lên tiếng trong hai năm cho đến 1870. Khi dư luận chống đối ông, vì vụ Pháp chiếm miền Tây Nam Kỳ [sẽ nói sau], đã lắng dịu, ông Tộ xin tình nguyện vào Nam chuẩn bị một cuộc nổi dậy ở đó, lợi dụng việc Pháp sắp thua trận với Đức, mà ông đã tiên đoán. Vua không nghe theo, và vào đầu 1871 tính triệu ông vào để bàn về việc gởi phái đoàn sang Pháp, nhằm liên kết với phe đối lập tại Nghị viện Pháp, sau khi Đệ Tam Cọng hoà được thành lập, và với những nước vừa thắng Pháp hầu dành lại Nam Kỳ, tuy trên danh nghĩa chỉ nói là để lãnh đạo một toán sinh viên đi du học ở Pháp. Nhưng trong lúc ấy thì ông Tộ đã đau yếu, không đi được, và mất vài tháng sau đó. (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 95, 138-141; ĐNTL, XXXI, 33, 57, 59-60; Thái Hồng, "Một cách nhìn về Nguyễn Trường Tộ" trong *Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước*. Viện Khoa học Xã hội, Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm. Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2000, 270-292).

KIỆT TẤN

## Từ Cải Tạo

*... Đầu đội đá chân trần gai đạp*
*Trưa đèo cao nắng táp má sâu*
*Nắm cơm hẩm ruột quặn đau*
*Ma thiêng nước độc giải dầu hận căm*
*Quê xa khuất đêm nằm vọng nhớ*
*Vịn vào gai thương vợ tưởng con*
*Áo cơm biết có được còn*
*Hay thân giờ cũng mỏi mòn đất xa*
*Đạn tháo gỡ tre rà bom nổ*
*Bạn tù nhân ngực vỡ ruột banh*
*Người kiết lị, kẻ vàng xanh*
*Thân tàn ma dại rữa nhanh kiếp người*
*Bài thu hoạch khóc cười khinh bạc*
*Ngạ quỷ đầu mượn xác giả danh*
*Học tập kiểm thảo gian manh*
*Tính người đánh mất phơi rành tính ma*
*Khuya vượn hót chiều tà tu hú*
*Đại mộng đời thế sự bến mê*
*Phù vân mây chó trôi về*
*Ba mươi năm giặc não nề hoa niên*
*Giờ sẩy vực triền miên địa ngục*
*Giữa vòng gai nuốt nhục sa cơ*
*Thân lao lý đến bao giờ*
*Nước non tàn một cuộc cờ trắng tay...*

*(Trích từ Việt Nam Thương Khúc, trường thi của Kiệt Tấn, An Tiêm xuất bản. Đề bài do tòa soạn đặt.)*

Sau khi Pháp ngang nhiên xâm chiếm miền Tây Nam Kỳ, dư luận, bị kích thích quá độ, xem ông Nguyễn Trường Tộ như là một tên tay sai của Pháp, và đòi đưa ông ra cho công chúng trị tội. Các Văn thân và triều thần dâng sớ đòi lấy đầu ông. Các linh mục theo GM Gauthier từ Pháp sang để dạy học bị âm mưu đầu độc. Tại các tỉnh, giáo dân bị tàn sát, nhà thờ bị thiêu hủy. Một số quan lại, nhứt là hai ông Trần Tiễn Thành và Phạm Phú Thứ, cũng bị tố cáo là phản quốc hay bất cẩn. Bầu không khí căng thẳng đến nỗi Vua Tự Đức cũng không khỏi bị ảnh hưởng lây, và trong một cơn thịnh nộ, đã quở mắn tất cả các đại thần, thượng thư, và đặc biệt khiển trách ông Trần Tiễn Thành, vì chính ông này đã xui cho GM Gauthier và ông Nguyễn Trường Tộ đến Huế. Ông Thành và ông Thứ nhìn nhận tội lỗi và tâu

xin chờ đợi mọi hình phạt. Tuy nhiên, hình như Vua đã kết tội các đại thần là cốt để thoa dịu dư luận, vì chính Vua trong thâm tâm tin rằng ông Tộ không hẳn là phản quốc, và ông Thành cũng không hẳn là lầm lẫn. Thật vậy, chính Vua đã ủy cho ông Thành lo bảo đảm an ninh cho nhà Văn thân Công giáo Nguyễn Trường Tộ, để cho ông này trở về Xã Đoài một cách bình yên vô sự. (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 140)

## 4. Quan niệm "trung quân ái quốc," "tôi hiền con thảo," và tình trạng sức khỏe suy nhược của nhà nho Trần Tiễn Thành

Mặc dầu được Vua thông cảm, ông Thành vẫn bị dư luận hiểu lầm là muốn đi với Pháp. Ông là một vị quan gốc Minh hương, ưu tú, trung nghĩa, có nhiều công trạng lớn lao với triều Nguyễn và đất nước, nhứt là về các công tác phòng vệ bờ biển trong toàn quốc. Hệ thống phòng thủ cửa biển Thuận An, mà sử sách thực dân thường ngợi khen và cho là công lao của ông Thuyết, thực ra đã do ông Thành quan niệm và dâng trình lên vua từ năm Tự Đức thứ 13, 1860, và được ông dần dần thực hiện từ đó về sau. Ông cũng là một vị quan đầy công tâm, thiết tha với quyền lợi chung của đất nước. Ông đã tiến cử nhiều nhân tài lên Vua, và chính ông đã biết tài ngoại giao của ông Tường và đề nghị cho ông này, lúc đó đang bị giáng chức làm một chức quan rất nhỏ là Bang biện huyện Thành Hóa, sung làm phó sứ cho mình, để đi vào Nam điều đình với Pháp vào năm 1868. Nhờ dịp đó mà sách lược "hòa để thủ, thủ để mưu chiến" của Nguyễn Văn Tường mới có cơ hội được đạo đạt lên vua Tự Đức, và được Vua ứng dụng từ đó về sau. Thật vậy, sau khi ông Tường được thăng thưởng, vì đã thể hiện được sách lược này qua các công tác ngoại giao ở Bắc và Nam Kỳ năm 1874, ông Thành cũng được thăng lên hàng Văn minh điện, đứng thứ nhì trong hàng tứ trụ của Triều đình, vì đã có công tiến cử nhân tài này. (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 97-115). Chính sử kể rằng vua

*"Cho tạm hàm tham tri sung như Tây phó sứ Nguyễn Văn Tường làm Hình bộ thượng thư... sung Cơ mật viện đại thần, tấn phong kỳ vĩ bá, cho Trần Tiễn Thành là hiệp biện đại học sĩ thăng thự văn minh điện đại học sĩ kiêm hàm sung như cũ. [Tiễn Thành nguyên trước cử Văn Tường, mùa đông năm ngoái giảng giải lấy về bốn tỉnh, cho nên đều được thăng lên]." (ĐNTL, XXXIII,* 58, NQT nhấn mạnh)

Vua Tự Đức cũng đồng thời khen ngợi công trạng "tiến người hiền" này của đại thần Thành trong một bản dụ như sau:

*"Văn Tường cùng với trẫm được tri ngộ, dẫu do từ khi làm huyện lệnh ở Thành Hóa mà mới biết tiếng thôi, nhưng phần nhiều do Tiễn Thành cử ra, nhân đó mới dần tiến lên. Nếu cho là vô tri, theo lệ sống lâu lên lão, thời truy nguyên ra việc thưởng nên thôi ư!" (Đại Nam Chính biên Liệt Truyện* [ĐNCBLT]. Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1993,Tập 4, 167)

Tóm lại, ông Thành là một vị quan trung quân, ái quốc, ôn hòa và mực thước, ưa sống trong khuôn khổ một nền quân chủ tuyệt đối, như là một tôi hiền con thảo, theo một quan niệm Nho giáo có phần tiêu cực, "quân sử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu." Lúc lên đến thượng đỉnh, ông vẫn không muốn ăn sung mặc sướng, vì sợ đắc tội với cha mẹ đã không được ông báo hiếu lúc còn sinh tiền.(Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 92-6; ĐNCBLT, op. *cit.*, 172-3) Làm quan, ông tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của thượng cấp, không có mộng noi gương Y Doãn, Hoắc Quang để diệt vua xấu, dựng vua tốt như hai ông phụ chánh kia. (ĐNTL, XXXV, 206) Với hai ông này, lòng trung quân phải đi đôi với, và phụ thuộc vào, lòng ái quốc, theo quan niệm tích cực "Dân vi quí" của Mạnh Tử, coi việc trừ khử một ông vua bạo ngược không khác gì một tên thất phu tàn ác, "Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu." Quan niệm này đã được ông Tường trình bày trong bài thơ "Giải triều" với hai câu bổ sung cuối cùng *"U trung thùy bạch thiên thu hậu? Xã tắc quân dân thục trọng khinh?"* [Sâu kín lòng trung ai soi tỏ, Tổ quốc, dân, vua, đâu trọng khinh] (Xem bài người viết: "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn." *Thế Kỷ 21, 171, 2003, 93)*

Kinh nghiệm quân sự, vào sinh ra tử, cũng làm cho hai ông Tường Thuyết dám làm những việc táo bạo, gan dạ, mạo hiểm hơn ông Thành. Đánh giặc là nghề của ông Thuyết; ông Tường cũng đã có đánh giặc ở Bắc trong nhiều năm; ông Thành, tuy có thực hiện các công tác quốc phòng rất trọng hệ, như hệ thống hải phòng và cai quản bộ Binh, chỉ có đánh dẹp giặc người Thượng Đá Vách ở Quảng Ngãi, trong một thời gian ngắn lúc mới ra làm quan. Khác với hai ông phụ chánh kia, suốt cuộc đời hoạn lộ, tuy lên đến thượng đỉnh, ông chỉ giữ những chức vụ có tính cách tham mưu, chuyên môn, và văn phòng, phần nhiều ở trung

ương, luôn luôn có người ở trên điều khiển và quyết định tối hậu. Ông không hề giữ những chức vụ có thực quyền bao quát, và phải "đứng mũi chịu sào," như trấn nhiệm một địa phương, lớn hay nhỏ, giống như hai ông kia. (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 97-134)

Tình trạng sức khỏe suy nhược của ông Thành lúc tuổi xế chiều cũng làm cho ông càng thêm nhu hoà. Sinh năm 1813, lớn hơn ông Tường [sinh 1824] 11 tuổi, và già hơn ông Thuyết [sinh 1839] những 26 tuổi, lúc đó ông đã trên 70 tuổi, đau bệnh kiết lỵ và khớp xương kinh niên. Năm 1875, lúc 62 tuổi, ông đã bị bệnh đau bụng, và Vua Tự Đức thấy "ngươi họ Trần" già yếu, nhưng vẫn một lòng trung kiên tận tụy phục vụ, nên từ đó đã miễn cho ông bớt phần lạy tạ khi chầu tấu. Từ cuối 1880, Vua Tự Đức đã nhận xét rằng "*bộ Binh việc nhiều. Trần Tiễn Thành gần đây già yếu, sức chẳng theo lòng, làm việc không khỏi chậm trễ đọng lại,*" nên cho ông bớt kiêm sung các chức vụ quan trọng và giảm bớt cho ông những công việc nhỏ nhặt. Rồi đến năm sau, 1881, Vua cử ông Lê Hữu Tá, và tiếp đó ông Tôn Thất Thuyết, thay ông làm Binh bộ Thượng Thư, và cho ông Thành đổi chỉ làm "trông coi công việc bộ Binh." (ĐNTL, XXXIII, 161; XXXIV, 370-1; XXXV, 6, 23) Nhưng sức khỏe của ông lụn dần, ông thường ho hen và bị kiết lỵ kinh niên. Vào đầu 1883, ông đã nhiều lần xin nghỉ dưỡng bệnh, nhưng Vua Tự Đức chỉ cho ông vừa chữa bệnh ở nhà, vừa làm việc, vì cần ông trong lúc nước nhà đương ở trong tình trạng nguy biến. (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 103) Đến đời vua Hiệp Hòa, sau khi Hiệp ước Harmand 1883 được ký kết, thì ông đã xin và được vua Hiệp Hòa cho miễn công tác ở viện Cơ mật và bộ Binh, chỉ giữ lại chức vụ ở Quốc sử quán, và Khâm thiên giám, là những chức vụ phi chính trị, không có thực quyền, và cuối cùng về cư ngụ ở nhà riêng tại Chợ Dinh, Gia Hội (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 146-7) Chính sử nhà Nguyễn xác nhận rõ rằng, không lâu trước khi vua Hiệp Hòa bị truất phế,

"*Phụ chánh đại thần là Trần Tiễn Thành vì tật cũ lại phát ra [hai chân đau buốt khó đi] tháng trước đã xin miễn cho không phải vào chầu, lưu ở công đường làm việc. Đến bây giờ xin nghỉ việc Cơ mật, về nhà trọ để chữa bệnh.* ***Vua cho nghỉ việc.***" (ĐNTL, XXXV, 240, NQT nhấn mạnh)

Như vậy, việc chính sử kể rằng hai ông Tường Thuyết ép buộc ông Thành từ chức nói trong phần tổng hợp đã dẫn trên, quả có phần mâu thuẫn và gượng ép, và có thể được phỏng đoán là do áp lực chính trị. Quả thật, ngoài bản tính dè dặt, e ngại, vị Đệ nhứt Phụ chánh đã đau yếu, mệt mỏi nhiều, và nhận thấy không còn sức gánh vác nữa. Nguyễn Văn Tường đã làm việc thân cận với ông Thành rất lâu, và hiểu biết tư cách con người của ông Thành. Trong một bản tấu ngày 20-6 Tự Đức 26, 1873, ông Tường đã chân thành nêu rõ ưu và khuyết điểm của bậc đàn anh mình, theo lời yêu cầu đánh giá nhân tài của Vua Tự Đức, như sau:

"*Trần Tiễn Thành biết xa nghĩ sâu, đương được đại cuộc, trọng hậu kiên nhẫn, lay chuyển chẳng rung. Người đều khen là có khí lượng...* ***xét kỹ thì tựa có nghi ngại, e sợ, hoặc là do răn mình về việc thịnh mãn nên thu nén chẳng dám nỗ lực đảm đương.***" (Trần Viết Ngạc, "Tìm hiểu thêm về Nguyễn Văn Tường [1824-1886]." Hội thảo khoa học, Nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường [1824-1886], Các báo cáo khoa học, Huế 2/7/2002 [sẽ được gọi tắt là: HTNVTHUE02], do Trung tâm Khoa học Xã hội & Nhân văn Huế, Đại học Huế & Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa thiên Huế bảo trợ, 17, NQT nhấn mạnh)

## 5. Ông Trần Tiễn Thành không bán nước, không theo Pháp

Vì bản tính hiền hòa và xu hướng tuyệt đối tuân phục thượng lệnh, những việc Thực Lục nói, như ông có đi lại họp với các ông hoàng thân Pháp là Hồng Sâm, Hồng Phì như dẫn trên, nếu có xảy ra, thì chắc phải có lệnh vua Hiệp Hòa mà ông thấy có bổn phận phải tuân hành, dầu là miễn cưỡng. Tuy nhiên, sự suy diễn rằng ông có đi với người Pháp qua các ông hoàng này cần phải được xét lại, vì chính sử không có minh thị nói ra. Sử sách phổ thông thường nói rằng trong một bản sớ trình vua Hiệp Hòa xin trừ khử quyền thần Nguyễn Văn Tường, các ông Hồng Sâm, Hồng Phì đã ghi là có ý kiến của ông Thành, và vua Hiệp Hòa phê giao sớ này cho ông Sâm hay ông Thành để thi hành. Đó chỉ là tin đồn đãi, không khác gì bao nhiêu tin đồn khác trái ngược nhau, và không dựa và một cơ sở nào vững chắc cả. Ông Đào Duy Anh, một học giả rất đứng đắn và thận trọng nhưng không có đủ tư liệu, và bị sự gò bó của thời thế, đã ghi lại hai nguồn tin khác nhau về câu chuyện này, và có cho biết rõ là cả hai đều dựa vào "nhân chứng vô danh" thời đó, [d'après certains contemporains, hay d'après un autre témoignage], tức là một loại tin đồn không hơn, không kém.

Theo nguồn tin nhân chứng thứ nhất, thì Vua Hiệp Hòa, đọc tờ sớ xong, phê "chuyển cho Trần-Tiễn-Thành" và sai Thái giám Phạm Tác, [chớ không phải Trần Đạt] giao cho Hoàng thân Hồng Phì. Nhưng ông Phạm Tác đưa lộn cho Thượng thư Phạm Như Xương. Vua Hiệp Hòa nhận được tờ tấu trả lại từ ông Xương, nổi giận, phạt đánh ông Phạm Tác 30 roi. Trừng phạt này khiến ông Tác làm phản, báo cho ông Tường biết. Theo nguồn tin nhân chứng thứ hai, thì sau khi duyệt phê, vua sai Thái giám Trần Đạt mang bản sớ đến cho chính Phụ chánh Thành. Khi ông Đạt mang sớ ra cửa Nhật Tinh thì gặp ông Tường đi vào. Thấy cử chỉ bối rối của Giám Đạt, ông Phụ chánh nghi ngờ và bắt ép ông Đạt đưa bản tráp đựng sớ có khẳn, và tự tiện mở ra xem bản án tử hình của mình. Rồi ông Tường lập tức đến gặp ông Thuyết, tiến hành ngay cuộc đảo chánh vua Hiệp Hòa. (Đào Duy Anh, loc. *cit.,* 148)

Những tin đồn này có thể là do phe thực dân tung ra để ly gián các vị phụ chính và giải thích cuộc truất phế vua Hiệp Hòa như là do ông Tường muốn bảo vệ tính mạng, chức tước, tức quyền lợi cá nhân vị kỷ của mình, chớ không phải vì dân, vì nước, hay chống Pháp gì hết. Câu chuyện thêu dệt thiếu cơ sở vì nhiều lý do. Trước hết, việc thái giám đi đưa tráp tấu sự có khẳn, mà có thể biết được nội dung của tấu sớ mật sai giết một Phụ chánh, để phải bối rối lo sợ khi gặp vị đó như vậy, rất khó lòng mà xảy ra được. Thủ tục chuyển đạt văn thư của Triều đình không thể nào cho phép một thái giám đưa thư có thể am tường một việc tối mật hệ trọng như vậy được. Thông thường thì vua xem sớ phê xong, giao cho nữ quan cận vua, nữ quan bỏ vào tấu tráp sự khẳn lại rồi mới đưa thái giám chuyển về Nội các, tức văn phòng của vua. Nội các có nhiệm vụ sao y bản sớ có chữ vua phê, rồi phát giao bản sao, qua Ty Bưu chính, cho cơ quan hay vị quan đã dâng trình, để thi hành, rồi giữ bản chánh lại để lưu trữ. Về các chương sớ, văn thư không thuộc về chính sự, mà thuộc về nội đình hay khẩn, mật riêng của vua, thì việc dâng trình và phát giao do Xứ Thị vệ, và Ty Cẩn Tín phụ trách. Trường hợp của bản sớ đặc biệt quan trọng và tối mật này, Vua có thể giao cho một quan Thị vệ thân tín mang ra ngoài cho vị quan phụ trách. Dù sao, nếu giao cho một thái giám, thì ông này cũng chỉ có nhiệm vụ di chuyển cái tráp có khẳn đó, chớ không thể biết cái gì trong đó. Luật lệ nhà Nguyễn, từ thời Minh Mạng, dựa theo kinh nghiệm lịch sử về những tai họa do hoạn quan gây ra, không cho phép các thái giám "*dự vào phẩm cấp quan chế, để tỏ là không liệt vào hàng mão áo.... chỉ làm việc sai khiến trong nội đình và truyền mệnh lệnh mà thôi, phàm tất cả chính lệnh trong triều và việc ở ngoài, đều không được can dự chút nào...*" (Nội các Triều Nguyễn, Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ. [Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phiên dịch] Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1993, Tập 14, 229, 58-60, 214-7, 227-230; Trần Trọng Kim, op. *cit.,* 195) Mặt khác, ông Phạm Như Xương, người mà tin đồn nói là đã nhận bản sớ do Thái giám Phạm Tác đưa lầm, lúc đó thường làm một chức quan nhỏ trong Triều, như Biện lý dưới thời Kiến Phúc, chớ không có làm thượng thư bao giờ. (ĐNTL, XXXIII, 209; XXXV, 84, 224; XXXVI, 34) Hơn nữa, Đại Nam Thực Lục, cũng như Đại Nam Chính biên Liệt truyện, không hề xác nhận tin này ở một nơi nào, một tin rất quan trọng liên hệ đến vua và một phụ chánh, mà nếu có thật, Quốc sử quán có bổn phận phải ghi vào.

Mặt khác, vua Hiệp Hòa chắc hẳn đã biết ông Thành lúc đó đau ốm, già nua, và đã không còn giữ một chức vụ gì có thực quyền nữa, thì làm sao mà có thể giao cho ông thi hành lệnh giết ông Tường được. Ngoài ra, hẳn vua cũng biết rằng đức tính khoan hòa của đại thần Thành khó lòng làm cho ông ta trở thành kẻ thù không đội trời chung với hai đồng phụ chánh kia được. Vua cũng đã thấy rằng, sau khi Phụ chính Thành can ngăn việc truất phế ông Dục Đức không được, thì ông cũng liền uyển chuyển sát cánh với hai ông kia "cùng ký tên tâu xin ý chỉ của Từ dụ thái hoàng thái hậu truất bỏ đi" (ĐNTL, XXXV, 208).

Một dấu hiệu có ý nghĩa khác về việc Phụ chánh Thành không theo Pháp mà Vua Hiệp Hòa chắc đã cảm thấy, là phản ứng của ông Thành trong vụ Hiệp ước Harmand 1883, mà nhiều người cho là một hiệp ước đầu hàng. Sau khi quân Pháp đánh chiếm Thuận An, tuân lệnh vua Hiệp Hòa, mà ông Thành xem là một vị hoàng đế chính thống, ông chỉ nhận đảm trách việc mời GM Caspar cùng đi với quan Thương bạc Nguyễn Trọng Hiệp xuống Cửa Thuận để làm trung gian trong cuộc điều đình. (Đào duy Anh, loc. *cit.,* 133; Thơ ngày 5-9-1883 của GM Caspar gởi ban Quản trị Hội Thừa sai Hải ngoại Paris, MEP, Cochinchine septentrionale 02 1869-1885 0760, 276) Chính sử kể rằng Vua đã phải "*sai triệu gia hiệp biện đại học sĩ hưu trí là Trần đình Túc . . . cho lãnh thượng thư bộ Lễ sung chức toàn quyền*

*đại thần" để cùng với ông Nguyễn Trọng Hiệp là Thượng Thư bộ Lại và Cơ mật viện đại thần, để đi đến sứ quán Pháp bàn định và ký hòa ước. Việc xong thì ông Túc được cho về hưu trí lại ngay.*" (ĐNTL, XXXV, 224-5) Lập trường chống Pháp của hai ông Tường, Thuyết đã rõ, Vua đã loại họ ra rồi, nhưng tại sao Vua không dùng ông Thành là Đệ nhất Phụ chánh để lo việc ký kết với Pháp, nếu như ông quả là người thân Pháp và về một phe với vua Hiệp Hòa và các hoàng thân? Như vậy danh chính ngôn thuận biết mấy, thay vì phải triệu ông Túc, đã về hưu rồi, ra để làm việc đó. Việc này có thể có nghĩa là Vua đã sai ông Thành mà ông đã tìm cách tránh né, vì, cũng như hai ông kia, ông không tán thành việc đầu hàng Pháp. Trước mệnh lệnh của một ông vua chính thống, nhưng muốn đi với Pháp, trái với di mệnh chống Pháp của Tiên Đế đã ủy cho mình là Cố mạng Lương thần, cũng như chính lòng ái quốc của mình, ông Thành có thể đã dứt khoát lựa chọn, cũng như ông đã thẳng thắn từ chối tham gia vào việc truất phế Vua Hiệp Hòa với hai ông Phụ chánh kia sau đó.

Ngoài ra, nếu quả ông Thành có cùng các hoàng thân và Vua Hiệp Hòa âm mưu đi với Pháp, thì lúc công việc vỡ lở, ông, với tư cách Đệ nhứt Phụ chánh, phải là người biết mình có tội nặng nhất và trốn xuống Cửa Thuận để được người Pháp che chở như các vị hoàng thân kia. Hơn nữa, nếu ông còn tại chức và tham gia vào âm mưu này thì ông phải còn ở trong thế mạnh, và đã có lính tráng bảo vệ chỗ ở và tính mạng, làm sao mà ông Hồng Chuyên có thể mang bộ hạ đến nhà giết ông một cách dễ dàng như vậy? Đằng này, ông vẫn điềm nhiên ở nhà, vì ngay tình cho là mình chẳng làm gì nên tội; nhưng rồi việc này lại được một số sử gia giải thích ngược lại, rằng là vì ông biết mình có tội nên nằm chờ chết! Nguyễn Văn Tường, người đã cho ông Thành là "*người có khí lượng... xét kỷ thì tựa có nghi ngại, e sợ,... **nên thu nén chẳng dám nỗ lực đảm đương,***" như đã nói trên, chắc hẳn đã thông cảm nỗi lòng của bậc đàn anh của mình.

## 6. Hai ông Tường, Thuyết không có ám hại vị Phụ chánh đàn anh

Hơn nữa, việc hai ông Tường và Thuyết không có ý ám hại ông Thành không những được chứng minh do việc ông Hồng Chuyên, trong nhóm hoàng tộc cuồng nhiệt chống Pháp, tự ý giết ông Thành vì hiểu lầm ông, mà còn được nhận thấy trong việc Triều đình, do hai ông "quyền thần" điều khiển, đối xử với ông Thành sau khi ông mất. Nếu quả vị Đệ nhất Phụ chánh có đi với Pháp, thì ông đã phải bị truy xử tội phản quốc, tư thông với địch, tức là bị xử chém, như các ông Hồng Sâm, Hồng Phì , Hồng Tu, hoặc ít nhất bị truất hết quan tước, bổng lộc, và bị tội đồ, trượng. Đàng này, ông không bị truy tố gì về việc phản quốc theo Pháp, mà chỉ bị tố cáo lần thứ nhì về tội cố ý đọc di chiếu sai lầm vào thời Dục Đức, mà chính ông đã nhìn nhận và xin gánh chịu mọi hình phạt cân xứng (Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 146). Và, theo đề nghị của hai ông, vị cố Đệ nhất Phụ chánh chỉ bị vua Kiến Phuc phạt một cách lấy lệ, rất nhẹ, là giáng xuống làm Binh bộ Thượng thơ:

"*[Vua] lại giáng Cần chánh điện đại học sĩ cố là Trần Tiễn Thành làm Binh bộ thượng thư. **Trước kia, Tiễn Thành can khoản tuyên đọc di chiếu, trải giáng lưu hai cấp [Đêm 30 tháng 10 năm trước bị cướp giết chết].** Đến lúc này Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết tâu lên cho là quá nhẹ, bèn chuẩn giáng xuống hàm ấy và chiểu theo hàm mới và cấp tuất." (ĐNTL, XXXVI, 68,* NQT nhấn mạnh)

Bản án này rất có ý nghĩa, nó minh xác rằng ông Thành chỉ có lỗi đọc di chúc sai, vì ở trong một tình thế nan giải, và như vậy, phủ nhận việc ông đã hợp tác với các hoàng thân để đi với Pháp. Bản án rất quan trọng đối với lịch sử quốc gia trong trường kỳ, vì nó minh oan cho Phụ chánh Thành, rửa sạch cho ông cái tội phản quốc theo giặc. Nó nên được xem như là một thủ pháp mà hai ông Tường, Thuyết dùng để minh oan cho bậc đàn anh, trong tương quan "hòa nhi bất đồng" giữa những người quân tử. Nó không phải là một hành vi trả thù, trong tương quan "đồng nhi bất hòa" giữa những kẻ tiểu nhân, như một số sử gia đã thường nói. Một lý do khác nữa, dễ làm cho đời sau hiểu lầm Phụ chánh Thành, là việc ông Nguyễn Hữu Độ, lúc mới được người Pháp đưa lên cầm quyền, đã xin vua Đồng Khánh cho vị cố Đệ nhứt Phụ chánh được "truy phục nguyên hàm và chiếu lệ cấp cho tiền tuất" (ĐNCBLT, tập 4, 171; ĐNTL, XXXVII, 56), như là một cách để đồng hóa ông Thành về với phe mình, hầu qui tội cho hai ông "quyền thần," và đem lại một chút chính nghĩa cho hành vi thân Pháp của mình. Tuy nhiên, ông Silvestre, vị quan Pháp đỡ đầu cho nhóm ông Độ và vua Đồng Khánh, đã mặc nhiên bạch hóa cho ông Thành, vì viên chức thực dân nặng ký này đã không hề ca ngợi ông Thành,

như y đã ca ngợi các quan lại theo Pháp khác, mà chỉ phê bình ông như là "*... một ông già, tính tình dễ dãi, nhưng không có quyền lực.*" [un veillard, d'humeur facile, mais sans influence], và không kể công trạng gì của ông với nước Đại Pháp cả. (Silvestre, J., *Politique francaise dans l'Indochine Annam, Extraits des Annales de l'Ecole des Sciences politiques [du 15 juillet 1895 au 15 janvier 1898], VIII, 163)*

Triều đình, trong đó hai ông Tường và Thuyết làm "quyền thần," cũng đã đối xử rất trang trọng với vị phụ chính quá cố trong lễ mai táng, trái với lời xuyên tạc của nhiều sử gia. Ông Đào Duy Anh, một học giả khả kính và là cháu rể [lấy cháu nội của vị phụ chính là bà Trần Thị Như Mân], khi viết về vị phụ chánh, dựa vào gia phả và Đại Nam Chính biên Liệt Truyện, đã kể:

"*Vào tháng 12. ... Gia đình [*phụ chính Thành, NQT ct.*] nhận 700 quan tiền phụ cấp cho việc tống táng. [ ] Vào tháng 2 năm Kiến Phúc thứ nhứt, triều đình tham gia vào lễ mai táng bằng cách cử hai quản vệ, ba suất đội, một trăm quân bộ và thủy, một chiếc thuyền lớn có mui để chuyên chở quan tài, và bốn thuyền hộ vệ. Thi hài được chôn cất ở một nơi đất núi ở thôn Nguyệt-Biều, huyện Hương Thủy, ở chỗ mà họ Trần đã chọn lấy lúc sinh thời.*" (Đào Duy Anh, *loc.cit.*, 154, NQT dịch và nhấn mạnh)

Chung qui, cái chết oan nghiệt của ông Trần Tiễn Thành là do một sự hiểu lầm nhau giữa các phe phái cùng yêu nước, nhưng khác nhau ở phương lược đấu tranh, trong thời ly loạn. Việc nhà chí sĩ Phan Bội Châu, vì bị ảnh hưởng của cuộc chiến tranh chính trị của Pháp, đã hiểu lầm hai ông Tường và Thành cùng bà Từ Dũ, và đã mạt sát các người này là phản dân hại nước như thế nào, có thể cho ta một ý niệm về tính cách trầm trọng của những sự ngộ nhận này. (Sào Nam Phan Bội Châu, Việt Nam Vong quốc sử. Nguyễn-Quang-Tô phiên dịch và chú thích. Sài-gòn, Xuất-bản Tao-đàn, 1969, 28-9) Ông Thành đã bị một nhóm chống Pháp cuồng nhiệt trong hoàng tộc ám hại, nhân vụ đảo chánh vua Hiệp Hòa, vì tưởng lầm là ông theo Pháp. Ông Hồng Chuyên, một thủ lãnh của nhóm này, đã đem người đến ám hại vị phụ chánh, ngoài ý muốn và sự hay biết của hai ông Tường, Thuyết. Ông Hồng Chuyên đã bị xử tử.

## 7. Sự xuyên tạc của sử sách thực dân về cái chết của Phụ chánh Thành

Mặc dầu vậy, biết bao nhiêu tin tức được người Pháp thực dân cùng với phe Việt theo Pháp tung ra và thêu dệt, vì mục đích chính trị, đã bóp méo tất cả, hầu qui trách cái chết của ông Thành vào hai ông phụ chính đàn em. Về việc mai táng ông Thành, chẳng hạn, trái với sự xác nhận nói trên của người trong gia đình của vị cố Phụ chánh là học giả họ Đào, LM Delvaux viết:

"*... Sự khủng bố do Hoàng thân Thuyết và Phụ chính Tường đạt đến mức độ mà Trần Tiễn Thành, mặc dầu đã đảm nhận chức vụ Thái-sư [Grand Précepteur], Văn Minh và Phụ Chính, được chôn cất lập tức không một lễ lạc hay giúp đỡ.*" (*"Quelques précisions...", BAVH, loc. cit.,* 244-5, NQT dịch và nhấn mạnh)

Các sử sách khác thì càng khác biệt, mâu thuẫn nhau về việc phụ chính Thành bị giết cách nào và do chính tay người nào thực hiện, mặc dầu hầu hết đều cho là do lệnh của ông Thuyết, và có chỗ thêm vào, của cả ông Tường. Theo sử gia Phan Trần Chúc thì thủ phạm vụ hạ sát là lính "thủ hạ của Trương Văn Để, tay chân của Tôn Thất Thuyết" (Vua Hàm Nghi, op. *cit.*, 41). Theo học giả Thái Văn Kiểm thì "Các ông [Thuyết,Tường] đã gởi tay chân tên là Hầu Chuyên tới nhà ông Trần Tiễn Thành, 133 đường Gia Hội và đã ám sát ông này." ("Nước loạn canh tàn khóc bể dâu," Nhớ Huế, số 8, 1996, 91). Thuyết này của học giả Kiểm có thể đã được suy diễn dựa trên ba nguồn tin rải rác trong chính sử. Ở một chỗ, sử nói Hầu Chuyên cùng Phó Mã Đặng Huy Cát là người thân tín của ông Thuyết giao cho cai quản quân mộ dũng sau khi Thuận An thất thủ và trước khi vua Hiệp Hòa bị đảo chánh. (ĐNTL, XXXV, 256) Sau đó, chính sử nói hai ông [Tường, Thuyết] "*sai người đến giết Tiễn Thành ở nhà riêng... [ ]... ai cũng biết là do hai người ấy sai người giết, mà chả ai dám nói ra.*" *(ĐNTL, XXXV, 260)* Trong một nơi sau nữa, chính sử nói *"Hồng Chuyên có tội bị xử chém, Chuyên ... ngầm xui bọn đồ đảng giả làm quan quân sấn vào nhà cố thượng thư Trần Tiễn Thành cướp của cải." (ĐNTL, XXXVI, 101)* Dựa vào ba mẩu tin rời rạc đó, một số sử gia kết luận rằng hai ông Tường, Thuyết sai người thân tín của ông Thuyết là Hầu Chuyên đến giết ông Thành. Sự giải thích, mới nghe khá hợp khẩu, nhưng thiếu sự xác nhận của chính sử ở hai chỗ: một là chính sử không hề minh thị nói rằng ông Thuyết hay ông Tường, hay cả hai người sai ông Hầu Chuyên đi giết ông Thành, chỉ nói sai người, nhưng không nói sai ai,

người nào. Hai là khi nói ông Hầu Chuyên bị xử tử, vì đã giết ông Thành, chính sử không minh thị hay mặc thị nói là do mệnh lệnh, hay sự sai khiến của ông Thuyết hay Tường gì cả.

Nếu quả có lệnh của hai ông này, thì đây là một cơ hội ngàn vàng cho các sử quan để nêu rõ cái tội trạng của bọn quyền thần như lệnh trên đã ra, mà sử gia đã ghi trong phàm lệ viết sử (ĐNTL, XXVII, 20). Nếu quả có lệnh của hai ông thì tại sao ông Hầu Chuyên không khai ra để chạy tội cho mình, và khỏi bị xử tử? Và nếu có khai mà hai ông quyền thần nhẹm đi, hay sửa đổi bản án, thì thế nào sử cũng truy ra và có bổn phận tường thuật lại cho hậu thế. Thay vì vậy, các sử quan chỉ gán tội cho các ông "quyền thần" một cách bâng quơ, dựa theo tin đồn đãi, để thỏa mãn những đòi hỏi của cấp trên và thời thế mà thôi. Hơn nữa, thuyết này cũng mất hẳn giá trị, vì chính học giả Thái Văn Kiểm trong ngay bài khảo luận đó, đã phủ nhận nó khi nói rằng ông Thuyết sai người khác chớ không phải Hầu Chuyên đi giết ông Thành [có lẽ dựa theo Đào Duy Anh, loc. *cit.*, 153-4]:

"*Sau khi vua Hiệp Hòa bị bức tử, Tôn Quan Tướng cùng trong đêm ấy, sai một toán 'Phấn nghĩa đội' có giáo mác, do Hồng Hàng, Hồng Chức và Hồng Tế [cả ba đều thuộc hoàng tộc] đến chợ Dinh, Gia Hội áp vào nhà của phụ chánh ... Thành, lên lầu, có mang theo tráp sớ, tức là bản án kết tội, liền gặp họ Trần nơi thang gác đang đi xuống. Cả bọn xâm đến đâm chết Cụ ...*" (*Nhớ Huế, loc. cit.*, 102, NQT nhấn mạnh).

Trở lại với LM Delvaux thì lại khác nữa: "... *một toán quân 'Thân-Nghĩa' dưới sự chỉ huy của một kẻ tên Khai Phát xông vào nhà riêng của Trần-Tiễn-Thành ... và không đầy năm phút vị Văn Minh ngã gục vì bị đâm và mổ bụng...*" (Delvaux, "Quelques précisions...", loc. *cit.*, 244, NQT dịch). Câu chuyện càng trở nên huyền bí, với sự thêu dệt của LM Delvaux rằng bản án xử tử Hồng Chuyên là một sự dàn cảnh để hai ông phụ chánh chạy tội và làm vừa lòng Khâm sứ De Champeaux (Delvaux, loc. *cit.*, 245-7 ); và với sự chải chuốt của ông Phan Trần Chúc, như đã nói, rằng ông Hầu Chuyên tình nguyện chịu chết để cứu nước. Sự việc trở thành bí ẩn hơn nữa, khi hai tác giả này đều cho rằng Kỳ Nội Hầu Hồng Chuyên bị tội, vì đã nghe lời ông Thuyết đi diệt đạo, bất chấp sự ngăn cản của ông Tường, chớ không phải vì đã giết phụ chánh Thành! Hai tác giả, Delvaux và Chúc, như vậy đã gán cho Hầu Chuyên cái tội diệt đạo do người em ruột của mình là Hồng Thành phạm phải, và cũng cho là hai ông Tường, Thuyết ra lệnh cho ổng diệt đạo luôn, rồi xử tử ổng để ém nhẹm mọi tội lỗi của chính mình, một chuyện mà chính sử không hề xác nhận, hay nói bóng gió gì đến cả. Thật ra, trong vụ đảo chánh vua Hiệp Hòa, hai ông Phụ chánh chỉ cần giữ kín để tránh sự can thiệp của quân Pháp giúp phe theo họ trong lúc việc đưa vua Kiến Phúc lên thay vua Hiệp Hòa đang tiến hành, việc diệt đạo do Công tử Hồng Thành tự ý làm, không cần thiết gì cho kế hoạch thay đổi vua của hai ông. Đối với bên đạo, tối đảo chánh đó, ông Thuyết chỉ cần cho quân canh gác chung quanh chỗ ở của Giám mục Caspar, viện cớ giữ an ninh lúc tình hình khẩn trương, để mọi tin tức đảo chánh khỏi bị phía bên đạo tin cho tòa Sứ Pháp biết; và sự canh phòng này chấm dứt ngay sau khi vua mới được chính thức bầu lên. (Thơ ngày 10-12-1883 GM Caspar gởi Hội Thừa sai Hải ngoại Paris, loc. *cit.*, 277-1, 279-13) Việc tàn sát giáo dân của nhóm Công tử Hồng Thành đã không đóng góp gì tích cực vào sự thành công của cuộc đảo chánh, và còn gây rất nhiều khó khăn cho Triều đình vua mới trong việc bang giao với Pháp về sau. Đóng góp thêm vào những sự sai lạc bóp méo vừa kể, cuốn Liệt Truyện của Quốc sử quán, hiển nhiên là dưới áp lực chính trị, và vì phương cách trình bày theo thể tổng hợp không cho phép né tránh, chỉ tóm lược câu chuyện giống như trong một đoạn đầu của Thực lục, tức ám chỉ rằng hai ông Tường,Thuyết là thủ phạm vụ ám hại vị Đệ nhứt Phụ chánh, mà lại không đả động gì đến việc chính sử nói Hầu Chuyên giết ông Thành. (ĐNCBLT, Nhị Tập [Quyển 26-Quyển 46], 171) Sự bỏ sót, vô tình hay cố ý, một sự kiện chi tiết hết sức quan trọng như vậy, đã thay đổi hẳn căn nguyên của toàn thể vấn đề, và đưa lại một sự sai lạc quá lớn lao trong lịch sử!

Tóm lại, ông Thành bị giết một cách oan nghiệt, ngoài ý muốn của hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, do một sự hiểu lầm của phe Văn thân cuồng nhiệt cho rằng ông theo Pháp. Những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được nói trên, đã chứng tỏ là hai ông phụ chính đàn em đã không có ý muốn ám hại bậc đàn anh của mình một chút nào, vì tin rằng người này, mặc dầu không đồng chính kiến với mình, không hề có ý muốn cấu kết với kẻ thù chung, là giặc ngoại xâm, để chống lại đường lối kháng Pháp của phe mình.

# Thiên Nhiên

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

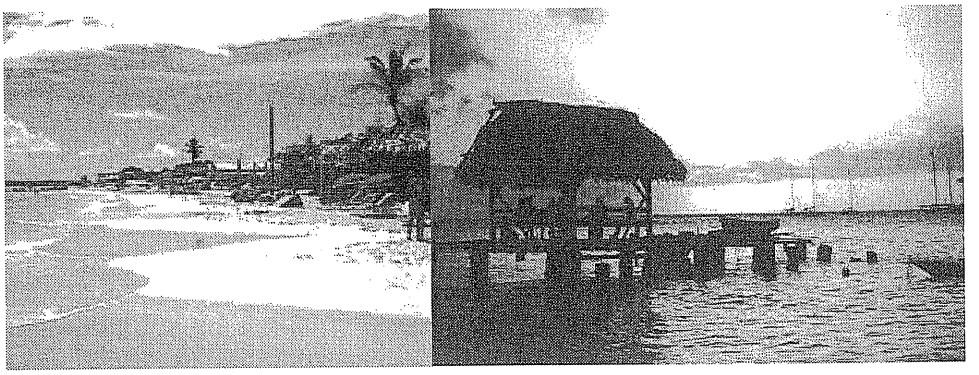

Tháng cuối năm vùng biển Caribbean khi thì im và lắng, lúc sóng vời vợi dâng cao. Vào những ngày trở gió, từng bầy cá chuồn bay như hàng ngàn cánh bạc lấp lánh trong ánh mặt trời. Mỗi lần tàu cán ngang một bầy cá chuồn, chúng giựt mình hốt hoảng bay phóng tua tủa rớt lên boong tàu trắng vã. Thủy thủ sách xô ra lượm đem vô làm sạch sẽ rồi đưa cho đầu bếp:

'Xếp, chiên xếp.'

'Dĩ nhiên.'

Gã đầu bếp lấy xô cá để lên bàn, già Luis với Jony đi vô lựa một vài con tươi đem ra sau lái lấy dao lóc thịt ăn liền. Jony xin nước tương chấm cá, già Luis thì không cần. Thấy già ngồi ăn cá sống, uống bia, gã đầu bếp mới lột vài tép tỏi, xắt mấy miếng chanh, trộn tiêu và muối để vô dĩa đem ra đưa cho già:

'Ông ăn chung với cái nầy cho đỡ tanh miệng.'

Già lắc đầu:

'Nature, nature.'

Hai tiếng thiên nhiên đã nhập vào đời sống của già Luis từ thâm căn cố đế nào đó. Sáng ra là thấy già cởi trần mang chiếc dao găm ngang hông, bận chiếc quần jean cắt ống cụt ngang đầu gối, viền ống râu ria tua tủa. Không cạo râu, không tắm rửa, không bận áo mỗi khi tàu đến vùng nhiệt đới, coi phim con heo, ăn cá sống... Đối với già tất cả đều là nature. Quê hương ở tận miệt biển trong vịnh Viscaya thuộc vương quốc Tây Ban Nha, suốt đời già sống trên biển nhiều hơn ở đất liền, đối với già Luis đồ biển nhiều thứ ăn sống được chớ không riêng gì cá chuồn. Jony người In Đô, trước kia có đi tàu đánh cá Nhựt Bổn nên học được cách ăn cá sống của Nhựt. Jony có thể ăn một hơi nửa kí cá tuna hoặc năm bảy con cá chuồn sống, vậy mà thịt bò bít-tết nó chê sống không dám ăn.

Rohai cầm chiếc chày đâm tiêu đi ra đưa cho già Luis. Thấy hai người ăn cá sống, nó chỉ tay lên đầu lắc lắc, day qua nói với gã đầu bếp:

'Coi hai người khùng.'

'Ai khùng?' Gã đầu bếp hỏi.

'Hai người ăn cá sống.'

'Thì đã sao?

Rohai cũng không biết trả lời sao. Jony nghinh mặt hách dịch:

'Đ.M. sống trên đời một miếng cá sống cũng hổng dám ăn thì lấy tư cách gì mầy chê cười người khác.'

Rohai biết mình hớ, nên nó vội xin lỗi hai người. Nó dặn già Luis với Jony uống ít thôi vì đêm nay tàu neo ngoài vàm sông Demerara thủy thủ phải chia phiên gác.

'Mày khỏi lo có già Nature nầy thì không thằng ăn trộm nào dám bén mảng xuống tàu đâu.' Già vừa nói vừa cầm chày đâm tiêu dộng cộp cộp xuống boong.

Chuyện thủy thủ đoàn canh gác mỗi khi tàu vô hải phận Guyana mới bắt đầu từ sau vụ xảy ra của chuyến trước.

Chuyện xảy ra vào buổi sáng, lúc phương Đông mây đâm ngang, chưn trời bàng bạc trắng và gió bấc phả hơi lạnh đều đều. Xa xa dải đất liền lờ mờ trong sương sớm, lốm đốm vài ánh đèn nấn ná như chưa muốn chia tay với bình minh. Hoa

tiêu hướng dẫn tàu chạy chầm chậm vô vàm. Đầu bếp đứng trên terras phía sau tàu, đây là chỗ đứng lý tưởng của gã mỗi khi rảnh việc, buổi sáng cũng như buổi trưa, buổi chiều và buổi tối, chỉ có chỗ nầy gã mới yên ổn nhìn cảnh vật chung quanh. Nước trong sông Demerara đổ ra pha nước biển gân lên màu cẩm thạch, tàu đạp nước vẽ lên hai lằn bọt trắng dài tít phía sau. Chợt nhiên từ trong làn sương mờ đục hiện ra một chiếc ghe máy chạy theo sau lái. Người đứng trước mũi ghe cầm đoạn dây đầu có móc, quây vung vút và quăng đầu dây phóng thẳng lên boong, hấn kéo sợi dây cho chiếc móc móc chặt vô thành tàu, lập tức ba người con trai ốm nhom như ba con khỉ đu dây leo thoăn thoắt phóng lên boong. Đầu bếp hốt hoảng chạy vô mui, quay điện thoại lên phòng lái

'Báo cáo thuyền trưởng có ăn trộm lên tàu!'

Thuyền trưởng báo với hai tên gác tàu. Hai tên gác tàu chạy ra bắn hai phát súng cũng vừa lúc chiếc ghe tháo dây vạt ra và nhấn hết ga vọt biến hút trong đám sương mù.

Mọi chuyện xảy ra chưa đầy mười lăm phút. Già Luis ra sau kiểm điểm đồ đạc, bị mất hai cuộn dây cột lái và một cái mô-tơ cuốn cầu thang, già lên phòng lái cự nự thuyền phó sao không cho người canh phía sau lái, vì già đã cảnh cáo trước ở vùng Nam Mỹ nầy trộm cướp như rươi. Già xồng xộc đi xuống hằn học với gã đầu bếp:

'Tại sao thấy ăn trộm mà mầy không chạy ra phang nó.'

Thấy già hầm hì như muốn ăn tươi nuốt sống gã đầu bếp, gã day qua nhìn già cười một cái và chỉ ngón tay thẳng lên trán già:

'Ông khùng rồi hả? Trong lúc ăn trộm đương hành nghề, chỉ có những thằng điếc không biết sợ súng mới dám chường đầu ra lãnh đạn, dây và máy mất bảo hiểm bồi thường cho công ty đầy đủ, chớ còn nhân mạng của những tên thủy thủ mạt rệp như bọn mình bị ăn trộm đâm hoặc bắn chết may mắn chỉ được cái hòm loại rẻ tiền thôi ông à.'

Nghe gã đầu bếp nói gương mặt hầm hừ của già Luis đột nhiên biến mất, già tươi cười: 'Mày nói đúng, mới bảnh mắt ra gặp chuyện nên giận quá tao quên. Xin lỗi.' Già chìa tay ra:

'Cho tao chai bia.'

Gã đưa cho già chai bia, già ngước cổ tu một hơi hết sạch. Bỏ chai vô thùng rác già nói:

'Tàu sắp sửa bỏ neo.'

Neo tàu xong thuyền trưởng xuống phân công bắt đầu từ bây giờ, mỗi khi tàu vô vùng nầy thủy thủ khỏi phải cạo sét sơn tàu, mỗi người chia phiên canh gác. Dùng gậy gộc, cán chổi làm vũ khí.

Hôm tàu trở lại Houston, đi mua sắm thực phẩm với gã đầu bếp trên chợ Việt Nam, thuyền trưởng thấy chày đâm tiêu của Việt Nam đầu bự, đầu nhỏ vừa nắm tay liền mua hai cái đem xuống tàu. Già Nature khoan đầu trên chiếc chày một lỗ và sỏ ngang một sợi dây da vừa ôm cổ tay để khi đập ăn trộm chày khỏi vuột. Đêm nay thủy thủ bắt đầu xử dụng vũ khí bằng chày đâm tiêu của Việt cải tiến.

Chiếc Elsa vô tới hải phận Guyana lúc năm giờ sáng. Thuyền phó đánh thức thủy thủ đoàn dậy chuẩn bị đón hoa tiêu. Tàu vô tới làn nước đục thì chiếc ghe chở hoa tiêu cũng vừa cặp lại. Có lẽ vì còn ngái ngủ nên thủy thủ đoàn thả thang dây ẩu tả sao đó để thang tuột làm hoa tiêu té xuống nước mình mẩy ướt như chuột lột. Gã hoa tiêu tức giận mặt hầm hầm đi vô tàu tìm phòng thay quần áo. Thuyền phó bị thuyền trưởng chửi. Thuyền phó chửi lại thủy thủ đoàn. Thủy thủ đoàn xanh máu mặt, thằng nầy đổ lỗi cho thằng kia và cãi vã nhau chuý choé. Tháp tùng với hoa tiêu có hai người chịu trách nhiệm gác tàu, một người mang túi quần áo, một người mang cây súng trường lót tót lên sau.

Tàu neo ngoài vàm chờ tới trưa nước lớn mới nhổ neo chạy vô Linden. Sông Demerara khúc ngoài sâu và rộng thênh thang, càng vô trong sông càng cạn và hẹp đủ để hai chiếc tàu buôn loại lớn chạy ngược chiều nhau. Thợ máy lấy máy thu hình ra quây cảnh thiên nhiên hai bờ sông. Cây thốt nốt và trúc xanh mọc hoang xen lẫn trong rừng cây tạp nhạp. Cách khoảng theo tán rừng những ngôi nhà sàn sơn xanh sơn đỏ, phía sau nhà chuối, dừa và vườn rau được nhà nông trồng ngay hàng thẳng lối. Mặt sông phẳng lặng, nước đục phù sa, vài đám lục bình, rác rến hững hờ trôi. Những hàng đáy được cắm vững vàng day miệng theo chiều con nước ròng, nước lớn. Những cô gái bận áo quần nhiều màu sắc ngồi sau lái cầm dầm bơi trên những chiếc xuồng con sơn màu xanh viền đỏ, chầm chậm xuôi ngược hai bên mé nước cạn hoặc những chiếc đò gắn máy trong lòng khoang chạy tà tà và nhiều xuồng thon dài gắn máy phía sau phóng nhanh như ca nô phả sóng trắng xóa. Con nít trên xóm đứa lội, đứa bơi xuồng ra giữa dòng giơ tay vẫy vẫy. Thủy thủ trên tàu gói kẹo, bánh, nước ngọt trong bọc cao su liệng xuống cho. Đám con nít bơi theo tranh

mấy gói quà chúng la ó vang dội mặt sông.

Tàu ghé cảng Linden lúc mặt trời sắp khuất xuống ngọn cây. Bến cảng nằm bên bờ sông vừa đủ đậu một chiếc tàu, sàn lót ván dầy, không có kè đá, người ta cắm cây xúc bên ngoài cho tàu cặp và dây được cột lên những cột trụ bắt dính vô mặt sàn. Không có cần cẩu nên trông bến trống trơn. Trên bờ hai dãy nhà thiếc nằm nép mình bên rừng cây tạp nhạp, có lẽ đó là những căn nhà dành cho nhân viên làm việc tại đây. Phía trời Tây, ẩn sau đám mây đen đậm hừng lên màu máu đỏ. Rừng cây nhiều lá vàng chen lẫn trong khối lá tươi xanh. Nhiều bầy chim rừng bay là đà trên ngọn cây tìm chỗ ngủ. Bầy diều hâu chưa chịu bay về ổ chúng dang đôi cánh rộng thả lơ lửng ngang lưng trời như điểm tô cho dòng sông thêm phần hùng tráng.

Trời nhá nhem tối, hai chiếc đò dọc chở đầy đàn bà và con gái cặp vào chiếc Elsa. Hai anh gác tàu thòng thang dây xuống cho các cô lần lượt leo lên. Một lát sau đàn bà con gái da đen và da nâu đứng đầy nhóc phía sau lái tàu. Thuyền trưởng hào phóng mở kho rinh lên ba thùng bia và hai thùng nước ngọt. Thủy thủ đoàn góp bia và rượu thêm vào chất thành một đống. Gã đầu bếp cắt phó mát, hâm xúc xít bày ra. Mọi người đứng vòng tròn dưới ánh điện vàng nhợt, khui bia lốp bốp mời nhau, các cô gái da đen bóng lưỡng mỗi khi cười nhe hàm răng trắng nhách. Khỏi cần đốt lên nhóm lửa hồng, trong ánh đèn điện vàng vọt, trông họ giống dân da đỏ cắm trại giữa rừng trước đây vài thế kỷ. Các cô gái khởi động uốn éo theo điệu vũ khỏa thân, vạch ngực trần, vén đùi cao, ôm các anh cọ xát thân hình. Già Luis ở trần giơ tấm thân đầy lông lá, râu ria phủ gần hết gương mặt. Già đi tới đi lui, rờ mông cô nầy, bóp vú cô kia, coi mòi già xông xáo còn hơn đám trẻ. Thủy thủ đứa tóc dài chấm vai, đứa đầu tóc bù xù, đứa cạo đầu trọc lóc mặt mày đã nhuộm màu rừng rú.

Sau khi lo cho đám thủy thủ xong xuôi thì đêm cũng dần lên, gã đầu bếp tách ra khỏi đám tiệc, gã cầm chai bia leo lên terras đứng. Trên sông lấp lánh ánh đèn của một chiếc xuồng câu, rừng thấp im lìm trong giấc ngủ. Nhìn đèn nhà vườn leo lét theo những tán rừng dọc hai bờ sông, làm gã nhớ quê hương ray rứt. Lâu lắm rồi gã chưa về thăm giòng sông cũ. Không biết trên dòng sông ấy các cô gái quê có còn bẽn lẽn vân vê tà áo thẹn thùng khi gặp người con trai lạ muốn làm quen. Cuộc sống lam lũ, mộc mạc nơi đó khác xa nơi nầy một trời một vực.

'Bếp, tao kiếm mầy nãy giờ.'

Đương vẩn vơ thả hồn về quê hương chợt nghe tiếng già Luis, day lại thấy già cũng vừa đi tới, gã hỏi:

'Kiếm tui chi vậy?'

'Mày còn Whisky không?'

'Còn, ông cần hả?'

'Ừa, cho tao mượn một chai.'

Gã ngửa cổ uống hết phần bia trong chai rồi liệng vỏ chai xuống sông.

'Ông theo tui.'

Gã vô phòng lấy rượu đưa cho già. Cầm chai rượu già nói:

'Mấy con nhỏ muốn uống rượu.'

Gã nhướng mắt mỉm cười:

'Thì cứ cho uống.'

Thấy gã ngồi xuống chiếc băng, già hỏi:

'Mày không xuống chơi sao?'

'Không, tui hơi mệt.'

'Vậy thì ngủ đi.'

Già Luis đi rồi gã vô phòng tắm đánh răng, rửa mặt xong gã lấy quyển sách leo lên giường nằm đọc.

Mỗi lần tàu ghé Linden, sáng nào gã cũng pha một ly cà phê bưng ra sau boong đứng, vừa nhâm nhi cà phê vừa ngắm mây xám đâm ngang phía trời Đông, sương mù đọng trắng trên mặt của dòng sông và lan tỏa trên dạng rừng cây tạp nhạp. Trên tàu yên ắng, gã đứng nghe tiếng thú và chim rừng đánh thức, gọi nhau đi tìm mồi.

Sáng nay gã định xuống phòng bếp pha cà phê. Nhưng khi bước ngang phòng ăn gã thấy từ trên mặt bàn cho tới sàn tàu đầy nhóc lon bia và lon nước ngọt, mùi hôi hỗn hợp bốc lên nồng nặc. Trong đám ngổn ngang bừa bộn và hôi hám, có một đứa con gái trẻ bận áo thun đỏ, cổ rộng xệ một bên ngực, bày ra gần hết chiếc vú căng tròn. Cô gái bận chiếc váy màu đen, chiếc giỏ nhựa màu ngà mang trên vai thòng xuống khỏi bắp đùi, đang nằm trên ghế, mặt ngước lên trần, miệng há hốc ngáy khe khẽ. Cô gái của miền sông nước Guyana mũi cao, mắt đen, chưn mày đậm, da nâu, lông tay, lông chưn rậm rì và cặp giò dài tỏa ra một sức sống mạnh mẽ và hứa hẹn những cuộc làm tình không biết mệt. Ở bên Âu châu thân thể nầy phải đặt trong căn phòng kiếng có đèn màu hồng mờ mờ, nệm, gối thơm tho, kẻ nào muốn thử một lần cho biết, phải mất từ trăm Euro trở lên. Thường thì các cô xuống tàu đứng cho các anh chọn, cô nào thừa ra có thể ngồi lại ăn nhậu

tới mãn tiệc mới về, nhưng sao hôm nay sót lại một cô nằm trong cái đám ngổn ngang hôi hám như vầy. Gã đi vô lắc lắc chiếc vai trần tươm mồ hôi rin rít của cô gái:

'Hello, hello, good morning, good morning!'

Cô gái giựt mình đưa tay vừa dụi mắt vừa nói:

'Buồn ngủ quá.'

'Sáng rồi, cô về nhà ngủ đi.'

Cô gái mở mắt hổng lên, giọng lè nhè, nói:

'Nhưng tui mệt quá.'

Gã phân vân, hổng lẽ để cô ta ngủ ngồi giữa ban ngày ban mặt trong phòng ăn như vầy coi kỳ quá, gã nói:

'Cô lên phòng của tôi mà ngủ.'

Cô gái đứng dậy mặt đờ đẫn giọng ngái ngủ:

'Phòng ông ở đâu?'

'Cô chờ một lát.'

Gã lên phòng, lấy bóp tiền nhét túi quần, đồ đáng giá và máy móc dồn hết vô tủ khóa lại. Gã trở xuống kêu cô gái:

'Cô đi theo tui.'

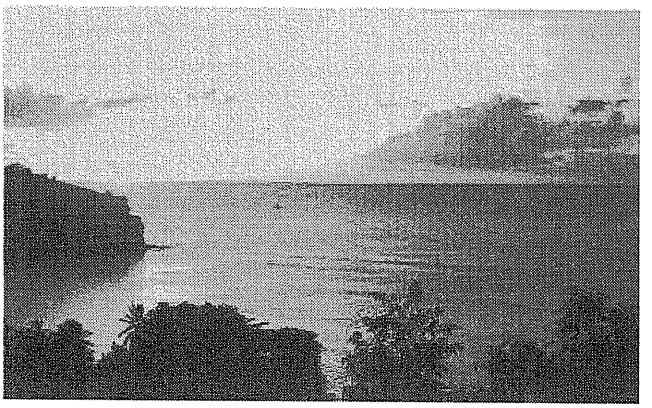

Sau khi đưa cô gái lên phòng gã trở xuống bếp, trong lúc pha cà phê gã mới giựt mình nhớ lại, hồi mới đổi về tuyến đường nầy, mỗi lần ghé đây, đêm khuya gã thường bị đánh thức bằng tiếng gõ cửa, gã không bao giờ mở. Đến khi các cô hè nhau đập cửa rầm rầm, buộc lòng gã phải mở cửa ra năn nỉ các cô đi chỗ khác, nhưng các cô cứ nằng nặc đòi gã cho vô. Các cô nói, chỉ ngủ thôi hổng làm gì cũng được. Nói chơi không! Gã thừa biết các cô vô được rồi đâu có để gã nằm yên ngủ một cách dễ dàng. Cuối cùng gã phải lo lót thuốc lá và bia rượu cho tên gác tàu, nhờ hắn ta can thiệp dùm. Ấy vậy mà có khi nào gã ngủ được một giấc cho ngon. Chốc lát lại nghe tiếng giựt nước rào rào, tiếng cười, tiếng nói, tiếng la oai oái, tiếng chưn rầm rập giống y như chó rượng đực tháng bảy. Hôm nay mắc chứng gì gã đem lòng tốt ra đối xử với cô gái nầy. Rước cô ả vô phòng rồi làm cách nào trục ra đây? Trong lúc miên man lo tới cái hậu quả không lành có thể xảy ra thì già Luis từ trên phòng lộp cộp đi xuống. Già nhìn vô phòng ăn thấy giống như kho chứa đồ phế thải, già đưa nắm tay kẹp ngón cái vô ngón giữa làm dấu tục gặt gặt, già chửi thề:

'Goddamn! Biết ăn nhậu, biết làm tình nhưng không biết dọn dẹp.'

Gã nhìn già lắc đầu:

'Thôi ông à, lâu ngày lênh đênh trên biển, ghé bến được vài ngày cho tụi nhỏ xả hơi với chớ.'

Nói là nói vậy, thật ra gã thừa biết hồi hôm cái mặt râu của già cũng có tham dự trong cái đám xô bồ xô bộn kia. Gã rót cà phê ra hai tách, bỏ đường, sữa rồi đưa qua già một tách :

'Mình ra sau lái ngồi uống cà phê đi, tới giờ làm việc bắt tụi nhỏ dọn dẹp năm mười phút xong ngay.'

Vừa bưng tách cà phê đi theo gã già vừa càu nhàu:

'Chỉ có hai thằng già mình lo, chớ tụi nó mà lo cái gì.'

Già Luis lớn hơn gã một lớp người, thân thể già sắp bệ rạc, đã vậy còn mang tật ghiền rượu. Mỗi khi say già nói năng bậy bạ làm đám trẻ không kính trọng, chúng đòi đập già hoài. Hồi tàu mới ghé, già cá với bọn nhỏ, thằng nào cắt được lông lồn của mấy con xuống tàu già thua một kết bia, bằng không thì mỗi thằng chung già một kết. Hôm qua tụi nó đem lông lại đòi bia. Già nói không phải lông lồn già không chung. Tụi nhỏ hăm he đòi thủy táng già. Thấy vậy gã đầu bếp mới lấy bia của gã đưa cho tụi nó, nhưng tụi nó không lấy. Gã kêu tụi nó tha cho già phen nầy. Thật ra thì tụi nhỏ hù già chơi cho bỏ ghét, chớ chúng cũng thừa biết bia rượu già mua hàng tuần hổng đủ cho già uống thì lấy đâu già chung. Nhờ được bọn trẻ thương nên chúng chịu lắng nghe gã. Già biết vậy nên mỗi lần gây chuyện với xấp nhỏ là già chạy vô phân trần với gã, để gã dàn xếp với chúng. Nhìn già giống như người tiền sử. Gã nói:

'Từ mặt mày cho tới mình mẩy ông lông lá phủ đầy, chỉ trên trán còn trống, ông định lấy lông gắn lên đó chắc.'

Vậy mà già còn ngoan cố đứng giải thích cho gã đầu bếp nghe sự khác biệt giữa lông với tóc của đàn bà. Già quả quyết mấy đứa nó chơi gian, không muốn chung bia cho già nên mới cắt tóc

của mấy con nhỏ đem lại gạt già. Đến một nơi đĩ điếm lúc nào cũng sẵn sàng, ai có tiền bỏ ra muốn làm gì trên thân xác các cô cũng được. Trong lúc làm tình tụi nhỏ chụp hình, quay video đủ cách đủ kiểu, huống hồ chi chuyện lấy kéo cắt vài ba nhúm lông. Tuy nhiên gã đâu lạ gì cái tánh bướng bỉnh rất nature của già nên chẳng cần đôi co với giả làm gì.

Tánh thiên nhiên của già không thể nào gần gũi được đám trẻ già mới đeo theo gã. Để cho có tình thân, già thường dùng câu 'hai thằng già mình' mỗi khi nói chuyện. Gã day qua nói với già:

'Nhưng mấy thằng nhỏ cũng đâu có thằng nào được khoẻ.'

'Có sướng thì có mệt.'

'Dĩ nhiên, nhưng hồi trẻ thì mình cũng vậy thôi ông à.'

Chợt nhiên già day ngang nói:

'Hồi nãy tao thấy mầy dẫn một con vô phòng.'

Gã đầu bếp chỉ tay vô cái đống xô bồ xô bộn trong phòng ăn, nói:

'Tui thấy ả ngồi ngủ trên cái đống rác kia, tui mới kêu lên phòng cho ngủ nhờ.'

'Tao trông con nhỏ cũng được mắt.'

'Đẹp, chớ được gì, mấy thằng nhỏ bộ xỉn hết rồi sao mà không lấy con nhỏ bốc lửa.'

'Say khướt còn biết đẹp xấu gì nữa.'

'Ông thấy nó đẹp thì cứ tự nhiên đem nó về phòng.'

Già đưa một ngón tay lên giữa miệng:

'Suyt! mầy đừng nói với ai.'

Gã đầu bếp đương suy tính làm cách nào để tống khứ cô gái, nhân cơ hội nầy gã chộp ngay:

'Được, trưa nay ông đem cô ta về phòng mặc sức cho ông cạo lông mà chẳng tốn lon bia nào.' Già cười sằng sặc làm hàm râu quai nón của già run run.

Suốt buổi sáng gã đầu bếp nấu nướng phân phát đồ ăn cho hơn hai chục mạng làm gã mệt đừ, mồ hôi hột đổ ra ướt hết chiếc áo thun. Gã lên phòng thấy cô nhỏ đã thức từ hồi nào, cô nhỏ mới vừa tắm, đầu tóc còn ướt, bận chỉ có chiếc áo thun và quần lót, trời nóng nực, trông cô nhỏ mát mắt liền. Cô ta ngồi bên bàn phì phèo thuốc lá. Thấy gã vô cô ta than đói bụng. Gã xuống múc cơm và thịt đầy một dĩa đem lên đưa cho cô gái.

'Nè, cô ăn xong rồi đi qua phòng ông Luis.'

'Không.'

'Sao vậy? Cô không cần tiền à?'

'Ông Luis hôi rình.'

'Ông ta là người của thiên nhiên nên không cần tắm rửa, cô đem ổng vô phòng tắm rửa sạch sẽ ổng trở lại người bình thường thì hết hôi chớ gì.'

Cô gái đưa ngón tay trỏ ra dấu quặt lên quặt xuống nói:

'Nhưng con "gà cồ" của ổng hết ngóc nổi.'

'Sao cô biết?'

'Hồi hôm tui ở phòng ông ấy.'

Té ra hồi hôm già đem con nhỏ vô phòng, vậy mà sáng ra già tỉnh khô làm như không biết gì hết. Thật ra thì nghề làm đĩ xứ nào cũng có, ở đâu cũng vậy, hễ rớ tới đĩ thì phải sòng phẳng chuyện tiền bạc. Nhưng đĩ điếm xứ nầy xuống tàu ngoài chuyện kiếm ăn, kiếm uống, kiếm tiền còn đòi phải thỏa mãn dục vọng nữa. Già Luis đã bệ rạc lại thêm tật ghiền rượu, bữa ăn nào thiếu rượu, tay chưn già run bần bật đến đỗi cầm nĩa xỉa thịt đưa lên miệng, miếng thịt không vô miệng mà trợt lên gò má. Lậm rượu tới mức đó ôm con gái có nước móc moi chơi cho đỡ thèm chớ làm ăn được khỉ khô gì. Thủy thủ nào thường đi tuyến đường Nam Mỹ cũng nghe câu chuyện về một anh thủy thủ say rượu quắc cần câu không đáp ứng tình dục cho cô gái. Giữa khuya, cô ta nổi khùng lên lấy dao lắt cu anh nọ liệng xuống sông. May cho già Luis, gặp tay con nhỏ nầy còn hiền nên bỏ xuống phòng ăn ngủ, chớ phải như cô nhỏ trong câu chuyện vừa kể thì chắc chắn cái "củ từ" của già đã bị cắt liệng xuống sông cho cá rỉa. Chuyện thường đem kể trên hội quán hoặc lúc nhậu nhẹt để đưa cay. Tuy nhiên khó mà lường trước được trong đêm đương ngủ, chợt giựt mình đau đớn với máu me đầy háng. Sau khi xe cấp cứu chở vô nhà thương băng bó, sáng ra biết mình đã trở thành thái giám. Nghĩ tới đây cũng đủ ê ẩm hạ bộ rồi. Gã nói với cô gái:

'Tui cũng như ông Luis vậy thôi.'

Gã day ngang mở tủ lấy khăn, áo sửa soạn đi tắm, cô gái bước tới vừa thoa thoa hai bàn tay vô cặp mông của gã vừa nói:

'Tui tắm cho ông.'

'Không được, cô dùm ơn ăn cơm xong rồi đi dìa cho tui còn nghỉ ngơi.'

Gã đẩy cô gái ra, đi vô phòng tắm đóng cửa, khóa lại.

Tắm rửa thay quần áo xong trở ra. Gã thấy dĩa cơm còn y nguyên trên bàn, còn cô nhỏ thì nằm trần truồng trên giường. Thấy gã ra cô gái quỳ lên tay thoa cặp vú, tay vuốt chùm lông đen mượt quăng queo phía dưới bụng, thân hình uốn éo mặt ngước lên khiêu gợi giống như mấy cô gái trong sex-shop. Cô gái chồm qua ôm gã. Gã giựt mình

đưa tay chống đỡ vô tình chạm phải trái ngực mềm mại và không tránh được cái hôn bất ngờ. Sẵn trớn cô ta câu cổ gã cứng ngắc. Gã đẩy cô gái ngồi xuống giường, nâng cằm cô gái, nhìn thẳng vào đôi mắt đen huyền. Gã chưa kịp mở lời thì bất thình lình cô gái ngã người ra sau, kéo gã trườn tới, nguyên người gã ngã sấp đè lên mình cô ta. Tự nhiên gã đầu bếp cảm thấy máu trong người chạy rần rần, người nóng ran và hơi thở bắt đầu nặng nhọc, da mặt gã căng lên, toàn thân gã đồng loã với tiếng kêu của cô gái.

... Gã đứng dậy đi vô phòng tắm lấy xà bông rửa hai bàn tay và rửa cái "ngã" đã làm nhốp nhúa chiếc quần lót gã mới thay. Sau khi thay quần sạch sẽ gã trở ra. Cô gái ngồi dậy đến bên gã rờ rẫm, hỏi:

'Ông không làm tình sao?'

'Dĩ nhiên là không.'

'Tại sao?'

'Tui không có gì cho cô đâu.'

'Không sao.'

Cô gái đưa tay mò xuống dưới dạ bụng của gã. Gã đỡ tay cô gái:

'Này cô nhỏ, tui không làm tình với cô được đâu.'

'Có phải ông đã làm tình với mấy đứa ở bến khác?'

'Không mắc mớ gì tới cô.'

Mặc kệ cô ta nài nỉ, gã lấy áo quần thẩy lên người cô gái:

'Cô bận quần áo vô rồi đi dìa cho tui còn phải nghỉ ngơi.'

Cô gái để quần áo lên băng, đứng dậy đi vô phòng tắm, cô không đóng cửa, tự nhiên ngồi xuống đái xè xè vô bồn cầu, xong cô ta xối nước rửa ráy mình mẩy, trở ra bận áo, quần. Trước khi ra khỏi cửa cô hỏi xin tiền đi đò. Khi cô gái đi rồi gã leo lên giường ngả lưng nằm thở một hơi dài, coi như xong cái của nợ. Gã nằm ngay ngắn và bắt đầu đều hoà hơi thở. Trong lúc mơ màng, gã chợt nhớ quên vặn đồng hồ báo thức. Gã vói tay lên đầu nằm quờ qua quờ lại nhưng chỗ để đồng hồ trống trơn. Gã lồm cồm ngồi dậy tìm vẫn không thấy, có lẽ cái đồng hồ đã đi theo cô gái mất rồi. Gã nằm xuống nhắm mắt. Chợt nhớ lại hồi sáng nầy gã thấy cái giỏ xách da của cô gái xẹp lép, nhưng sao hồi nãy nó lại phình ra như có chửa. Gã nghi ngờ ngồi dậy lấy chìa khoá mở tủ. May quá, máy móc đồ đạc còn nguyên. Nhưng khi mở tủ trong phòng tắm thì xà bông gội đầu, bàn chải, kem đánh răng dự trữ và cái máy cạo râu đã được cô gái dọn sạch bách.

Sáng sớm hôm sau tàu khởi hành. Hổng biết mắc chứng gì mà già Luis ngồi cú rủ trong phòng ăn bảng mặt như thụng mất trong hàm râu quai nón, trông già giống như con khỉ đột ở rừng núi Châu Phi, ai hỏi gì già cũng hổng trả lời mà gừ gừ trong cổ họng như chó gặm xương. Đợi mọi người ăn xong đi ra hết, già mới bưng tách cà phê vô phòng bếp mếu máo nói với gã, hồi hôm ăn trộm vô phòng già lấy máy móc, đồng hồ và số tiền dành dụm mua computer cho con gái già đã bị lấy hết:

'Mất hết không còn một xu hùmm... '

Già gầm lên như cọp gầm rồi khóc hu hu như con nít. Gã đầu bếp mỉm cười, lên giọng xỏ lá:

'Ông cẩn thận lắm mà, chày đâm tiêu sản xuất ở Việt Nam đâu ông không đem ra khệnh ăn trộm, tối ngày cứ lo nhắc người nầy, nhở người kia coi chừng trộm cắp sao ông không giỏi coi chừng của ông đi.'

'Bốp!'

Bất thình lình già chọi tách cà phê vèo qua ngang đầu gã va vô vách bể nát. Già vừa đi ra boong vừa chửi gã đầu bếp om xòm. Ai tới đây trước sau gì cũng nếm mùi hở ra bị chôm, lơ là bị chộp ít thì dày, dép, nhiều thì đồ đạc đất tiền. Người cẩn thận lúc nào cũng kè kè chìa khóa trong mình mà còn bị lừa huống hồ chi già. Khi uống rượu say để cửa phòng toang hoác, còn già thì nằm chò co trên băng nệm miệng há hốc ngáy khò khò, ai rinh già liệng xuống nước già cũng chẳng hay nữa nói chi đến tiền bạc và đồ đạc.

Lần nào cũng vậy, tàu đậu vài ngày, khi ra khơi, đám nhỏ thằng nào cũng sạch túi, nhưng đối với chúng tiền bạc không thành vấn đề, miễn là được hưởng thụ. Ngoài những khoái lạc thể xác ra, chúng còn dùng máy chụp điện tử chụp trong lúc làm tình chứa nghẹt cái laptop và thu video sang ra đầy mấy cuộn băng. Diễn viên nữ trần trụi dang háng chổng mông, hình thù thì đen thui như tràm cháy, diễn viên nam say rượu quắt cần câu vậy mà cũng bày đặt hết kiểu nầy sang kiểu nọ cà hì, cà học, cà trật, cà vuột đóng phim con heo mà thằng cu tí quặt quà quặt quại giống như con gà chết trong khung cảnh bừa bộn vỏ chai rượu và lon bia. Ánh sáng không đều, người quay thuộc loại tơ lơ mơ, ống kính lúc lướt qua bên nầy, khi sang bên nọ nhanh như chong chóng, màn ảnh giựt giựt coi phát chóng mặt. Tác phẩm không đạt tiêu chuẩn phát hành chỉ ghi được có mỗi cái thiên nhiên trên sông Demerara. Thiên nhiên nơi nầy thì giống y chang ở quê của gã đầu bếp.

# Tình Yêu và Hoa Uất Kim Hương Đen

## TRẦN MỘNG TÚ

Tháng Hai chưa hết bàng hoàng vì mầu vàng của hoa Daffodil tan đi cùng với tuyết, thì tháng Ba hoa Đào đã tới, thời gian hoa Đào ở lại không lâu nhưng thật sự đã khuynh đảo cả không gian lành lạnh của chớm xuân, và chiếm đoạt hồn người. Nó tô hồng, chuốt lục cho mùa xuân, và để lại những mầm sống trong cả những đời cây mục nát. Khi gió thổi tung những cánh hoa nhỏ mầu hồng bay phủ kín mặt đường làm thành một dòng suối hồng chẩy loanh quanh không thành tiếng trong làng, mầu hồng đào của hoa thật sự đã nhuộm hồng một mảnh đời nào đó. Hoa đến, hoa có mặt và khi hoa bay đi thì hồn hoa ở lại. Thi sĩ còn đang ngơ ngác vì bài thơ hoa đào mới làm chưa kịp dán lên cánh cửa, thì trong vườn nhà ai hoa Uất Kim Hương cũng vừa nhú lên mặt đất. Hầu như mỗi ngôi nhà đều có hoa Uất Kim Hương, một khóm trước mặt hay một vườn sau nhà, chỗ này mầu đỏ, chỗ kia mầu trắng, mầu tím chen với mầu vàng. Những nụ hoa như những búp sen, từ từ mở ra ban ngày, và khép lại buổi tối.

Có bao nhiêu loại hoa Uất Kim Hương, nào ai biết được? Người cưỡi ngựa xem hoa không phải là nhà nghiên cứu về thảo mộc. Chúng ta chỉ biết mỗi nụ hoa kia chứa đựng cả một trời bí mật, ngay cả người trồng hoa cũng không hiểu được. Nếu cúi nhìn vào nhị của từng bông Uất Kim Hương ta sẽ thấy chúng hoàn toàn khác nhau. Hoa mầu hồng, mầu đỏ sang trọng và rực rỡ, khác với hoa mầu tím than thầm lặng hay mầu hỏa hoàng đằm thắm. Hoa trắng nhị phơn phớp vàng trong khi bông Uất Kim Hương đỏ, hồng hay vàng thường có nhị đen. Những hoa cánh ngắn và tròn mầu vàng hay đỏ thường có nhị mầu tim tím. Đặc biệt hoa đen thì nhị lại lấm tấm như rắc vàng.

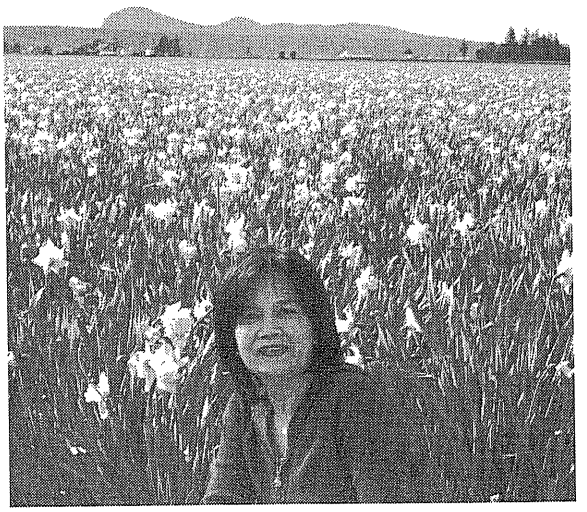

Hội hoa Uất Kim Hương của niềm Bắc Mỹ thường vào những ngày đầu tuần tháng Tư. Trên những con đường dẫn đến những cánh đồng hoa đông nghẹt xe cộ. Khách thưởng ngoạn xuống xe, đi rón rén trên những con đường đất sét sũng nước, những khăn áo gió bay phần phật như đi trên những bờ đê của quê nhà ngày cũ. Cánh đồng tím, cánh đồng vàng, cánh đồng đỏ, cánh đồng hồng chạy thẳng tắp tới chân núi mầu lam, nhìn ngước lên là một bầu trời xanh biếc và trong vắt, những đám mây trắng múa lượn, xô qua, xô lại rồi có khi dạt cả về một phía, nhường chỗ cho mặt trời nghiêng xuống với hoa.

Trên thì bầu trời lồng lộng, dưới thì bát ngát từng thửa ruộng hoa đủ mầu rực rỡ. Từng luống, từng luống hoa như những tấm thảm tung ra bốn phương, tám hướng. Thế mà tìm mãi không thấy một đóa mầu đen! Black Tulip là một đóa hoa rất hiếm! Nó không rực rỡ, không mời gọi, nhưng nó sẽ có mặt khi mình mong mỏi gặp, và nhận ra mình là người xứng đáng. Uất Kim Hương đen là một người tình tri kỷ thầm lặng.

Mỗi người yêu riêng một bông Uất Kim Hương, như yêu riêng người tình của mình. Chồng, vợ đôi khi (Chỉ đôi khi thôi nhé) chỉ là một cảnh đời phải sống, phải cưu mang không nỡ bỏ đi. Có người can đảm hơn chỉ đi tìm bông Uất Kim Hương của mình, dù có gặp trăm ngàn trở ngại. Họ đi tìm bông "Black Tulip". So sánh bằng mắt thường, nó không có mầu đỏ rực rỡ hay mầu hồng quý phái, nó không đẹp bằng mầu vàng vương giả, nhưng thực sự nó có chỗ riêng của nó.

Có thể nói nhan sắc của Princess Diana giống như hoa Uất Kim Hương hoàn hảo, cái quý phái của bông "Prominence"đỏ thắm và thanh cao của bông "Silentia" trắng muốt cộng lại mới xứng đáng với nàng. Nhưng tiếc thay, nhan sắc diễm lệ đó không thế nào thay thế được bông "Black Tulip" Camilla trong trái tim Thái tử Charles!

Một đám cưới hoàn toàn vì tình lại một lần nữa xẩy ra trong hoàng triều Anh Quốc. Có phải những người đàn ông trong hoàng tộc Anh này họ điều là những người sống chết với tình! Họ coi ngai vàng cung điện không bằng một bông Black Tulip (Một bông hoa đặc biệt giành riêng cho người biết chiêm ngắm và thưởng thức nó.)Họ sẵn sàng nếu phải từ bỏ hai chữ quân vương, sẵn sàng đứng sang một bên cầm tay người đàn bà mình yêu thay vì ngồi xuống ngai vàng.

Sau bao nhiêu năm tháng đợi chờ, sau bao nhiêu lời khiển trách, khen, chê. Cuối cùng họ hợp thức hóa được mối tình (mà một số người)cho là tội lỗi. Cái giá phải trả cho mối tình đó là hai vụ li dị, một người qua đời, bốn đứa trẻ (nạn nhân) của cả hai phía, và một thời gian sống trong tội lỗi. Họ đáng khen hay đáng trách? Chúng ta ở ngoài nhìn vào, chúng ta chẳng khác nào những người đến thưởng ngoạn hoa Uất Kim Hương vào mùa hoa nở. Ai cũng cho là phải những bông hoa to, mầu rực rỡ, thanh cao mới xứng đáng cắm vào những bình pha lê trong suốt, xứng đáng được trầm trồ khen ngợi, đặt vào đại sảnh. Nhưng có những ông hoàng đa tình lại cúi tìm một bông hoa rất hiếm, rất khiêm nhường về dung nhan, nâng lên cài trên ngực áo, bông Black Tulip. Người ta tìm được tri kỷ của mình trong giản dị và hiếm hoi.

Khi công nương Diana mặc những bộ quần áo chỉ một mình mình có, đeo những món nữ trang quý báu của hoàng gia trên mình, nàng đẹp như bông Uất Kim Hương. Nhìn nàng người ta tìm mãi không ra một tì vết nào, nàng là bông hoa tulip đẹp nhất trong cánh đồng tulip. Thế mà ông thái tử không thấy lòng giao động. Trong bao nhiêu năm đời sống vợ chồng, hai đứa bé lần lượt ra đời, người vợ quý phái trẻ đẹp đó vẫn chỉ là một cái tên gọi trong cung điện. Trong khi đó người phụ nữ khác kém sắc, hơn tuổi nàng thì thật sự mới là một người tâm đầu ý hợp, hiện diện ung dung, tự tại trong đời sống hàng ngày của chồng nàng.

Người ta nói với nhau rằng: Camilla là người xoa dịu được tất cả những phiền muộn, hạ được mọi cơn nhức đầu mà hoàng gia gây nên cho thái tử Charles, ngôi nhà của Camilla là nơi để Thái Từ Charles đến tịnh dưỡng cả tâm và thân. Nàng chính là một soul-mate, một hồng nhan tri kỷ của chàng. *Nếu bạn là Charles thì bạn có chọn Camilla không?*

Không ai hiểu được tình yêu của người khác, đừng dựng khuôn phép, đừng phê phán. Hãy đến thưởng thức cánh đồng hoa Uất Kim Hương vào ngày hội hoa, và tìm cho mình được bông hoa mầu đen( black tulip) trong rừng hương sắc đó.

Chúc bạn may mắn.

ĐẠM THẠCH

## *Những Đồi Trăng Mộng Mị*

***Tôi chết lặng, niềm đau còn giãy giụa***
***Đồi trăng xưa còn ủ cánh tay em***
***Đêm mơn trớn trái tim tôi ràn rụa***
***Em xanh xao nằm trải mộng nhung êm.***

***Kỷ niệm trôi, hay lần em từ biệt***
***Tôi mập mờ ham hố giữa hư vô***
***Da thịt em, môi măng tìm ngậm nghiệt***
***Căng đầy hồn những bạo liệt nhám, thô.***

***Em đau đớn sao mỉm cười tự kỷ***
***Vẫn dang chân cho gỡ gạc săn tìm***
***Và tôi đó, những dối gian thủ thỉ***
***Em giả nghe, đã để lỡ một lần thêm.***

***Đã trót để tấm tình si bi lụy***
***Khi mất em tôi đã thấm đòn đau***
***Em thật xa đồi trăng xưa mộng mị***
***Còn lại mình tôi ngồi đếm kỷ niệm nhau.***

# Trầm luân

## NGUYỄN HIỀN

Dằng dai đến tháng thứ sáu thì vợ chồng Thuận đã mất kiên nhẫn và cùng đi đến quyết định là phải chỉnh đốn lại bàn thờ. Chỉnh đốn hiểu theo nghĩa của hai vợ chồng là thay pho tượng Phật trên bàn thờ bằng một pho tượng khác hợp thời trang hơn. Chỉ khổ cho pho tượng, nếu gỗ đá cũng có linh hồn thì hẳn nó cũng đang lo cho số phận mình, chẳng biết sẽ đi về đâu.

Nếu nói là cả hai cùng đi đến quyết định thì cũng không đúng lắm. Thực ra là vợ Thuận quyết định, như đã từng quyết định những chuyện quan trọng hàng ngày. Thuận chỉ có một việc là chiều theo. Quyết định quan trọng độc nhất trong đời Thuận có lẽ là quyết định lấy Diễm làm vợ. Đây có lẽ cũng là quyết định quan trọng cuối cùng, bởi theo như miệng lưỡi người đời là vợ con chỉ làm hèn đi chí nam nhi. Có lẽ cũng vì cớ ấy, cho đến bây giờ, mọi chuyện trong nhà nhất nhất đều trông cậy vào hai tay và một miệng Diễm.

Nói đúng ra, việc 'chỉnh đốn' lại bàn thờ không phải hoàn toàn không có ý kiến của Thuận. Thực ra anh cũng thấy có cái gì đó không ổn, không hài hòa ở đám đồ vật chung quanh anh, theo ngày tháng, đã dần trở thành thân quen. Hôm đám cưới, dì Ba của Diễm mang từ trong nước ra cho hai người một pho tượng Phật làm quà. Pho tượng là nguyên một khối gỗ nâu sậm, được thợ khéo ra công chuốt, đánh bằng lá mít đến nhẵn bóng (dì bảo vậy), lại còn đính thêm một vòng hào quang có những bóng điện tí hon vàng và đỏ thay phiên nhau chớp tắt. 'Đồ này hiện đang mốt ở Việt Nam đó, dì cho hai cháu để bàn thờ, chưng vừa đẹp, vừa có Phật phù hộ hai cháu làm ăn phát đạt. Dì đã lên chùa thỉnh thầy Trí Huệ xin Phật gia ân rồi, tượng bán ngoài chợ có khi ma quỉ ám vô không tốt đâu cháu.' Có lẽ Phật phù hộ hai vợ chồng mới cưới thực, nên chỉ vài tháng sau Thuận đã xin được chỗ làm tốt hơn. Diễm cũng ra được cửa hàng bán đồ ăn dặm. Hai vợ chồng tậu xe, mua nhà, chỉ trong vòng bốn năm nhìn lại đã thấy bạn bè mình ở tuốt dưới xa ngước lên thèm thuồng.

*

Nhưng cũng chính vì vậy mà mới đâm ra cớ sự. Một tối, sau khi đã bật nhang và đèn cầy điện trên bàn thờ, đặt lên đó một dĩa trái cây mới mua ngoài chợ theo thói quen, Diễm bỗng buột miệng:

'Anh à! Mình để hoài bức tượng đó coi quê quá đi.'

Khi người ta buột miệng nói một điều gì, thì điều ấy luôn từ tiềm thức trồi lên, không gạn lọc, không sửa chữa. Nhưng vì vậy, thường làm người khác mích lòng.

Thuận cũng không thoát khỏi những qui luật trần tục như thế. Anh đỏ mặt nạt ngang:

'Bậy nào! Tượng để bàn thờ đâu có phải muốn thay là thay như thay áo được đâu.'

'Hôm qua con Hồng nó sang đây chơi, nó nói với em: trong nhà mày cái gì cũng xịn, chỉ có cái bàn thờ là đồ mã.'

'Em mà nghe nó có ngày bán lúa giống mà ăn. Con quỉ ấy lúc nào cũng muốn kê mỏ vô chuyện người khác.'

'Thì em đã nói với nó là thời này ai cũng chơi nhang điện, đèn cầy điện hết. Bên nhà con Bé Tư chồng nó còn mua thêm cái timer có vô chương trình sẵn, tới mồng một và rằm là tự động bật đúng từ sáu giờ sáng đến chín giờ khuya, em thấy nó cũng tiện. Hay là mình mua một cái để khỏi mất công coi ngày...'

'Anh thì anh để nhang đèn tối ngày sáng đêm hoài, khỏi mất công tắt.'

'Để như vậy nó giống nhà Tàu lắm. Mà coi nó u ám làm sao ấy. Nhưng thôi. Con Hồng nó nói với em là mày có cái nhà đẹp, đồ chưng toàn thứ xịn, chỉ có cái bàn Phật chớp đèn xanh đỏ là không giống ai.'

Cũng bằng chừng đó ý, nhưng lời nói được thêm mắm dặm muối đã trôi được một nửa. Thuận buông xuôi:

'Vậy em tính làm sao?'

'Em đã nói với con Hồng thấy có tiệm nào bán tượng lớn mà đẹp thì kêu mình đi coi. Không chừng để hè này mình về nhờ dì Ba dỉ coi mua

giùm cho mình, bằng không mình ghé Hồng Kông hay Đài Loan gì đó mua một cái. Tượng Phật mà mua tận gốc chắc chắn phải đẹp hơn đồ nhái lại anh há.'...

*

Thế là một ngày kia, sau khi bức tượng Phật mới đã được thỉnh lên bàn thờ cùng một bữa cỗ chay mời bạn bè, vợ chồng Thuận và Diễm trịnh trọng mang bức tượng có phần số hẩm hiu đến gặp thầy trụ trì ngôi chùa hai người thỉnh thoảng vẫn đến thăm vào những ngày rằm chính.

Diễm bàn với chồng:

'Để lần này em cúng trước một trăm đồng thì mọi chuyện sẽ êm đẹp, đầu xuôi rồi thì đuôi lọt được ngay.'

Thuận tiếp bằng bản nhạc ruột:

'Ừ thì em muốn làm gì đó thì làm.'

'Nhưng anh phải cất cái bản mặt hâm của anh đi, ra đường họ thấy họ lại nói em ăn hiếp chồng.'

'Ừ thì em tính làm sao đó thì tính, miễn là đừng để mình phải mang cái tượng về thì không ra cái gì cả.'

Anh chàng bồi thêm một phát: 'Sao em không xem bạn bè ai cần thì cho họ, khỏi phải mất công tính tới tính lui xem cúng một trăm hay cúng năm chục như mọi lần.'

'Em đã hỏi mấy con bạn rồi. Nhưng đứa nào cũng có bàn thờ, không thờ Phật thì thờ Chúa. Ai mà vượt biên lọt cũng phải vội vàng lập bàn thờ tạ ơn. Còn mấy gia đình bên Tiệp mới chạy sang tị nạn thì em không biết, nhưng anh đừng có láng cháng qua bên đó, mấy đứa bạn anh họ thấy họ đồn tùm lum lên thì tiệm mình có nước dẹp.'

Vợ chồng anh tiếp tục lái xe, không nhìn lại phía sau. Trên băng nệm pho tượng nằm lăn lóc. Nếu tình cờ ngoái lại, may ra họ chỉ thấy pho tượng tủi thân chảy nước mắt. Đọc tới đây có lẽ bạn sẽ nghĩ như vậy, nhưng từ xưa tới nay người ta chỉ thấy tượng Mẹ Maria chảy nước mắt. Bằng nước mắt, nỗi đau của con người được cất đi. Nhưng nỗi đau trần thế cũng giảm khi con người biết mang nụ cười vào đời. Pho tượng Phật tất hào quang néon thấm tư tưởng này, đã mỉm cười ở yên trong tư thế tòa sen trên suốt khoảng đường dài, mặc cho xe dằn, bỏ ngoài tai những lời toan tính trần tục.

*

Cũng may mọi sự xảy ra dễ dàng hơn hai vợ chồng đã nghĩ. Thầy trụ trì nhìn hai vợ chồng trẻ rón rén đặt pho tượng lên bàn, nhỏ nhẹ nói:

'Con đừng nên câu nệ tượng lớn tượng nhỏ. Phật ở trong tâm. Tượng chỉ là phương tiện, là một phần nhỏ trong Tam Bảo...'

'Nhưng thầy nghĩ coi. Chúng con ở căn nhà rộng rinh, tượng nầy nhỏ quá để trên bàn thờ huốt trong một góc không ai thấy hết. Thầy tính coi,' chị van nài. 'Nếu thầy để bức tượng nhỏ chút xíu trên bàn thờ trong chánh điện thì nó chướng mắt lắm, mà người ta thấy tượng nhỏ họ lại nói tới nói lui...'

Phải nói miệng lưỡi đàn bà... Chỉ một câu từ tốn đã dồn vị tăng mười mấy năm tu luyện đến một tình thế khó xử. Hoặc giả trên con đường tu tập không có những khóa học dậy cách đối phó với những mánh khóe điên đảo ngoài đời. Thầy ngần ngừ trước một tình thế nan giải, trước một nan đề chưa ai đặt ra với thầy. Bởi vì, khi mới nghe ban trị sự bắn tin khởi công khơi mở lại cảnh chùa lớn hơn và có ngăn nắp hơn, một Phật tử mộ đạo đã khẩn khoản xin thỉnh cả một bộ ba tượng

TUỆ SĨ

## TÔI VẪN ĐỢI

*Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải*
*Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng*
*Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi*
*Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng*

*Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió*
*Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa*
*Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử*
*Dài con sông tràn máu lệ quê cha*

*Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ*
*Quên những người xuôi ngược Thái Bình Dương*
*Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa*
*Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương*

*Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng*
*Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu*
*Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng*
*Như sương mai, như ánh chớp, mây chiều.*

**Saigon 78**

cũ của chùa, Phật Thích Ca, Quan Âm và Di Lặc, để mang về giữ làm kỷ niệm. Đổi lại, gia đình đó đã chịu một nửa kinh phí mua và chở bộ tượng mới, thếp kim nhũ, đặt thợ làm từ Hồng Kông, chưa kể một mâm sen Bạch Ngọc đem thả xuống hồ.

Tội nghiệp cho Thuận và Diễm. Họ chưa có gì để nổi tiếng ngoài mấy món đồ ăn vặt bán cho một dúm khách bụng bự quen ăn quà chợ. Bức tượng của họ, vì thế, giá cũng chẳng hơn được lũ tượng đất nung sờn sứt bày ngoài chợ đồ cũ bao nhiêu.

Cũng may bác Thọ, ông già lụm cụm, người giữ việc coi sóc ngôi chùa, làm những chuyện lặt vặt tình nguyện như nhổ cỏ, thổi cơm... đang ngồi tiếp nước, đã nhanh trí đỡ lời:

'Thôi nếu hai cháu đã thỉnh tượng mới rồi thì cứ để Phật ở đây,' bác nói một cách thành kính như sợ phạm thượng. 'Để bác hỏi những người mới đến quy y, thế nào cũng có người cần.'

Vợ chồng mừng rỡ cám ơn, ríu rít dắt nhau ra về. Xe chưa khuất, thầy trụ trì đã cau mặt nhìn bác quản chùa:

'Bác nhận như vậy rồi cất chỗ nào đây?'

Thầy đang nghĩ đến chuyện trong tương lai không khéo Phật tử khi nghe chuyện này đồn ra, họ sẽ dùng ngôi chùa làm chỗ tống khứ đồ tế tự thì thật phiền. Bác Thọ đoán được ý thầy, thưa:

'Chuyện đó để con tính. Thầy khỏi lo. Con cất nó dưới nhà hậu, chừng có dịp tuần chay thế nào cũng có người hỏi...'

*

Tuy thế bức tượng để trong nhà kho chùa đã trải qua mấy mùa Phật Đản, Vu Lan, rồi mấy bận rằm tháng giêng, tháng mười trôi qua không ai thăm nom đến. Cho tới một hôm, tình cờ trong câu chuyện sau buổi lễ cầu siêu, các bà từ chuyện đạo nhảy sang chuyện đời, so sánh đạo Phật với đạo Thiên Chúa. Một bà hỏi bác Thọ vì sao thầy không làm phép hôn phối như cha sở nhà thờ. Nghe bác hỏi tới, bà kể:

'Tôi mới làm đám hỏi cho con bé nhà tôi, bên đàng trai họ tính năm tới thì rước dâu. Tôi chỉ muốn chúng nó cưới sớm chừng nào hay chừng nấy. Nếu bên Phật mà mấy thầy cũng chịu đi làm phép cưới, tụng kinh cho bọn trẻ thì nói gì nó chẳng nghe. Tôi chỉ sợ chúng nó hư, thời này mới nứt mắt chưa gì đã ngủ với nhau.'

'Nhưng còn hơn để thằng rể tương lai của bà đi ngủ lang rồi sau này đổ bệnh cho con vợ nó,' bà bạn ngắt lời.

Bác Thọ bỗng trực nhớ ra pho tượng Phật bỏ lăn trong hậu liêu. Được dịp, bác nói:

'Trong chùa có cái tượng Phật của một Phật tử để lại cho chùa giữ. Chị có muốn thỉnh thì nói với thầy một tiếng.'

Bác dắt bà tín chủ xuống gian nhà ngang cất bên hông chùa, bên trong lỉnh kỉnh đồ làm vườn chung lộn với đồ nấu tiệc. Chiếc hộp carton được mang xuống, nét chữ bằng mực bút nỉ bên ngoài còn nguyên như mới: 'Tượng Phật.' Bác mở hộp, kính cẩn lấy pho tượng ra, se sẽ thổi bụi và đưa cho bà nọ:

'Bà về lấy nước chùi lại là nó sạch bóng như mới liền. Của hai vợ chồng ông đó, nhờ có bức tượng mà họ ăn nên làm ra...'

'Sao họ không giữ mà lại cho đi?' bà kia ngần ngại hỏi.

'Họ không ở đây nữa,' bác Thọ nói, dường như vì thấy kết quả sắp tới bác đã quên cả giới thứ tư. 'Mà thường thì khi người ta thành công rồi lại hay quên ơn người đã giúp. Đời mà chị.'

*

Thế là pho tượng đã có chủ mới. Thùng phước sương cũng được lót thêm ít tờ bạc. Bác Thọ mừng rỡ. Chiều đó bác định làm một món gì ngon dâng thầy, nhưng cả đời bác chỉ quay trong vòng dăm bảy món: hết đậu hũ kho tương chung với cà rốt, mì căn xào măng thì tới canh trái su bắp cải. Đồ chay khó làm tiệc hơn đồ mặn. Thế là bác đành quay lại bản cũ: một đĩa gỏi chay, một tô canh cà rốt củ cải và một ơ nhỏ dăm miếng tàu hũ chiên, kho với đu đủ xanh xắt quân cờ. Hai thầy trò im lặng ăn, mùi hương phảng phất từ chánh điện đưa xuống dẫn cả hai tâm hồn theo ngõ của ý. Bác Thọ tưởng đến nét hớn hở của bà khách khi mang bức tượng đến nhà cậu con rể tương lai, như một thứ bùa trấn yểm, để những chuyện bậy bạ ngoài ý muốn của bà sẽ không xảy ra. Còn vị đại đức. Ông đang suy tư về những hệ lụy giữa đạo và đời, hai phạm trù cần nương tựa vào nhau, không thể tách lìa. Cũng như ông và bác Thọ. Cả hai đều cần đến nhau. Không có ông, chắc bác Thọ giờ này đang quay cuồng theo những toan tính người trần. Không có bác Thọ, chắc giờ ông cũng vẫn còn tiếp tục ngồi thiền trên căn gác nhỏ, cả chuông lẫn mõ đều phải ngậm giẻ tránh làm phiền hàng xóm. Chân lý mầu nhiệm nhưng đơn giản ấy, giờ như mới thấm vào tâm của vị sư già.

Chỉ riêng pho tượng trên đường về chỗ mới vẫn nguyên vẻ hồn nhiên, nụ cười muôn thuở vẫn như dạo nào, không thay đổi, dù chỉ một nét nhỏ.

# Mưa ngoài song cửa

HÀ ĐẠO HÀM

*Em tìm hơi chàng thở,*
*Chàng ơi chàng có hay !*
Nguyễn Nhược Pháp

Bạn bè trong sở thúc dục đến dự tiệc tiễn đưa Tạo đi nhận nhiệm sở mới nhưng tôi nhất mực từ chối , viện lý do chồng tôi đi công tác , không có ai ở nhà trông con . Nga nói :

- Chị đi cho vui , dù sao ông Tạo làm việc chung với tụi mình đã lâu và cũng khá thân tình!

Hảo thì bảo :

- Em thu xếp đến chơi , cũng là dịp để gặp mặt anh chị em trong sở , lâu lâu mới có một lần. Sao không gởi mấy đứa nhỏ cho ông ngoại coi dùm?

Tôi nói dối :

- Ba em đi thăm cháu nội ở Mỹ tho chưa về chị ạ!

Thắng chen vào :

- Chị Nhạn cố gắng đến nghe, không có chị mất vui đó!

Sơn phụ họa :

- Phải đó , không có chị Nhạn là không được đâu, nhân vật quan trong nhất mà thiếu thì còn gì bữa tiệc

Tôi cười đáp :

- Bộ mấy ông coi tôi là hề hay sao?

Hưng vội chống chế :

- Không phải vậy đâu, chị đừng hiểu lầm, nhưng ở đây ai cũng mến chị nên không có chị thì bữa tiệc không còn vui nữa .

Tôi biết những cảm tình tốt đẹp mà các bạn trong sở dành cho tôi, thật sự tôi có thể đi được nhưng từ chối vì việc Tạo ra đi đã khiến tôi buồn nhiều, tôi chỉ sợ không giấu được xúc động thì mọi chuyện sẽ trở nên phức tạp. Nhưng khi ở nhà tưởng tượng bạn bè đang vui đùa tôi lại cảm thấy tiếc, rồi bâng khuâng ngồi nhìn những hạt mưa tuôn bên ngoài cửa sổ, miên man nghĩ về cuộc đời mình.

Tôi trưởng thành trong một gia đình bình thường, ba tôi là công chức hạng trung, mẹ tôi cũng có trình độ học vấn tương đối khá so với

người cùng thế hệ của bà, không khó khăn cho việc kiếm một việc làm, nhưng bà chỉ ở nhà lo việc nội trợ, lo cơm nước cho ba tôi và ba chị em tôi. Một phần do đồng tiền lúc đó có giá, lương của ba tôi đủ nuôi sống gia đình, một phần có lẽ mẹ tôi không thích dưới quyền của ai vì bà là trưởng nữ của ông Tri huyện; người mà tôi được gọi là ông ngoại.

Phía nội của tôi bao nhiêu đời là nông dân cha truyền con nối, nhưng đến đời ông nội tôi thì không biết lý do nào lại cho ba tôi đi học. Cũng may là ba tôi sáng dạ, học đâu thuộc đấy, thi đâu đậu đó. Trong lúc xã hội còn trọng vọng người có chữ, người dân còn kính nể khúm núm trước người có quyền thế, vậy mà ba tôi ung dung bước từ nông dân qua một giai cấp khác một cách khá suông sẻ làm cả ông nội và ba tôi vui thì cũng có vui nhưng đâm ra nghi ngại. Theo lời ba tôi kể lại, khi xong trung học, ông được nhận vào học trường Canh nông khoá đầu tiên, lúc đó phải ra Hà Nội học. Đến đây mới là khúc quanh của cuộc đời của ba tôi. Bao nhiêu đời nay gia đình chưa ai đi ra khỏi lũy tre làng đến trăm cây số, bây giờ nghe phải đi ra tận Hà Nội, cách xa cả ngàn cây số là một điều chẳng bao giờ tưởng tượng, lại lo không có tiền ăn học, vì vậy ba tôi không tiếp tục cho dù lúc đó thời gian học chỉ có khoảng hai năm. Ở lại quê nhà, ông xin vào làm việc cho Huyện, bắt đầu cuộc đời công chức.

Mặc dầu đã có một thời gian ăn học ở Saigon, tánh tình ba tôi vẫn chất phác thật thà của một nông dân. Đối xử bình dân lễ phép với xóm giềng, mặc dầu được mọi người tôn trọng. Với ông Tri huyện và cả gia đình ông ta thì ba tôi rất mực ngưỡng mộ, con cái của ông ta một điều cô hai điều cậu và coi như một giai cấp mà còn lâu mới với tới được. Gia đình ông tri huyện ở Sài Gòn, con cái đều được đi học trường Tây, chỉ khi nghỉ hè thì ông mới đưa gia đình về huyện. Những dịp như vậy ba tôi có thêm một việc khác đó là dạy học cho các cậu ấm cô chiêu trong mấy tháng hè. Cũng chính vì sự học hành này đã tạo nên một mối tình lãng mạng giữa một anh nông dân quê mùa và con gái thành thị văn minh theo tây học. Đối với ba tôi, đây là hạnh phúc của chú cuội mà lấy tiên nga, còn mẹ tôi thì đây là tình yêu của Tiên Dung dành cho Chữ Đồng Tử. Cưới nhau xong, ba tôi xin chuyển về Sài Gòn làm việc. Chị em tôi lần lượt ra đời ở thành phố Sài Gòn văn minh náo nhiệt nên không mấy để ý đến quê nội là đất Hóc môn Bà Điểm. Vả lại, thời gian đó vấn đề giao thông còn thô sơ, cách nhau vài chục cây số đã thấy xa xôi lắm.

Cho đến khi trưởng thành, tôi hiểu rõ hơn tánh tình của mẹ tôi, bà là người nhiều tham vọng, độc đoán. Trong gia đình mẹ tôi là người quyết định mọi việc, còn ba tôi với bản chất hiền lành, không có ý kiến gì trái ngược nên đôi lúc tôi cũng phải ngạc nhiên và tức tối cho ông khi bị mẹ tôi lấn lướt quá nhiều. Ông mang sẵn mặc cảm tự ti đối với mẹ tôi ngay từ những ngày đầu, thời gian đã tạo thành nếp, không xoá đi được. Ngược lại, mẹ tôi sớm tiếp xúc với một thực trạng không như ý mình khi tình yêu sôi nổi qua đi. Ba tôi quá chất phác thật thà đã không thoả mãn được những tham vọng của mẹ tôi. Nhìn chung quanh bạn bè của mẹ tôi lấy chồng là ông này ông nọ trong khi ba tôi xuất thân chỉ là một thư ký tầm thường. Chỉ sau này trong quá trình làm việc, vì có sẵn trình độ nên ba tôi được cử đi học thêm chuyên môn để cuối cùng trước khi về hưu ông cũng chỉ là một chủ sự phòng hành chánh. Cuộc đời ông như một chiếc thuyền thả trôi theo dòng nước phẳng lặng, chẳng mấy khi ông phải dùng sức lực để định hướng con thuyền. Càng về già, tánh tình của mẹ tôi càng khó khăn nóng nảy, và dĩ nhiên những người trực tiếp chịu đựng là ba tôi cùng mấy chị em tôi.

Khi chị em tôi còn nhỏ, lên năm lên mười thường chịu đựng sự khắc khe, roi vọt của mẹ tôi, nhưng lúc đó còn non dại nên cũng chóng quên, đến khi trưởng thành thì khác. Người đầu tiên muốn rời khỏi gia đình là chị Hai của tôi, thi xong tú tài một là chị kiếm việc đi làm ngay khi mới mười tám tuổi. Qua đến năm hai mươi tuổi, do quan hệ trong công việc, chị tôi gặp và yêu thương một người đàn ông đang làm cho một hãng Mỹ ở Nha Trang. Hai người lấy nhau và chị tôi theo chồng về sống ở miền biển xanh cát trắng. Anh Ba tôi sau khi thi đậu tú tài liền xin theo học trường sĩ quan Hải quân. Ra trường, anh sống lênh đênh với những con tàu, nhưng chắc chắn nó phải được định hướng chứ không thả nổi trôi như cuộc đời của ba tôi. Anh Ba rất thương tôi, thường gửi thư cho tôi, mỗi khi tàu cặp bến xa xôi anh đều kiếm mua cho tôi những món quà lạ cũng như khuyến khích tôi trong chuyện học hành. Tôi cũng không có ai thân thiết bằng anh để tâm sự những chuyện vui buồn, chị Hai tôi thì bận bịu với chồng con. Trong nhà bây giờ chỉ còn lại một mình, dù không còn bị roi vọt như lúc nhỏ nhưng lúc nào tôi cũng sợ mẹ tôi. Nỗi sợ ám ảnh triền miên suốt thời

gian tôi sống với gia đình.

Mỗi năm chị Hai tôi thường đem mấy đứa cháu về thăm ông bà ngoại một đôi lần. Nhưng gia đình tôi vẫn thường xuyên liên lạc được với chị qua Dũng, một nhân viên lo về vật liệu làm dưới quyền của anh Hai tôi. Dũng thường về Sài Gòn để nhận hàng hoá cho hãng rồi chuyên chở ra Nha Trang. Tôi vẫn thường gặp Dũng ở nhà mỗi khi đem quà của chị Hai tôi gửi về, hay lúc mẹ tôi hay tôi gửi những thứ mà chị cần hoặc quà cho các cháu. Tôi chỉ nói chuyện với Dũng những khi cần thiết như dặn dò hàng dễ vỡ hay phải đưa ngay... còn bình thường chỉ gật đầu chào hỏi xã giao đôi ba câu là xong. Sau những lần tiếp xúc với gia đình tôi, mỗi lần về Sài Gòn ngoài việc đưa quà cho gia đình, Dũng còn mua thêm cho ba má tôi vài món quà đặc sản, và có lúc cho tôi vài món đồ chơi làm bằng vỏ sò hay san hô. Dũng không phải là loại đàn ông đẹp trai, người mập mạp và hơi thấp, Dũng cũng không có điểm gì đặc biệt để tôi phải chú ý và chỉ xem như một người quen của gia đình. Không biết lý do tại sao tôi lại không thích lắm những cái tên như Dũng, Cường..., vì tôi nghĩ nếu tên như vậy mà bản chất ngược lại thì xấu hổ quá!

Năm học đệ nhất, trong khi theo học lớp luyện thi ở một trường tư thục, tôi được sự chú ý của Văn, người thầy trẻ dạy lý hóa. Lúc đó tôi đã mười chín tuổi nhưng cũng còn ngây thơ, chưa nghĩ gì chuyện yêu đương, nếu có cũng chỉ thoáng qua thôi. Một phần do sống trong khuôn khổ từ nhỏ, tôi không dám đi ra khỏi khuôn khổ đó dù tinh thần hay thể xác, một phần có lẽ do di truyền tánh thụ động của ba tôi muốn việc gì đến sẽ đến. Thuở ấy khoảng cách mà xã hội dành cho học trò và thầy giáo còn khá cách biệt, tôi không có một ý nghĩ nào khác ngoài tình thầy trò dành cho Văn. Những hành động của Văn như sau khi hết giờ học thường tìm cách đến gần tôi, hỏi thăm vài câu ngắn về bài tập có khó không, thầy giảng như vậy có hiểu không..., cũng không làm tôi để ý mà chỉ cho là chuyện tình cờ và bình thường. Đến buổi học cuối cùng, trước khi chia tay chúc nhau may mắn trong kỳ thi Văn mới tìm cách nói chuyện với tôi lâu hơn, hỏi thăm tôi học trường nào, nhà cửa ở đâu...

Hôm tôi đi xem kết quả thi vừa về đến cửa nhà thì Văn cũng xuất hiện và nói ngay:

- Đậu rồi phải không ? Thầy mừng cho em.

Tôi vui mừng lễ phép đáp :

- Ủa! Thưa thầy, dạ đúng, em đậu rồi thầy ạ! Nhưng sao thấy biết?

- Thầy vừa ở trường về ngang qua đây thì gặp em, trên trường cũng có danh sách trúng tuyển nên thầy biết.

Tôi ngần ngại vì chưa đủ thân mật nên chẳng biết có nên mời Văn vào trong nhà hay không, đứng ngoài đường thì không được lịch sự lại cũng ngại má tôi bắt gặp sẽ la mắng. Dù tôi chưa lần nào bị la vì chuyện này nhưng vẫn thường nghe má tôi nói về những người con gái khác được bà dùng danh từ: "... đứng hóng chuyện với trai..." Hôm nay có lẽ đang vui vì chuyện thi đậu nên tôi mạnh dạn nói:

- Nhân tiện mời thầy vào nhà em uống nước. Mà nhà thầy cũng gần đây hay sao?

- Cám ơn em , để lúc khác chứ bây giờ thầy bận công chuyện, nhà thầy cũng gần đây. Thôi chào em nhé. À này, em tính lên đại học học ngành gì?

- Em tính học Văn khoa, nhưng mới tính vậy thôi.

- Việc này quan trọng cho cả cuộc đời, em phải suy nghĩ cho kỹ nghe.

- Dạ, em nhớ lời thầy, xin chào thầy.

Từ đó, thỉnh thoảng tôi gặp Văn đi ngang nhà, mỗi lần như vậy cũng trao đổi vài câu xã giao thăm hỏi.

Thi đậu xong tôi cũng đắn đo không biết học ngành gì, có người khuyên học Dược nhưng chẳng hiểu sao tôi không thích ngành này, học sư phạm cũng vậy. Ba tôi nói đùa:

_Thôi con học luật đi, mai mốt ra làm tri huyện giống ông ngoại! Hay học hành chánh giống ba!

Cuối cùng thì đại học là học đại, tôi ghi danh học kinh tế ở trường Luật.

Học xong năm thứ nhất, rồi qua năm thứ hai. Cuộc sống của tôi vẫn êm đềm trôi, chỉ ngoài xã hội có nhiều thay đổi nhất là cuộc chiến càng ngày càng lan rộng. Anh Ba tôi được đi tu nghiệp ở Mỹ, anh gửi những hình ảnh chụp bên Mỹ làm tôi cũng mơ ước được đi xa như anh. Chị Hai tôi có thêm con nên càng bận rộn, Dũng vẫn thường ghé nhà nhưng tôi quan sát thấy ngồi chơi lâu và nói chuyện với mẹ tôi nhiều hơn, có ý đợi đến khi gặp mặt tôi mới ra về. Văn thì tôi gặp thường xuyên hơn, nhưng chỉ là vô tình gặp nhau trước cửa, trên đường đi học... Có một lần duy nhất ba tôi bắt gặp đang nói chuyện với Văn khi ông đi làm về, tôi giới thiệu hai người với nhau, ba tôi mời Văn vào nhà uống nước. Văn vào nhà nhưng có vẻ e ngại vì tư cách một người thầy phải giữ

một giới hạn đúng mức với học trò. Đó là lần duy nhất Văn vào nhà và gặp cả mẹ tôi. Ba tôi nói chuyện với Văn khá lâu và có vẻ ý hợp tâm đầu, một hành động tôi chưa bao giờ thấy xảy ra đối với Dũng. Tôi nghĩ cũng phải thôi vì dù sao Văn cũng có trình độ học vấn cao, trong khi Dũng chưa qua bậc trung học đệ nhất cấp.

Cũng từ ngày đó tôi cảm thấy thoải mái hơn mỗi khi gặp Văn , không sợ má tôi la rầy như trước. Có hôm Văn bắt gặp tôi đang trong tiệm sách Khai Trí, sau khi chào nhau, Văn hỏi:

- Em tìm mua sách gì đây?

- Dạ, cũng chẳng có chủ ý mua sách gì, em đi ngang qua ghé vào coi có sách gì hay thì mua thôi.

- Em có hay đọc tiểu thuyết không ? Thầy thấy có mấy cuốn sách của Hermingway và Emile Zola cũng hay lắm, ở đàng kia kìa. Vừa nói Văn vừa chỉ sang quầy bên cạnh.

- Em cũng ít khi đọc truyện dài. Em dốt văn chương lắm thầy ạ!

Văn cười nói :

- Thầy thấy ba em có vẻ biết nhiều các tác giả Pháp lắm, tưởng em cũng biết nhiều như vậy chứ!

- Tại Ba em học chương trình của Pháp mà, má em cũng rành tiếng Pháp lắm, chỉ có em là không biết gì, chỉ tạm tạm thôi!

Văn đề nghị :

- Em có bận gì không, nếu không thì thầy mời qua tiệm kem bên cạnh đây uống nước một lát?

Tôi ngập ngừng vì chưa một lần nào vào quán nước với một người đàn ông xa lạ, Văn thấy vậy nói thêm :

- Tiệm kem bên cạnh đây thôi, ngay góc đường chứ không xa đâu.

Tôi đồng ý rồi theo Văn vào tiệm kem Kim Hoa cạnh tiệm sách Khai Trí. Chúng tôi trao đổi với nhau vài câu chuyện vu vơ như chuyện học hành, chuyện mưa nắng... Được khoảng nửa giờ thì tôi nhìn đồng hồ rồi xin phép về. Văn hỏi dò:

- Em có hẹn với ai à?

- Dạ không, em về vì trễ rồi, sợ má em la!

Văn cười như vừa tìm được lý do ngây thơ của tôi:

- Lớn rồi chứ nhỏ dại gì nữa mà mỗi lúc mỗi sợ má vậy? Bộ má em... dữ lắm hả

Tôi cười chống chế :

- Dạ, má em... nghiêm lắm, ba em dễ chịu hơn.

Văn và tôi thường gặp nhau có tính cách "tình cờ" như vậy, tình cảm của Văn có lớn hơn thế nào thì lúc đó tôi không biết, chỉ nhận thấy Văn rất có cảm tình với mình còn tôi thì vẫn dành cho Văn lòng kính trọng của học trò đối với thầy. Người nhìn ra được nội tâm của Văn có lẽ là Ba tôi, ông vẫn thường hỏi tôi về Văn nhưng tôi cũng không biết gì nhiều để trả lời ba tôi cả.

Khi tôi bắt đầu học năm thứ ba thì mẹ tôi bị phát hiện ung thư tử cung. Cả nhà ai cũng lo lắng, nhất là ba tôi thì nỗi ưu tư hiện trên khuôn mặt, chị Hai và anh Ba về thăm mẹ tôi thường xuyên hơn nhưng đâu có thể ở lâu được. Chỉ có ba tôi và tôi thay phiên nhau ra vào bệnh viện. Văn biết tin cũng vào thăm mẹ tôi một lần, còn Dũng mỗi khi về Saigon đều ghé thăm. Khi bệnh càng ngày càng nặng mà nhà lại ít người, nếu có mặt Dũng ở Saigon, có lúc ba tôi phải nhờ đến Dũng trông chừng mẹ tôi vài giờ. Cả nhà vất vả với mẹ tôi được gần một năm thì bà qua đời. Mẹ tôi thở hơi cuối cùng có sự chứng kiến của chồng con bên cạnh. Ba tôi khóc nhiều nhất, cả cuộc đời ông chỉ thương yêu và tôn thờ một mình mẹ, cho dù lúc còn sống bà thường trút những ưu phiền bực bội lên người ông. Điều an ủi cho ba tôi là trước khi nhắm mắt, mẹ tôi đã nắm tay ông rồi dùng hơi tàn để kêu được một tiếng: "Mình...!" Nhưng mẹ mất đi cuộc đời tôi lại rẽ qua một lối khác mà trước đó tôi không bao giờ ngờ.

Những ngày cuối cuộc đời mẹ tôi cho biết Dũng tâm sự với bà là thương tôi nhiều lắm, bà khuyên tôi nên lấy Dũng, vì Dũng là người đàng hoàng, sau này biết lo cho tôi... Lời lẽ thốt ra từ những hơi thở yếu ớt của mẹ làm tôi xúc động nhưng tôi chống đối vì không nghĩ gì đến Dũng cả. Dù có nói thế nào mẹ tôi cũng không nghe, bà nói muốn nhìn thấy tôi lấy được chồng "đàng hoàng" trước khi bà nhắm mắt. Trong nhà ba tôi có vẻ không bằng lòng nhưng tánh ông thụ động không chống quyết định của mẹ tôi, chị Hai tôi có ý thiên về Dũng nhiều hơn vì lâu nay Dũng giúp bà được nhiều việc, còn anh Ba của tôi không biết nhiều về Dũng nên cũng không đưa ra ý kiến nào, chỉ bảo tuỳ tôi quyết định. Tưởng là chuyện sẽ qua đi nhưng trước ngày mất ba ngày, trong một lúc tỉnh táo mẹ bảo tôi không nghe lời thì bà chết sẽ không nhắm mắt, rồi khóc nhiều. Tôi xót xa quá nên nhận lời, hứa với bà sẽ làm đám cưới.

Thế là cả nhà gấp rút lo làm lễ cưới chạy tang. Thật ra thì cũng chẳng có lễ lạc gì cả, chỉ một mâm hoa quả đặt trên bàn thờ, Dũng và tôi cùng

khấn vái là xong. Không áo cưới, không xe hoa, tôi bước một bước từ thế giới này qua thế giới khác như trở bàn tay. Mẹ tôi cũng chẳng về được để tham dự vì đã yếu lắm rồi. Đám cưới chạy tang đối với đôi lứa yêu nhau đã là không trọn vẹn niềm vui, trường hợp của tôi lại càng thê thảm như một vở bi kịch lúc đến cao điểm của bi ai thì đâu đó chợt có tiếng cười đơn lẻ, nó nhạt nhẽo vô duyên làm sao ấy. Tôi thì bàng hoàng ngơ ngẩn còn Dũng có vẻ tỉnh táo hơn. Lúc đó tôi nghĩ lợi dụng trong những lần được nhờ trông chừng mẹ tôi, chắc Dũng đã gợi ý cho mẹ tôi về chuyện cưới xin này. Mẹ tôi dù sao cũng đã học trường Tây, chịu ảnh hưởng văn hoá của Pháp, tinh thần phải phóng khoáng hơn chứ sao lại có ý tưởng hủ lậu chậm tiến như vậy. Mãi về sau, tôi có hỏi thì Dũng cho biết chính mẹ tôi đề nghị với điều kiện Dũng phải hứa với bà là yêu thương tôi suốt đời. Hoá ra mẹ tôi vẫn không dứt được cái quan niệm cổ hủ đã ghi tạc qua bao nhiêu thế hệ. Lâu nay tôi chẳng có ác cảm gì với Dũng, suy cho cùng thì cũng vì yêu tôi, trách cứ một người quá yêu mình thì tôi không nỡ, nhưng thấy sự suy nghĩ hạn hẹp của Dũng làm tôi xót xa. Đêm động phòng tôi lạnh lùng nằm nhìn trần nhà, đau khổ nghe tuổi thơ qua đi. Cũng từ đêm nay chẳng còn "... mộng tràn gối chăn ..." thay vào đó bằng nước mắt đắng cay .

Khi mẹ tôi còn sống, bà quá nghiêm khắc khiến tôi cũng như anh chị tôi không có sự âu yếm gần gũi, khi bà mất đi thì để lại cho tôi một cuộc sống không như tôi mong muốn. Những lúc quá buồn cho thân phận mình tôi tự hỏi không biết mẹ có thật sự thương tôi không, hay còn một lý do nào khác nữa mà tôi không biết được. Có lẽ mẹ tôi đã chủ quan đứng về phía thế hệ của bà, khi xã hội còn chấp nhận chuyện đàn ông năm thê bảy thiếp để xét cho tôi hay thế hệ của tôi bây giờ. Dũng lo cho tôi từng li từng tí, giặt cho tôi cái áo ủi cho tôi cái quần, đi chợ nấu ăn... Nhiều lúc thấy sự suy luận đơn giản của Dũng là thương vợ phải làm tất cả cho vợ tôi thấy tội nghiệp quá. Người đàn bà cần ở người đàn ông những thứ gì khác hơn là chuyện nấu ăn giặt giũ quần áo. Mẹ tôi nhận xét đúng khi cho Dũng là người chồng tốt, nhưng tiếc thay tôi lại ở vào một hoàn cảnh khác, một thời gian khác và không gian cũng khác. Tôi chỉ còn biết thở dài khi nghe những người quen cũng như bạn bè đến chơi và nhất là những người lớn tuổi đều khen tôi có phước, được chồng lo cho tất cả. Dù sao mẹ mất tôi cũng buồn lắm, oán trách bà thì tôi không nghĩ như vậy, vì cho đến lúc mẹ không còn thì tôi cũng chưa hiểu được hoàn toàn con người của mẹ tôi. Biết đâu trong thân thể đã có mầm mống bệnh tật làm cho mẹ tôi khó chịu và trở nên khó khăn. Có thể đó là lý do duy nhất để bênh vực cho mẹ tôi thôi.

Với bao nhiêu biến cố, tôi cố gắng học vất vả lắm mới qua được năm thứ ba. Bây giờ Dũng về Saigon thì ở ngay nhà tôi. Lúc này tâm hồn tôi thảng thốt hoang mang như người lạc hướng đi. Dũng đối với tôi chẳng khác gì ba tôi đối với mẹ, cũng thụ động và tự ti khiến tôi chán nản. Càng ngày càng cảm thấy sự cách biệt giữa tôi và Dũng. Nhưng tôi chẳng biết làm sao thay đổi, vẫn để cuộc đời cuốn mình đi. Tôi đến trường nhưng không còn tâm trí nào để tiếp thu bài vở, thêm nữa lại có thai. Quá mệt mỏi không muốn làm gì khác đành bỏ dở năm học cuối .

Khi tôi sanh con gái đầu lòng thì cũng là lúc Dũng phải nhập ngũ. Sau khi học ba tháng quân sự ở quân trường Quang Trung, Dũng được về Tiểu khu Gia Định, không phải đi tác chiến vì là con trai độc nhất. Cũng vì có chút vốn liếng tiếng Anh và kinh nghiệm trông coi vật liệu cho hãng Mỹ nên Dũng được chuyển qua quân nhu, công việc cũng không vất vả lại có thể về nhà thường xuyên. Lúc trước lương tiền của Dũng cũng tương đối khá, nhưng nay lương binh nhì chẳng bao nhiêu, lại còn nuôi con nhỏ, tôi phải theo học khoá kế toán cấp tốc rồi xin đi làm.

Từ khi biết tôi đã lấy chồng, Văn và tôi cũng không còn những lần "tình cờ" gặp nhau nữa. Nhưng tôi chẳng mấy quan tâm vì cho là chuyện bình thường, vả lại tôi cũng có nhiều chuyện phải lo nên không còn để ý. Lần cuối cùng gặp nhau là lúc Văn đến nhà chia buồn vì mẹ tôi mất, trong lúc ngồi tiếp chuyện tôi giới thiệu Dũng, Văn tròn mắt hỏi cưới lúc nào, tôi nghẹn ngào khóc nức nở mà không trả lời. Khóc giữa đám tang của mẹ thì chẳng ai thắc mắc. Có ai hiểu được lòng tôi? Nhưng đó là lần duy nhất trong đời tôi muốn được tựa vào vai Văn, muốn được sự an ủi của Văn, chưa bao giờ tôi cảm thấy gần gũi với Văn như vậy. Sự xúc động của tôi có lẽ đã làm Văn đoán được có một sự kiện bất thường, vì trong những lần gặp nhau trước đó Văn biết tôi chưa hề có bạn trai. Văn không hỏi mà chỉ lẳng lặng tránh gặp mặt tôi.

Tôi xin vào làm trong cơ quan hiện nay khi vừa học xong kế toán. Ở đây tôi được tiếp xúc

nhiều những người có trình độ học vấn cao, cách cư xử và hành động của họ hợp với lối suy nghĩ của tôi hơn. Cũng vì môi trường làm việc này đã khuyến khích tôi cố gắng học cho xong chương trình đại học, nhưng cũng mất cả gần ba năm sau vì tôi vừa đi làm vừa đi học lại vừa chuẩn bị sanh đứa con thứ hai. Nhờ có bằng đại học, tôi được chuyển ngạch lương cao hơn nhưng công việc vẫn như cũ, tôi cũng không muốn đổi mặc dầu ông giám đốc đôi lần gợi ý. Tôi cũng như ba tôi, thích an phận! Nhưng có lẽ còn một nguyên nhân khác nữa làm tôi không muốn rời chỗ làm này.

Tạo ra trường Công chánh và được phân bổ về Bộ, làm được khoảng bốn năm thì xin chuyển qua cơ quan tôi đang làm. Ngày đầu gặp Tạo tôi cũng thấy bình thường như bao nhiêu người khác đã đến rồi đi khỏi cơ quan này. Tạo cao trên trung bình, dáng người trông thoải mái, ăn nói điềm đạm dễ mến. Công việc của Tạo không dính gì đến công việc của tôi, nhưng vì cùng làm chung một chỗ nên ra vào gặp nhau. Lúc đó tôi cũng đã gần ba mươi tuổi rồi nhưng khi nghe cánh đàn ông nói chuyện tiếu lâm hay nói lái thì tôi chịu, chẳng hiểu gì cả. Họ nghĩ tôi đã có gia đình nên ăn nói có phần bạo dạn, nhưng với vẻ mặt ngây ngô của tôi cố tranh cãi với mọi người càng làm cho tiếng cười càng vang hơn. Tạo là người tỏ ra thích cái ngây ngô của tôi, mỗi sáng gặp nhau là Tạo nói một câu gì đó có hai ba nghĩa để tôi trả lời sai rồi cười. Dần dà tôi cũng quen với tình huống đó. Cho đến một ngày khi đến sở không gặp Tạo tôi cảm thấy thiếu vắng một cái gì đó khó diễn tả được.Từ lúc lấy Dũng đến nay, tôi an phận đi làm về lo cho con cái, lo công việc nhà, tâm hồn tôi phẳng lặng như một mặt hồ không gợn sóng, chính tôi đôi lúc cũng tự hỏi cuộc đời chỉ nhạt nhẽo vậy sao, trưởng thành đi làm, lấy chồng đẻ con, nuôi con là xong! Nhưng giờ đây mỗi sáng đến sở, tôi thường đứng cạnh cửa sổ nhìn ra sân chờ trông Tạo đến. Tôi phát hiện ra trong tôi có một tình cảm khác lạ mà tôi chưa từng gặp. Đó là yêu chăng? Tôi không dám nghĩ

LÝ THỪA NGHIỆP

## *Những Ngọn Đồi Thiền Định*

***Ôm một bờ đê ngủ***
***Nghe sóng vỗ trăm năm***
***Chuông vang từ thượng cổ***
***Những vạt đất xanh mầm.***

***Đi em, đời chưa muộn***
***Sương cát sắp hai hàng***
***Biển dâu còn xanh lắm***
***Trời đất vẫn hồng nhan.***

***Những ngọn đồi thiền định***
***Trăng sáng đã bao ngày***
***Cỏ cây chừng an tịnh***
***Bốn mùa xanh trên vai.***

***Đi em, đời chưa muộn***
***Pháp giới vẫn êm đềm***
***Con sông nào viên mãn***
***Trôi một dòng an nhiên.***

***Sao còn nghe thổn thức***
***Tiếng mưa hay tiếng đàn***
***Âm âm trong lồng ngực***
***Nhựt nguyệt hề! mang mang.***

***Đường xa chân có mỏi***
***Hát một khúc thiền ca***
***Dựa lưng cùng đêm tối***
***Khép cánh cửa ta bà.***

như vậy vì cảm thấy không được phép nghĩ đến người đàn ông khác, tôi đã có gia đình và hai con rồi! Lý trí bảo như vậy trong khi tình cảm trái ngược lại, tôi vẫn nghĩ đến Tạo luôn, có cố gắng loại ra ngoài tâm trí cũng chẳng được bao lâu rồi đâu lại vào đấy. Lúc trước đi làm chỉ mong sớm đến ngày chủ nhật, nay thì mong ngày chủ nhật qua mau. Tôi nhớ bóng nhớ hình nhớ ảnh...

Tạo cùng tuổi với tôi, nhưng thấy tôi đã có gia đình nên giữ gìn ý tứ, không cợt nhả hay có hành động lả lơi. Cũng dễ nói chuyện vì cùng ngang lứa, Tạo hay tâm sự những chuyện xảy ra chung quanh đời sống, khi buồn lúc vui. Tôi cũng thường nói cho Tạo nghe những chuyện mà tôi khó có thể tìm được sự đồng cảm nếu nói với Dũng, như một câu văn ý nghĩa, một lời hát tuyệt vời, một quan niệm nhân sinh... Những lúc được nói chuyện với Tạo, tôi tìm được hạnh phúc cho mình. Tôi cảm thấy như vậy vì những phút giây đó lòng tôi thanh thản, trút bỏ được một phần những gì chất chứa trong lòng nhưng không biết tỏ cùng ai.

Một hôm nhân dịp vừa sửa chữa lại nhà, Tạo mời tất cả sở khoảng trên mười người về nhà gọi là ăn tân gia , một bạn trong sở lên tiếng:

- Tân gia hay là đám cưới ông Tạo đây?

Cả đám hùa theo :

- Ờ! Mà ông Tạo cũng nên lấy vợ cho rồi chứ không thì mai mốt gặp cảnh cha già con muộn thì phiền lắm!

- Gần ba mươi tuổi rồi mà không thấy có "em" nào chắc cũng nên đi khám tổng quát đi nghe!

Sơn kéo tôi vào chuyện :

- Chị Nhạn có còn em gái không, giới thiệu cho thằng Tạo đi, tôi biết nó vừa nhát

gái lại vừa lười biếng từ khi còn là sinh viên kia. Kiếm cô nào ưng ý đem vào phòng nó khoá cửa lại nhiều khi nó còn chưa chịu đó, nó nói sao không kiếm cô nào có bầu sẵn để nó khỏi phải mệt sức...

Tôi cười nói :

- Ông nói quá tệ nhưng nhiều lúc nghĩ tiếc quá, phải chi tôi có nhiều em gái giới

thiệu mỗi ông ở đây một đứa!

Phát hí hửng :

- Tôi có vợ rồi chị cũng giới thiệu chứ?

- Đừng có ham, tôi vẫn tiếc bà Hồng đẹp gái vậy sao lại chọn một người như

ông mà lấy làm chồng!

Một giọng khác chen vào :

- Chị Nhạn không biết chứ cha Phát này có bửu bối mà, chả nổi tiếng hào hoa

phong nhĩ đó .

Tôi cãi lại :

- Phong nhã chứ sao lại phong nhĩ!

Cả sở cười ồ lên, tôi ngây thơ :

- Lại nói bậy rồi phải không?

Sơn cười :

- Tối nay chị về hỏi ông xã của chị, chỉ có ổng giải thích cho chị nghe được thôi!

Tạo lên tiếng :

- Quí vị đừng lo, thế nào cũng được đi ăn cưới của tôi mà, không những một mà tới

hai lần kia, mấy ông thầy tử vi đều nói số tôi phải có hai vợ mới thọ và giàu có được. Còn cuối tuần nay mời tất cả đến chơi vui thôi.

Tạo cũng thuộc gia đình công chức như gia đình tôi, Tạo chỉ có hai anh em, trên là một ông anh đã có gia đình vợ con và sống riêng nơi khác. Tạo sống với cha mẹ nên trước khi làm tiệc cũng có ý nhờ tôi và Nga đến trước phụ giúp mẹ Tạo một tay trong chuyện nấu nướng. Chiều cuối tuần Nga đến đón tôi sang nhà Tạo. Nga còn trẻ mới ngoài hai mươi lại độc thân và cũng hoạt bát nhanh nhẹn, nhưng mấy ông độc thân trong sở chẳng thấy ông nào ngấp nghé, chắc duyên chưa đến. Nhà Tạo vừa xây dựng lại trông rất khang trang, ở cách trung tâm thành phố không xa nhưng nằm sâu vào bên trong nên yên tĩnh thoáng mát. Tạo vui vẻ đón chúng tôi vào nhà, bên trong đồ đạc trang hoàng đẹp mắt và còn thoang thoảng mùi vôi quét tường. Mẹ Tạo nghe tiếng chúng tôi đến vội vã ra chào hỏi, bà trông còn trẻ, khoẻ mạnh hơn mẹ tôi và dáng dấp phúc hậu thư thái. Chúng tôi theo bà vào bếp để cùng bắt tay vào việc. Mỗi người một việc nên chỉ trong vài giờ là mọi chuyện xong xuôi, cả ba cùng ngồi nghỉ tay chung quanh chiếc bàn tròn trong bếp vừa nói chuyện vừa làm những việc nhẹ nhàng như lau cái bát, đôi đũa... Tạo lo chuyện kê bàn ghế thỉnh thoảng ra vào bếp hỏi xem có chuyện gì cần giúp. Lúc đầu mẹ Tạo lịch sự gọi chúng tôi là chị là cô, nhưng sau một lúc nói chuyện thân tình và nghe chúng tôi gọi bác xưng con nên bà cũng gọi con xưng bác. Tôi hỏi đùa:

- Sao hai bác không lo cưới vợ cho anh Tạo đi?

- Cái thằng đó "già kén kẹn hom," giới thiệu mối nào nó cũng chê hết , mà nó làm

biếng lắm, con nào thèm ưng nó!

- Mai mốt lấy vợ về vợ hầu chứ lo gì bác!

- Không được đâu con ơi! Thời buổi này không như hồi xưa nữa, phải đồng vợ đồng chồng mới được. Bây giờ vợ cũng phải đi làm như con đó,

về nhà còn phải hầu cơm nước cho chồng nữa thì chỉ những ông chồng vô lương tâm mới bắt vợ làm như vậy, phải không?

Tôi cảm thấy mẹ Tạo cũng có ý tưởng giống mẹ tôi về một người chồng trong xã hội mới này, nhưng cái ý tưởng về đồng vợ đồng chồng thì mẹ tôi không có, hoặc có nhưng vẫn còn có sự lẫn lộn đôi điều trong đó.

Khi mọi người đến đầy đủ, cùng ngồi vào bàn tiệc thì ba của Tạo từ trong phòng bước ra, ông vui vẻ chào hỏi mọi người, mời ông ngồi xuống bàn chung vui với chúng tôi thì ông từ chối, lý do là ông đang ăn chay. Trông ông còn khoẻ mạnh, đi đứng nhanh nhẹn, nghe Tạo cho biết ông đã nghỉ hưu, ban ngày ông thường đọc sách, đôi khi làm thơ gửi đăng ở một vài tờ báo. Buổi tiệc diễn ra vui vẻ. Có người khen món ăn ngon tưởng là do chính tay tôi nấu, nhưng tôi từ chối và xác định vinh dự đó là của mẹ Tạo. Mà quả thật bà có cách làm bếp rất khoa học, gọn gàng và mau chóng, tôi đã học được của bà một số bài học và kinh nghiệm. Xong tiệc Tạo mời chúng tôi lên sân thượng để uống cà phê, nước trà.

Sân thượng cũng vừa mới xây dựng khi sửa nhà, nhưng có khá nhiều chậu cây xanh, có lẽ đã có sẵn từ trước được sắp đặt rất mỹ thuật nên trông thơ mộng. Bên dưới tấm bạt che mưa nắng là một bar rượu nhỏ, ở đó có để trà, cà phê và bia lạnh. Chúng tôi mỗi người tự chọn cho mình một món thích hợp rồi người ngồi kẻ đứng nói chuyện với nhau. Trời cuối tháng mười một không nóng lắm lại có gió nhẹ nên thật dễ chịu, nền trời cao và đầy sao. Tôi chợt nghĩ đã lâu lắm rồi mình chẳng để ý gì trăng sao cả. Thuở trước những đêm đầy sao như đêm nay, tôi cũng thường lấy ghế bố ra hiên nhà nằm đếm sao, hôm nay được nhìn lại sao đêm lòng thấy bồi hồi luyến tiếc một thời đã qua. Tôi cầm ly nước trà nóng rồi một mình đứng khuất vào khoảng tối sau chậu hoa sứ, cũng đã lâu lắm rồi tôi mới có dịp thư thả như lúc này. Chỗ tôi đang đứng là một khoảng hẹp, hai người không thể đứng ngang nhau vì vậy Tạo đến sau lưng tôi lúc nào không biết, chỉ khi nghe tiếng tôi mới giật mình nhưng chắc Tạo không để ý vì trời tối, Tạo nói:

- Đêm nay trời đẹp quá! Mà chị Nhạn trông sao mơ ước gì đây?

Tôi hỏi lại :

- Anh Tạo nói nghe kỳ vậy, tại sao phải trông sao mới mơ ước? Không có sao

không mơ ước được à?

- Tôi nghe người ta nói khi mình nhìn thấy sao rơi thì hãy nói điều mơ ước của mình

ra, nó sẽ thành hiện thực, tôi nghĩ chị cũng đang chờ sao rơi để mơ ước thế thôi!

- Tôi mới nghe lần đầu chuyện này, phải chi cả chục năm trước tôi biết thì hay cho

tôi biết chừng nào!

- Tại sao lại phải cả chục năm trước mà không phải là bây giờ? Ngay lúc này cũng

được chứ sao?

Tôi không biết trong câu hỏi của Tạo có ẩn ý gì không, nhưng trả lời :

- Ước mơ hay hy vọng gì cũng có giới hạn thôi anh ạ! Nếu tôi ước mơ được đi lại

từ đầu, được trở lại như lúc còn hai mươi tuổi làm sao có được. Người ta ước mơ chỉ hướng về tương lai mà tương lai thì một phần do chính mình thực hiện, như anh ước mơ có con mà không chịu lập gia đình thì ước mơ đó hơi khó thành hiện thực. Bởi vậy lâu nay tôi chỉ ước mơ sao tôi có nhiều nghị lực để đương đầu với nghịch cảnh, ước mơ được sống an lành, tâm hồn thanh thản, ước mơ cho tôi có khả năng biến những sự việc không tốt đã xảy ra cho tôi và tôi đã chịu đựng nếu không tốt hơn lên thì đừng xấu đi nữa!

Nghe tôi nói một hơi dài, Tạo im lặng một lúc rồi nói:

- Hôm nay nghe chị nói có vẻ triết lý lắm, lâu nay tôi cứ nghĩ chị đơn giản hơn

nhiều. Chị Nhạn biết không, tôi quí mến chị lắm, nhưng không phải cá nhân tôi mà tất cả anh chị em trong sở cũng quí mến chị. Chị là một người phụ nữ dễ thương và duyên dáng mà tôi ít gặp, nhưng tôi để ý thấy đôi lúc chị như người xuất hồn đi nơi khác, ngồi ở bàn làm việc mà mắt chị như nhìn vào một cõi nào đó. Nếu chị coi tôi là người bạn thân, có thể nói cho tôi biết chút ít tâm sự được không?

Tạo đứng kế sau lưng tôi, tiếng nói trầm ấm, tôi nghe hơi thở của Tạo luồn vào trong tóc, một cảm giác lâng lâng khó tả. Lúc này tôi ước ao được ngả đầu dựa vào vai Tạo, khát khao một vòng tay ôm ấp... Nhưng tôi kịp trấn tĩnh lại trả lời:

- Anh nhận xét cũng có đúng, quả thật lúc nào tôi cũng mang trong lòng một tâm

sự u uất, tôi cũng chẳng biết tỏ cùng ai cả. Tôi nghĩ có kể với anh thì anh cũng không giúp được chuyện gì, như là chuyện giúp cho tôi trở về với tuổi hai mươi vậy. Không thể được! Tôi cũng quí anh lắm, có thể quí nhiều hơn anh nghĩ. Tôi có

đọc đâu đó một câu văn đại ý là đàn bà chỉ có thể kết thân được với đàn ông với điều kiện phải có ác cảm về thể xác. Rất tiếc là tôi không có cái ác cảm đó với anh vì vậy chúng ta chỉ coi nhau là bạn thôi chứ đừng kết thân, cứ như bao lâu nay là tôi cảm thấy vui rồi. Anh hiểu cho!

- Nghe chị nói tôi không hiểu hoàn toàn ý chị, nhưng cũng đoán đã có một sai trái

gì to lớn trong cuộc đời của chị. Con người ai không có lần lầm lỡ, sao chị không nghĩ đến chuyện sửa chữa làm lại từ đầu?

- Tôi đã nghĩ đến rồi anh ạ, nhưng tánh tôi nhu nhược, không quả quyết ngay từ

đầu, nay thì muộn quá rồi. Nhưng chuyện tôi đau khổ một phần là do tôi mà ra, tôi không vừa ý với bản thân tôi vì đã để định mệnh kéo đi mà không cưỡng lại. May là tôi có tình thương yêu quí mến của mọi người, đó chính là điều đã an ủi, nâng đỡ tinh thần tôi lên. Suy cho kỹ, tôi có được sự thương yêu đó một phần lớn là do Trời, vì vậy cách để làm cho tôi có niềm vui và tin tưởng vào đời sống là san sẻ bớt tình thương cho người mình không thương.

- Chị có thể thật sự làm được như vậy không hay chỉ trong ý nghĩ thôi, tình thương

nó thuộc bản năng, tôi thấy khó tạo ra nó quá!

- Đúng vậy, khi tôi nói tôi san sẻ tình thương thì nó thuộc lý trí, và dĩ nhiên nó chỉ

là tương đối thôi, chứ tôi thương yêu ai rồi thì cũng khó chia sẻ cho người khác được. Tôi bình thường như bao nhiêu người khác, chẳng thần thánh gì cả, anh cũng biết như Xuân Diệu đã nói: "Người ta khổ vì yêu không đúng chỗ..." và tôi thì cũng thế thôi!

Nghe nói xong, Tạo nắm bàn tay tôi lắc nhẹ rồi nói:

- Tôi hiểu chị nhiều hơn, tôi hiểu! Từ nay tôi không thắc mắc nữa, nếu có điều

kiện tôi sẽ giúp chị làm cho những gì đã xấu thì không xấu hơn nữa, chỉ tốt hơn lên thôi. Sau này tôi có biết rõ chuyện riêng tư của chị thì tình cảm tôi dành cho chị sẽ hơn lên chứ không mất đi.Thôi chị hãy đến chơi với mấy anh chị em, đừng đứng đây một mình, cái buồn nó thành buồn hơn đó.

Tạo buông tay tôi ra. Tôi quay lại bắt gặp ánh mắt dịu dàng của Tạo, nhưng cố tránh rồi cả hai cùng nhau bước đến quầy rượu, nơi các bạn đang tụ lại để xem một bạn khác biểu diễn trò ảo thuật. Thật ra Tạo đã có thắc mắc về tôi và Dũng, vì Tạo đã gặp Dũng một vài lần thì thấy Dũng chỉ là lính trơn, nhưng không phải là lính "kiểng" vì gia đình tôi chẳng có vẻ gì giàu có. Tạo cũng đoán có cái gì đó không rõ ràng lắm trong chuyện vợ chồng của tôi.

Ngày thứ hai khi gặp nhau trong sở , Tạo đưa tôi một bao thư và nói đùa :

- Có thư tình cho chị đây!

Tôi mở ra xem, đó là cách làm một vài món ăn mà mẹ Tạo ghi lại cho tôi. Hôm cùng nhau làm bếp, tôi hỏi và đã được giải thích, nhưng bà cẩn thận sợ tôi quên nên viết ra giấy.

- Bà cụ cẩn thận quá, anh nhắn dùm tôi gởi lời cám ơn nghe.

- Mẹ tôi khen chị lắm, ai gặp chị cũng mến chị cả, tôi nói không có sai đâu!

- Tôi cũng quí mến bà cụ dù mới gặp lần đầu, nếu làm con gái của cụ chắc

được cụ cưng lắm !

Tôi thành thật trả lời Tạo vì khi được mẹ Tạo gọi bằng con, trong lòng tôi cảm thấy ấm áp, nhưng nghĩ chỉ là một sự ảnh hưởng tình cảm, yêu ai yêu cả tông ti họ hàng!

Từ đó trở đi, tình cảm của tôi và Tạo nhìn chung vẫn vậy, có thể tốt hơn một chút vì Tạo thường hỏi han tôi nhiều hơn về chuyện này chuyện nọ chung quanh cuộc sống của tôi. Thời gian trôi đi như vậy cho đến lúc miền Nam bị nhuộm đỏ màu cộng sản.

Trong sở tôi có một ít người thoát được theo làn sóng người di tản, vài anh là quân nhân biệt phái phải trình diện đi học tập, phần còn lại trong đó có Tạo và tôi học tập ba ngày ngay tại cơ quan rồi trở về làm việc như cũ. Dũng là lính trơn nên cũng học tập ba ngày được trở về nhà. Bắt đầu một giai đoạn khó khăn không riêng gì cho tôi mà cho cả nước. Mọi người đón nhận cách phân chia nhu yếu phẩm, tem phiếu... Những người công chức cũ như chúng tôi co cụm lại với nhau. Chỉ mình tôi đi làm được phân phối chín kí lô gạo mỗi tháng cộng với số gạo ăn theo của hai đứa con chỉ đủ cho gia đình bốn miệng ăn không đói. Tạo cũng thường nhường tiêu chuẩn nửa ký đường hay hộp sữa hàng tháng khi nghe con tôi đau ốm, những hành động trong lúc khó khăn như vậy chẳng bao giờ tôi quên được.

Khoảng một năm sau ngày 30-4 -75, một buổi chiều tôi đang đạp xe trên đường đi làm về chợt thấy có người đang đạp xe song song với mình, quay nhìn thì đó là Văn. Tôi reo lên:

- Ủa! Thầy Văn! Lâu lắm em không gặp thầy! Em nghĩ thầy đã "đi" từ ngày 30-4 rồi chứ?

- Thầy đâu có đi đâu, em có khoẻ không?

Không đợi tôi trả lời, Văn nói tiếp:

- Thầy có chuyện muốn nói với em, em có thể ngồi quán nước bên đường một lát được không?

Tôi dừng xe lại, Văn cũng dừng theo. Gặp lại người cũ vào lúc này thường ở trong hai thái độ, một là rất thân tình nếu biết chắc là "nguỵ," hai là cẩn thận lời nói hành động nếu biết là "cách mạng." Tôi ngỡ ngàng nhìn Văn vì cũng đã lâu rồi không gặp và không biết đánh giá đang thuộc phía nào, nhưng rồi tự tin đây không là người của chế độ mới. Văn hơn tôi khoảng sáu bảy tuổi nên lúc này khoảng bốn mươi, trông già dặn chững chạc. Chỉ trong thoáng giây, tôi hình dung Văn của hơn mười năm về trước, một thanh niên mới hai mươi mấy tuổi, thời gian qua nhanh quá.

- Có chuyện gì quan trọng không thầy? Hôm nay không được vì em còn phải về lo cho mấy đứa nhỏ.

- Vậy trưa mai được không ? Trưa mai sau mười hai giờ thầy đợi em ở quán cà phê trước sở của em nhé.

- Dạ được, ngày mai em sẽ gặp thầy.

Văn quay xe lại đi về hướng khác, tôi tiếp tục đạp xe về nhà, trong lòng cũng nao nao vì gặp lại cố nhân, nhưng cũng thắc mắc tại sao Văn biết sở làm của tôi lại còn biết quán cà phê trước cửa.

Trưa hôm sau tôi ra gặp Văn ở quán cà phê trước sở, vừa ngồi xuống tôi hỏi ngay:

- Sao thầy biết em làm việc ở đây?

- Tất cả những sinh hoạt của em suốt hơn mười năm qua thầy đều biết cả, thầy biết giờ giấc em đi về, giờ em đón đưa con...

Tôi ngập ngừng vì không ngờ suốt bao năm qua Văn vẫn chưa quên tôi, chẳng biết phải nói gì nên đi ngay vô vấn đề:

- Hôm nay thầy gặp em có chuyện gì vậy? Có quan trọng không? Mà thầy còn đi dạy không?

- Không, thầy không còn dạy học nữa. Hôm nay gặp em là để nói lời chia tay. Còn khoảng mười ngày nữa thì thầy đi Pháp rồi, không biết đến ngày nào mới gặp lại em. Thầy hy vọng nếu qua đó làm ăn được, sẽ có cơ hội giúp đỡ người này người khác chứ nhìn quanh ai cũng khổ cả.

- Ai bảo lãnh cho thầy đi, em nghe nói chuyện đi chính thức lúc này cũng khó khăn lắm mà

- Bên gia đình vợ của thầy có quốc tịch Pháp nên thầy được đi theo.

Tôi hỏi qua chuyện vợ con của Văn.

- Thầy lập gia đình lúc nào vậy? Thầy có mấy em rồi?

- Thầy mới lập gia đình được gần hai năm nay, cũng chưa có cháu nào.

Im lặng một lát , Văn lấy trong túi ra một cuốn sổ tay nhỏ đưa cho tôi rồi nói tiếp:

- Trước khi ra đi, thầy có cái này gởi cho em. Nếu thầy còn ở lại chắc chẳng bao giờ đưa cho em cả, nhưng nay phải đi xa, không hẹn ngày gặp lại. Em đọc để hiểu tình cảm của thầy dành cho em.

Tôi cầm lấy cuốn sổ, không mở ra xem ngay mà mà nhìn vào mắt Văn ửng đỏ như đang cầm nước mắt. Tôi cũng không biết nói gì khác hơn là một vài chuyện cũ mới rồi bùi ngùi chia tay nhau, chúc Văn có cuộc sống mới thành công và hạnh phúc.

Vào sở tôi lấy cuốn sổ nhỏ ra xem, đó là cuốn nhật ký Văn ghi lại những ngày mới quen biết tôi. Đọc xong tôi mới thấy thời gian đó tôi quá là khờ khạo ngây thơ. Tình cảm của Văn lúc đó tôi không đoán ra. Những lần gặp gỡ "tình cờ" trước nhà, trong tiệm sách, trên đường đi... là do Văn sắp xếp cả mà tôi cứ tưởng là tình cờ thật. Cũng chính vì cái ngây thơ đó mà Văn yêu tôi, cũng vì ngây thơ mà Văn không vội tỏ tình. Nhưng mấy ai học được chữ ngờ! Tôi vẫn kính trọng Văn như ngày xưa và cảm động vì hiểu tình cảm của Văn dành cho tôi. Văn ra đi trong lòng tôi cảm thấy mình mất một người thân, một người từng chứng kiến khoảng đời êm đẹp an vui của tôi.

Cuối năm đó tôi nhận được thiệp chúc Tết của Văn từ Pháp gởi về với vài câu thăm hỏi, Văn cũng giữ ý vì tôi đã có gia đình. Qua đến cuối năm sau nữa, trước Tết tôi nhận được một số tiền khá lớn so với đồng lương hàng tháng do Văn gởi về gọi là lì xì cho hai con tôi. Người đưa tiền lại là một Việt kiều từ Pháp về cho biết còn phải đưa tiền đến vài địa chỉ nữa. Tôi xúc động vì thấy Văn có lòng với mọi người. Dũng chưa kiếm ra việc làm nên gia đình cũng khó khăn, số tiền của Văn như một chút mưa trong ngày hạn nhưng chứa đầy ân tình khiến tôi quí Văn nhiều hơn, ngoài tình thầy trò nay có thêm tình bạn thâm giao.

Vài tháng sau, trong lúc nói chuyện, Tạo hỏi thăm tôi về việc làm của Dũng, tôi cho biết hiện vẫn thất nghiệp. Tạo nói có một người bạn đang chuẩn bị thành lập công ty sửa chữa và xây dựng, bảo tôi nói Dũng làm đơn để Tạo xin dùm việc

làm. Tạo nói thêm:

- Chị biết không! Thằng bạn học cùng với tôi từ hồi nào tới giờ, nay mới biết ông già nó tập kết về, đảng viên cao cấp thành ra nó được dựa hơi, lên quá chừng. Nghĩ mấy ông "nguỵ" mình dại thật, đã cho vào trường đại học lại đưa nó lên làm trưởng ty ở tỉnh, nếu được ông già nó móc nối là xong rồi!

Không biết Tạo có phải vất vả thuyết phục người bạn để xin việc cho Dũng không, nhưng một tháng sau thì Dũng được đi làm, công việc cũng quen thuộc là lo về vật liệu mà danh từ mới gọi là vật tư. Tết năm sau Văn cũng gởi tiền về, tôi viết thư cám ơn chân thành và xin đừng gởi nữa vì Dũng đã có việc làm. Văn hồi âm cho tôi dặn dò khi nào gặp khó khăn thì đừng ngại choVăn biết, sẽ hết lòng giúp đỡ. Một lần khác, lúc ba tôi lâm trọng bệnh mà mấy chị em cùng ở trong hoàn cảnh khốn khó cả, anh Ba tôi đi học tập chưa về còn chị Hai tôi lại càng khó khăn hơn vì lâu nay sống bằng lương chồng, nay anh Hai cũng thất nghiệp vì hãng Mỹ không còn. Dù trong lòng không muốn nhưng xót cho cha già, tôi đành viết thơ cho Văn. Đây là lần giúp đỡ của Văn mang nặng ân nghĩa mà tôi ghi nhớ mãi. Tôi tự hứa đó là lần sau cùng và sẽ không bao giờ làm phiềnVăn nữa.

Khoảng một tuần lễ trước ngày đi nhận sở mới, Tạo đem tặng tôi cuốn sách Lettres de mon moulin của Alphonse Daudet, trang đầu tiên có ghi mấy chữ "Tặng chị Nhạn để nhớ một đêm đầy sao..." Tạo nói thêm:

- Khi tôi mới đến sở này vô tình thấy trên bàn của chị có cuốn Le temps de l'amour, le temps de mourir. Tôi biết chị đọc được tiếng Pháp nên đem tặng chị kỷ niệm trước khi chia tay.

Tôi cám ơn Tạo, vừa cầm cuốn sách vừa cười:

- Tôi giờ chỉ còn " le temps de mourir thôi," phần đầu mất rồi . Tiếng Pháp tôi cũng tạm được. Mà cũng nhờ má tôi dạy cho từ nhỏ, bà học trường Tây nên đem mấy chị em tôi ra dạy Pháp văn, bữa nào không thuộc bài bả đánh cho nát đít. Hồi đó ghét má tôi lắm, nhưng cũng nhờ vậy mới có vốn sinh ngữ như bây giờ. Nhưng tôi tò mò hỏi chứ anh mua sách này ở đâu vì hiện nay đâu có tiệm sách nào bán loại như vậy?

- Phải rồi, lúc này làm sao nói chuyện mua sách truyện tiếng ngoại quốc, trừ tiếng Nga. Đây là phần thưởng của tôi khi còn học trung học. Rồi Tạo cười nói thêm:

- Tôi cũng quí sách lắm , nhưng... chị thì quí hơn!

- Đừng nói bậy nghe! Tôi làm sao quí hơn độc lập tự do được?

- Ử... ! Chị nói thì cũng đúng, nhưng độc lập tự do thì không... nắm tay được!

Nói rồi Tạo nhanh chân chạy mất.

Mấy ngày sau, Tạo phải bận rộn chuyện bàn giao công việc nên cũng ít nói chuyện với tôi. Cho đến khi nghe tin tôi không đến dự tiệc, Tạo gặp riêng tôi nói:

- Tôi rất tiếc là chị không đến. Nhưng mà thôi, tình bạn của chúng ta không phải đo lường bằng bữa tiệc. Tôi đi rồi nhưng thỉnh thoảng sẽ ghé thăm chị, sẽ giữ mãi những kỷ niệm êm đẹp trong mấy năm được làm việc chung với chị.

Lòng buồn nhưng tôi cũng cố gắng nói vài lời chúc Tạo gặp nhiều may mắn trong công việc mới. Nghe những lời Tạo nói tôi cũng cảm động, tuy nhiên đời Tạo còn dài, còn nhiều lựa chọn, còn nhiều niềm vui mới và rồi cũng có thể quên tôi. Chỉ có riêng tôi hình dung tương lai sắp tới, khi ngày lên chiều xuống, vẫn giam hãm thân mình chung quanh bốn bức tường vô tri vô giác của cái sở này. Cho dù thời gian có thể làm nguôi ngoai tất cả mọi nỗi nhớ nhung ưu phiền, nhưng ngày mai ngày mốt... Biết đến bao giờ mỗi khi bước chân đến sở tôi không còn chờ đợi một bóng hình ai.

Trời cũng khuya rồi, cả nhà đều đã ngủ. Tôi cảm thấy trong lòng buồn vời vợi, định đi về phòng mình, nhưng rồi lại rẽ vào phòng các con. Hai đứa trẻ đang ngủ một cách hồn nhiên thanh thản. Tôi lên giường con gái, nằm cạnh và ôm nó vào lòng, con bé đang ngủ bị đánh thức, mở mắt ngơ ngác nhìn, thấy tôi nằm bên cạnh nhưng tưởng là một cử chỉ âu yếm, nó quay mình lại rúc đầu vào lòng tôi kêu: " Má!" rồi lại tiếp tục ngủ. Con tôi đâu biết tôi đang chơi vơi giữa cơn mưa bão của giòng đời và đang cần những chiếc phao để mà bám víu...

Bên ngoài cửa sổ, cơn mưa đã dừng, chỉ nghe tiếng vài giọt nước còn sót lại trên mái nhà rơi lẻ loi xuống vũng nước trong sân. Cuộc đời đâu phải chỉ là những ngày buồn, thôi thì hãy vui với những gì mình đang có, đời người rồi cũng qua đi. Cho dù có mưa bão quanh đời mình thì tôi vẫn cố gắng giữ gìn, đừng để những giọt mưa buồn làm ướt mái đầu xanh còn ngây dại của các con tôi.

*Sainte Foy 01-2005*

SINH NHẬT 100 NĂM GEORGE ORWELL,

# đọc lại *Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four* (*)

TRẦN HỮU THỤC

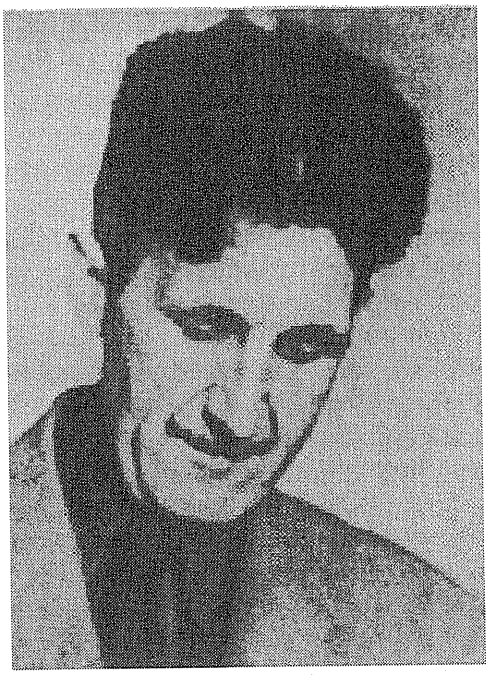

George Orwell

*Tất cả mọi nhà văn đều hão huyền, ích kỷ và lười biếng và ngay trong tận cùng động cơ viết lách của họ, vẫn tồn tại một điều bí ẩn. Viết một tác phẩm là một cuộc tranh đấu khủng khiếp, kiệt sức giống như trải qua một cơn bệnh đau đớn kéo dài. Người ta sẽ không bao giờ làm được một công việc như thế nếu không bị lôi kéo bởi loại quỷ quái nào đó mà người ta không cưỡng chống được mà cũng chẳng hiểu rõ.*

***George Orwell***

(Tiếp theo và hết)

***Nineteen Eighty-Four (1984)*** là một truyện dài như bất cứ một tiểu thuyết nào khác. Nhưng ngoài câu chuyện chính ra, nó có thêm hai phần khác bổ sung: một là cuốn sách có tựa đề là "The Theory and Pratice of Oligarchical Collectivism" được xem là của Emmanuel Goldstein, thủ lãnh của Brotherhood là tổ chức bí mật chống lại Đảng và nhà nước. Cuốn sách lý giải tình hình thế giới, quan niệm về chiến tranh và chính sách thống trị nhân dân của Đảng; hai là phần phụ lục gọi là "The principles of Newspeak," giải thích cách sử dụng từ ngữ mới nằm trong cuốn tự điển do Đảng biên soạn.

Truyện mô tả một thế giới bị chi phối bởi ba siêu cường quốc: Eurasia, Eastasia và Oceania. Oceania luôn luôn sống trong tình trạng chiến tranh với hai siêu cường kia, đẩy toàn thế giới ở trong một tình trạng thù hận, cô lập và sợ hãi. Nhân vật chính là Winston Smith, 39 tuổi, một nhân viên làm việc cho Bộ Sự Thật, trú sở tại London, thuộc siêu cường Oceania. Xứ sở được cai trị bởi Đảng và nhà lãnh tụ nắm giữ quyền hành tuyệt đối có tên là Big Brother, mà khuôn mặt của ông ta hiện diện khắp nơi trên các tấm pa-nô tuyên truyền lớn với giòng chữ "Big Brother Is Watching You" (Big Brother đang theo dõi bạn). Điều đó nhắc nhở mọi người rằng bất cứ những việc anh làm, dù khi ngủ hay thức, khi ăn hay làm việc, ở trong nhà anh hay ở bên ngoài, trong phòng tắm hay trên giường ngủ..., Đảng luôn luôn theo dõi anh. "Không có gì là phần riêng tư của anh ngoại trừ một ít phân khối nằm bên trong cái sọ của anh."1

Nhà độc tài kiểm soát đất nước bằng bốn bộ: Hoà Bình, Tình Yêu, Thịnh Vượng và Sự Thật. Chức năng của bốn bộ này là một nghịch lý: bộ Hoà Bình thì đảm nhiệm chiến tranh, bộ Tình Yêu thì phụ trách chuyện hành hạ, bộ Thịnh Vượng thì chuyên lo về bỏ đói và bộ Sự Thật thì đảm trách chuyện nói láo. Tất cả những gì lưu trữ trong Bộ Sự Thật, nơi Winston làm việc, đều không mảy may liên hệ gì đến thực tại bên ngoài. Chúng được hoàn toàn dựng nên bởi Đảng, nghĩa

là bằng sự dối trá. Vì không còn tài liệu nào khác ngoài chúng nên chúng nghiễm nhiên đi vào lịch sử và trở thành sự thật. Bộ Sự Thật không những chỉ lo thay đổi hiện tại mà còn tiêu hủy cả quá khứ. Ai kiểm soát được quá khứ, sẽ kiểm soát được tương lai: ai kiểm soát được hiện tại sẽ kiểm soát quá khứ. Đó là khẩu hiệu của Đảng. Hãy nghe Winston giải thích điều này với Julia, người yêu của anh "Em có biết rằng quá khứ, mới bắt đầu từ hôm qua thôi, là đã bị tiêu hủy rồi không? Nếu nó có còn tồn tại một nơi nào đó thì chỉ là một vài đồ vật mà chẳng có ghi lại chữ nghĩa gì cả, giống như mảnh thủy tinh bể nằm kia kìa. Chúng ta nào có biết gì về Cách Mạng và những năm trước Cách Mạng đâu. Mỗi một hồ sơ đã bị tiêu hủy hoặc thay đổi, mỗi một cuốn sách đều được viết lại, mỗi một hình ảnh đều được vẽ lại, mỗi một bức tượng và đường phố và lâu đài đều được đặt tên lại, mỗi một ngày tháng đều được sửa đổi. Tiến trình đó cứ diễn ra liên tục ngày này qua ngày khác, phút này qua phút khác. Lịch sử đã ngừng lại. Không có gì hiện hữu ngoài một hiện tại không ngừng nghỉ qua đó Đảng luôn luôn đúng."2 Bộ Thịnh Vượng cũng thế, chuyên môn công bố những bản thống kê hoang đường. Lúc nào trong báo cáo, đại khái cũng đều một kiểu: so sánh với năm trước, thì đất nước luôn luôn sản xuất được nhiều thực phẩm hơn, nhiều áo quần hơn, nhiều nhà cửa hơn, nhiều đồ dùng hơn, nhiều tàu thủy, tàu bay, nhiều sách vở hơn, vân vân. Nghĩa là từng năm, từng tháng thậm chí từng phút, mọi người và mọi vật đều gia tăng, trong lúc đời sống thực sự thì giảm xuống.

Đảng lo tất cả mọi nhu cầu hàng ngày của cuộc sống cá nhân, từ ăn, mặc cho đến các sinh hoạt khác đồng thời theo dõi sát từng cử chỉ và tư tưởng của mỗi một cá nhân bằng những màn ảnh viễn vọng, những máy ghi âm dấu kín và gián điệp ở khắp mọi nơi. Cảnh Sát Tư Tưởng, bộ phận bí mật của Big Brother, có nhiệm vụ phát hiện bất kỳ một âm mưu nổi loạn chống nhà nước nào. Winston không chịu đựng được không khí ngột ngạt đó, nuôi ý đồ chống lại Big Brother. Anh bí mật mua một cuốn sổ nhật ký, thứ sản phẩm cũ xưa từ cả 40 năm trước còn sót lại và ghi chép chuyện này chuyện nọ nhằm lưu giữ những gì đang xảy ra cùng ghi lại những màn độc thoại nội tâm liên tục diễn ra trong đầu óc anh năm này qua năm khác. Câu đầu tiên anh ghi vào đó là "Hạ bệ Big Brother." Anh âm thầm tìm hiểu và ghi lại các bí mật của xã hội, nhất là thời kỳ trước cách mạng mà Đảng tìm cách xóa bỏ cũng như những biến cố và người vào thời tuổi trẻ của anh. Anh còn nhớ một tai nạn khi gia đình đang rất đói. Lúc đó cả nhà chỉ còn một mẩu sô cô la nhỏ được mẹ đem chia cho anh và đứa em gái đang hấp hối. Đói quá, anh ăn phần của anh và giựt luôn mẩu sô cô la từ em anh. Cô bé khóc. Người mẹ ôm cô trong tay và cố dỗ dành. Winston thấy hành vi đó, tuy chẳng có hiệu quả gì, nhưng đầy tình nhân ái. "Nó vô ích, nó không thay đổi được gì hết, nó không sản xuất ra thêm sô cô la, nó không làm cho cô bé khỏi chết; nhưng dường như bà làm thế là vì phải làm như thế." Hành vi đó khiến Winston nhớ lại cảnh trong một phim chiến tranh: một bà mẹ ôm đứa con trong lòng cố che cho nó khỏi bị trúng đạn dù biết rằng đó là một chuyện vô ích. Hai hành vi này, với Winston, chúng chẳng có giá trị chính trị nào cả, nhưng cho anh manh mối của lòng nhân ái. Anh biết rằng không bao giờ cảm thấy một hành vi vô ích sẽ trở thành vô nghĩa. "Nếu bạn yêu một ai đó, là vì bạn yêu người đó, và khi bạn không còn gì hết để cho, bạn vẫn cứ còn yêu người đó."3

Quan điểm anh được vài người chia xẻ, trong đó có Julia, người yêu vụng trộm của anh, ông Charrington, người bán cho anh cuốn nhật ký và O'Brien, người làm cùng sở với anh. Họ gặp nhau và thảo luận về việc gia nhập tổ chức bí mật "Brotherhood" có mục đích lật đổ nhà độc tài. O'Brien cho Winston biết anh ta là người của nhóm bí mật và tuyển anh và Julia vào nhóm. Để củng cố thêm lập trường chống Đảng, Obrien cho Winston mượn cuốn sách "The Theory and Pratice of Oligarchical Collectivism" gọi là của thủ lãnh "Brotherhood" tên là Emmanuel Goldstein. Winston say sưa đọc và hiểu được nhiều điều sâu xa hơn trong đường lối thống trị thâm độc của Đảng. Nhưng hóa ra, Charrington là một cảnh sát tư tưởng còn O'brien là thành viên cao cấp của Đảng. Và cuốn sách mà anh ta cho Winston mượn cũng là do Đảng viết ra nhằm dụ những kẻ chống đối Đảng như Winston xuất đầu lộ diện. Winston và Julia bị bắt. Cả hai trải qua một quá trình tẩy não. Lúc đầu Winston tỏ ra kiên cường, không chịu khuất phục. Nhưng dần dà, do tra tấn, anh đành chịu thua, phản bội cả người tình và tất nhiên, phản bội cả lý tưởng của anh. Khi được tạm thả sau khi bị tẩy não, anh chạy đi tìm Julia. Nàng thú nhận rằng nàng cũng đã phản bội anh. Anh cảm thấy không còn ham muốn nàng nữa và thay vì ở với nàng, anh đi kiếm một chỗ trong quán cà

phê. Lúc đó, màn ảnh viễn vọng loan báo tin về chiến thắng cuối cùng của Big Brother trong cuộc chiến tranh. Anh khóc lên vì sung sướng: Đảng đã hoàn toàn kiểm soát được anh. Cuối cùng "Anh đã yêu Big Brother" (He Loved Big Brother).

Câu chuyện của *Nineteen Eighty-Four* tương đối giản dị, ít biến cố và không đầy kịch tính như trong *Animal Farm*. Nhưng trong lúc *Animal Farm* chỉ mô tả lại những gì vốn đã diễn ra trong thực tế bằng cách dựng lại một khung cảnh khác, *Nineteen Eighty-Four* đẩy cuộc cách mạng và nhà nước độc tài tiến xa hơn, đi sâu vào bản chất của sự toàn trị, bản chất con người và đặc biệt ảnh hưởng của ngôn ngữ và ý niệm chính trị lên cuộc sống cá nhân. Orwell đã sáng tạo ra nhiều từ mới, mà một số đã trở thành ngôn ngữ chính thức được ghi vào tự điển Anh như: *Big Brother, Hate Week, Thought Police, doublethink...* Một trong những phương cách thống trị quần chúng của Đảng là sáng tạo ra một hệ thống ngôn ngữ mới gọi là "Newspeak" và bắt buộc tất cả mọi người đều phải sử dụng. Newspeak thay thế Oldspeak là thứ ngôn ngữ chúng ta đang sử dụng, có mục đích không chỉ là cung cấp từ ngữ để diễn đạt cái nhìn về thế giới mà đồng thời cũng để loại bỏ những thứ ngôn ngữ không thích hợp. Mỗi một từ chỉ cho một nghĩa chính xác duy nhất mà Đảng muốn diễn tả và không còn nghĩa nào khác. Rất nhiều từ sẽ không còn hiện hữu như *tự do, dân chủ, công bằng, tôn giáo, danh dự*, vân vân... Mục đích của việc tạo ra thứ chữ mới là giới hạn "tầm tư tưởng" (range of thought) của con người và đồng thời nhằm mục đích xóa bỏ tất cả ký ức về những gì đã xảy ra trong quá khứ. Nghĩa là tiêu hủy quá khứ.

Nhân vật Syme, nhà ngôn ngữ học phụ trách biên soạn bộ tự điển Newspeak, giải thích với Winston về công việc của anh ta: "Tôi dám quả quyết rằng anh tưởng công việc chính của chúng ta là tạo ra chữ mới. Không phải đâu. Chúng ta đang phá hủy chữ, hàng chục chữ, có thể đến hàng trăm chữ mỗi ngày. Chúng ta giảm thiểu ngôn ngữ đến mức tận cùng." Bằng phương pháp đó, theo Syme, Newspeak là "ngôn ngữ duy nhất trên thế giới mà số từ vựng mỗi năm một ít đi." Vì sao lại như vậy? "Anh không thấy rằng toàn thể mục đích của Newspeak là thu hẹp tầm tư tưởng đó sao? Cuối cùng, chúng ta sẽ khiến cho người ta không còn có thể phạm tội tư tưởng được nữa, bởi vì người ta chẳng còn chữ để diễn tả chúng. Mỗi một ý niệm, nếu còn cần thiết, sẽ chỉ được diễn tả bởi một từ với cái nghĩa được xác định chặt chẽ của nó, còn tất cả nghĩa phụ đều bị loại bỏ và đi vào quên lãng."4 Đến một lúc nào đó, không còn tư tưởng nữa như ta hiểu ngày nay. Lúc đó, người ta không suy nghĩ, không cần phải suy nghĩ nữa.

Quy luật của Đảng là giữ tất cả vào trong một lý tưởng chung. Đảng viên không có quyền phạm một sai lệch nào, dù nhỏ nhặt nhất. Tất cả mọi biến cố, quá khứ, hiện tại và tương lai đều phải diễn ra theo cách mà Đảng muốn. Do đó, phải sắp xếp lại quá khứ, hay nếu cần, xóa sạch quá khứ. Đó là cách mà Đảng khống chế hiện thực (reality control). Trong Newspeak, từ ngữ để chỉ ý niệm này là *doublethink*. *Doublethink* có nghĩa là năng lực giữ hai niềm tin mâu thuẫn nhau trong tinh thần của một ai đó đồng thời và thừa nhận cả hai. "Biết hoặc là không biết, ý thức rõ sự thật hoàn toàn trong lúc vẫn nói những điều bịa đặt một cách cẩn thận, giữ đồng thời hai ý kiến trái ngược hẳn nhau, biết chúng là mâu thuẫn và vẫn tin tưởng ở cả hai, dùng luận lý để chống luận lý, khước từ luân lý trong lúc vẫn đòi hỏi nó, tin tưởng rằng chế độ dân chủ là bất khả thực hiện đồng thời tin rằng Đảng là người canh giữ chế độ dân chủ, quên đi bất cứ cái gì cần quên rồi kéo nó trở lại ký ức ngay khi cần để rồi lại quên ngay nó đi..."5

Từ khái niệm căn bản đó, *Newspeak* khai sinh ra một số từ mới khác như:

- *unperson:* một người bị xóa hoàn toàn ra khỏi lịch sử, nghĩa là không còn hiện hữu nữa vì tất cả hồ sơ cá nhân bị tiêu hủy. Đó chính là trường hợp của cha mẹ của Winston và của nhà ngôn ngữ học Syme, người đảm nhận công tác biên soạn bộ từ điển Newspeak. Một ngày nọ, anh ta biến mất, không để lại dấu vết gì đúng theo tiên đoán của Winston vì anh cho rằng Syme thông minh quá mà Đảng lại không hề ưa những kẻ thông minh! Đảng chỉ dùng cái thông minh của anh ta để hoàn tất bộ từ điển. Xong rồi, Đảng không cần nữa nên trừ khử anh ta. Syme chết mà không một ai hỏi han, thắc mắc. Một buổi sáng nọ, Winston tới sở làm, nhìn lên bảng danh sách ghi tên nhân viên. Bảng danh sách trông chẳng khác chi mọi ngày, không có dấu xóa, chỉ thiếu đi một tên: Syme đã ngừng hiện hữu. Anh ta không bao giờ hiện hữu. Một *unperson*!

- *duckspeak:* nói mà không suy nghĩ; nói như con vịt kêu quạc quạc; nói như vẹt. Đây là chữ, theo Syme, có hai nghĩa trái nhau. Áp dụng cho

người chống đối thì có nghĩa là lạm dụng; áp dụng cho ai đồng ý thì có nghĩa là ca ngợi. Con người chỉ như một cái máy nói. Ở trong Bộ Sự Thật mà Winston làm việc, khi một vài trong số bạn đồng nghiệp của anh lên phát biểu một điều gì đó, anh nhìn thấy đó chỉ là cái khuôn mặt vô hồn với chiếc hàm chuyển động lên xuống nhanh chóng. Anh có cảm giác rằng "đó không phải là một con người thật sự mà là một loại đồ giả. Đó không phải là bộ óc con người đang nói mà là sự phát âm của một cái thanh quản. Những gì phát ra khỏi anh ta gồm có những từ ngữ, nhưng không phải là sự phát biểu theo nghĩa thực sự của nó: đó là tiếng động thốt ra trong trạng thái vô thức, y như tiếng kêu quạc quạc của con vịt."6

- *blackwhite:* cũng có nghĩa đôi. Nếu áp dụng cho kẻ thù thì có nghĩa là nói sai sự thật. Nhưng nếu áp dụng cho đảng viên thì có nghĩa là khả năng thừa nhận bất cứ cái gì Đảng nói với anh. "Tự ý nói đen là trắng khi kỷ luật Đảng đòi hỏi như thế. Nó cũng có nghĩa là khả năng *tin* rằng đen là trắng và hơn thế nữa, *biết* rằng đen là trắng, và quên đi rằng người ta đã từng có lần tin ở cái ngược lại (nghĩa là đen là đen trắng là trắng). Điều này đòi hỏi phải có một sự thay đổi quá khứ liên tục, khiến cho hệ thống tư tưởng thực sự chấp nhận tất cả cái còn lại."7

Với biện pháp này, Đảng có thể bác bỏ hay chấp nhận bất cứ hiện thực nào hay lối lý luận nào mà Đảng thấy có lợi cho mình. Nói khác đi, nói xuôi cũng được mà nói ngược cũng xong. Hôm nay Đảng gọi cái này là con bò, nhưng ngày mai Đảng có thể gọi nó là con ngựa hay bất cứ một con gì khác cũng không sao. Tóm lại, Đảng phá vỡ tính nhất quán của ngôn ngữ và tư tưởng, tiến đến phá vỡ luôn sự suy tưởng. Nghịch lý và phi lý trở thành ý thức hệ của nhà cầm quyền. Đó là phương pháp mà người phụ trách tẩy não của Đảng là O'Brien thực hiện để thay đổi bản chất con người Winston. Trong phòng tra tấn, O'Brien vừa tra tấn để khủng bố tinh thần Winston vừa giải thích với Winston trong quá trình tẩy não. Đề cập đến bản chất của hiện thực bên ngoài, O'Brien giải thích: "Chỉ có một đầu óc có kỷ luật mới có thể nhìn thấy thực tại, Winston à. Anh tưởng rằng thực tại là một cái gì khách quan, nằm ở bên ngoài, tự nó hiện hữu. Anh cũng tưởng rằng bản chất của thực tại là hiển nhiên. Khi anh tự đánh lừa mình rằng anh thấy một điều gì đó, anh cũng tưởng rằng mọi người đều cùng thấy một điều như anh. Nhưng Winston này, nói cho mà biết, thực tại không nằm ở bên ngoài đâu. Nó nằm trong tinh thần con người, chứ chẳng ở đâu cả. Nhưng không phải ở trong tinh thần cá nhân đâu vì cá nhân thì có thể sai lầm và sớm biến mất: chỉ có trong tinh thần của Đảng, đó là tinh thần tập thể và bất tử. Bất cứ cái gì mà Đảng xem là chân lý thì đó là chân lý."8

Bằng cách kết hợp thuyết phục và tra tấn, O'Brien chứng minh cho Winston thấy rằng người ta có thể từ chỗ chỉ chấp nhận con số "bốn" đến chỗ chấp nhận con số "năm" một cách tự nguyện. Trói chặt Winston vào giường và gắn với một máy quay điện, O'Brien đưa bốn ngón tay và hỏi Winston có bao nhiêu ngón? Winston trả lời là "bốn." O'Brien bảo là "năm." Winston không chấp nhận. O'Brien tăng điện áp bằng cách kéo cái cần máy tra điện để làm cho toàn thân Winston đau đớn hơn rồi hỏi tiếp: bốn ngón hay năm ngón? Đau quá không chịu nổi, Winston phải nói bừa là "năm." Nhưng chưa xong. Vì thực sự, O'Brien biết là trong thâm tâm, Winston vẫn cho là "bốn." Khi Winston hỏi là làm sao có thể nói khác đi với điều hiển nhiên trước mắt, hai với hai là bốn ( 2 + 2 = 4), O'Brien trả lời "Khi thì chúng là bốn. Khi thì chúng là năm. Khi thì chúng là ba." Tóm lại, theo O'Brien, thực tại bên ngoài là không cần thiết, tùy chúng ta muốn cho là bao nhiêu thì là bấy nhiêu. Cứ thế, Winston dần dần bị khuất phục. Cuối cùng, khi O'Brien đưa ra bốn ngón tay lên nói : "Đó là năm ngón tay. Anh có thấy năm ngón không?" Winston trả lời là năm. Và trong một khoảnh khắc nào đó trước khi trạng thái tinh thần anh thay đổi, anh đã thấy rõ chúng. Anh thấy năm ngón tay, không chút gì sai khác." Không những thế, anh còn có thể thấy chúng là ba ngón, cũng dễ dàng như thấy năm ngón vậy, nếu cần.

Thế là Winston đã bị (hay được) tẩy não. Anh trở thành một con người khác. Rốt cuộc, anh yêu Big Brother, người mà trước đây, anh kịch liệt chống đối. Đó là mục đích cuối cùng mà Đảng, qua O'Brien, muốn. Đàng nào, Đảng cũng sẽ giết Winston, nhưng chỉ giết khi đã chuyển đổi tư tưởng của anh ta. Đảng không muốn anh ta chết như một kẻ tuẫn giáo, mà là chết như một người đã nhìn ra chân lý mà Đảng áp đặt. O'Brien giải thích cho Winston mục tiêu của tẩy não "Cuối cùng nếu anh đầu hàng chúng tôi thì chính là xuất phát từ ý chí tự do của riêng anh. Chúng tôi không giết một kẻ phạm tội bởi vì hắn chống chúng tôi; chừng nào hắn còn chống chúng tôi thì chúng tôi không bao giờ giết hắn. Chúng tôi tìm cách chuyển

đổi hắn, chúng tôi tìm cách nắm bắt nội tâm của hắn, chúng tôi nặn lại hắn... Ngay cả trong khi hắn chết chúng tôi không thể cho phép bất cứ một lệch lạc nào." "Quan trọng nhất là, chúng tôi không cho phép những người chết nổi lên chống lại chúng tôi. Đừng có ảo tưởng rằng hậu thế sẽ minh oan cho anh, Winston. Hậu thế sẽ chẳng bao giờ nghe đến tên anh. Anh sẽ bị xóa sạch ra khỏi giòng lịch sử."9

Vậy mục tiêu của Đảng là gì? O'Brien giải thích cho Winston: "Đảng tìm quyền hành hoàn toàn chỉ vì chính mình. Chúng ta không cần phải quan tâm đến phúc lợi của người khác, chúng ta chỉ quan tâm đến chuyện nắm quyền. Không cần giàu sang hay xa hoa hay trường thọ hay hạnh phúc gì cả: chỉ có quyền hành, quyền hành thuần túy" (...) Những đảng viên Đức Quốc Xã và những người Cộng Sản Nga rất gần gũi với chúng ta trong phương pháp, nhưng họ không bao giờ can đảm thừa nhận những động cơ riêng của họ (...) Đối tượng của khủng bố là khủng bố. Đối tượng của hành hạ là hành hạ. Đối tượng của quyền hành là quyền hành."10

Qua hai kiệt tác nói trên, có thể nói Orwell là một nhà văn đại chống Cộng, thậm chí chống Cộng cực đoan. Chính vì thế mà về phương diện văn chương, một số nhà phê bình, như D. S. Salvage chẳng hạn, cho rằng Orwell không bao giờ có thể được sắp xếp vào hàng ngũ những nhà văn hàng đầu trên thế giới vì quan điểm chính trị của ông đã tước mất đi "tính chính trực của người nghệ sĩ thuần túy." Irving Howe, một nhà phê bình văn chương khác, cũng cho rằng không thể gọi *Nineteen Eighty-Four* là truyện được vì thiếu các đặc tính căn bản của một tiểu thuyết thực sự: không có ý thức cá nhân, không có phân tích tâm lý và khảo sát các quan hệ thân mật. Richard Woorhees thì cho rằng *Nineteen Eighty-Four* là "một tổng hợp giữa chuyện khủng bố và bản luận án chính trị." Còn Wyndham Lewis thì "toàn thể tác phẩm là một tài liệu chính trị hàng đầu."11 Bernard Crick - giáo sư chính trị học tại đại học Birkbeck (Anh), tác giả của cuốn tiểu sử "*George Orwell: A Life,*" một cuốn sách dày đến gần 500 trang - là người hết lòng bênh vực cho một Orwell-nhà văn. Crick đọc khá kỹ tiểu luận "*Why I Write*" của Orwell, qua đó theo ông, quan điểm viết lách của Orwell hiện ra rất rõ ràng. "Trong thời kỳ hòa bình, lẽ ra tôi phải viết những tác phẩm hoa mỹ hoặc những tác phẩm có tính cách gợi tả và đừng quan tâm gì đến những cam kết chính trị của mình. Ấy thế mà, trong tình thế này, tôi bị buộc phải trở thành một tay viết sách chuyên đề."12 Theo Crick, những lời lẽ này dường như thay thế cho một lời xin lỗi. Trong bài viết, Orwell không úp mở thú nhận rằng nếu không có một quan điểm chính trị mạnh mẽ, ông sẽ không bao giờ viết lách được gì. "Nhìn lại những gì tôi đã viết ra, tôi thấy rằng lúc nào cũng vậy, hễ thiếu đi một mục tiêu chính trị là tôi viết ra những tác phẩm vô hồn và trở thành dài dòng, rườm rà, câu kéo vô nghĩa, những tính từ hoa hòe và nói chung là xảo trá, bịp bợm." Crick quả quyết Orwell là nhà văn đã biết sử dụng tài năng của mình để biến những bài viết về chính trị thành nghệ thuật. Và ông đã thành công ngay trong khi còn sống, khi ông "chuyển từ một nhà văn Anh không mấy nổi tiếng trở thành một khuôn mặt quốc tế, trở thành một cái tên tạo nên tranh cãi bất cứ nơi đâu mà các tác phẩm của ông được đọc" (...) "...ông đã là một nhà văn, một nhà văn phổ thông, tác giả của những truyện dài, những tác phẩm mà tôi gọi là những "phim tài liệu," các bài tiểu luận, các bài thơ và vô số những bài điểm sách và bình luận trên các cột báo hàng ngày." Crick gọi ông là một "nhà văn chính trị" (political writer) hay nhất trong những nhà văn viết bằng tiếng Anh kể từ nhà văn trào phúng Swift13. Danh tiếng và ảnh hưởng của ông không hề giảm bớt mà còn gia tăng kể từ khi ông mất.

Thực tế thì Orwell cũng tự xem mình là một nhà văn chính trị. Những tác phẩm hay nhất của ông đều trực tiếp hay gián tiếp đều đề cập đến những vấn đề xã hội và chính trị. Mà trong thế kỷ 20, chẳng có vấn đề xã hội nào mà không mang tính cách chính trị. Trong những tác phẩm đầu tiên, chính trị chưa hiện ra rõ ràng lắm. Chẳng hạn như trong *Burmese Days (1934)*, ông phê phán chủ nghĩa đế quốc Anh, nhưng đó chỉ là những phê phán có tính chất cảm tính. Qua kinh nghiệm những năm trong vai trò của một viên chức thuộc địa, ông cho rằng những người châu Âu có quyền hành, nhưng khi làm việc ở các thuộc địa, họ chẳng khác nào những dân ngụ cư (alien), sống giữa một thế giới xa lạ và thù địch. Chủ nghĩa thuộc địa, ngoài việc đàn áp dân thuộc địa, đồng thời cũng đàn áp chính sự tự do tư tưởng và tự do phát biểu của chính người châu Âu. Những kinh nghiệm đó sau này đã đưa ông đến chỗ trở thành một người ủng hộ xã hội chủ nghĩa. Và cho đến trước khi chết, ông vẫn khẳng định lòng trung thành của mình đối với chủ nghĩa xã hội. Tuy

nhiên, ông cực lực bài bác quan điểm cho rằng sự bình đẳng xã hội nhất thiết phải tiêu hủy tự do của con người. Theo ông, tự do là cái quyền được nói với nhà cầm quyền rằng họ không muốn nghe những gì mà họ không muốn nghe.

Trong lời tựa viết cho ấn bản *Animal Farm* xuất bản năm 1947 bằng tiếng Ukrain (một nước Cộng Sản nằm trong Liên Bang Sô Viết), ông khẳng định "Trong 10 năm qua, tôi đã được thuyết phục rằng sự phá hủy huyền thoại Sô Viết là vấn đề cốt lõi nếu chúng ta muốn làm sống lại phong trào xã hội chủ nghĩa."14 Như thế, Orwell không dấu giếm tư tưởng chính là phê phán cuộc cách mạng năm 1917 ở Nga, nhằm mục đích phá đổ cái niềm tin rằng nước Nga Sô Viết đồng hóa với lý tưởng xã hội chũ nghĩa mà giới trí thức Âu Châu hằng tin tưởng. Nhưng trong một lá thư viết cho Dwight MacDonald, chủ bút tạp chí Politics (New York), ông cho biết *Animal Farm* còn nhắm lên án "những cuộc cách mạng bạo động có tính cách âm mưu" (violent conspirational revolutions) được lãnh đạo bởi những kẻ khao khát quyền hành một cách vô ý thức." Điều đó, theo Orwell, chỉ "dẫn đến sự thay ngôi đổi chủ" chứ không thay đổi số phận của xã hội. Trong *Why I Write*, Orwell cho biết kinh nghiệm trong thời nội chiến Tây Ban Nha đã có ảnh hưởng lớn lên tư tưởng chính trị của ông và tác phẩm. "Mỗi một giòng trong tác phẩm nghiêm túc mà tôi đã viết từ năm 1936, dù gián tiếp hay trực tiếp, đều nhằm *chống lại* chế độ độc tài toàn trị và *hỗ trợ* cho một chế độ xã hội chủ nghĩa dân chủ, theo như tôi hiểu (...) Trại Súc Vật là tác phẩm đầu tiên trong đó tôi cố gắng với đầy đủ ý thức về những gì tôi đã làm, kết hợp mục đích chính trị và cùng đích nghệ thuật vào trong một toàn thể."

Thực ra, những khẳng định như trên chỉ là đơn giản hóa nhiều điều phức tạp hơn trong tư tưởng của nhà văn gây nhiều tranh cãi này. Vì rốt cuộc, ngoại trừ sự lên án quyết liệt cái nhà nước toàn trị mà ông cho là phản bội chủ nghĩa xã hội chân chính, ông không đưa ra một mô thức xã hội nào hoàn thiện hơn loại trừ được các khuyết điểm của nó. Ngược lại, những phê phán của ông đều đưa đến thái độ bi quan về tương lai của nhân loại trong việc kiến tạo một mô thức chính trị và xã hội đáp ứng với khát vọng của con người. Có thể nói, trải qua một thời gian say mê lý tưởng xã hội chủ nghĩa, sau cuộc chiến tranh Tây Ban Nha (1936-1939) mà ông có trực tiếp tham dự, Orwell hoàn toàn tan vỡ ảo tưởng về các hình thức trị nước: chủ nghĩa phát xít thì tàn bạo, vô luân, chủ nghĩa Cộng Sản thì bị phá sản về mặt tinh thần. Còn các nhà hoạt động chính trị thì chỉ muốn thỏa mãn tham vọng về quyền hành. Nhiều nhà chính trị mê quyền hành hơn mọi thứ khác và tìm cách nắm quyền hành bằng mọi giá, kể cả phải phá hủy cả thế giới, nếu cần. Trong lúc đó, những người nói nhiều nhất về cái đúng cái sai là các nhà trí thức tả phái và hữu phái Âu Châu lại hoàn toàn bất lực trước quyền hành. Trong một bài xã luận viết về Arthur Koestler vào năm 1944, ông cho rằng "Những vấn đề chính của con người sẽ *không bao giờ* có thể giải quyết được. Mà nó cũng không thể nghĩ bàn được! (...) Từ năm 1930, thế giới không còn lý do gì để lạc quan nữa. Chẳng có gì nhìn thấy được ngoài một mớ hỗ lốn những điều láo khoét, hận thù, tội ác và sự ngu dốt..."15

*Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four* là biểu hiệu cao nhất của cái "không bao giờ" giải quyết mà Orwell nêu ra. Hai tác phẩm dường như rất khác nhau về cấu trúc, bố cục, văn phong và kể cả tư tưởng, thực ra đều nhằm cùng một cùng đích: tố cáo chế độ toàn trị. Nhiều tài liệu còn để lại cho thấy ông có dự tính viết *Nineteen Eighty-Four* trước cả *Animal Farm*. Và tương quan giữa hai tác phẩm gần gũi nhau hơn là nhiều nhà phê bình giả thiết16. Đọc kỹ, ta sẽ thấy có một sự liên tục về mặt tư tưởng giữa câu chuyện của cuộc cách mạng bị phản bội trong *Animal Farm* và câu chuyện của những kẻ phản bội, tức là sự khao khát quyền hành và vĩnh cửu hóa quyền hành của mình bằng con đường thống trị về mặt tư tưởng trong *Nineteen Eighty-Four*. *Animal Farm* nhái lại một hiện thực đã có bằng hình thức ngụ ngôn. *Nineteen Eighty-Four* hư cấu ra một hiện thực sẽ có trong tương lai.

Nếu Animal Farm mô tả một thế giới đang chuyển biến từ thời tiền-cách mạng đến cách mạng và sự phá sản của lý tưởng cách mạng, thì *Nineteen Eighty-Four* mô tả một thế giới trong đó hình thức nhà nước toàn trị đã đạt đến giai đoạn ổn định và đang trên đường hoàn chỉnh lý tưởng mà nó đã đặt ra. Đó là một nhà nước mà quyền lực đạt mức cao nhất đến độ trở thành vô chính phủ. Xã hội đó hầu như vô luật pháp, vì không có gì còn được gọi là bất hợp pháp nữa. Một xã hội nghịch đảo. Những người có kiến thức tốt nhất về những gì đang xảy ra đồng thời cũng là những người xa cách nhất với cái thế giới thực sự. Nói chung, càng hiểu biết chừng nào thì càng ảo tưởng chừng ấy, càng thông minh chừng nào

thì càng ngu đốt chừng ấy. Hay nói như Irving Howe, một nhà phê bình văn chương khác, đó là một loại thế giới mà trong đó, "cá tính trở nên lỗi thời và nhân cách thì trở thành tội ác."17

Trong cái thế giới lạ lùng đó, mọi vấn đề không thể giải quyết được bằng luận lý và toán học. Nhân vật Winston tồn tại như một con người thời tiền sử. Trong khi cả xã hội không còn quá khứ thì anh cố đi tìm quá khứ. Trong khi mọi người trở thành những cái máy vô tri thì anh muốn tồn tại như một con người bình thường: một người con, một người bạn, một người tình. Anh muốn chứng tỏ cái "tôi," điều đi chệch ra khỏi đòi hỏi của xã hội đang tồn tại dưới dạng của cái "chúng ta." Anh lại dùng cây viết hay cuốn sổ ghi chép, những thứ "dụng cụ cổ xưa" vì chẳng ai cần dùng chúng nữa. Tóm lại, anh muốn tồn tại như một cá nhân, một sinh vật tranh đấu để sống còn, vì trong một xã hội như thế, cá nhân được xem một cái gì đang trên đà tuyệt chủng. Nỗ lực của Winston là cố duy trì quá khứ, duy trì tính cách cá nhân và thứ ngôn ngữ bình thường như đã có. Vì chỉ với những yếu tố đó, người ta mới có thể hiểu được và hiểu đúng hiện thực bên ngoài. Chính vì thế mà đàng nào anh phải bị bắt, ngay cho dù anh không hề tham gia chống lại Big Brother đi nữa. Trong thực tế, việc anh tham gia trong tổ chức chống Đảng chỉ là màn cài đặt thường xuyên của cảnh sát tư tưởng để phát hiện và tiêu diệt những người như anh – những kẻ còn tin ở quá khứ, những kẻ còn tư tưởng và còn cố gắng tồn tại ở đời như một cá nhân.

Với những biện pháp như thế, Đảng nhằm xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, trong đó, Đảng là Thượng Đế. Xã hội tương lai đó như thế nào? "Những nền văn minh cũ xưa nhận rằng chúng được hình thành trên tình yêu hoặc sự công chính. Nền văn minh chúng tôi hình thành trên hận thù. Trong thế giới đó, sẽ không có xúc động nào ngoại trừ sự sợ hãi, giận dữ, chiến thắng và tự-hạ-giá. Còn tất cả mọi thứ chúng tôi sẽ hủy diệt hết. Chúng tôi đã và đang phá hủy những thói quen tư tưởng vốn còn sót lại từ thời

TRẦN VẤN LỆ

# BUỒN ƠI KHÔNG BIẾT NÓI GÌ VỚI THƠ

***Thưa Cha thưa Mẹ con về, Quê Hương trước mặt, lời thề trong tim, khói nhang đìm núi non chìm, mở con sông tím hàng sim hai bờ... Bao năm rồi mới bây giờ, bay đâu mất biệt giấc mơ đầu đời?***

***Bạch vân thiên tải trôi trôi! Mẹ Cha bóng hạc cuối trời chân mây... Con làm người, con làm trai, làm thơ... chưa có một bài nào hay! Mẹ Cha còn chắc mắt cay, chắc cầm roi đánh "thằng này con hư!"***

***Hỡi ơi con nói tạ từ, về đây như thể là người dửng dưng! Về đây... Cha – Mẹ – Núi – Sông, lạnh thôi nước mắt đôi dòng xót xa! Cảm ơn Nam Bắc thái hòa, giận sao con mắt mù lòa thế gian!***
***Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam... Chùa chiền miếu mạo chín tầng ai xây? Kìa người lê lết đó đây van xin từng hạt cơm rơi làm quà... Dancing nhã nhạc hoan ca, tiếng Tây tiếng Mỹ nghe mà vui chăng?***

***Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam! Giáo đường rộn tiếng chuông vang nghẹn ngào. Con về, Cha Mẹ nghĩ sao? Có thương con – một Đồng Bào – nữa không? Hay "mi thay mặt đổi lòng, Đồng Hương - hai chữ - bế bồng đi! Đi!"***

***Việt Nam bữa đó tôi về, buồn ơi không biết nói gì với... Thơ!***

tiền Cách Mạng. Chúng tôi sẽ cắt đứt mọi liên hệ giữa con cái và cha mẹ, giữa đàn ông và đàn ông, giữa đàn ông và đàn bà. Không ai còn dám tin cậy một chút gì nữa nơi một người vợ hay một đứa con hay một người bạn. Trong tương lai, sẽ không còn vợ không còn bạn. Trẻ con sẽ được mang đi khỏi người mẹ ngay khi mới sinh, như người ta lấy trứng ra khỏi con gà mái. Bản năng tình dục sẽ bị loại trừ. Sự sinh sản chỉ còn là một thủ tục diễn ra hàng năm y như người ta gia hạn một cái thẻ lương thực. Chúng tôi sẽ hủy diệt trạng thái kích ngất tình dục (...) Sẽ không còn sự trung thành nào khác ngoài trung thành với Đảng. Sẽ không còn tình yêu nào ngoài tình yêu đối với Big Brother. Sẽ không còn nụ cười nào ngoài nụ cười mừng chiến thắng khi kẻ thù bại trận. Sẽ không còn nghệ thuật, không còn văn chương, không còn khoa học. Khi chúng ta có quyền năng vô biên thì chúng ta đâu có cần gì đến khoa học. Sẽ không còn phân biệt giữa đẹp và xấu. Sẽ không còn sự tò mò, không còn cái thú hưởng thụ cuộc sống. Tất cả những lạc thú sẽ bị hủy diệt (...) Nếu anh muốn có một hình ảnh về tương lai thì hãy tưởng tượng đó là một chiếc giày ống đạp lên trên một khuôn mặt người – mãi mãi."18

Thật kinh khiếp! Đó là cùng đích của một chế độ độc tài toàn trị, trong cách hình dung của Orwell. Một thế giới hoàn toàn vô vọng, phi nhân bản và phi lý. Tác phẩm đã gây nên nỗi kinh hoàng trong một số độc giả lúc nó mới ra đời, vào đầu thập niên 1950, khi mà chế độ Cộng Sản toàn trị đang nghênh ngang hiện diện ở Liên Sô và các nước Đông Âu, đồng thời bắt đầu ở Trung Hoa lục địa và xu hướng Cộng Sản đang bành trướng mạnh mẽ trên khắp thế giới. Nói khác đi, dù không mấy tin là có thật, người ta cũng bàng hoàng xao xuyến vì tính khả hữu của nó ngay cả ở mức độ thấp nhất. Cứ nhìn vào sự im lặng chịu đựng của nhân dân Liên Sô hàng thập niên trời dưới bàn tay sắt của Đảng Cộng Sản, tình hình bưng bít thông tin toàn diện, các chiến dịch khủng bố, những phong trào phê và tự phê, các bài kiểm thảo của các nhà văn hay những người bất đồng chính kiến, vân vân...trong các nước Cộng Sản, những người bi quan không thể không cảm thấy cái thế giới hư cấu mà Orwell dựng nên đang tiến đến không thể tránh khỏi, dù sớm dù muộn. John Atkins tự hỏi "Tại sao Orwell lại xác định cái ngày thế giới khủng khiếp này ra đời quá sớm như thế?" (Ý Atkins muốn nói Orwell chọn tựa đề 1984 có dụng ý ám chỉ năm đó là năm chế độ toàn trị hiện diện trên toàn thế giới). Và ông trấn an "Tôi khuyên là các bà già đừng quá sợ hãi cuốn sách này như thế."19

Bởi vậy, ta không ngạc nhiên khi nhiều nhà phê bình cho rằng Orwell hoàn toàn rơi vào chủ nghĩa bi quan khi sáng tác *Nineteen Eighty-Four*. Ngay cả Crick, một tác giả rất yêu chuộng Orwell, cũng cho rằng *Nineteen Eighty-Four* là một thành quả nghệ thuật của chủ nghĩa bi quan, và rất giống với *Gulliver's Travels* của Jonathan Swift, là hình ảnh của một nhân loại xuống cấp. Có người không ngần ngại cho rằng tác phẩm chịu ảnh hưởng của những ngày cuối cùng bệnh hoạn của ông vì nó được viết trong thời gian ông bệnh hoạn và hoàn thành chỉ một thời gian ngắn trước khi ông mất. Tom Hopkinson ghi lại là Orwell đã nói về tác phẩm như sau "Nó có lẽ không đến nỗi buồn thảm như thế nếu tôi đã không quá đau ốm như thế."20 Nhưng nói chung, đánh giá trên không có mấy cơ sở vững chắc. Robert Lee trong *Orwell's Fiction* hay John Atkins trong *George Orwell, A Literary and Biographical Study,* chẳng hạn, đều cho rằng *Nineteen Eighty-Four* là đỉnh cao không thể tránh khỏi trong sự phát triển tư duy của Orwell về chế độ toàn trị. Người ta tìm thấy rằng, những ý tưởng triển khai trong *Nineteen Eighty-Four* đã hiện diện cách này hay cách khác, dưới dạng tiềm ẩn hay rõ ràng, trong nhiều tiểu luận chính trị (theo ước tính, ông viết có đến 700 tiểu luận văn chương, chính trị và xã hội trong nhiều báo và tạp chí khác nhau) cũng như các tác phẩm trước đó của ông. Ba tác phẩm cuối cùng *Homage to Catalonia, Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four* hầu như đều quan tâm đến tính độc hại của chính trị, sự lạm dụng ngôn ngữ, khuynh hướng phá hủy lịch sử và thế giới khách quan trong quá trình tìm kiếm và duy trì quyền hành. Có một sự "bất khả thể tổng hợp giữa quyền hành và điều phải,"21 Orwell viết như thế trong bài tiểu luận về Koestler.

Ngày nay, đọc lại, nếu xem những gì Orwell viết là tiên tri, thì đều là những lời tiên tri sai lạc: các nhà nước Cộng Sản lần lượt sụp đổ, các nước dân chủ mỗi ngày mỗi tăng thêm. Thực ra, Orwell không hề quả quyết về bất cứ điều gì cho tương lai. Từ hiện thực cay đắng của các cuộc cách mạng hay các nhà nước độc tài đầu thế kỷ 20, Orwell nhận ra tính chất phi nhân tiềm ẩn ngay trong khát vọng về quyền hành của các lãnh tụ và các tổ chức chính trị cực đoan – dù là tả hay hữu phái. Trong rất nhiều trường hợp, khát vọng đó mang

đậm tính bản năng hơn là tính duy lý và do đó, được thể hiện ra bằng những biện pháp tàn bạo, khi họ nắm được quyền hành, nhất là khi phải trải qua những đấu tranh gian khổ. Orwell đẩy đến cùng sự suy diễn của mình. Ông tiến từ cái khả thể để thiết lập cái bất khả thể. Những khái niệm như *doublethink* hay *duckspeak* hay *blackwhite* vốn không xa lạ gì với sinh hoạt chính trị trong các xã hội độc đoán. Ở Việt Nam, đọc những bài kiểm điểm của các văn nghệ sĩ Việt Nam theo kháng chiến thời đấu tố cải cách ruộng đất hay thời Nhân Văn Giai Phẩm hay những bài "thu hoạch" của các tù nhân trong các trại cải tạo Cộng Sản chẳng hạn, thì có khác gì mấy với những điều Orwell "hư cấu" trong *Nineteen Eighty-Four*. Đổi trắng thay đen vốn là những điều thông thường trong các sinh hoạt tuyên truyền chính trị, nhất là trong các nước Cộng Sản. *Nineteen Eighty-Four*, nói như Robert Lee, là tác phẩm thăm dò các giới hạn của những ám ảnh của mình và những khía cạnh tối tăm nhất về những đề tài chính trị mà ông quan tâm nhất từ bao nhiêu năm. Thành thử, nó mang tính cảnh báo và châm biếm hơn là tiên tri. Biết đâu, nhờ những cảnh báo đó mà nhân loại có được bộ mặt như ngày hôm nay, khi mối đe dọa của các nhà nước toàn trị kiểu Orwell hầu như không còn nữa hay cũng đã giảm đến mức tối thiểu. Vả lại, trước sau, *Animal Farm* hay *Nineteen Eighty-Four* đều là những tác phẩm hư cấu. Và Orwell là nhà văn chứ không hề là nhà chính trị chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, có một điều cần lưu ý: trong *Animal Farm* hay trong *Nineteen Eighty-Four,* Orwell đều nhấn mạnh đến hiệu dụng của ngôn ngữ trong tuyên truyền chính trị. Nói một cách khác, Orwell đề cập đến khoảng cách giữa ngôn ngữ và hiện thực. Trong cuộc sống bình thường, khoảng cách đó đã gây ra biết bao điều tuế toái, ngược ngạo, bất thường. Càng đưa ngôn ngữ tiếp cận với chính trị, thì khoảng cách giữa ngôn ngữ và hiện thực lại càng rộng, càng đa nghĩa, càng lệch lạc: ngôn ngữ bị suy đồi (corruption of language). Một mặt, ngôn ngữ không hề phản ảnh được hoàn toàn hiện thực. Mặt khác, người ta vẫn bị thuyết phục hay bị đầu độc bởi ngôn ngữ, hay nói cho đúng, bởi cách vận dụng chúng. Đọc những đoạn O'Brien thuyết giảng Winston, dù biết nó lếu láo, lệch lạc nhưng về mặt lý luận và nhận thức, phải thừa nhận rằng chúng hữu lý. Chúng vẫn nằm trong lãnh vực *khả thể*. Và chính vì cái khả thể đó mà nó có tính thuyết phục. Nghĩa là tính đầu độc.

Ngày nay, khác với Newspeak của nhân vật Syme trong *Nineteen Eighty-Four* là thứ ngôn ngữ duy nhất trên thế giới mà số từ vựng mỗi năm một ít đi, ngôn ngữ dường như bành trướng đến vô hạn. Mỗi năm, tiếng Anh thêm đến hơn 2000 từ. Đồng thời một số từ cũ được tăng thêm nghĩa: số từ đa nghĩa mỗi ngày mỗi nhiều. Và cách vận dụng chúng càng ngày càng đa dạng, phong phú và do đó, càng xa rời hiện thực. Thay vì bị giới hạn "tầm tư tưởng," người ta có quyền bành trướng chúng đến vô hạn. Điều này gây nên một hiệu quả ngược: rối loạn thông tin. Con người bị truyền thông đàn áp. Mỗi một hành vi, ước muốn, nhu cầu và thậm chí cả cá tính của chúng ta cũng bị uốn nắn bởi truyền thông. Cái đáng sợ nhất là chúng có vẻ như chẳng dính dáng gì đến chính trị cả (do đó, chúng ta không hề cảnh giác) mà lại dính dáng đến chính những nhu cầu bức thiết của chúng ta: cái ăn, cái mặc, chuyện giải trí hàng ngày. Qua TV, radio, computer, truyền thông chui rúc vào từng ngõ nghách của đời sống mỗi người, chi phối chúng ta từ bữa ăn đến giấc ngủ. *Doublethink* hay *duckspeak* hay *blackwhite* không xa lạ gì trong các phát biểu và diễn văn của các nhà hoạt động chính trị cũng như bài viết và đủ dạng quảng cáo của các tổ hợp thương mại. Chúng ta dần dần đánh mất mình. Chúng ta bị toàn trị, không bởi một Đảng hay một *Big Brother*, mà bởi những con bạch tuộc truyền thông mà chủ nhân là những *Big Brothers* giấu mặt, nhưng mỗi khi có dịp xuất hiện trên báo chí hay TV, lại mang những khuôn mặt rất nhân đạo và hiền lành.

Nhân đây, xin trích lại nhận định của một số báo về Orwell nhân sinh nhật lần thứ 100 của ông:

- USA Today (22/6/03): "Ngày nay, thông điệp của ông (Orwell) vẫn còn thích hợp cho một quốc gia đang tranh đấu để tìm ra sự cân bằng hợp lý giữa việc bảo vệ công dân Hoa Kỳ chống lại chủ nghĩa khủng bố và bảo đảm quyền tự do cá nhân." Theo tờ báo, nhiều nhà hoạt động cho quyền tự do dân sự, những học giả chuyên môn về hiến pháp sợ rằng nhà nước (Mỹ) đang lấy đi những tự do nền tảng của công dân. Sau đây là một vài "lo âu kiểu Orwell" (Orwellian concerns): chương trình "Total Information Awareness Program" của Ngũ Giác Đài cho phép nhà cầm quyền dùng máy vi tính để kiểm tra các hồ sơ tài chánh, điện thoại và các thứ khác để tìm ra âm mưu khủng bố; hệ thống dò xét "Transportation Security Administration" cho phép nhà cầm quyền bí mật kiểm tra

hành lý của hành khách; đạo luật "Patriot Act" cho phép FBI bí mật kiểm tra hồ sơ thư viện và tiệm sách để theo dõi người đọc sách và mua sách.

- CNN (25/6/2003): Trong một bài phóng sự nhan đề "Orwell's 1984 stirs debate in 2003," thông tín viên hãng CNN cho biết một nhóm hoạt động nhân quyền ở Anh lên tiếng báo động về việc "Quyền riêng tư đang bị tiêu diệt một cách có hệ thống." Ông Simon Davies, giám đốc tổ chức "Privacy International" cho biết "Sự theo dõi đang trở thành một dịch bệnh."22 Được lãnh đạo bởi Hoa Kỳ và Anh Quốc, các nước vừa được khích lệ vừa bị dọa dẫm để chấp nhận thiết lập một số lớn những biện pháp nghiêm ngặt nhằm tăng cường tối đa tất cả các mức độ theo dõi." Ông cho biết hiện nay ở Anh, hàng năm chính phủ tiêu hơn 450 triệu đô la vào kỹ nghệ theo dõi với việc thiết trí chừng 300 ngàn ống kính thu hình tại các chợ búa, nhà ở, công viên, bãi đậu xe và các tiện nghi công cộng khác. Theo đề nghị mới đây của Sở Nội Chính Anh (UK Home Office), những viên chức nhà nước còn có thể theo dõi khi người ta vào Internet, gửi email hay tìm biết người ta hay vào những "website" nào. Ngoài ra, cơ quan "UK Transport Secretary Alistair Darling" còn đề nghị mỗi một chiếc xe hơi phải được gắn một thiết bị gọi là "Global Positioning System" (GPS = hệ thống định vị toàn cầu) nhằm xác định vị trí của một chiếc xe trong vòng 5 hay 10 mét. Mỗi một chiếc xe sẽ chuyển thông tin vị trí của nó về một máy vi tính trung ương, xuyên qua hệ thống điện thoại di động.

- The National Witness (South Africa) (25/6/03): Cornelius Thomas, qua bài viết "How to own people," nhận xét rằng khẩu hiệu "Big Brother Is Watching You" trong *Nineteen Eighty-Four* vẫn còn đó. Ở Trung Quốc, hình ảnh Mao vẫn còn đe dọa nghiêm trọng khắp nơi. Hình ảnh của Castro ở Cuba, của Kim Jong Il ở Bắc Triều Tiên y chang như "Big Brother Is Watching You" trong 1984. Ở Saudi Arabia, các bức chân dung cao bằng tòa nhà ba tầng của vua Fahd vẫn chằm chằm giám sát người dân. Rồi còn có một "Big Brother" lớn hơn nữa: George Bush. Chỉ có điều là "Brother" Bush này không cau mày nhìn từ các tấm biển quảng cáo. Thay vào đó, các đài truyền hình truyền đi những lời đe dọa của ông 24 giờ một ngày. Và "Big Brother" lớn nhất chính là các tổ hợp toàn cầu, những tổ hợp đang điều khiển cả thế giới." Theo Thomas, trong *Nineteen Eighty-Four*, Orwell đã sáng chế ra ý niệm về Newspeak, sử dụng ngôn ngữ và câu kéo để đạt những mục tiêu chính trị. "Ngày nay, một thứ ngôn ngữ mới đã phát triển ở xứ sở này (Nam Phi) trong thập niên vừa qua và ta không biết thứ ngôn ngữ đó nhằm làm cho mọi việc được sáng tỏ thêm hay làm mơ hồ thêm." Cornelius Thomas kết luận: "Giống như những nhân vật khác, vị lãnh tụ văn chương Orwell chết sớm, lúc mới có 46 tuổi đời. Nhưng những lời tiên báo của ông vẫn còn tác dụng ngày nay. Cái nhìn thấu suốt của ông vào bản chất của quyền hành, do đó, nên được nhắc nhở lại để kích thích chúng ta cạo sạch cái vỏ bên ngoài của ngôn ngữ nhằm tìm ra thực chất và hiệu quả của chúng."

George Orwell có lẽ vẫn còn ở lại với chúng ta!

*(7/2003- bổ sung và sửa chữa 1/2005)*

(*) Trích trong "**Tác giả, tác phẩm và những sự kiện văn học**", sắp xuất bản.

1. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, nxb Hatcourt, Brace and Company, New York, 1949, tr. 28
2. George Orwell, *Nineteen eighty-four* tr. 156
3. George Orwell, *Nineteen eighty-four* , tr. 165
4. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 51, 52
5. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 36
6. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 55
7. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 213
8. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 252
9. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 257, 258
10. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 266, 267
11. Dẫn theo Robert Lee, *Orwell's Fiction*, nxb University of Notre Dame Press, Notre Dame, London, Enngland, tr. 129,130
12. George Orwell, *Why I Write*
13. Bernard Crick, sđd, phần *Introduction*, tr. XIII & XIV
14. George Orwell, *The Collected Essays, Journalism & Letters of George Orwell*, dẫn lại theo Bernard Crick, sđd, tr. 309
15. Dẫn theo Roberta Kalechofsky, *George Orwell*, nxb Frederick Ungar Publishing Co., NY, 1983, tr. 110
16. Xem Bernard Crick, sđd, phần "*Tribune and the Making of Animal Farm*"
17. Dẫn theo Robert Lee, sđd tr. 129 "In 1984, Orwell is trying to present the kind of world in which individuality has become obsolete and personality a crime"
18. George Orwell, *Nineteen eighty-four*, tr. 270, 271
19. John Atkins, *George Orwell, A Literary and Biographical Study*, Frederick Ungar Publishing CO., NY, USA, trang 252, 253
20. Dẫn lại theo Robert Lee, *Orwell's Fiction*, tr. 128
21. The impossibility of combining power with righteousness
22. Surveillance has become an epidemic

*GIỚI THIỆU SÁCH*

# KHI ĐỒNG MINH THÁO CHẠY
## CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN TIẾN HƯNG

TẠ VĂN TÀI

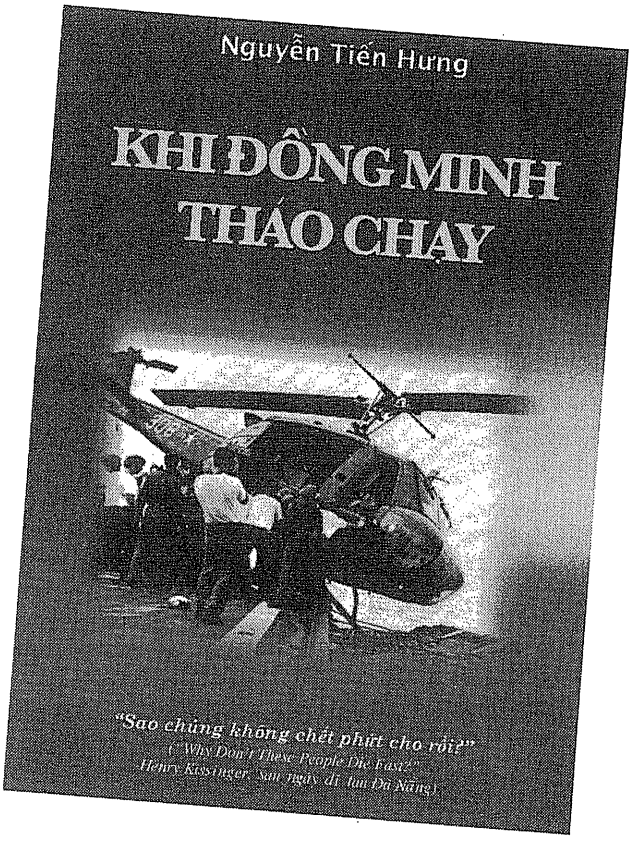


## TÁC PHẨM

Năm 1986, Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng (Giáo sư thực thụ tại Viện Đại Đại học Howard University) cùng với Ông Jerrold L.Schecter (nguyên Phụ Tá Giám Đốc Báo Chí Toà Bạch Ốc, và Phát Ngôn Viên của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia) viết và xuất bản cuốn *The Palace File* ( Harper & Row Publishers), sau đó được dịch ra tiếng Việt (*Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập) (HSMDĐL).* Dư luận chính giới và báo chí quốc tế hồi đó chú trọng đến và khen ngợi giá trị cuốn sách. Tổng Trưởng Ngoại Giao George Schultz (thời Tổng Thống Ronald Reagan) và tờ báo uy tín *New York Times* đưa cuốn này vào danh sách các tài liệu mà chính giới và ứng cử viên Tổng Thống Mỹ cần phải đọc. Tổng Thống Ronald Reagan và Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolồ II khi nhận được sách đã gửi tới tác giả những lời cám ơn và nguyện chúc tốt đẹp.

Hiện nay cuốn sách trên không tái bản, độc giả khó tìm được, nhưng Giáo Sư Hưng đã viết cuốn *Khi Đồng Minh Tháo Chạy (KĐMTC).* Tác phẩm KĐMTC căn cứ một phần vào các dữ kiện của *HSMDĐL*, nhưng đã đi xa hơn rất nhiều:

* Trong khi *HSMDĐL* hướng trọng tâm vào những bí ẩn xoay quanh Hoà Đàm Paris, thì cuốn *KĐMTC* đào sâu hơn các bằng chứng cụ thể phơi bầy sự tráo trở đổi ngược chính sách khi đại cường đồng minh Mỹ bắt tay được với Trung Quốc, tới những biến chuyển trong thời gian sau Hiệp Định, dẫn đến sự suy sụp kinh tế, quân sự và chính trị của tiểu quốc Việt Nam Cộng Hoà;

* Trong khi *HSMDĐL* được viết cho độc giả quốc tế, nhất là những người trong chính quyền,

báo giới Mỹ, và các nhà nghiên cứu lịch sử, thì cuốn *KĐMTC* nhắm vào đại chúng, nhứt là người Việt Nam. Với lối hành văn trong sáng, vắn gọn, Giáo sư Hưng viết lại lịch sử nhưng theo lối kể chuyện, kiểu như cuốn của David McCullough về Tổng Thống John Adams (đã thành một cuốn sách bán chạy best-seller), để nghiền ngẫm về một giai đoạn lịch sử rất đau thương của những người sinh trưởng ở Miền Nam Việt Nam;

* Hơn cuốn trước, cuốn *KĐMTC* còn thuật lại thật chính xác tấm thảm kịch vào giờ VNCH hấp hối, tiết lộ những bí mật động trời chưa được phơi bầy: thí dụ như việc Sàigòn đã tới sát bên bờ vực thẳm, nhưng đã tránh được thảm hoạ như một phép lạ; rồi lời nguyền rủa tàn nhẫn của ông Ngoại Trưởng kiêm Cố Vấn Henry Kissinger đối với nhân dân Miền Nam: *"Sao chúng không chết phứt đi cho rồi?"*.

Cuốn KĐMTC còn nói đến những cố gắng cuối cùng của Giáo sư Hưng vận động để thôi thúc việc Mỹ chấp nhận tị nạn. Theo lệnh TT Thiệu ngày 14/4/1975, Tổng Trưởng Hưng đi Washington để cùng với Ngoại Trưởng Vương Văn Bắc và Đại sứ Trần Kim Phượng cầu viện lần chót. Tình hình chiến trường biến chuyển mau lẹ, nên khi ông tới nơi thì đã quá muộn. Ông kịp thời đổi ngay sứ mạng: qua những liên hệ riêng tư trong gần hai mươi năm sống trong xã hội Hoa Kỳ, ông vận động Quốc Hội Mỹ, và tới ngày cuối cùng, ông đem ra bằng chứng không thể chối cãi về sự phản bội, khiếu nại tới lương tâm của nhân dân Mỹ, từ báo chí, Quốc Hội, đến Hành Pháp để họ chấp nhận cứu vớt các người di tản từ Việt Nam đang đổ ra Biển Đông như hoa trôi bèo giạt. Sau đó ông còn đóng góp vào việc chọn các địa điểm trại tạm cư cũng như việc định cư đoàn người tị nạn. Họ là những người đã trải qua một cuộc hành trình đoạn trường, gian lao, trong một cuộc chiến ác liệt, một hoà bình bấp bênh, và trải qua bao nhiêu hiểm nghèo vào giờ chót.

Những người Việt vượt biên, vượt biển sau năm 1975, ở những đợt di tản tiếp nối, cũng có sẽ thấy diện mạo cuả mình trong cuốn sách này. Tất cả đều sẽ có tài liệu để cắt nghiã cho con cháu mình, và cho chính mình, về lý do và nguồn gốc của việc mình bỏ nước ra đi.

Cuốn *KĐMTC* cho ta một số bài học về một cuộc chiến uỷ nhiệm *(war by proxy)* mà hai phần của một tiểu quốc đã đổ xương máu chém giết nhau trong một cuộc nội chiến biến thành một cuộc chiến tranh quốc tế giữa hai khối do các cường quốc theo hai ý thức hệ đối lập tranh hùng. Qua sự trình bày, Giáo sư Hưng đã giúp độc giả đúc kết được một số bài học quý giá.

Ôn lại những biến cố nói đến trong cuốn sách, ta có thể đồng ý với một chính khách người Anh đã nói về chính trị: *"Không có bạn trường cửu, mà chỉ có quyền lợi trường cửu" (no permanent friends, only permanent interests)*. Cho nên trong cuộc nội chiến Quốc Cộng tương tàn, khi cả hai Miền của tiểu quốc Việt Nam đều được phong làm tiền đồn, *Tiền đồn Thế Giới Tự Do* và *Tiền Đồn Xã Hội Chủ Nghĩa*, một khi mà cường quốc Mỹ đã bắt tay được với Trung Quốc thì không cần đến tiền đồn ở Châu Á nữa. Từ đó, vấn đề bỏ rơi Miền Nam không còn phải là 'có nên hay không nên,' mà chỉ còn là 'bỏ lúc nào.' Bởi vậy, sau cùng, cả Lập Pháp lẫn Hành Pháp Mỹ chỉ còn bàn đến chuyện chạy đi cho nhanh.

Sự bất trung trên trường quốc tế của Mỹ đã có hại cho chính nước Mỹ. Tuy sau Đông Dương, không có hiện tượng các nước khác tại Đông Nam Á sụp đổ như thuyết *domino* tiên đoán, nhưng đó chỉ là không có sụp đổ theo *"giây chuyền địa dư" (geographical domino)*, nhưng đã có các cuộc tấn công có vẻ coi thường nước Mỹ tại Angola, Iran, Iraq, Afghanistan, và đó là *"giây chuyền tâm lý" (psychological domino)*.

Về phía VNCH, lẽ ra TT Thiệu cũng đã nên uyển chuyển, nhận thức được sự biến chuyển về chính trị, ngoại giao của đồng minh Hoa Kỳ, vì vậy, phải điều chỉnh lại chính sách cứng rắn "Bốn Không," tìm giải pháp hoà bình thương nghị. Ngoài ra, để có thế nhân dân, ông còn phải làm việc với Quốc Hội VNCH trên căn bản những gì đã trao đổi với Hoa Kỳ, để đại diện nhân dân Miền Nam có thể vận động với Quốc Hội Mỹ, theo lối *giao hảo giữa hai dân tộc (people-to-people diplomacy)*.

Không làm những việc trên kịp thời, Miền Nam Việt Nam trở thành nạn nhân của những hành vi đen tối, xảo quyệt, làm ngoại giao theo lối 'anh hùng cá nhân' của Ngoại Trưởng kiêm Cố Vấn Tổng Thống, ông Henry Kissinger, người đã thán phục và áp dụng mô hình của Metternich và Talleyrand vào đầu thế kỷ 19. Mấy chính khách này đã dùng thủ đoạn, chuyên chế, sắp xếp lại bàn cờ bang giao giữa các quốc gia Âu châu, và làm mọi việc trong bóng tối.

## NÓI VỀ TÁC GIẢ

Giáo sư Nguyễn Tiến Hưng là một nhân chứng

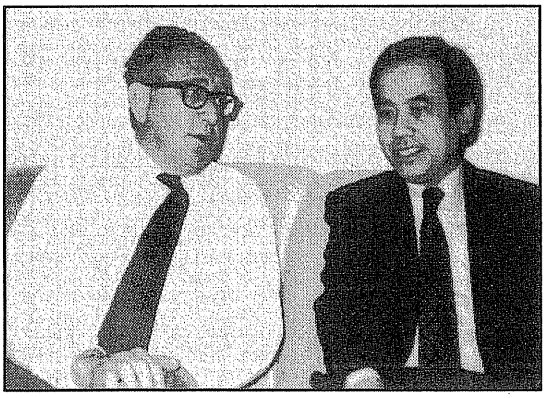

*Tiến sĩ Kissinger và Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng*

lịch sử cho những chuyện 'thâm cung bí sử' trong bang giao Việt Mỹ ở cấp cao nhất. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại sứ Graham Martin đã qua đời mà không để lại hồi ký, thành ra chỉ còn Giáo sư Hưng là người đã nói chuyện nhiều với cả hai người quá cố, mới ở trong vị thế trình bày được các ý nghĩ của hai người ấy về các biến cố ở Miền Nam Việt Nam cho đến khi Mỹ tháo chạy.

Tuy ông viết sách với tư cách một học giả nhân chứng chú trọng đến những điều mắt thấy tai nghe, ông cũng là một nhà hành động yêu nước và thương dân tộc. Ông sinh ra tại Thanh Hoá trong một gia đình Thiên Chúa Giáo thấm nhuần tinh thần bác ái. Trong thời niên thiếu, ông lại trông thấy cảnh dân nghèo chết trong nạn đói năm 1945, mà gia đình khá giả của ông đã ra tay cứu giúp, được nhân dân trong tỉnh quý mến, giúp ông cụ thân sinh thoát được thảm cảnh cải cách điền địa. Nguyễn Tiến Hưng bắt đầu tiếp xúc với nhân dân Hoa Kỳ từ năm 1957 và theo học tại Đại Học Virginia từ 1958. Ông theo ngành kinh tế, một môn học mệnh danh là *khoa học ưu sầu (dismal science)* vì chỉ bàn về đề tài làm sao phát triển tài nguyên thiếu thốn để phục vụ con người. Có lẽ vì lúc trẻ như vậy mà những hoạt động của ông có mầu sắc bác ái theo Kitô Giáo hay tinh thần từ bi cứu khổ của Phật Giáo. Chúng tôi được gặp ông vào dịp hè 1960. Vừa tới Đại Học Virginia để theo Khoa Chính trị học đã được ông thăm hỏi, giúp làm quen với đời sống tại Hoa Kỳ. Mua được chiếc xe *Studebaker* cũ kỹ, ông lái chúng tôi đi tìm thuê nhà, dù xe trục trặc liên tục trên đường phố. Khi còn ở Virginia, chúng tôi đã chứng kiến cảnh sinh viên ban tiến sĩ ấy hoạt động trong *Hội Sinh Viên Quốc Tế (International Student Club)* được các bạn gọi là "ông Hưng xóc áo can thiệp" vì ông luôn mặc quần áo chỉnh tề để đi "can thiệp" giúp các sinh viên trẻ hơn mỗi khi họ gặp khó khăn và gọi cho ông.

Giáo sư Hưng giúp Tổng Thống Thiệu trong cương vị Phụ Tá về Tái Thiết, rồi Tổng Trưởng Kế Hoạch và Phát Triển, theo đuổi mục đích xây dựng lại nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá. Ý thức được việc hiệp thương với Miền Bắc Việt Nam có thể mang lại một giải pháp cho chiến tranh, ông đã khuyến cáo Tổng Thống Thiệu, trong lúc lo lắng Mỹ bỏ rơi, là đừng nói tới "Bốn Không" nữa, và nên tái lập giao thương với Bắc Việt, giống như mô hình hợp tác thương mại giữa Đông Đức và Tây Đức lúc ấy. Tuy là hai miền riêng biệt với hai chính thể đối nghịch, nhưng cùng ở trong một thị trường, nối lại đường hỏa xa Nam Bắc để bước dần tới nối lại đất nước trong hoà bình. Ông Thiệu đã nghe và nói tới đề nghị này trong bài diễn văn tuyển cử ngày 1/10/1971. Giáo sư Hưng còn trình bày chi tiết và cố vấn TT Thiệu đề nghị với Bắc Việt cùng nhau phát triển sông Cửu Long, một dự án đã được chính Tổng Thống Johnson đồng ý tài trợ một tỷ đôla (ngày 7 tháng 4, 1965), giúp mang lại *"cơm ăn, nước uống, và cung ứng nguồn điện lực còn lớn hơn cả công trình TVA (Tennessee Valey Authority) của Mỹ."* Nghe câu tuyên bố ấy lúc vừa xong bằng tiến sĩ, ông bắt đầu mơ ước được đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng của quê hương mình.

Sau này, Quỹ Tiền tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới đã yêu cầu ông cộng tác giúp công cuộc chuyển đổi kinh tế và xóa đói giảm nghèo, kể cả ở Việt Nam sau đổi mới và hội nhập quốc tế, thí dụ phát triển dự án *"Bank on Wheels" (Ngân Hàng Lưu Động)*, mang dịch vụ ngân hàng đến cho nông dân nghèo, đặc biệt là những người vào thành phần nghèo nhất, trên Cao Nguyên Miền Nam cũng như vùng Thượng Du Miền Bắc.

Cuốn *KĐMTC* là một phương cách để con người Nguyễn Tiến Hưng vinh danh đồng bào Việt Nam di tản của ông, họ đã kinh qua những con đường rất là đoạn trường, cùng khổ, để có ngày nay và tương lai sáng lạn hơn.

*Tháng Tư, 2005*

**Luật sư Tạ Văn Tài**
- Tiến sĩ Chính Trị Học, Đại Học Virginia
- Thạc Sĩ Luật Học, Đại Học Harvard
- Nguyên Giáo sư các trường Đại Học Luật Khoa, Vạn Hạnh, Quốc Gia Hành Chánh, Chiến Tranh Chính Trị, và Cao Đẳng Quốc Phòng, Việt Nam;
- Nguyên Giảng sư, Đại Học Luật Khoa Harvard.

# Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

*Mắt biết thấy là Chân Tâm*
*Tai biết nghe là Chân Tâm*
*Thân biết xúc chạm là Chân Tâm*

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn
mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện
Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử
tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư
Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

# HÙNG SƠN
## JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
( INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ )

Giá Bán 5 Mỹ Kim